

文化月刊



GIÁ BÁN TOÀN-QUỐC:

1 số . . . . . 24  
1 năm (10 số) . . . . . 240

Ấn-quán BÌNH-MINH 149, Yên-Đồ - SAIGON

VĂN-HÓA  
NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG



ĐẶC-SAN

XUÂN KỶ - HỢI

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

LOẠI MỚI - SỐ 37 THÁNG 12 NĂM 1958

# MỤC-LỤC

(V.H.N.S. SỐ 37 — THÁNG 12 NĂM 1958)

Số trang	Số trang
<b>I.— Văn-hóa Việt-Nam</b>	
— Xuân xây-dựng ( <i>Dương-Quang</i> ) . . . . .	1381
— Chúc Tết ( <i>Minh Lý</i> ) . . . . .	1382
— Lạc-khảo về lễ-tiết mùa xuân và năm Kỷ-Hợi ( <i>Tu-Trai</i> ) . . . . .	1383
— Tết Kỷ-Hợi nói truyện heo ( <i>Duy-Việt</i> ) . . . . .	1391
— Loan-phụng hòa-minh ( <i>Hương-Giang</i> ) . . . . .	1394
— Những năm Hợi trong lịch sử Việt-Nam ( <i>Phù-Lang</i> ) . . . . .	1400
— Nền giáo-dục mới với hiệu-đoàn Học-sinh (tiếp theo) ( <i>Phạm-xuân-Đệ</i> ) . . . . .	1414
— Bát-trần ( <i>Tân-Việt-Điền</i> ) . . . . .	1419
— Thú chơi chim (tiếp theo và hết) — ( <i>Vương-Hồng-Sên</i> ) . . . . .	1423
— Khảo-luận về truyện cổ Việt-Nam ( <i>Phạm-văn-Điền</i> ) . . . . .	1429
— Truyện Thúy-Kiều với người ngoại-quốc (t. theo) ( <i>Vũ-đức-Trình</i> ) . . . . .	1440
— Tết trong thi-ca Việt-Nam ( <i>Thành-tường-Huy</i> ) . . . . .	1453
— Tết của đồng-bào Thượng ( <i>Mai-Son</i> ) . . . . .	1463
— Đầu xuân đi lễ « Lăng Ông » : Đức Tà-quân Lê-văn-Duyệt ( <i>Hưng-Việt</i> ) . . . . .	1466
— Thi-ca : Máy văn thơ Tết ( <i>Đoàn-Thêm</i> ) . . . . .	1439
— Mai vàng ( <i>Đông Xuyên</i> ) . . . . .	1478
— Xem hoa chợ Tết ( <i>Đoàn-Thêm</i> ) . . . . .	1479
— Mong xuân ( <i>Hồng-Thiên nữ-sĩ</i> ) . . . . .	1840
— Nhâm trê ( <i>Xuân-Việt</i> ) . . . . .	1481
— Giao-thừa ( <i>Thơ Việt và bản dịch Anh-văn của Vũ-đức-Trình</i> ) . . . . .	1482
— Chào xuân Kỷ-Hợi ( <i>Sa-Minh</i> ) . . . . .	1484
— Mừng năm Hợi ( <i>Tế-Xuyên</i> ) . . . . .	1484
— Ngày xuân đề ảnh của mình ( <i>Huyền-Mặc</i> ) . . . . .	1484
— Chúc xuân Kỷ-Hợi ( <i>Đạm-Nguyên</i> ) . . . . .	1485
— Quang-Trung đại-phá quân Thanh ( <i>Đạm-Quang</i> ) . . . . .	1485
— Đầu xuân tự-vãn ( <i>Trác-Ngọc</i> ) . . . . .	1488
— Ai ghét Tết ( <i>H.V.</i> ) . . . . .	1488
<b>II.— Văn-hóa Thế-giới</b>	
— Đạo-đức-kinh quốc-văn-giải-thích (tiếp theo) — ( <i>Nghiêm-Toản dịch-thuật</i> ) . . . . .	1489
— Đồ sứ về đời Tống ( <i>Bửu-Cầm</i> ) . . . . .	1501
— Luật quân-dăng ( <i>Tương-Mai-Huyền</i> ) . . . . .	1506
— Đọc tập thơ « Từ-Thức » của Đoàn-Thêm ( <i>Tân-Việt-Điền</i> ) . . . . .	1519
— Phát-triển và cải-thiện giáo-dục học-đường (Tài-liệu của Unesco) ( <i>Thiện-Phước dịch-thuật</i> ) . . . . .	1525
— Thơ dịch : Xuân-tứ ( <i>Bửu-Cầm dịch</i> ) . . . . .	1531
— Vô-đề ( <i>Tô-Nam dịch</i> ) . . . . .	1351
<b>III.— Tin-tức Văn-Hóa</b>	
— Một năm Văn-Nghệ tại Việt-Nam Cộng-Hòa (năm 1958) . . . . .	1532

Tranh-ảnh trong số này :

- Hoa Phong lan
- Hoa Thược dược

恭  
祝  
新  
春



## XUÂN XÂY DỰNG

Xuân về lộng-lẫy với muôn hoa,  
Tô-diễm trời Nam rộn khúc ca.  
Hóa.vũ tươi cảnh, mai chúm-chím,  
Xuân-phong lay ngọn, trúc lá-đa.  
Văn.đàn mở rộng nền nhân-bản,  
Quốc-sách truyền xa nhạc cộng-hòa.  
Rung cảm lòng người vui phấn-khởi,  
Đồng-tâm xây-dựng nước non nhà.

DƯƠNG-QUANG

## CHÚC TẾT

Xuân về ai đó thành-thời,  
Nhân xuân kính gửi vài lời chúc ai :  
Giàu sang, sức lại dẻo-dai,  
Sống lâu vui hưởng lộc trời thương ban.

Giàu mà nhớ kẻ bần-hàn,  
Trọng đường nhân-nghĩa, chu-toàn hôm mai.  
Sang mà chẳng có cậy tài,  
Cây thân cây thế, khinh ai kém hèn.

Khỏe mà giữ sức cho bền,  
Nước non gánh vác cho quện việc đời.  
Thọ mà biết giữ đạo trời,  
Lợi dân ích nước, giúp đời nên công.

Hết lòng xây dựng non sông,  
Sao cho đáng mặt con Rồng cháu Tiên.  
Một đời phúc-lộc càng bền,  
Thanh-danh trường-thọ tự-nhiên trời dành.

MINH-LÝ



LƯỢC-KHẢO VỀ LỄ TIẾT :

## MÙA XUÂN VÀ NĂM KỶ-HỢI

TU-TRAI

### 1) QUAN-NIỆM CỦA CÒ-NHÂN VỀ NGÀY TẾT. —

Mỗi năm có một lần xuân đến trong thời-gian 3 tháng rồi đi, đi cách 9 tháng rồi lại, đi đi lại lại luân chuyển mãi trải bao đời cũng thế không sai-suyển chút nào.

Theo định-luật của tạo-hóa mỗi năm có 4 mùa : Xuân, hạ, thu, đông, mỗi mùa có 3 tháng : mạnh, trọng, quý, cứ xoay vần, châu nhi phục thì. Mà sở dĩ có định-luật tự nhiên như vậy là do khí Âm-dương ngũ-hành trong trời đất phối-hiệp cấu-tạo nên. Phạm vật gì hữu hình tắc hữu hoại như sắt đá tuy cứng rắn nhưng lâu đời cũng phải tiêu mòn. Chỉ như âm-dương là khí vô-hình đẩy dẩy lưu thông khắp cả không-gian vũ-trụ, nên có sự vận hành luân chuyển không ngừng : Xuân sinh, hạ trưởng, thu thu, đông tàng, và xuân ôn, hạ nhiệt, thu lương, đông hàn.

Theo tự-diễn Khang-Hy chữ xuân 春 nghĩa là xuân 泰, chữ xuân nghĩa là phát động sinh sản muôn vật. Và Kinh Lễ có câu : mùa xuân khí trời giáng xuống, khí đất dâng lên, trời đất hoà đồng, cỏ cây mạnh-dộng.

1383

Thật như thế, trước mùa xuân trong lúc đông-thiên, khí trời đất bế-tắc mưa gió âm-u, cỏ cây tàn rụng, qua xuân thì dương-khí hoà-hoãn bố mần trong muôn vật, nên cỏ cây phần phát nức chồi đâm nhánh, trở lộc nở hoa. Vì thế ai nấy cũng đều mong-mỏi cái xuân khi xuân chưa đến. Chọ nên mới có câu :

*Chờ cho đông hết sang xuân,  
Trăm hoa đua nở tung bùng núi sông.*

hay :

*Củ kêu ba tiếng củ kêu  
Bao giờ tới Tết dựng nêu ăn chè.*

Và luyện tiệc xuân khi xuân đã qua, nên có câu :

*Một năm có mấy tháng xuân?  
Một ngày có mấy giờ dần hơi ai!*

hay :

*Một năm một tuổi như đuổi xuân đi,  
Cái già sông sọc, nó thì theo sau.*

Theo âm-lịch xuân đến là từ đầu tháng giêng, nên ngày 1 tháng giêng ai nấy đều trang hoàng nhà cửa mua sắm vật dụng tiệc tùng để mừng xuân. Trong lúc ăn chơi vui thú lại nhớ đến công đức tổ tiên cha mẹ sinh thành ra mình cũng như khí xuân sinh-sản ra muôn vật. Nhân đó mới đặt thiết ra các lễ cúng tế trong mấy ngày để tỏ lòng trung tư báo đáp. Xưa có câu thơ :

*Mỗi phùng giát tiết bột tư thân :* mỗi khi gặp giát-tiết thì nhớ đến kẻ thân sinh ra mình có xấp bội hơn ngày thường.

Chính ngày mồng một ấy tức là ngày Tết hay là ngày Nguyên đán.

Buổi tối trước Tết gọi là *Trừ-tịch* hay là đêm Giao-thừa. *Trừ* nghĩa là trừ-khử, *tịch*-nghĩa là buổi chiều, gôm chung nghĩa lại là buổi chiều tối ấy lo trừ khử những điều xấu xa trong năm cũ, để đến giờ Giao-thừa (12 giờ đêm) đón rước tân xuân về. Đêm ấy rộn rịp tung bùng lạ thường, nào là đốt pháo tre inh òi để đuổi tà ma đi, nào là treo nhánh đào (1) trước cửa

(1) Xem theo câu giải thứ 3

để cho ma quỷ không dám đến, nào là vẽ tượng thần *Chung-quỳ* (2) 鍾馗 và viết tên thần *Thần-đồ Uất-Lũy* (3) 神荼鬱垒 treo dán trước cửa v. v... đều là có ý yểm trừ những hung-thần ác-quỷ.

Theo phong tục ngày xưa ở Trung-Hoa còn lắm sự yểm trừ như thế, xin dẫn đôi việc để quý độc-giả thường thức cho vui.

Theo Lữ-phạm chú ; ngày *Tuế-trừ* (tức là Trừ-tịch) đầu đầy đều đánh trống vang rầm để đuổi quỷ dịch-lệ gọi là trừc-trừ, mà cũng gọi là *Khu-na* 驅儂. Na là làm ra hình-trạng ma quỷ, lựa 2 người già đem làm ông Na và bà Na.

Theo *Đông-Hán tuế thời ký* ; ngày tuế-trừ làm lễ Đại-na, lựa từ-đề trong Trung-hoàng-Môn (Cổng thụ) từ 10 tuổi trở lên 12 tuổi trở xuống cho đủ 120 người làm *Chân tử* 儂子 (nghĩa như chữ thiện-nam) đầu đội mũ đỏ, mặc áo đen đánh trống kéo nhau đi khắp đường để đuổi quỷ.

Theo *Ngộ-trung phong tục ký* ; tục nước Ngô đến đêm trừ-tịch, sau khi cúng kính tổ tiên xong, lớn nhỏ tụ hội lại ăn uống chúc tụng cùng nhau, gọi là *phân-tuế* 分歲 (Chia tuổi) ; sau khi phân-tuế xong thì trẻ con kéo đi quanh khắp các ngã đường rao nói : « bán cái si của mầy, bán cái đại của mầy » = *mất như si, mất như khôi*. Vì có thể-truyền rằng ở nước Ngô có nhiều người si dại, nên bọn nhi-đồng lo sợ phải đi rao bán những cái si dại ấy trong ngày trừ-tịch. Ông Phạm-thành-Đại lại có bài thơ.

Trừ tịch canh lan nhôn bát thụ.

除夕更闌人不睡

Yêm nhượng độn trẻ nghinh tân tuế

厭讓鈍滯迎新歲

(2) *Chung-quỳ* 鍾馗 Đường-dật-sử chép : Đường-minh-Hoàng bị bệnh ngược, ban ngày mộng thấy con quỷ lớn bắt con quỷ nhỏ ăn thịt, tự xưng tên là *Chung-Quy* ở *Chung-nam* thường đi thi Tân-sĩ không đậu nên đập đầu vào thềm mà chết. Khi Minh-Hoàng tỉnh dậy lành bệnh, chiếu cho Ngô-Đạo-Tử vẽ tượng ra, đến cuối năm ban cho các đại thần và dân gian dán ở trước cửa

(3) *Thần-đồ Uất-Lũy* 神荼鬱垒 Phong tục ký : ở núi Độ-sóc dưới cây đào có 2 vị thần là *Thần-Đồ* và *Uất-Lũy* hay ăn bách quỷ, nên ngày Tết treo nhánh đào trước cửa (gọi là *đào-phủ*) và viết tên của 2 vị thần ấy để trừ quỷ.

Tiểu nhi hồ kiêu tâu trường nhai  
 小兒呼叶走長街  
 Vân hữu si khai triệu nhân mồi  
 云有癡獸召人買  
 Nhị vật ư nhân thùi độc vô  
 二物於人誰獨無  
 Tựu trung Ngô-nông nhưng hữu dư.  
 就中吳儂仍有餘  
 Hạng nam hạng bắc mồi bát đốc.  
 巷南巷北賣不得  
 Tương phùng đại tiểu tương na dư.  
 相逢大笑相揶揄

Tạm dịch

Canh khuya Trừ-tịch người không ngủ.  
 Yếm trừ đồn đồn, rước Xuân-thu.  
 Tiêu-nhi rao chạy khắp đường dài,  
 Rằng : bán đại ngu ai mua hộ ?  
 Vật ấy nào ai lại tuyệt vô ?  
 Tựu trung dư đủ chỉ người Ngô.  
 Đường nam đường bắc bán không được,  
 Gặp nhau reo cười lại đẩy xô.

— Vua Đường Thái-Tông cũng có bài thơ Trừ-tịch :

Dai phúc thụ lan tố.  
 階觀舒蘭素  
 Bàn hoa quyền chúc hồng  
 盤花卷燭紅  
 Cộng hoan tân cựu tuế  
 共歡新舊歲  
 Nghinh tổng nhất tiêu trung.  
 迎送一宵中

Tạm dịch

Mai trắng thơm trước cửa,  
 Đèn hồng chiếu cổ hoa.  
 Chung vui năm mới, cũ,  
 Đưa rước trót canh gà.

— Lại có việc ông Đà-Đào người đời Đường ở đất Phạm-dương, đậu Tiến-sĩ, hay về nghề thơ. Ông có cử-chỉ, hành-dộng rất lạ thường : mỗi năm đến buổi Trừ-tịch ông soạn đem tất cả những bài thơ mà ông đã làm trong năm qua và đặt lên bàn ghế chỉnh tề, rồi lấy rượu nem đặt ra cúng tế. Ông có rằng : « lấy những vật này để bỏ lao cho tinh thần-của ta ». Và năm nào ông cũng làm như thế. Nên có điển (tế thi tài-tử) trong mục nói về Trừ-tịch.

o°o

## 2— CHUNG QUANH NGÀY NGUYÊN-ĐÁN VÀ MẤY NGÀY TẾT.

Theo thông tục thì lễ Tết đầu đầy đều bắt đầu từ ngày 1 tháng giêng âm-lịch cho đến ngày 3 ngày 4, có nơi đến ngày 7 là ngày khai-hạ nhỏ nếu mới hết.

Trong mấy ngày Tết như chúng ta từng biết : những nhà giàu sang ăn mặc áo quần sắc sỡ đủ cả màu sắc và dùng toàn gia-hào mỹ-vi, bánh mứt rượu chè, cúng cấp rất linh đình, vẫn lai thù tạc, thật là rộn ràng phức tạp không có lẽ nào quan trọng cho bằng. Nên có những câu :

— Khôn ngoan đến cửa quan mới biết.  
 Giàu có ba bữa Tết mới hay.  
 — Đói ngày Tết như hết ngày mùa.  
 — Một năm có một tháng  
 Một tháng có một ngày  
 Ăn sung mặc sướng  
 Khỏi đọa dày tẩm thân.

Cho đến những nhà nghèo khổ cũng chạy sấp chạy ngựa lo sắm vật dụng trong 3 ngày Tết để đủ sự cúng tế và ăn mặc, dầu là nợ nần vay mượn của người ta cũng cam đành. Nên ta có câu :

Ngoảnh qua ngoảnh lại Tết đến sau lưng.  
 Ông vãi thời mùng con cháu thời lo !

Rồi đến việc chúc tụng lẫn nhau —

Sách xưa có câu : Nhất niên chi kế thi ư xuân : Muốn việc sinh kế trong năm khởi thi tại mùa Xuân, cho nên trong ngày Tết có sự chúc tụng lẫn nhau, chẳng những con cháu phải chúc thọ cho ông bà, cha mẹ, có bác là kẻ trưởng thượng thân cận của mình, mà còn phải đi đến kẻ quyền thuộc bạn bè bất cận xa gần để chúc mừng cùng nhau, nên có những câu truyền tụng :

Chúc cho cha mẹ sống lâu,  
Đề con báo đáp ơn sâu sinh thành,  
— Chúc ông bà nội sống dài,  
Trông coi con cháu nối noi nghiệp nhà.

hay là :

Súc sắc súc sê  
Nhà nào còn đèn còn lửa  
Mở cửa cho chúng tôi vào  
Bước lên từng cao thấy con rồng ấp.  
Bước xuống từng thấp thấy con rồng châu  
Bước ra đằng sau thấy gà mái ghe,  
Voi ông còn cầm  
Ngựa ông còn buộc  
Ông sống một trăm thêm 5 tuổi lẻ,  
Vợ ông sinh đẻ những con tốt lành,  
Những con như tranh, những con như rổi.  
Tôi ngồi xó tốt, tôi đối một câu :  
Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ,  
Cây rêu tràng pháo bánh chưng xanh.

### 3) VĂN-CHƯƠNG MÙA XUÂN: CÂU ĐỐI TẾT

Trên đây có nói đến câu đối đỏ vậy nên nhắc lại ý nghĩa những câu đối như thế nào ?

Câu đối là những câu văn viết vào giấy đỏ dán ngay lên cột trước mặt nhà, gồm có ý nghĩa cầu nguyện hạnh phúc trong năm sắp đến, trừ những nhà văn-sĩ thâm-uyên thường ngụ ý nói về phong cảnh, thời thế, môn-phong, gia cảnh v.v. Kỳ dư lễ đến xuân thì trong câu đối mở đầu câu-tứ thế nào nhưng cũng chẳng ra ngoài phạm-vi của ngày xuân hay ngày Tết. Từ Nam chí Bắc, bất-kỳ thành-thị hay thôn-quê khi Tết đến là trước nhà tực rỡ những câu đối đỏ :

天增歲月人增壽

Thiên tăng tuế nguyệt nhân tăng thọ.

Trời thêm năm tháng người thêm thọ.

春滿乾坤福滿堂

Xuân mãn thiên khôn phúc mãn đường.

Xuân đầy trời đất phúc đầy nhà.

爆竹一聲除舊歲

Bộc trúc nhất thanh trừ cựu tuế.

Một tiếng nổ pháo tre, đưa trừ năm cũ.

桃圓萬戶迓新春

Đào phù vạn hộ nghạ tân xuân.

Muôn nhà treo cành đào, đón rước tân-xuân.

三陽應律乾坤泰

Tam dương ứng luật thiên khôn thái.

Ba khí dương ứng theo ống luật (1) trời đất thái-hoà

萬象回春草木新

Vạn tượng hồi xuân thảo mộc tân.

Muôn cảnh tượng trở về xuân, cỏ cây mới tốt.

— Nhưng những buổi chợ ngày Tết giữa thị thành to lớn vẫn thấy các cụ đồ cũng cả cục giữa chợ viết những câu đối đại ý như trên đề bán cho những người chuộng xưa mà ít học.

Vậy câu đối đỏ cũng là một món trang hoàng có ý nghĩa trong ngày xuân, mà cũng tỏ rõ phong-cách là nhà chuộng văn-chương nhã thú.

— Một chữ xuân mà từng làm cho dư-luận chú-ý lâu dài. Ở thần kinh (Huế) có một câu đối chẳng biết tác-giả là ai và ở vào đời nào mà đến nay nhiều văn-nhân còn truyền tụng và cho đó là kiệt cú. Câu đối ấy cũng nhân một chữ xuân mà tác-giả cấu-tứ rất hay.

Nguyên có chùa Từ hiếu 慈孝寺 ở làng Dương-xuân 楊春社 tên chùa này vốn do sắc-tứ của nhà Vua mà nên. Tác-giả làm câu đối thế này :

(1) Xưa có chế ống luật, 6 ống lữ, đề trắc nghiệm khi âm dương. Khi dương đến thì ứng động ống luật, khi âm đến thì ứng động ống lữ.

慈孝錫嘉名使天下之為父為子。  
揚春誠樂地忘斯世之如秋如冬。

Từ-hiếu tích gia danh, sử thiên hạ chi vi phụ vi tử.  
Dương-xuân thành lạc địa, vong tư thế chi như thu như đông.

Nghĩa : Cho tên Từ-hiếu rất lành, khiến cho thiên hạ làm tròn đạo con đạo bố.

Ở làng Dương-xuân thật sướng, quên cả cuộc đời như lúc mùa thu mùa đông.

o°o

#### 4) TỤC BÁNH CHUNG NGÀY TẾT

Độc giả không còn lạ gì về điển bánh chung tuy thế cũng nên nhắc lại cho luôn câu chuyện đời. bánh chung đã nói ở trên.

Đời vua Hùng-Vương, đến ngày nguyên-đán có lệ thiết-triều khánh hạ, các Hoàng-Tử đều thi nhau sắm những đồ-vật châu báu trên cam đề chúc khánh vua cha. Bấy giờ có một Hoàng-Tử tên là Tiết-Liêu kếm bề tài chính không biết làm sao so sánh được với các Hoàng-tử kia. Bỗng có một vị mưu-sĩ, hay là vị thần-linh ứng hiện nào đó mách bảo cho rằng : Nên dùng gạo nếp làm ra bánh cho có hình vương rồi đem dâng cho vua, tất nhiên đắc sủng.

Đến ngày khánh-tiết xem tất cả những vật châu-báu trên-cam của các vị Hoàng-Tử Vua đều bác cả. Duy thấy thứ bánh của Tiết-Liêu. Vua rất lấy làm khen ngợi. « Tiết-Liêu không quý trọng châu báu trên cam mà biết quý trọng ngũ cốc là có lòng thương dân, và lại bánh này hình tròn là tượng trời, hình vuông là tượng đất, Tiết-Liêu biết đạo trời đất tất nhiên trời đất ủng hộ cho ». Vì vậy nên Vua định truyền ngôi cho Tiết-Liêu.

Theo nhận-thức thì có người cho bánh của Tiết-Liêu ấy là bánh dày (tròn) và bánh chưng (vuông) nên nói bánh chưng là thứ bánh khởi thì từ đời Hùng-Vương. Lại có nhà nói thứ bánh của Tiết-Liêu là bánh « tiết », bánh tết có 2 đầu hình vương khúc mình hình tròn, có lẽ khi xưa gọi là bánh tiết (bánh của Tiết-Liêu) vì mỗi khi ăn phải lấy chỉ tết ra thành miếng, nên lại gọi là bánh tết.

(Xem tiếp cùng ở số này)

## TẾT KỶ - HỘI

# NÓI TRUYỆN HEO

DUY-VIỆT

Năm Mậu-Tuất qua, năm Kỷ-Hội tới — Chớ đi heo lại...

Hội thuộc về tháng mười âm-lịch, Hội là chữ thứ 12 trong hàng chi và theo lý số những ai sinh về năm Hội thì cảm tinh con « lợn » hay là « heo ». Vậy Tết Ất-Hội, ta hãy nói truyện heo vì heo cũng có truyện đáng nói.

Heo hay là lợn thuộc sáu gia-súc được người ta nuôi từ đời thượng cổ ở ngay cạnh nhà cùng với các con ngựa, gà, dê, bò và chó. Ấy là lục-súc.

Theo vạn-vật-học thì con heo mà tên la-tanh (latin) là porcus, thuộc về loài có vú, có răng nanh, bốn chân mỗi chân có 2 móng, có 44 cái răng, giồng Suidés. Danh từ chỉ con heo mỗi nước gọi một khác. Người Trung-Hoa gọi là Trư, người Việt-Nam gọi là heo hay là lợn, người Anh, Mỹ gọi là pig, người Ý-Đại-Lợi gọi là Porco và người Pháp gọi là Porc, Cochon, còn nhiều danh-từ của các nước, các bộ lạc chỉ con heo.

Có hai loại heo : Heo nhà và heo rừng thường gọi là lợn cỏ hay lợn lòi, heo nhà cũng do giống lợn rừng sinh hóa ra, và ngày nay trên thế giới có rất nhiều giống : Giống heo đầu dài, mõm nhọn, tai vênh, chân cao, giống heo đầu dài vừa, mũi hơi gãy, tai to và cụp che cả mắt, giống heo mặt ngắn, mũi gãy, tai nhỏ. Heo của Việt-Nam thuộc loại heo sau. Lại có nhiều giống heo do các nhà thú-y gây nên để lấy nhiều thịt, như heo Berkshire, Yorkshire, Tamworth, Large-White, Edelschveire vân vân...

Con heo vì do người ta nuôi nặng ở nơi thiếu vệ sinh cho nên bị người ta chê là một giống vật bẩn thỉu, rồi do đó mà tặng danh-từ con heo, con lợn cho những ai ăn ở bẩn, thiếu vệ sinh và nghĩa bóng còn cho người ấy thuộc về hạng người xấu xa, thô tục, lỗ mãng. Nhưng ở một vài quốc-gia trên thế-giới như ở Ấn-Độ, có giáo-phái tôn sùng con heo và kiêng không giết và không ăn thịt heo.



Dù sao, loài người vẫn ưa quý con heo vì nó giúp ích cho ta, chỉ có lợi chứ không có hại : tất cả bộ phận của thân-thể con heo đều dùng được cả : Nào thịt, nào da, nào mỡ, nào lòng, nào xương và những thứ gì không lợi được thì lại dùng để bón cây cối.

Vì con heo là mối lợi cho người ta và lại được nuôi ở lân cận nhà, nên nó được sen vào đời sống hàng ngày của người Việt.

Trong nhiều trường hợp ta thấy nói đến con heo.

Người nông dân phải cần cù, chăm chỉ mà cấy lúa, trồng màu, rồi lại nuôi gà, nuôi lợn, nuôi tầm thơm to :

Nghe câu cô gái quê nói khi nuôi nong tầm :

*«Lợn đói một đêm, không bằng tầm đói một bữa».*

Khi nói đến món ăn các cụ tiền bối đã biết thưởng thức các gia vị gì phải dùng với thịt gì thì ăn sẽ ngon lành :

Ăn thịt «chó» phải dùng củ gừng, ăn thịt gà phải dùng lá chanh và ăn thịt heo, lợn thì nên ăn với hành, có như thế mới ngon :

«Thực đơn» ấy đã vào ca-dao trải qua bao thế hệ :

*«Con gà cục tác lá chanh,  
Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi,  
Con chó khóc đưng khóc ngời,  
Bà ơi đi chợ mua tôi đồng gừng».*

Lại khi đến Tết Nguyên đán, nếu gói bánh chưng mà thiếu thịt heo, thiếu hành thì sao gọi là bánh chưng ngon, nghe câu đố cái bánh chưng sau đây :

*Nhà xanh lại đóng đỏ xanh  
Chung quanh trồng hành giữa thửa lợn con.*

Trong cuộc sinh hoạt của người sống nơi thôn dã, con heo là một «nguồn lợi» đáng kể, và nguồn lợi ấy rất có giá trị. Khi người con gái đã lớn, thành duyên, ăn ái vợ chồng cũng có thể do con lợn béo định đoạt căn căn.

Cô gái không thuận lấy chồng, bị ép duyên thân thân tui phận cũng nói đến con heo :

*Mẹ em tham thúm xói dền,  
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh-Hưng.*

Anh chàng thanh niên muốn nên vợ nên chồng cũng đem trưng con lợn béo làm một trong các điều kiện cần thiết :

*Áo anh sứt chỉ đã lâu,  
Muốn mượn có ứng vào khâu cho cùng.  
Khâu rồi anh sẽ trả công.  
Ít nữa lấy chồng anh lại giúp cho,  
Giúp em một thúm xôi vô,  
Một con lợn béo, một vỏ rượu tằm,  
Giúp em đôi chiếu em nằm,  
Đôi chân em đắp đôi chân em đeo.  
Giúp em quan tám tiền heo,  
Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau.*

Và cứ đến Tết, dân Việt-Nam thường dán những tranh Tết có ông Tiên-tài, Tiên-lộc, có gà mái với đàn gà con, con lợn sẽ với bầy con nhưng nhúc, biểu hiệu của sự phong-đãng hòa-cốc, của sự phong-phú dồi dào trong cảnh thái-bình yên ổn do sự làm ăn cần cù nhẫn nại đã tạo ra.

Cụ Trọng-Trình Bạch-vân cư sĩ Nguyễn-Bình-Khiêm trong lời sấm ký «Bí truyền cho con cháu» dành hậu thế xem chơi, chẳng chúc cho ta một năm Hợi được mùa, no ấm là gì ?

*Gà kia vỗ cánh chập chùng bay (Năm Đinh-Dậu)  
Chó nọ vẫy đuôi mừng thánh chúa (Năm Mậu-Tuất)  
Ăn no ủn ỉn lợn kêu ngày (Năm Kỷ-Hợi)*

Như vậy, theo khoa-học, heo là loài có ích, theo văn chương thì heo là nguồn lợi đáng kể, theo lịch sử có nhiều thắng lợi, theo sấm ký, năm Hợi là năm sáng sủa, nhàn hạ, năm của con heo, con lợn mà «số» lúc nào cũng được yên ổn trong sự sung túc, khiến bạn Ng. Diệu của tôi đã đùa tặng mấy vần thơ :

*Xấu tướng nhưng mà phước lại to.  
Sinh ra đã có Chủ-nhân phò.  
Suốt ngày lục-đục truong dài mõm.  
Tới bữa no nê ngủ thẳng giò.  
Minh nhớn lên hoài không muốn cựa.  
Con sanh để mãi chẳng thêm lo.  
Lờ-khờ ngộ thật u-mé nhỏ.  
Chính thế cho nên mới được trà.*

# LOAN PHỤNG HÒA MINH

HƯƠNG-GIANG

Chim loan chim phụng hòa tiếng reo mừng dưới ánh sáng trời Nam ấy là một cảnh tượng xinh đẹp mà ai ai cũng mong muốn được chứng kiến. Nhưng mấy ai đã được trông thấy chim loan chim phụng, vì vậy chúng ta cần phải tìm hiểu những giống chim kỳ lạ ấy mà người đời đã xếp vào hàng tứ linh (long, ly, quy, phụng).

Theo nhà điều-loại-học Nhật-bản Hachisuka đã viết về hai thứ chim mà Trung-Quốc và Nhật-Bản gọi là Phụng-Hoàng và Loan (người Nhật gọi là Hồ-ô và Ran) thì thứ chim thứ nhất, người Anh cũng thường nói đến là Phoenix. (Xem "Transactions Meiji Japan 3-ty, vol. XXIII, 1925")

« Vì sự tương tự nhau, người ta thường lầm hai thứ chim Phụng và Loan. Theo sách vở của Đông-Phương, khi nào thực thái bình thịnh trị mới có hai giống chim đó,

Nói về Phụng, theo cổ thư, giống này có thực chứ không phải do trí tưởng tượng của người xưa tạo ra.

Một cuốn sách xuất bản vào thế kỷ thứ 4 (Pao P'o Tzu) có ghi như sau:

« Ngày xưa khi nước nào thịnh trị, chim Hồ làm tổ ở trong vùng và Hạ-Hậu Hoàng-đế là người đầu tiên đã được ăn trứng của nó »,

Cuốn « Shan Hai Ching » viết :

« Dân chúng Hsuan Yuan ăn trứng Phụng hoàng và uống nước Cam-lộ »

Trong « Chu Tzu » viết thêm :

« Một người làm chiếc lồng chim gáy để nhốt Hồ-Ô nhưng vì cánh nó quá dài nên không chui lọt.

Trong « Tung miah Chi » có nói như sau :

« Một vị thượng-thư đến chào Hoàng-đế và nói : Tôi đi du lịch về phía Đông và bắt được con chim Hồ non 9 sắc trong một khu rừng 1000 dặm ».

Nói về chim Loan hay Ran, thì theo một vài chuyện, thứ chim này cũng có thật.

Trong « Erh Ya I » có ghi :

« Hoàng-đế Chi Piu có một con chim Loan mà nhà vua rất quý mến. Ngài chỉ ao ước được nghe tiếng hét của nó nhưng không bao giờ được mãn nguyện. Hoàng-hậu mới bàn rằng : Tôi thường nghe thấy nói chim sẽ hét khi thấy một con khác cùng giống. Tại sao bệ hạ không để nó đứng trước một tấm gương ?

Nhà vua nghe lời bàn ấy nhưng khi con chim Loan thấy hình của nó, hót những tiếng thật bi ai đoạn đập cánh mà chết.

Cũng trong loại Phụng Loan, ở Giao-Son còn có 3 thứ chim ngũ-sắc là Hoàng-Điêu, Loan-Điêu, Phụng-Điêu.

Theo Lý-Bạch, Loan giống như Phụng và trong Thủy-ứng Hoạch, chim Loan được xếp hạng liền sau chim Phụng.

Ngoài ba thứ chim kể trên còn có mấy thứ nữa chỉ nói trong cổ-thư mà ta không có như :

1 — Nhạc-Thố, con của chim Phụng.

2 — Uyên-Sò trong « Châu-bản-ký » coi như đồng-âm với Phụng.  
(riêng Uyên-sò coi như là một thứ chim Phụng)

Về chim Loan, tính ra có nhiều thứ đồng-âm như Loan-Điêu — Thủy-Điêu — Kê Thú — Đơn phụng — Vũ trường — Hóa dục — Nam Chú — Thô-Bồ — Châu-Tước — Châu-Điêu — Thanh-Phụng.

Trong những thứ kể trên, nhà điều-loại-học Nhật-Bản cho rằng Phụng Hoàng chỉ là một thứ chim Trĩ có diềm tròn (faisan ocellé hay Rheinardia Ocellata) và Loan giống hệt cầm kê (Faisan Argus hoặc Argusianus Argus). Sở dĩ dám chắc chắn như vậy vì theo những điều nói trong sách Phụng-Hoàng hay Loan đều có một cái đầu như gà trống, cổ rắn, hàm yến, lưng rùa, đuôi cá, lông ngũ sắc, cao chừng 6 bộ.

Xét kỹ thứ Trĩ có diềm tròn, ta nhận thấy :

1 — Đầu gà trống : thứ Trĩ nói trên giống gà nuôi trong nhà vì hình thù cái đầu.

2 — Cỏ rắn : cỏ của nó cao như cỏ rắn ; thứ Cầm-kê có con hầu như không có lông.

3 — Hàm én : điều này còn tối nghĩa, chưa phân định rõ ràng.

4 — Lưng rùa : lưng của con Trĩ có điểm tròn. Ở Việt-Nam cũng có thứ chim hình thù giống y như vậy vì đường cánh thực gần như chiếc mai rùa.

5 — Đuôi cá : đuôi của Phượng-Hoàng nhất là thứ Trĩ có điểm tròn giống như con cá khi dùng để lấy hướng bay, xòe ra hai bên.

Qua cổ-sử Trung-Quốc, Phượng-Hoàng chỉ có khi trong nước thịnh-trị. Người Nhật-Bản cũng có nói tới thứ chim quý này đời Thiên-Chí — Thiên-Vũ — Xung-Đức (Shotoku). Theo như các bức họa thời đó Phượng-Hoàng chẳng khác chim Công bao nhiêu. Cũng vì vậy, một nhà khảo-cổ cho rằng phải chăng hai thứ chim Phượng-Hoàng và Loạn đều do trí tưởng-tượng của các họa-sĩ Trung-Hoa cổ thời tạo ra, con vật thứ nhất căn cứ vào một thứ Công tại Ấn-Độ (Paon cristatus), con thứ hai là Cầm-kê. Nói đến Công, sách dạy con vật này kêu là Không nghĩa là một lỗ thủng vì ở đuôi con vật, các điểm chấm giống như hình con mắt.

Còn một vài chi tiết sau, ta cần rõ Công không thể giống được Phượng-Hoàng vì Phượng "đầu áp tử, phượng vĩ tiêu, phượng vĩ kim ngư". Sự chi dẫn rõ ràng này cho ta rõ Công chắc chắn không phải là Phượng.

Câu truyện Tây-Vương-Mẫu, vị nữ thần đi đầu cũng có con Phượng-Hoàng đi theo hay truyện "Không trước minh vương" hoặc bức tranh "Không trước vương-mẫu bồ tát" trong cổ-thư Nhật-Bản thì hình vẽ coi giống hệt như Công (Paon cristatus) ở Ấn-Độ. Phải chăng vị thần nói trên tên Phạn (sanskrit) còn gọi là Ma-Du-La hay Ma-Đo-La đã được truyền tụng từ Ấn Độ qua Trung Hoa đoạn mới tới Nhật-Bản.

o o

Theo nhà điều-loại-học Jabouille chuyên môn về những giống chim ở Việt-Nam, một vài chi-tiết kể trên khiến ta rõ thêm một chút về hai con chim của Trung-Hoa cổ xưa là Phượng-Hoàng và Loạn. Tuy nhiên nếu theo các nhà vạn-vật-học đã khảo sát về điều thú ở Việt-Nam thì thứ Trĩ có điểm tròn (Faisan ocellé) giống như chim Phượng-Hoàng, ở miền Quảng-Trị hay Nghệ-An thuộc Trung-phần cũng có. Nếu như vậy chim quý tại đất nước ta không thiếu, hà tất phải tìm kiếm lời thoại. Thứ chim ấy xuất hiện ở nước ta từ nghìn xưa, vì sử Tàu

có chép rằng năm Tân-Mão (1109 trước Tây-lịch), đời vua Thành-Vương nhà Chu, có nước Việt-Thượng ở phía nam xứ Giao-Chi sai sứ đem chim bạch-trĩ sang cống vua nhà Chu phải tìm người làm thông-ngôn mới hiểu được tiếng và sai ông Chu-Công-Đàn chế ra xe chỉ nam để đưa sứ Việt-thượng về nước.

Đất Việt-thượng tức là Quảng-Bình và Quảng-Trị ngày nay, đúng là nơi mà người ta đã bắt được hai con chim trĩ, năm 1882, một con do Thiếu-Tá Rheinardt, tùy viên ngoại-giao toà Đốc-Sứ Pháp tại Huế, bán lại với giá 2.000 quan cho nhà vạn-vật-học Maingonnat, còn một con do Chính-phủ Nam-Trịều tặng Thống-đốc Nam-kỳ Le Myre de Villers.

Con thứ nhất đã được trình bày cho công chúng Balé xem vào ngày 12 tháng 6 năm 1882 tại Hội Động-vật-học (Société Zoologique) và được gọi với các tên khoa-học như sau = Argus Rheinardi, Rheinardia Ocellata, Rheinardius Ocellatus, Rheinardius Ocellatus ; nhưng về sau được gọi là Rheinardia Ocellata.

Con chim trĩ này được mô tả rõ ràng trong tạp chí "Science pour tous" xuất bản ngày 8 Juillet 1882.

Cả hai con cũng trong năm ấy đều được trưng-bày tại Viện-Bảo-tàng Ba-Lê (Muséum de Paris).

Con chim trĩ thứ nhất do đồng-bào thiếu-số bắt được ở miền Ba-trúc, cách Huế 20 cây số về phía tây, đem bán lại cho linh-mục Renauld cư-trú tại vùng này.

Vị linh-mục này đã tìm ra nhiều thứ chim kỳ-lạ của nước ta, như con chim (cu-cu đất) (coucou de terre) mang tên vị-linh mục = Carpocoxys Renauldi.

Từ năm 1924, phái đoàn thám hiểm Delacour đã tìm kiếm được tại Trung-Việt hơn 200 con chim trĩ (Argus, Faisan ocellé thuộc giống họ Phasianidé) hoặc sống hoặc chết, nhưng không có một con nào bị tên đạn cả. Là vì giống chim này có linh-tính biết người ta rình nó ; cho nên chỉ có gài bẫy và dùng con chim mồi đực (argus male) múa xòe lông đuôi và gáy hót kêu gọi những con đồng loại đến để «liên-hoan» trước khi cạm bẫy sập xuống.

Vì lẽ đó, con chim trĩ là một giống vật khó tìm thấy và thường chỉ nghe tiếng gáy mà thôi. Nó quý và hiếm hơn hết trong các loại chim, cho nên sử ta có chép rằng ngày xưa cứ hàng năm triều đình ta phải cống hiến cho Trung quốc nhiều sản phẩm quý trong ấy bắt buộc phải có con chim trĩ và nhất là con bạch trĩ (argus albino),

Nói đến chim trĩ mà nghĩ đến chim phượng là do sự nghiên cứu tường tận của các nhà vạn vật học như : Delacour, Jabouille, Hachizuka, v.v... còn theo

văn-chương và truyền-thuyết thì khi nhắc đến phượng, chúng ta liên-tưởng đến cái *đàn phượng-hoàng* của Bà Triệu Hoàng-hậu, phẩm đất ngọc chỗ cao chỗ thấp, phải mất nhiều công đề so tr cho ăn nhip.

Chúng ta cũng không quên cái *què phượng-hoàng* mà Kinh - Trọng đời Xuân-Thu đã bốc được ; ấy là què tốt để lấy vợ lấy chồng. Nhưng trước khi xuất-gia, con gái nhà quan phải ở trong *phượng lâu*, có góc mái cong như hình con phượng, để đọc sách xem thư, ngắm trăng đàn địch.

Ngày xưa *Tu-Mã Tương-Như* gầy bần *Phụng-cửu-hoàng* để gheo nàng Trác Văn-quân, đàn hây đến nỗi nàng phải treo tường bỏ nhà đi theo anh chàng nghệ-sĩ. Nhưng chàng ta quá nghèo mà đàn địch ngày xưa không mạng lại tiền tài như ngày nay, cho nên chàng phải bán con ngựa để mở một quán rượu, độ nhật với khách qua đường . . .

Bản *Phụng-cửu-hoàng* (Phụng = chim trống ; cầu = tìm ; Hoàng = chim mái) là tên một bản đàn nguyên của Công-chúa Lộng-ngọc, con vua Tần-mục-công, học với chồng là Tiêu-sử. Khi nào hai vợ chồng thối sáo hoà với nhau ở trên lầu riêng thì có phụng tới chào (phụng-nghi-lâu), có khi ngồi trên thành mà thổi, chim phụng cũng bay đến đậu trên thành cho nên cái thành ấy mang tên là *Phụng-hoàng-thành* hay là *Phụng-thành* =

Ngân hán điều ưng tiếp Phụng-thành (Đỗ-Phủ).

Rồi một đêm kia, vợ chồng đang thổi hoà với nhau bỗng thấy Xích-Long và Tử-Phụng doanh đáp bên đài. Tiêu-Sử liền cỡi Xích-Long còn Lộng-Ngọc thì cỡi Tử-Phụng bay thẳng trên trời.

Dưới thời đại Tam quốc, cũng có *Phụng-nghi-dinh* (cái dinh có chim phụng đến chào) là nơi đã xảy ra sự tranh-chấp giữa *Lữ-Bố*, anh chàng hiệp-sĩ có mang trên mào hai chiếc lông trĩ, trông oai phong lắm liệt, và *Đổng-Trác*, người có tướng mạo kỳ dị là có long tu (râu rồng), lân tĩ (mũi lân), quy bối (lưng rùa) và phụng nhân (mắt phụng). Chỉ tiếc một điều là hai cha con *Lữ-Bố* "phụng chạ loan chung", nên cơ-đồ phải nghiêng ngửa và con ngựa Xích-Thố đã phải về tay Quan-Vô.

*Phụng* là giống chim thanh-cao, ưa thích âm-nhạc, tượng trưng cho diêm-lành — giống chim này chỉ xuất-hiện để báo hiệu thánh-nhân ra đời, cho nên có tích *Phụng gáy kỳ sơn*, để báo tin Văn-Vương nhà Chu ra đời —

*Loan* cũng là giống chim phụng, lông ngũ sắc, nhưng sắc xanh nhiều hơn ; còn chim phụng cũng có lông ngũ sắc, nhưng sắc đỏ nhiều hơn.

Con của chim phụng gọi là *Phụng sô* hay là *Phụng sô*, tên vị quân sư số 2 của Lưu-Bị, có biệt-tài nhưng phải chết sớm, theo lời tiên-đoán của Ngọa-Long Gia-Cát, vị quân sư số 1. Lại nhờ *Đông-phương-Súc* ngày xưa, có tâu với vua Hán Võ-Đế rằng = "Chúng tôi đi ngang qua rừng bắt được con chim phụng sô năm sắc".

Một đặc tính nữa của con chim phụng hoàng là nó chỉ đậu những cành thật cao để tránh tên đạn và nhều các loài chim khác bay lượn ở phía dưới — Theo truyền-thuyết thì nó ưa đậu cây *ngô-đồng* (pawlonia) là thứ cây cứ đến mùa thu thì rụng lá (Ngô-đồng nhất điệp lạc, thiên hạ cộng tri thu), để lại một thân cây cao vút, thường dùng để làm đàn ti-bà tiếng thanh hơn hết.

Nhân nói đến chim Phụng-Hoàng, chúng tôi liền nhớ lại tỉnh *Quảng-Nam* là nơi đã xuất phát nhiều nhà cách-mạng và nhiều bậc đại khoa, đã được vua Thành-Thái ban bốn chữ « Ngũ Phụng, Tề Phi » cho năm vị quê - quán tỉnh Quảng-Nam trong số 18 vị đã chiếm bằng vàng về kỳ thi Hội năm Mậu-Tuất (1898) là các ông :

Phạm-Liệu	Tiến-sĩ	(Duy-Xuyên)
Phan-Quang	Tiến-sĩ	(Quế-Sơn) (1)
Phạm-Tuấn	Tiến-sĩ	(Duy-Xuyên)
Ngô-Lý	Phó-Bãng	(Điện-Bàn)
..? Chuân	Phó-Bãng	( ? )

Nước Việt-Nam ta được cái vinh hạnh làm nơi *cư trú cuối cùng* của những giống chim kỳ-lạ như Phụng-Hoàng, một giống Việt-điều, ưa tự-do, thích lễ nhạc, chuộng hoà-bình. Và một điều đáng chú ý hơn nữa là các nhà địa-lý-học đã từng so-sánh hình-thể nước ta với con chim Phụng-Hoàng, mà cái mỏ là bán đảo Lai-châu, cái đuôi là mũi Cà-Mau, quả trứng là hòn đảo Hải-Nam, đang vươn mình nhìn về phía Thái-Bình-Dương, như khao-khát những châu trời mới lạ...

(1) Tức là thân-sinh của sử gia Phan-Khoang, cộng-sự thườn-xuyên của Văn-Hóa Nguyệt-San.

## NHƯNG NĂM HỢI

# TRONG LỊCH-SỬ' VIỆT-NAM

của PHÙ-LANG sưu-tầm

### ĐINH-HỢI - 214 TRƯỚC CÔNG-NGUYÊN :

Tướng nhà Tần là Đồ-Thư xâm-lược đất Bách-Việt và Âu-lạc và phân ra ba : Nam-Hải (Quảng-Đông), Quế-lâm (Quảng-Tây) và Tượng-quận (Bắc-Việt và một phần Trung-Việt)

### KỶ-HỢI 399 SAU CÔNG-NGUYÊN :

Phạm-hồ-Đạt vua nước Lâm-Áp sang quấy nhiễu và chiếm lấy quận Nhật-Nam và quận Cửu-chân và đem quân cướp phá Giao-châu, bị Giao-Chi quận-vương Đô-Viện đánh lấy lại hai quận trên.

### ÁT-HỢI 555 SAU CÔNG-NGUYÊN :

Lý-phật-Tử lên ngôi kế vị Lý-thiên-Bảo, chuẩn-bị quân binh chống Triệu-quang-Phục gọi là Dạ-trạch-vương cũng gọi là Triệu-việt-Vương.

### KỶ-HỢI 939 :

Ngô-Quyền tẩy sạch nhục nô-lệ hơn nghìn năm cho nước Nam và lên ngôi vua, đóng đô ở Cổ-loa.

### KỶ-HỢI 1179 :

Phò trào vua Lý-anh-Tôn và làm Phụ chính dưới trào Lý-cao-Tôn, ông Tô-hiến-Thành mệnh-chung. Ông là một người liêm-cán nhất.

### ÁT-HỢI 1275 :

Trần-thánh-Tôn tức Khoán bác lời bức công-diệp của nhà Nguyên đặt quan giám-trị bên Việ-Nam, cải sửa quan Đạt-lỗ-hoa-xích làm quan Dẫn-tiến-sứ. Nhà Nguyên chuẩn-bị xâm-chiếm nước Nam lần thứ nhì.

### ĐINH-HỢI 1287 :

Chúa nhà Nguyên sai Thoát-Hoan, A-bát-xích, Áo-lỗ-xích, Ô-mã-nhi cử 30 vạn quân sang xâm-chiếm lần thứ hai nước Nam đang dưới chánh-quyền của Trần-nhân-Tôn. Thảng chạp quân Nguyên bị quân Nam trấn ở cửa Đại-bàng phản-công.

1400

### TÂN-HỢI 1311 :

Vua Trần-anh-Tôn hiệp cùng Huệ-võ-vương Trần-quốc-Chân và Nhân-huệ-Vương Trần-thánh-Dư kéo binh sang phạt Chiêm-Thành về tội không giữ lời giao ước và bắt vua Chiêm là Chế-Chí.

### QUÍ-HỢI 1383 :

Thái-thượng-Hoàng Trần-nghệ-Tôn sai Lê-quý-Ly đem chiến-thuyền đi chinh-phạt Chiêm-thành, bị bão tố đánh đắm chiến-thuyền ở Nương-loan (tỉnh Hà-Tĩnh) nên phải rút lui về.

### ÁT-HỢI 1395 :

Lê-quý-Ly mưu sự tiếm-vị nhà Trần nên khởi sự xây thành Tây-Đô ở xã Yên-Tôn, huyện Vĩnh-Lộc (Thanh-Hóa)

### ĐINH-HỢI 1407 :

Lê-quý-Ly (đổi tên là Hồ-quý-Ly) và con là Hồ-hán-Thương bị mất ngôi do nhà Minh diệt. Con cháu nhà Trần là Giản-định-đế lên ngôi chống nhà Minh.

### KỶ-HỢI 1419 :

Bình-định-Vương Lê-Lợi đánh đồn Nga-Lạc (huyện Nga-Son, Thanh-hóa) giết tướng nhà Minh là Nguyễn-Sao, rồi Vương rút về Chí-Linh. Ở Chí-Linh Vương bị vây nguy khốn, Lê-Lai tự hy-sinh chết thế, Vương mới trốn thoát về đóng ở Lu-Son, và sai người sang Ai-Lao yêu-cầu binh cứu viện.

### QUÍ-HỢI 1443 :

Vua Lê-nhân-Tôn hay là thái-tử Bang-Cơ mới hai tuổi lên kế tiếp vua cha Lê-thái-Tôn thăng-hà thỉnh-linh. Hoàng-thái-hậu thỉnh-chính.

Ở ngoài vua Chiêm-thành là Bì-Cai sai quan quân chiêm sang đánh phá Hóa-Châu.

### KỶ-HỢI 1479 :

Vua Lê-thánh-Tôn sai Thái-Ủy Lê-thọ-Vực, tướng-quân Trịnh-công-Lộ, Lê-đình-Ngan, Lê-Lộng và Lê-nhân-Hiếu cử binh chinh-phạt xứ Lão-qua, dưới vua này chạy đến sông Kim-Sa giáp giới nước Diên-Điện. Vì Lão-qua nghe lời xúi giục của Cầm-Công tù-trưởng xứ Bôn-mang nên Lê-thánh-Tôn đi đánh dẹp. Cầm-Công bại và chết, Thánh-Tôn phong cho người cùng họ với Cầm-Công là Cầm-Đông làm Tuyên-uy-đại-sứ và đặt nền bảo-hộ như trước.

1401

**ĐINH-HỢI 1527 :**

Năm cuối cùng của vua Lê-cung-Hoàng, nhà Lê suy-đổi, các quan trong triều khuyh-loát nhau. Mạc-Đặng-Dong thoán đoạt, các quan trung-thành với nhà Lê tuân tiết, những người không chết đều nổi lên khởi nghĩa.

**KỶ-HỢI 1599 :**

Ở phương Bắc, nhà Trịnh đã lên địa-vị chúa, bảo vệ nhà Lê. Trịnh-Tùng thông sứ với nhà Minh, và chịu nhường đất Cao-bằng cho con cháu nhà Mạc. Trịnh-Tùng tự xưng là Đô-nguyên-Sứ, Thương-phụ Bình-an-Vương. Lê-thế-Tôn húy là Duy-Đàm con thứ năm Vua Anh-Tôn, băng-hà.

**TÂN-HỢI 1611 :**

Ở phương Nam, chúa Nguyễn-Hoàng cử binh vào đánh nước Chiêm-thành lấy được đất lập ra phủ Phú-Yên chia làm hai huyện Đồng-Xuân và Tuyên-hòa.

**QUÍ-HỢI 1623 :**

Bình-an-Vương Trịnh-Tùng mệnh-chung. Con là Trịnh-Tráng lên nối. Vua Lê là Lê-thần-Tôn húy là Duy-Kỳ phong cho Trịnh-Tráng chức Thái-úy Thanh-quốc-công tiết-chế thủy-bộ-chư-quân. Trịnh-Tráng phải lo trừ loạn Trịnh-Xuân là em ruột.

**ÁT-HỢI 1635 :**

Chúa Nguyễn-phúc-Nguyên hay là chúa Sãi từ trần. Con Nguyễn-phúc-Lan làm chúa kế-tiếp gọi là chúa Thượng. Chúa Trịnh-Tráng sai binh vào đánh chúa Nguyễn lần thứ ba vì thấy em của chúa Sãi là Ánh trấn-thủ Quảng-Nam làm phản.

**ĐINH-HỢI 1647 :**

Chúa Nguyễn-phúc-Lan mở khoa thi chính đồ (chia làm ba kỳ, người đỗ chia ba hạng) và hoa-văn (chia làm ba ngày, mỗi ngày làm một bài thơ).

**TÂN-HỢI 1671 :**

Vua Lê-huyền-Tôn húy là Duy-Vũ con thứ hai vua Thần-Tôn thăng-hà. Ngài cấm đạo Gia-Tô (Quý-Mão 1663), thông sứ với nhà Thanh (Trung-Hoa) và được nhà Thanh phong An-nam Quốc-vương (Đinh-mùi 1667). Huyền-Tôn không con, nên em thứ ba là Duy-Hội lên nối xưng hiệu là Lê-gia-Tôn. Duy-Hội được nuôi nấng bên phủ chúa từ thuở tấm bé.

**ÁT-HỢI 1695 :**

Ở Nam, trong phủ chúa, chúa Nguyễn-phúc-Chu mở thi gọi là Văn-chức và Tam-Ti.

**KỶ-HỢI 1719 :**

Ở phương Bắc, đời vua Lê-dụ-Tôn húy là Duy-Đường, chúa Trịnh là Trịnh-Cương. Cương chinh-dồn các sắc thuế, sai người đạc điền mục-dịch là chia thuế cho đều.

**TÂN-HỢI 1731 :**

Lê-dụ-Tôn thăng-hà. Hai năm về trước (Kỷ-dậu 1729) Trịnh-Cương bắt phải nhường ngôi cho Duy-Phrong. Cương mất, Trịnh-Giang lên thay thế, xa xỉ quá giặc-giã nhiều nên đánh thuế nặng. Ở phương Nam, vì quân Chân Lạp sang quấy nhiễu ở Gia-Định nên chúa Nguyễn phúc Trú sai đặt sở Điều khiển để chỉ-huy quân binh ở mạn ấy.

**QUÍ-HỢI 1743 :**

Nguyễn-hữu-Cầu, tục gọi là quận He, nổi loạn ở Đờ-Son và đất Văn-Đôn, tự xưng là Đông-dạo Thống-quốc Bảo-Dân Đại-tướng-quân. Thanh-thế hẳn rất mạnh.

**ẤT-HỢI 1755 :**

Vua xứ Chân-lạp là Nặc-Nguyên ngầm giao-hiếu với chúa Trịnh bị chúa Nguyễn là Nguyễn-phúc-Khoát sai Nguyễn-cư-Trinh đánh phạt; Nặc-Nguyên thua chạy sang Hà-tiên nhờ Mạc-thiên-Tư.

Nước Tiêm-la phái người đến xin chúa Nguyễn đừng đánh thuế những thuyền của nước ấy sang buôn bán ở đất chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn từ khước.

**ĐINH-HỢI 1767 :**

Chúa Trịnh-Doanh-tị trần, con là Trịnh-Sâm thay thế. Hoàng thân Lê-duy-Mật đem binh đánh đất Hương-Son và Thanh-Chương rồi rút về mạn Trấn-ninh.

**TÂN-HỢI 1791 :**

Vua Lê-chiều-Thống sang Tàu cầu cứu. Nhà Thanh đem binh sang Việt-Nam bị vua Quang-Trung đánh bại. Như thế mà vua Lê xin phát binh nữa bị lần nữa. Hậu hết đình thần nhà Lê bị l'hanh-triều đầy đi sang phía tây Trung-Hoa, sang Mãn châu v.v...

Bà thứ phi của chúa Nguyễn-phúc-Anh hạ sinh được hoàng-tử đặt tên Đam (tức là vua Thánh-tô sau này), ở làng Tân-Lộc gần Saigon.

**ÁT-HỢI 1815 :**

Luật Gia-Long ra đời tham khảo bộ luật Hồng-Đức và bộ luật nhà T'hanh. Bộ luật Gia-Long được 22 quyển gồm có 398 điều.

#### **ĐÌNH-HỢI 1827 :**

Năm Minh-mạng thứ 8, giặc loạn là Vành đánh lấy phủ Thiên-Trường và phủ Kiến-Xương. Phạm-văn-Lý và Nguyễn-công-Trứ đem quân tới giải vây.

Nước Tiêm-La đánh lấy nước Vạn-tượng, vua nước ấy là A-Nộ chạy sang cầu cứu. Vua Thánh-Tô sai người đem binh trợ giúp. Từ-trường Trần-Nhiệm là Chiêu-Nội bị binh Tiêm đánh phá, đề-nghị đất Trấn-Ninh nội thuộc nước Việt-Nam. Thánh-tô ưng chịu phong cho Chiêu-Nội làm Trấn-ninh phòng-ngự-sứ.

#### **KỶ-HỢI 1839 :**

Niên hiệu Minh-Mạng thứ 20, vua Thánh-tô định lương bổng đồng-niên tiền xuân-phục của các quan.

#### **TÂN-HỢI 1851 :**

Vua Dục-Tôn, niên hiệu Tự-đức, xuống dụ cấm đạo Gia-Tô lần thứ hai rất nghiêm ngặt, có giáo-sĩ ngoại-quốc bị giết.

Ở Bắc-Việt còn lắm người nhớ nhà Lê nên nổi loạn.

Giặc khách là bọn Quảng-nghĩa-Đường, Lục-thắng-Đường, Đức-thắng-Đường gọi là giặc Tam-Đường phá rối ở Thái-Nguyên. Vua Tự-Đức sai Nguyễn-dăng-Giai làm kinh-lược Bắc-Việt, ông dựng lời đường mật dụ hàng được chúng.

#### **QUÍ-HỢI 1863 :**

Thiếu-tướng Bonard và đại-tá Tây-Ban-Nha là Palanca ra Huế bệ-kiến vua Tự-Đức, công-ahận sự giảng hoà ba nước. Ông Vũ-Tào đánh bắt tên giặc Uân ở Tuyên-Quang. Ông Nguyễn-tri-Phương dẹp xong bọn giặc Nguyễn-văn-Thịnh tức là Cai-tổng Vàng ở Bắc-Ninh. Bọn giặc Phụng (Bắc-Việt) cầu viện với thiếu-tướng Bonard ở Nam-Việt, nhưng không thành vì trong Nam còn nhiều việc. Bọn giặc Phụng ở Quảng Yên thế càng to, tập-trung hơn 500 thuyền muốn đánh lấy đất Kinh-kỳ, nhưng bị bão đánh đắm nhiều. Quan quân bại binh hai trận lớn Nam-triều đối-nội và đối-ngoại rất nhiều-khê phiến toái.

#### **ẤT-HỢI 1875 :**

Tướng Cờ-Vàng là Hoàng-sùng-Anh hoành-hành ở phủ Vĩnh-Trường và bị bắt.

Nam-triều cử Nguyễn-thành-Ý làm-lãnh-sự Việt-Nam ở Sài Gòn Chánh

phủ Pháp cử Rheinart làm khâm-sứ ở Huế, Trúc làm lãnh-sự Hải-phòng, Kergaradec làm lãnh-sự Hà-nội.

#### **ĐÌNH-HỢI 1887**

Chính-phủ Pháp đặt phủ Toàn-Quyền ở Việt-Nam. Hoàng-kế-Viêm dụ hoặc Lê-Trực nổi lên chống Chánh-phủ Bảo-hộ, nhưng không thành nên Viêm triệt thối.

#### **ĐÌNH-HỢI 1947**

Toàn dân Việt-Nam nổi lên chống thực-dân.

#### **KỶ-HỢI 1959**

Nước Việt-Nam hy-vọng tha-thiết thống-nhất bằng hòa-bình.

### **CÂU ĐỐI TẾT NHÀ HÀNG THỊT LỢN**

*Gần tết, một anh hàng thịt lợn đến xin cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ đôi câu đối tết và có biếu cụ bát tiết canh và đôi bồ dục để tỏ lòng thành-kính. Cụ mỉm cười, tức cảnh liền đọc :*

Tứ-thời bát-tiết canh chung thủy,  
Ngạn-liều đôi bồ dục đậm trang.

*Đó là câu đối chữ nho tả cảnh xuân mới đầu năm, đại-ý nói bốn mùa, tám tiết thay đổi từ đầu chí cuối, cây bồ, cây liều đều màu đậm trang. Cụ đã khéo dùng những tiếng « bát tiết canh », và « đôi bồ dục » xen vào câu đối, đọc lên người ta hiểu ngay là tả cảnh nhà hàng thịt.*

H-VĂN

# MÙA XUÂN VÀ NĂM KỶ-HO' I

(Tiếp theo trang 1390)

TU-TRAI

## 5- TẬP-LUẬN VÀ TẬP-TRUYỆN VỀ XUÂN

### a) Danh-từ Tết.

Chữ « Tết » có người nhận định là do chữ « Tiết » (trong tên Tiết-Liên mà ra vì lễ Tiết-Liên dùng bánh vào dịp Nguyên-đán, nên sau người ta nhớ sự tích ấy gọi ngày ấy là ngày Tiết. Lại có người bác thuyết ấy, nhưng cũng nhận) cho chữ Tết chính là chữ tiết, mà tiết đây là tiết-nhật hay giai-tiết.

### b) Danh-từ Nguyên-Đán.

Lễ Nguyên-đán do người Trung-hoa đặt ra lâu đời, có nhiều danh-từ khác nhau rồi người Việt-Nam ta lấy dùng theo, như chỉ một ngày Nguyên-đán mà gọi là Đoan-nhật 端日, nguyên-nhật 元日, Chính-đán 正旦, đầu nghĩa là ngày đầu; và lại gọi là Tam-nguyên 三元, Tam-triều 三朝, Tam-thĩ = Tam-nghĩa là ba, nguyên, triều, thĩ đều nghĩa là đầu, 3 đầu: tức là đầu năm, đầu tháng, và đầu mùa.

Phong-tục đặc biệt của người Trung-hoa.

Àm đồ-tô tửu 飲屠蘇酒 = uống rượu đồ-tô.

Nguyên xưa có người ở tại am Đồ-tô mỗi khi đến buổi trừ-tịch đem cho trong xóm làng một tẻ thuốc, khiến đem ngâm dưới giếng, đến ngày Nguyên-đán lấy nước giếng làm rượu, để cả người nhà uống cho khỏi bệnh ôn dịch và gọi rượu ấy là rượu « đồ-tô ».

### c) Thương Tiều-hoa-tụng : 上椒花頌.

Bài tụng dùng rượu tiều-hoa (hoa giầy tiều). *Hiển Bá-diệp tửu* : 獻栢葉酒 = dùng rượu lá cây bá, hai thứ rượu này là dùng chúc thọ cho kẻ gia-trưởng trong ngày Nguyên-đán hay là quần-thần dùng chúc thọ cho vua. Nên trong những câu đối Tết hay thơ Tết người, ta thường dùng chữ tiều-hoa mà đối với chữ bá-diệp. Như các câu :

栢葉傳新歲

Bá-diệp truyền tân tuế.

Rượu bá-diệp rao năm mới.

椒花獻壽年

Tiêu hoa hiến thọ niên.

Rượu tiêu-hoa dùng tuổi thọ.

栢葉隨銘至

Bá-diệp tùy minh chí.

Rượu bá-diệp dùng theo vói bài minh (1)

椒花逐頌來

Tiêu hoa trục tụng lai

Rượu tiêu-hoa dùng đến vói bài tụng (2)

桃花湯

桃花雪

### d) Đào-hoa thang và đào-hoa tuyết.

Đào-hoa thang là lấy hoa đào nấu nước uống để trừ dịch-lệ.

Đào-hoa tuyết : tục này là do người vợ Lu-sĩ-Thâm ở bắc Tề, con gái Thôi-lâm-Nghĩa, có tài văn-học nhân ngày xuân lấy hoa đào hoà vói tuyết rửa mặt, lại đọc câu chú rằng : lấy hoa hồng, lấy tuyết trắng cho con rửa mặt cho sáng sủa, lấy tuyết trắng, lấy hoa hồng cho con rửa mặt cho tốt tươi, lấy hoa hồng, lấy tuyết trắng cho con rửa mặt cho tron láng, lấy tuyết trắng, lấy hoa hồng cho con rửa mặt cho có dung nhan.

### đ) Dấu chôi quét nhà.

Còn có tục này ở ta nay còn thấy là tục ngày Tết phải dấu chôi quét nhà.

Nguyên ở Trung-hoa thời xưa có một người thương-mại tên là Âu-minh đi qua nơi hồ Thanh-thảo. Vì thấy ở hồ này mời về và hỏi Âu-minh muốn vật gì ? khi ấy có người ở bên nhắc riêng với Âu-minh rằng : người nên nói câu xin cho được có Như-Nguyên, kỳ dư đừng muốn vật chi nữa. Âu-minh y theo lời, thần hồ thuận cho. Đến khi Minh sắp ra về. Thần hồ bèn kêu Như-Nguyên ra đi, thì nhìn thấy là một tiều-tỳ vậy. Minh dẫn Như-Nguyên về

1 và 2 : Minh, tụng đều là bài chúc thọ.



nhà ở độ vài năm, nhà Minh phát giàu có lớn. Có khi đến ngày nguyên đán Như-Nguyên ngũ dậu trưa bị Minh đánh, Nguyên chui trốn vào trong chõi quét rác, từ ấy nhà Minh lần lần suy nghèo. Vì vậy sau có phong-tục kiêng cử đến bữa Nguyên-đán người ta đều dấu chõi không bày ra trước nhà và cứ không quét nhà.

o°o

### e) Danh-từ về chữ xuân

*Xuân phân* 春分 = Tiết xuân phân : ngày và đêm thì giờ cân đồng nhau, theo dương-lịch thì nhằm ngày 21 hay 22 tháng 3.

*Xuân-tâm* 春心 = Lòng xuân : đương mùa xuân có tâm tình xúc cảm.

*Xuân-quan* 春官 = Quan mùa xuân : Đời thượng-cổ mỗi mùa có đặt riêng một chức quan như Xuân-quan, hạ-quan, thu-quan, đông-quan, đề coi công việc mỗi mùa.

*Xuân-sự* 春事 = Việc mùa xuân là việc nông-tang.

*Xuân-phong* 春風 = Gió xuân : ví với ân huệ của người bề trên, theo nhà hành-chánh tốt thì xưng là xuân-phong hạ-vũ (gió xuân mưa hạ) ; theo nhà giáo-dục hay thì xưng là Xuân-phong hóa-vũ (gió xuân, mưa hóa)

*Xuân-tình* 春情 = Tình xuân : Động-vật có động tình cảm giéc cấu hiệp cùng nhau.

*Xuân-liên* 春聯 = Câu liên xuân hay câu đối xuân.

*Xuân-huy* 春輝 = Bóng xuân : Ví với cha mẹ.

*Xuân-vi* 春閨 = Vi mùa xuân : Đời Minh, Thanh thường thi hội trong lúc tháng 3, nên gọi xuân-vi.

*Xuân phong đắc ý* 春風得意 = Gió xuân đắc ý ; Nói chuyện thi đậu Tiến-sĩ. Do câu thơ Mạnh-giao : xuân phong đắc ý đề tạt, Nhất nhật khan tận Trường-an hoa. (Gió xuân đắc ý có ngựa chạy mau, một ngày xem hết cả hoa ở Trường-an.)

*Xuân lan thu cúc* 春蘭秋菊 = Hoa lan mùa xuân, hoa cúc mùa thu. Nói mỗi mùa có mỗi thứ hoa danh thắng. Lại ví như nhân-tài mỗi người có mỗi tài thích-dụng riêng.

1408

*Xuân kỳ thu báo* 春祈秋報 = Mùa xuân cầu khấn, mùa thu báo đáp ý nói mỗi năm mùa xuân khấn cầu cầu thần thánh cho được gió mưa thuận hòa, lúa thóc được mùa, đến mùa thu trâu hoạch phải dâng lễ đáp tạ.

*Xuân-thọ mộ vân* 春樹暮雲 = cây mùa Xuân, mây buổi chiều. Ý nói nhớ tình bè bạn. Do thơ Đỗ-Phủ ngày Xuân nhớ Lý-Bạch :

Vị-bắc xuân thiên thọ,  
Giang-nam nhật mộ vân.  
Hò thời nhất tòn tữu,  
Trùng dư tế luận vân.

Tạm dịch :

Cây xuân ở Vị-Bắc,  
Mây chiều ở Giang-nam.  
Khi nào được gặp lại,  
Uống rượu cùng bàn thơ.

(Vị Đỗ-Phủ ở nơi Vị-bắc Lý-bạch ở chốn Giang-nam, 2 bên cách xa nhau, ở gần chỉ thấy cây cỏ đương xuân, trông xa lại thấy đám mây chiều mà thôi).

o°o

### o) Ý-NGHĨA VÀ TẠP-TRUYỆN VỀ NĂM KỶ-HỢI 己亥.

Theo âm lịch có 10 can : Giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý. 12 chi : tý, sửu, dần, meo, thìn, ty, ngọ, vị, thân, dậu, tuất, hợi. Can chi ấy phối hiệp thành ra lục-giáp : Giáp tý, Giáp dần, Giáp thìn, Giáp ngọ, Giáp tuất. Năm tháng ngày giờ đều đi hết giáp này đến giáp khác, trong 60 năm hay 60 tháng, 60 ngày, giờ, mới trở lại giáp đầu, tức là Giáp-tý.

Năm Kỷ-hợi là một niên-phần trong tuần Giáp-thìn, kể từ năm Kỷ-hợi trước (1899) cho đến năm Kỷ-hợi này (1959) là 60 năm, mà kể đến năm Kỷ-hợi sau (2019) cũng là 60 năm.

Năm Hợi người ta thường nói là năm tuổi con heo. Con heo theo chữ Hán có nhiều tên : trư 猪, thỉ 豕, đởn 豚, phệ 豕, hy 豨, ôn 豮 tung 豮, cai 豮 ba 把, ách 豮, khê 豮, gia 豮, can-lạp 剛鬣, Dật-phì 豮肥. Những tên kể trên có nhiều tên chưa từng gặp thấy, ấy là do trong sách Nhi-Nhà tra khảo ra. Vì ở Trung-Hoa mỗi chỗ gọi con heo có mỗi tên khác nhau, và trong ấy họ có phân biệt heo đực, heo cái, heo mẹ, heo con.

1409

Con heo có nhiều sự ích lợi cho người : Thầy Mạnh-Tử nói : ngũ mẩu kê, nhị mẩu phê, vô thất kỳ thời, nhục bất khả thăng thực dã = nuôi 5 gà mái, 3 nái heo, đừng làm lỗi thời sinh sản của nó, thì thịt ăn không hết. Lại tục ngữ có câu :

— Nuôi một nái heo đỡ nghèo năm tới.

Thật như thế, con heo nái mỗi năm đẻ ít ra cũng 3 lần, mỗi lần đẻ hàng chục con. Nên sách Đào-công trí-phủ cũng ân cần khuyên người ta nên nuôi heo.

Vì có sự ích lợi ấy nên có câu :

Mua heo lựa nái, lấy gái lựa nôi.

hay là :

Một lỗ tiền chôn

Không bằng cái tròn con lợn.

Ngoài ra heo còn dùng làm thực phẩm rất cần thiết, trong mỗi ngày, ít ai là không dùng đến thịt heo. Thịt heo có giai-vị chẳng khác gì thịt gà nên có ca dao :

Con gà cục tác lá chanh.

Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi.

(Chanh, hành là đồ giai-vị cho gà, heo).

và đây là lời heo kể trong quyển thơ nôm Lục-súc tranh-công :

Nội hàng trong lục-súc với nhau,

Ài sánh đặng mình heo béo tốt.

Vua ngự tế nam-giao đường đột.

Phải có heo mới gọi tam-sanh.

Đừng đừng quen lời nói loanh quanh,

Bớt bớt thói chê ai ăn ngủ,

Kìa những việc hôn nhân giá-thú.

Không heo ra, tình đặng việc chi ?

Đầu cho mười năm bảy chuyến đi,

Cũng không thấy một người thấp thoáng.

Việc hoà-giải, heo đầu công trạng,

Thấy mặt heo, người dạ oán thù.

Nhấn đến khi ngu-phu ngu-phụ,

Giận nhau đánh đập đầu chảy máu

Làng xã thì lao đao lâu đầu,  
Nào thấy ai gỡ rối cho xong,  
Khiêng heo ra để lại giữa dòng  
Mọi việc rối đều xong tron trái.  
Phải chăng chẳng phải.  
Nghĩ lại mà coi,  
Việc quan, hôn, tang, tế vô hồi,  
Thấy thầy cũng lấy heo làm trước,

o o

### Diễn-tích con heo trong sách của Trung-Hoa

— Ô-kim 烏金 = Vàng sắc đen. Ở Hồng-châu có người chuyên nuôi heo mà khởi nên giàu có, nên gọi heo là Ô-kim.

Xích-phê 赤皮 = Heo đỏ. Vua Vũ-Đế nhà Hán khi chưa sanh. Vua cha là Cảnh-Đế mộng thấy con heo đỏ từ trên không-trung sa xuống chui vào trong các Sùng-Phượng, khi Cảnh-Đế thức dậy còn trông thấy có khí đỏ như mây che mù cả các cửa nẻo. Cảnh-Đế bèn đổi tên các Sùng-phượng lại làm điện Ý-lan. Sau Vương-phu-nhân sinh Vũ-Đế tại trong điện ấy.

— Hắc-diện-lang 黑面郎 = Ông lang mặt đen. Phong-tục ở Quế-lâm thường hay ăn thịt nhái, có người vào triều làm chức ngự-sử, có một quan trong Triều cợt nói : « quan ngự-sử, ở nơi Hoa-đài » (1) Ngự-sử đáp lời : bắt con nhái để phụng dưỡng, không còn hơn ông lang mặt đen kia hay sao ? Ý nói người cợt kia là con heo mặt đen.

— Tru-tinh 猪精 = Tinh con heo. Ông Nhạc-Phi đời Tống thuở nhỏ có thầy tướng là Thu-ông xem tướng bảo rằng : « Nhà ngươi là tru-tinh, sinh-linh của người ở nhân-gian ắt có nhiều việc phi thường, nhưng ngày sau sẽ bị người ta mổ xẻ, ngươi nên thoát bộ cho sớm thì tốt hơn ? Nhưng Nhạc-Phi không tin lời ấy.

— Tru-long 猪龍 = Con rồng heo. An-lộc-Sơn đời Đường đem ngũ hiện hình ra một con heo dị thường mà đầu nó lại là đầu rồng, người ở tá hữu nói ra, Vua Minh-Hoàng nghe được bảo rằng : đó là con rồng heo nhưng không làm được việc gì đâu.

(1) Công thự Ngự-sử ở người khác gọi là Giám-đài, mà ông Ngự-sử nay nguyên ở chỗ nhiều nhái, nên cợt nói là hoa-đài. Hoa nghĩa là nhái.

**Đế-ba** 帝猪 = Vua heo. Chúa nước Kiệt-dơn là Đức Quang khi diệt được nhà Tán trở về đi đến rừng Sát-hồ bị bệnh chết, chúng tùy-giá mổ bụng bỏ cả ruột gan rồi ướp muối chõ về. Người nước Tấn gọi cho là Vua heo.

— **Lỗ-tân-bá** 魯译伯 = Bá chủ ở Lỗ-tân hay là tước bá ở Lỗ-tân. Người ở phương bắc nước Tàu có đem đưng cho ông tướng nước Yên một con heo lớn, ông tướng ấy khiến tề-phu làm thịt ăn, rồi lại, ông tướng mộng thấy con heo kêu nói : tạo-hóa đã làm khổ cho ta lấy hình hài con heo, lại khiến cho ta ăn những phần của người, nay nhờ oai-linh nhà người mà ta thoát kiếp được làm Lỗ-tân-bá.

— **Như-Lai-hình** 如来形 : hình Phật Như-lai. Nguyên dân ở huyện Hỷ giết heo tế thần, có con chó săn của Lưu-Thị lượm được cái xương rớt ngậm mắc trong răng chạy về trong 4 ngày cứ la ăng ăng không thôi, chủ nhà vạch mõ mép phía tả con chó ra coi thấy trong cối răng có một tượng Phật Như-Lai, bằng ngón tay cái, trên mái tóc có hạt châu bằng hạt lúa, ngồi nhắm mắt khoan chơn, vẽ rất trang-nghiêm, khi ấy người nghe thấy kéo đến coi kìa có số vận.

— **Dã-trư-hạm** 野猪彘 = Dã trư là heo ngoài nội. Hạm nghĩa chiến-hạm. Vương Lâm đời Đường mỗi khi đi đánh giặc sắp được hên thì chiến-hạm của Lâm có tiếng kêu như tiếng heo, nên mấy ngàn chiến-hạm đều đặt tên là Dã-trư-hạm.

— **Liêu-dông-thị** 辽东豕 = heo ở Liêu-dông. Tên Bành-Sùng có tánh hay tự kiêu công trạng giữa Triều-đình mà thật ra thì công trạng ấy không đáng kể. Nền Châu-Phù gọi thơ cho Sùng, nói : ở Liêu-dông có người nuôi heo sinh ra heo con mà đầu trắng, chủ heo lấy làm lạ, đả : ý rằng trên đời không ai có con heo như thế, bèn đem đến đưng cho vua, không nài sự đi đường xa xôi, anh ta đi đến Hà-dông chợt thấy bầy heo ở đó đều trắng đầu cả, anh ta hồ thẹn bỏ heo trở về. Nay như lấy công trạng của nhà người mà đem ra nghị luận ở Triều-đình thì chẳng khác gì việc con heo ở Liêu-dông vậy.

### Heo biết nói.

Ở Bột-Hải có một thầy tăng tên là Long-da-La, biết tiếng heo, một bữa nọ thầy tăng đi gặp con heo mẹ dẫn bầy heo con đương đi mà có tiếng ụt-ít chi đó. Vừa gặp một triệu-sĩ cợt hỏi : con heo nó nói gì thế ? Long-da-La đáp : con heo mẹ nó với bầy con rằng : « sẽ đi đến dưới bóng cây hòe trước đây, nó

cho bú, còn cách đây không bao xa sẽ gặp có cây hòe ». Tên triệu-sĩ đi dò theo thì quả nhiên.

### Vi heo mà tỏ được lòng tốt.

Mãn-trọng-Thúc là người thanh bạch ở An-Ấp nhà nghèo, ưa ăn thịt heo mà không tiền mua, mỗi bữa chỉ ăn một miếng gan mà thôi. Nhưng người bán thịt có khi không bán. Quan Lịnh ở An-Ấp nghe được, khiến lại thuộc thường bữa đem cho. Trọng-Thúc lấy làm lạ về sự cho ấy. Con Trọng-Thúc bèn nói rõ cơ sở-dĩ vì sao mà quan Lịnh đem cho. Trọng-Thúc than thở rằng : ta đâu lấy sự khâu-phúc mà làm lụy đến quan Lịnh An-Ấp. Rồi Trọng-Thúc liền ời đi ở chỗ khác.

### Sự-quái-dẫn của con heo.

Ở Ngô-Trung có người học trò ở bên bờ hồ khúc-a, bữa nọ có người con gái rất đẹp đến, anh ta mời ở lại ngủ, anh ta lấy trái lạc vàng đưng đeo trên cánh tay mà đeo vào cánh tay người con gái, và khiến tối sau trở lại, nhưng người con gái ấy không đến. Anh ta sai người đi tìm thì không thấy ở đâu cả. Sau vừa đi đến một chuồng heo nọ thì nhìn thấy có một con heo mẹ có đeo cái lạc vàng ấy

o°o

### KẾT-LUẬN

Lẽ nguyên-dán nước ta đã trải trên mấy ngàn năm, thanh-diễn ấy đã ăn sâu vào tâm huyết của người, nên mọi người đều chú trọng về lễ ấy. Vì từ những thời-dại xa xăm, trong dân gian quanh năm ngày tối bận rộn cần cù với các chức nghiệp như nông trang, thương mại, kỹ-nghệ, học hành v.v... Không được một phút phần rỗi để giao thiệp du hí cùng nhau, đành phải gác lại đợi đến ngày Nguyên-dán là ngày hết năm cũ qua năm mới, công việc quanh năm nhọc nhằn như đã thanh thỏa được phần nào hoặc đã chấm dứt, chẳng khác gì leo lên cái dốc đã cao lại dài, bây giờ được ngồi nghỉ thong thả một thời gian. Trong lúc nghỉ ngơi lại gặp chúa Đông-Hoàng dắt dẫn xuân-phong hòa khí đến cho muôn vật cùng tru-du thường thức. Nền ngoài sự cúng cấp tồ-tiên không quên cội gốc, lại được nhip tụ-hội tất cả cha mẹ anh em họ hàng nội ngoại từ xa đi về, tiệc tùng trà rượu dưới cảnh Xuân-quang đầm ấm rực rỡ ; ngoài ra, lại còn có anh em bạn bè vãng lai đàm đạo hoặc dạo chơi những thắng-cảnh danh-lam làm cho thay đổi được tinh-thần nhọc mệt, tiêu tụy lâu ngày trở thành một tinh-thần mới mẻ phấn phát hẳn hoan.

Những quan-niệm và phong-tục trên đây muôn người như một, tư tưởng, và hoan lạc như nhau, không hạn là giàu nghèo già trẻ, cho nên ngày Tết là ngày vui về nhất của toàn dân Việt-Nam.

# NỀN GIÁO-DỤC MỚI

## VỚI HIỆU-ĐOÀN HỌC-SINH

(Tiếp theo V.H.N.S. số 36)

PHẠM-XUÂN-ĐỘ

Vì công cuộc cá-tính-hóa nền học, ta nên nhắc qua các phương-pháp Montessori, Decroly, Audemars-Lafendel, Freinet, và các phương-pháp Hợp-chúng-quốc.

Nữ bác-sĩ Montessori (1870-1952) nghiệm rằng: Đối với thanh thiếu niên bất-túc hay lành-mạnh, sự hoạt-dộng tự phát thu được nhiều kết-quả hơn cả các cách-thức cố-diễn. Bà liền nêu lên mấy nguyên-tắc chính:

— Học-sinh được tự-do hoạt-dộng, không nhất-phải tuân theo những chỉ-thị đã có sẵn. Thậm chí đến kỷ-luật, bà cũng muốn cho chúng vui-vẻ giữ trật-tự, nên mới có những bài « tập yên-lặng ».

— Cần cho chúng những học-cụ, để si nấy vừa chơi vừa học.

Người ta đã thấy sáng-kiến của bà có hai « khuyết-diễm », một là quá chú trọng đến cảm-giác, chứ không lưu-tâm đến toàn-thể tinh-thần, hai là dùng những học-cụ ấn-định trước, trong khi vật-liệu cần phải luôn luôn thay đổi, và thầy trò có thể sáng-chế thêm được. Nhưng ai nấy đều công-nhận mục-tiêu căn-bản, mà bà đã nêu ra: cho thanh thiếu-niên được tự-do hoạt-dộng.

Đến đây, tất có bạn đọc đã thắc-mắc, tự hỏi: « Nhưng phương-pháp sư phạm ấy có liên-quan gì đến vấn-đề hiệu-đoàn, mà chúng ta tới đây nghiên-cứu? » Thì đây. Tôi dụng-tâm nêu ra những chi-tiết, trong học-đường linh-hoạt, mà các bạn giáo-chức khéo lòng áp-dụng ở ngay tại mỗi lớp. Vẫn biết, riêng về nữ bác-sĩ Montessori, thì bà thường chỉ chú ý tới trẻ em mới vỡ lòng, trong các « nhà trẻ nhỏ » (Case dei Bambini); nhưng, ngày nay, hầu hết các học-hiệu, kể cả cấp trung-học, đều hướng theo phương-pháp Montessori. Vậy, thử hỏi: ta làm cách nào, mà có thể để học-sinh được tự-do hoạt-dộng, vừa học vừa chơi, như ý muốn của nữ bác-sĩ, ngay trong các giờ đã ghi sẵn ở thời-khoá-biểu thông-thường? Hơn nữa, các phương-pháp chúng tôi sẽ nhắc-nhở dưới đây, còn có

những chi-tiết tân-kỳ, như thiết lập các lớp không có bàn ghế, cho học-sinh đi lại tự-do, hay in báo, — những chi-tiết không thể sao áp-dụng trong các giờ học thường-xuyên.

Vào khoảng năm 1952, một vị thanh-tra học-chính nước nhà trong một cuộc hội-hợp chính-thức, đã diễn-thuyết về ít nhiều phương-pháp giáo-dục mới, rồi đề lên thượng-cấp, đề tường-tình, một bản sao bài diễn-văn ấy. Thế là cấp trên đã phải bắt-buộc đương-sự cải-chính, tuyên-bố đó chỉ là những tài-liệu để học-hỏi thêm, chứ không phải là những chỉ-thị phải tuân-hành. Thực ra, sự áp-dụng một hệ-thống tư-tưởng mới còn phụ-thuộc vào hoàn-cảnh, vào phương-tiện đã có hay không, vào phong-tục địa-phương, vào sự hiểu-biết của con em, thật là vô cùng tế nhị và phức-tạp. Nhưng, không lĩnh-hội những cái học, không chọn lọc những tinh-hoa trong các tư-tào, không đổi mới, không nhập nhút tân, hựu nhập tân, không muốn biết tới nền giáo-dục mới, thì có khác gì bẻ quàn tòa cang, tự giam mình trong nạn từ-chương, tự xa-lầy trong các thế thức nhân-tuần, còn tiến-hóa được sao? Hiệu-đoàn được khai-sinh, thực là hợp thời, phải lúc. Chỉ có khuôn-khở rộng-rãi của Hiệu-đoàn, không-khí phóng-khoáng của Hiệu-đoàn, chương-trình hoạt-dộng mềm-dẻo và tế-nhị của Hiệu-đoàn, phạm-vi linh-động, co-rãn, của Hiệu-đoàn, mới là địa-hạt vô cùng thuận-tiện, để ta thí-nghiệm, nên giáo-dục mới, thi-hành những sáng-kiến tân-kỳ, táo bạo, ngộ hầu thu được kết quả, mà không hại cho sự học thường-xuyên. Lẽ dĩ nhiên, là các giờ học chính-thức đều phải thẩm-nhuần các phương-pháp mới, nhưng các chi-tiết nào không tiện áp-dụng ở nơi kia, thì ta sẽ dành cho Hiệu-đoàn. Vì vậy, công-việc của Hiệu-đoàn không trùng với nhiệm-vụ của Học-Hiệu; hai bên tự bổ-túc lẫn nhau. Hiểu như vậy, thì tất các bạn cũng không còn chần-trách, nếu tôi lược-kê ra đây, những phương-pháp giáo-dục mới, với những chi-tiết và nguyên-tắc, chỉ có thể, và nên, thực-hiện tại Hiệu-đoàn.

Ovide Decroly, sinh tại thành-phố Renaix nước Bỉ, năm 1871, lại càng có những quan-niệm mới lạ. Theo ông, nhà trường phải thiết lập giữa một khung-cảnh thiên-nhiên, nhưng cũng gần các dân-cư, khiến ngày ngày, học-sinh vừa nhìn thấy hình-ảnh của trời đất bao-la, vừa mục-kích sự sinh-hoạt của vạn-vật, và nhất là của thế-nhân. Như vậy, chúng sẽ không lãng-quên hoàn-cảnh, hoặc mắc phải nạn từ-chương. Lớp học không những có ít nhiều bàn ghế; nó còn là một công-xưởng hay một phòng thí-nghiệm tí-hon, trong đó, có máy nước, có đèn điện, có các loài thảo-mộc và động-vật. Học-sinh gieo hạt cây vào rêu, vào bóng hay trong các ống thủy-tinh; chúng nuôi ốc, ruồi, muỗi, thạch-thùng, ếch, nhái, chuột, chim, cá, v.v... Các thứ ấy không những có thể dùng làm học-cụ, mà còn giúp các học-sinh nhận xét sự phát-triển của sinh-vật; vì thế, chúng cần

thực-hiện phép quan-sát đo-lường (1), như dùng cân hay mét, để xem một thân cây mỗi ngày mọc thêm bao nhiêu, hay một sinh-vật mỗi ngày nặng thêm chừng nào. Ông muốn học-sinh căn-cứ vào thực-tế, để quan-sát, liên-tưởng và biểu-diễn. (2).

Theo Decroly, mỗi lớp chỉ nên có 25 học sinh trở xuống, để sửa-s soạn cho chúng ra đời, để tập cho chúng sinh-sống như trong thực-tế, chẳng khác gì công-chức tại buồng giấy, hay công-nhân trong xưởng thợ, Decroly muốn cho chúng được tự-do đi lại để tìm kiếm vật-dụng, và trò-chuyện se-se để trao đổi ý-kiến.

Decroly còn nêu lên nguyên-tắc chủ-điêm, mà ông cho là tối quan-hệ. Ông chê rằng : thời thường, các môn dạy ở trường có tính-cách rời-trạc, không liên-quan mật-thiết với nhau, mà cũng không gọi trí hiểu học của con em. Decroly bèn định rằng : các bài dạy nên qui cả vào bốn mục-tiêu, bốn nhu cầu, mà thế-nhân cần phải có, để sinh-sống và tiến-hóa : thực-phẩm, sự chống lại thời-tiết, sự tự-vệ để tránh những điều nguy-hiểm, và sự cần-lao.

Theo Decroly, giáo-sư tất có trí sáng-kiến, tài hoạt-bát, và tính hiệu-dụng để dạy trẻ ăn nhịp với hoàn-cảnh, và ứng-dối với từng trường-hợp. Ngoài ra, nên lập một hội, gồm có các «uy-viên gia-đình», để phụ-huynh học-sinh cộng-tác với nhà trường..

Nhưng, đi sát thực-tế, hòa nhịp với hoàn-cảnh, lấy việc đời để sửa-s soạn ra đời... đều là những công-việc của học-sinh trong hiệu-đoàn ; vì một trong các nguyên-tắc hướng-dẫn, ghi ở Qui-chế Hiệu Đoàn có nói : «Tập cho học-sinh quen sống với thực-tế, sẵn-sàng tiếp-xúc với đời, để khởi bở-ngỡ, một khi đời bỏ nhà trường.» Còn các điều ước-mong, như mỗi nhóm trẻ em không nên quá 25 người, để chúng tự-do ra vào trò-chuyện, lấy các nhu-cầu làm chủ-điêm... thì càng cần phải thực-hiện trong hiệu-đoàn, vì lớp học không thể nhận-theo các nguyên-tắc ấy được.

Phương-pháp Audemars-Lafendel, thi-hành tại Genève năm 1912, dưới quyền bảo-trợ của học-viện J.J. Rousseau, đã thu-nạp được những đặc-điêm của các quan-niệm Montessori và Decroly, tức là dùng học-cụ, nhưng một cách mềm-dẻo hơn Montessori, và để học-sinh tự-động. Tuy nhiên, học-thuyết này còn gán cho các trò chơi, một công-dụng lớn-lao, và phân-tích ra ba giai-đoạn trong mỗi cuộc tập-rượt chung :

(1) Observation-mesure.

(2) Observation, association d'idées, et expression.

— Lúc đầu, để học-sinh tự tổ-chức các cuộc vui, không mầy-may thắc-mắc về vấu-đề giáo-dục.

— Rồi, tập cho chúng vừa giải-trí, vừa nhằm một mục-tiêu, như, chẳng hạn, rèn óc quan-sát.

— Sau cùng, ngay trước khi nô-đùa, cần khuyên chúng trù-liệu mục-dịch theo đuổi, và chương-trình hoạt-động.

Như thế, tức là lúc đầu hoạt-động đi trước ý-tưởng ; rồi hoạt-động và ý-tưởng cùng song song theo nhau ; và rút cục, thì ý-tưởng lại được nêu lên trước khi hoạt-động, để tập cho thanh niên suy-nghĩ dần dần, mà không mất hứng-thú.

Nhưng, ở đây, cũng chỉ có Hiệu-đoàn và các giờ hoạt-động thanh-niên cùng thể-dục, là có thể áp-dụng các nguyên-tắc một cách dễ-dàng.

Nay, thử xét qua sáng-kiến Freinet. Nhưng, nói tới ông giáo ở tỉnh Vence, vùng Alpes maritimes này, ta không thể không nghĩ tới trường-hợp đặc-biệt và vô cùng mỉa-mai của ông. Năm 1922, tại miền Nam nước Pháp, một buổi chiều nóng-bức, sau khi đã đi bộ tới một ngọn đồi, ông Thanh-tra học-chính, mồ-hôi nhễ-nại, tới khám trường tiểu-học, do vị giáo viên Freinet điều-khiển. Ông gõ cửa ; không một ai trả lời. Ngạc nhiên, ông nhìn đồng-hồ : 15 giờ 5 phút. Hôm đó là ngày thứ hai, vậy lúc này là giờ học quốc-văn hay là toán-pháp trong tất cả các học-đường quốc-gia. Ông Thanh-tra gõ lần thứ hai, rồi đẩy cửa vào : trong lớp vắng tanh, chỉ có vèn-vện một em bé, đang dán ảnh vào một quyển « en-bom » to lớn.

— Ông có việc gì ? cậu bé hỏi.

— Thầy giáo đâu ?

— Thầy Freinet ấy à ? Thầy tôi đương ở ngoài vườn với các bạn tôi. Nếu ông muốn, tôi sẽ đưa ông tới xem.

Ông Thanh-tra hết sức ngạc-nhiên thấy ông Célestin Freinet, mình trần dang làm vườn với ba chục học-sinh... Thế là ông Thanh-tra ra về, làm tờ trình ngày 1-6-1922 đề-nghị thải-hồi ông Freinet, vì đã nghiêm-nhiên không theo thời-khóa biếu. Ông Freinet khai : « Học-trò tôi thường ngáp ở trong lớp... Chính tôi cũng tự thấy chán-nản, không chịu đựng nổi cái áp-lực thần-kinh giữa những phòng học tù-hãm, trong khi từ bên ngoài, ánh mặt trời chiếu

qua cửa kính, và giọng ve nổi lên như tiếng gọi của thiên-nhiên. Trước hết, tôi bỏ bảng đen, vì nó có vẻ buồn rầu quá. Rồi tôi cho trẻ học sách, bằng giấy vàng, đỏ, hoặc xanh. Như vậy đã khá hơn, nhưng chưa đủ. Vì thế, một ngày kia, lớp học của tôi được đem ra dạy ở giữa thiên-nhiên . . . » Nhưng, nhà hữu-trách cương quyết bác bỏ những lời biện-bạch của ông . . .

Nếu hỏi đó, các trường Pháp có Hiệu-đoàn như chúng ta bây giờ, thì có lẽ nhà giáo Freinet đã làm Hiệu đoàn trường, và đã có nơi tự-do hoạt-động, chẳng đâu phạm vào thể-lệ chính-thức, đến nỗi phải thực-sự « về vườn » Dù sao, sau khi đã thôi việc ở trường công, ông cùng vợ, mở một tư-thục tại nhà riêng thuộc tỉnh Vence, để quyết thực-hiện sáng kiến của mình

(Còn tiếp)

THI-CA PHỤ-NỮ

### XUÂN THANH-BÌNH

Thanh-sắc trời Xuân rạng núi sông,  
Tranh vàng thêu-dệt bởi Thiên-công.  
Nghìn trùng nước biếc trắng soi bóng,  
Muôn dặm đường hoè liễu rủ bóng.  
Đàn hạnh nâng cao hồn quốc-túy,  
Văn-chương chung góp chữ làm đồng.  
Cung đàn muôn điệu hoa muôn sắc,  
Gieo cả muôn hương đất Lạc-Hồng.

HỒNG-THIÊN nữ-si

ÁN BẮC MẮC KINH

# BÁT TRÂN

Bài của TÂN-VIỆT-ĐIỀU

Người ta xét trình-độ văn-hóa của một dân-tộc, không những ở phạm-vi văn-chương, khoa-học và mỹ-thuật, mà còn ở phạm-vi ăn uống nữa. .

Riêng ở nước ta, có tám món ăn quý nhất gọi là *bát trân*, tìm kiếm rất khó mà soạn sửa nấu nướng cũng lắm công-phụ, cho nên ở đời này đã mấy ai có thể tự hào nếm đủ cả tám món.

Vậy tám món ấy là những gì? Chúng ta cũng nên biết qua một vài chi tiết kỳ-lạ.

## 1.— NEM CÔNG.

Con công (paon), tên chữ là khồng-tước (孔雀) thường sống ở gò cao, như Gò-Công (khổng-tước nguyên, nơi dấy binh của Võ-Tôn-Tánh), Đền-Công ở Nghệ-An, thờ Thục An-Dương-Vương, hoặc ở rừng thưa có cây cao, như Tu-Bồng, Vạn-Giã (Khánh-Hòa), để nó có thể bay dễ dàng, không bao giờ nó ở chốn rừng rậm. Nó kêu tiếng « đò hò »; lông nó rụng nhằm mắt thi sinh ra chùng bạch mạc (màng trắng tức là vầy cá).

Khi làm thịt công, nên nhớ cắt mắt vứt đi ngay, vì mắt công rất độc. Trái lại, thịt công giải các thứ độc; người ta quyết làm nem, ngon nhất trong các loại nem, thường gọi là « nem công », một vị bát trân.

Con công trống sinh ra được ba năm thì đuôi dài lối hai thước, lông xòe tròn như bánh xe, đủ các màu sắc của cầu vồng, lại thêm trông như có nhiều con mắt, ở xa nhìn thấy như nhiều lỗ trống nên gọi nó là khồng tước (chim sẽ có lỗ).

## 2.— CHÀ PHƯỢNG

Chim phượng hoặc phụng (phoenix) là một giống chim sống ở núi cao, ít người trông thấy. Con trống là phụng con mái là hoàng. Giống chim phụng hoàng lông ngũ sắc mà nhiều sắc đỏ; còn giống chim loan cũng lông ngũ sắc như chim phụng, nhưng nhiều sắc xanh hơn. Khi nào chim phụng xuất hiện là có thánh nhân ra đời, như khi xưa « Phụng gáy kỳ-sơn » là điềm vua Văn-Vương nhà Chu ra đời.

Theo nhà bác học Nhật Bản Hachisuka, chim phụng hoàng chỉ là một thứ chim trĩ, lông đuôi dài có điểm tròn (faisan ocellé, hay là Rheinardia Ocellata); còn Loạn là thứ cầm kê (faisan argus).

Giống chim trĩ ở đất Việt-thường (tức là Quảng-Bình và Quảng-trị) và sử Tàu có chép rằng năm Tân-Mão (1109 trước Tây-Lịch), đời vua Thành-Vương nhà Chu, có nước Việt-Thường ở phía nam xứ Giao-chỉ sai sứ đem chim bạch trĩ (Rheinardia ocellata albinos) sang cống, vua nhà Chu phải tìm người làm thông ngôn mới hiểu được tiếng và sai ông Chu-công-Đản chế ra xe chỉ nam để đưa sứ Việt-thường về nước.

### 3. — DA TÂY NGU.

Con Tây ngu hay là Tê-nguru (Rhinocéros) là một giống heo rừng lớn, chân có ba móng đen, đầu có ba sừng: một cái ở đỉnh đầu, một cái ở trán, một cái ở mũi. Thứ 3 sừng gọi là tây nước thứ hai sừng gọi là tây núi. Nó ở trong rừng thì ăn toàn thứ cây cỏ gai, hình dạng xấu xí, cho nên khi xuống nước thấy bóng thì biết hổ thẹn, phải quấy nước cho đục rồi mới uống. Da dày, dao đâm không thủng, chỉ ở nách có đám da mỏng, bản hay đâm trúng thì mau chết. Da nách của nó ngâm nước, nấu ăn rất ngon và là một món trong bát trần.

Sừng tê-nguru gọi là tê-giác dùng làm thuốc có nhiều thứ, tùy theo cái hoa trông thấy ở đầu sừng. Nếu sừng đen mà hoa vàng thì gọi là **chính thấu**, trong cái hoa vàng mà lại có hoa đen nữa thì gọi là **đào thấu**; trong hoa đen mà lại có hoa nữa thì gọi là **trùng thấu**. Ba loại ấy là sừng tốt cả, còn thứ nào toàn đen không có hoa thì liệt vào hạng sừng xấu.

### 4. — BÀN TAY GẤU.

Con gấu (ours), con đực chữ Hán gọi là bi (羆) con cái gọi là hùng (熊) cõ dài, chân cao, đi được bằng hai chân, sức mạnh có thể lấy hai chân khua một cái cối đá; khi nào nó leo cây mà té xuống thì lấy làm khoái-lạc, cho nên nó cứ leo lên té xuống hoài. Còn khi nào đói thì liếm bàn tay, cho nên bàn tay nó ăn rất ngon và cũng là một vị «bát trần».

Mật gấu chứa các thương tích gãy xương, chữa sáng được con mắt, nên thường dùng để xức mắt gà đá khi nó bị thương.

### 5. — GÂN-NAI.

Con nai (cerf) lớn hơn con hươu (chevreuil), giống đực có sừng gọi là gác nai, gác hươu. Giống này ưa ở núi và thuộc về dương, cho nên đến tiết hạ chí thì sừng rụng. Sừng non gọi là nhung (lộc nhung) dùng

làm thuốc tráng dương bổ thận tăng thêm sinh lực rất nhiều nhờ chất «tréfon», nhưng phải biết cách bào chế và không nên lạm dụng có thể hại sức khỏe. Gạc nai ưa từng khúc ngắn, nấu nhiều ngày đêm với lửa không ngọn, thành chất nước đen dẻo, co lại thành lộc giao hoặc «cao ban long». Gân nai được liệt vào hàng các vị bát trần.

Khi nào thấy con hươu trắng xuất hiện là có điềm lành, thiên hạ thái-bình thịnh-trị. Dưới triều Gia-long, Chân-Lạp có dâng một con hươu trắng; con hươu này được nuôi ở vườn Thượng-Uyên.

### 6. — MÔI ĐƯƠI-ƯƠI.

Con đười ươi là một giống khỉ lớn (orang outang?) có thể đi hai chân dễ dàng. Theo sách An-Nam-chi: con đười ươi ở trong hang núi, đi không có đường nhất định. Người ta thường lấy rượu và vải chực chiếc dép da, để ra giữa đất, hề nó trông thấy thì biết tên ông bà người để giày dép và kêu khóc rằng: «Nó muốn bắt ta», rồi bỏ đi hết. Nhưng, một chốc, tiếng của đời, chúng nó kêu nhau trở lại, uống rượu, mang giày, cười đờn (cười như đười ươi, nức nở), múa meng hồi lâu, đến khi say mềm thì té nghiêng té ngửa, vừa lúc ấy người ta xông đến bắt một cách dễ dàng.

Thịt môi đười ươi ăn rất ngon, cũng là một vị «bát trần», lông thì dùng làm ngòi bút rất tốt.

Ở trên đèo Hải-vân, có một giống vượn lông đen, nhiều lông mép, đuôi dài hơn mình, ở đầu chóp đuôi có rẽ hai ra, khi trời mưa thì nó lấy rẽ hai ở đuôi mà nhém hai lỗ mũi lại. Giống này tên là «bạc mây», ưa ở từng bầy, lớn đi trước, nhỏ đi sau, ăn thì nhường nhau, ở biết yêu nhau, sống thì đoàn tụ chết thì thảm viếng nên sách gọi là loài thú có hiểu, từ, nhân, nhương.

### 7. — THỊT CHÂN VOI.

Voi có tên là tượng, một giống vật to nhất từ xưa đến nay, trong các loại thú có bốn chân, nhưng vẫn còn nhỏ thua chim, cá và rắn (nhưt điều, nhĩ ngư, tam xà, tứ tượng). Tuy hình dáng nó thô kệch, nhưng nó rất thông-minh, lanh lợi, chân dẫm lên đâu thì biết chỗ thật chỗ giả không mấy khi bị sập hầm sập hố, và chính ở trong bàn chân voi, có một lớp thịt gân rất mềm, nấu ăn rất ngon và cũng được liệt vào hàng «bát trần».

Khi nào có con voi trắng (bạch tượng) xuất hiện, ấy là điềm tốt cho quốc gia. Ngày xưa, vua Chiêm-Thành thỉnh thoảng có đem cống bạch tượng cho vua nước ta.

## 8.- YẾN SÀO.

Chim én biển (salangane hirondelle de mer), cũng có tên là du-ba-diều (chim đờn sóng), ất điều (chim bay theo hình chữ ất 卐), làm tổ trong hang đá các hòn đảo dọc theo bờ biển nước ta, từ Đèo Ngang đến Hà-Tiên mà thôi.

Giữa khoảng này, có ba địa điểm sản xuất yến sào là: Cù-Lao Chàm, phía ngoài khơi Vịnh Đà-Nẵng; núi biển Phương-Mai ở phía nam Qui-Nhơn quần đảo xứ Kauthara từ Nhatrang đến vịnh Cam-Ranh.

Yến Việt-Nam tốt hơn yến Phi-luật-Tân, Nam-Dương và Vân-Nam (yến đỉa); yến Nhatrang tốt hơn yến Qui-Nhơn và Đà-Nẵng vì nó thơm và chắc hơn; tuy nhiên yến Đà-Nẵng to hơn và nhiều hơn.

Giống chim én bay suốt ngày, không biết mỏi mệt, chuyên hút nước bọt bễ và ăn rau câu (gracillaire), pha trộn và nghiền ngậm với nước miếng; chế thành một chất nhựa trong, khi về hang thì nhều ra thành sợi để dệt tổ yến, áp dính vào tường như cái mudra trắng.

Yến làm tổ một năm hai lần: mùa Xuân và mùa Thu; yến xuân to lớn, yến thu nhỏ bé, vì thiếu thức ăn và thời tiết không thuận lợi.

Người đi lấy yến phải đợi khi nào trứng đã nở và chim con biết bay rồi mới gỡ tổ, như thế để giúp cho giống chim sinh sản càng ngày càng nhiều.

Yến sào có hai loại khác nhau tùy màu sắc: sắc trắng thì có yến quan, yến thiên, yến địa và yến bãi; sắc đỏ thì gọi là yến huyết. Các thứ trên thông dụng trên thị trường; còn như yến huyết thì mỗi mùa chỉ lượng được vài ký và giá bán rất đắt.

Trung truyền rằng chim yến hộc máu vào đẫy trước khi chết, cho nên yến có sắc đỏ và ăn rất bổ, thường dùng để trị bệnh phổi; nhưng sự thật những tổ yến huyết dính vào những bức tường đá có chất sắt đỏ (oxyde de fer), gặp mưa hoặc hơi nước ẩm thấp mà thấm dần ra tổ yến, vì lẽ đó yến huyết quả thật bổ hơn yến thường.

Muốn dùng yến phải ngâm nước thật lâu cho nó tan rã từng sợi nhỏ như vi cá mè và trong trắng, rồi lấy kẹp gấp những lông lá cho thật sạch, khi ấy mới đun yến vào bụng chim bồ câu non, hoặc chưng cách thủy với đường phèn trên lửa nhỏ không ngọn và tiếng đồng hồ, xong rồi đem ra xơi «lại rai» thì ngon đầu bổ khỏe trông thấy hiệu quả ngay.

Ngày xưa, các vị vua chúa thường ban yến cho đình thần, sứ thần các nước bạn, các vị đại khoa giáp mới chiếm bảng vàng, vì người ta nghĩ rằng đó là món ăn quý nhất trong thiên hạ.

*Đón xem một số sau:*  
**Sơn-hào hải-vị Việt-Nam)**

# THÚ CHƠI CHIM

(Tiếp theo V.H.N.S. số 36)

VƯƠNG-HỒNG-SÈN

Người khác nuôi chim họa-mỹ, sấm lồng thật cao, dưới đáy thả cát nhuyễn, mỗi lần chim hót, cất cánh bay lên tận nóc rồi phùng-xóa rơi mình sập-sạn xoay tròn lú-lo lạnh-lót, ai nghe ai thấy cũng mê!

Nhưng công-phu và thanh-nhã hơn hết là nuôi chim bạch-yến.

Tiếng rằng yến-bạch mà lồng có nhiều sắc: con màu trắng gọi «bạch», đã đành, con lông vàng dợt cũng là bạch-yến, người nào gọi «hoàng-yến» hay «kim-trúc» lại cho là câu kỳ.

Thử dò tự-điền Đào-Duy-Anh tra sơ thì thấy:

Serin, canari, serin d'or: hoàng-yến hay kim-trúc;

Jaune serin: màu vàng chim bạch-yến, vàng lọt.

Jaune queue de serin: vàng hơi đậm.

Seriner: cách tập chim bạch-yến hót bằng serinette.

Serinette: hộp nhạc để tập chim hót. (Do đây biết được người phương tây dạy chim từ câu hát chớ không như người mình «biết nuôi mà không biết luyện-tập» là thường lẽ.

Tóm lại, bạch-yến và hoàng-yến đều là giống chim sanh sản từ quần-đảo Canaries ở Đại-Tây-Dương, người Tàu đem qua bán trước tiên và nay người mình gây giống cũng nhiều.

Còn một thứ chim bạch-yến, lông pha vài sọc đen, định cho là giống chim lai lâu đời, vì khi ở ngoài trời có thể bị chim loại khác làm đều ó-nhục.

Tục truyền muốn có chim hót hay nên lựa giống mình thon dài, đầu đẹp đẹp, chớ giống mình tròn núc-na, đầu to như đầu se-sê thì it con hát giỏi.

Đừng lộn với chim oanh, hay hoàng-oanh (loriot), màu vàng anh, cũng biết hót và vẫn có danh với câu bắt hủ:

«Con oanh học nói trên nhành mĩ-mai» (K.V.K)

Đến như chim bạch-yến nuôi lâu đã biết hót, có người còn cầu kỳ lập đì, kén cho được chim «tối lòng tốt bộ», đứng hót cách nào mới phải điệu, đầu cất xéo làm sao, cánh nghiêng-nghiêng như thế nào mới là đẹp, hót tiếng dài, tiếng vắn, lên bổng xuống trầm ra sao mới trúng cách, hát cụt ngắn



thi hoặc là con chim chưa biết hát, con chim không có hậu hoặc đó là điếm chủ chim sắp suy-tàn.

Nhưng chim hay mặc chim, đừng hề-hẫng so-sầy gặp mèo thì khôn.

Ngày nay bạc tiền nhẹ giá, một con chim hay có người dám mua bạc ngàn, chim thường cũng đến bốn năm trăm bạc.

Nuôi bạch-yến cho ăn bằng tấm nhỏ, tấm gạo giã tay cho ăn tốt hơn tấm nhà máy, vì tấm-chà hết chất sinh-tổ, chim ăn lâu ngày sanh bệnh trình đít. Người nuôi chim nhiều, nếu có đất rộng, nên trồng giống cỏ bông lấy hạt cho chim ăn càng tốt. Thỉnh-thoảng phải cho ăn xà-lách và lòng đỏ trứng gà. Lấy maug-mực-khò treo trong lồng cho chim tắm lấy chất vôi làm vỏ trứng, không thì chim chậm đẻ. Lấy cỏ khô để sẵn cho chim tha làm ổ. Lại phải nâng thay giấy hay vật lót đáy lồng cho được sạch-sẽ, không hôi.

Còn nhớ năm xưa tại chợ Sa-déc, có ông thầy thuốc Tàu, danh gọi ông thầy Lâm-Quang, vừa giỏi nghề y vừa có tài nuôi bạch-yến không ai sánh kịp. Ông có một cặp chim đặc-biệt, đến bây giờ đi gần đủ đó đây tôi cũng chưa gặp con chim nào giỏi bằng. Chim ông nuôi trong lồng đưng bằng tre bên Tàu tuyệt khéo. Tự tay ông săn-sóc cho chim. Hồ nước uống, bẻ nước tắm, hũ đựng thức ăn, mỗi mỗi điều là những đồ-vật đắt tiền. Cặp chim này chủ cung cũng phải, và mấy mươi năm về trước, nội chợ Sa-déc không ai không biết danh. Thuở ấy, mỗi chủ-nhật có lệ đấu-xảo chim giữa một-nhóm lương-hữu đồng điệu. Sáng chủ-nhật nào, sau buổi điếm-tâm là tôi thấy các nhà chơi chim tay xách lồng tề-tụ lại nhà lâu ông Lâm-Quang. Trà thuốc vừa xong thì đem chim ra đấu. Ông Lâm-Quang giấu lồng chim của ông trên tho-phòng, ngoài này nơi nhà cầu rộng lớn có hoa lan hoa hường xông hương ngào-ngạt, ông Lâm-Quang ngồi giữa làm chủ khảo, thông-thả các tay chơi chim xúm nhau tuyền chọn những con chim nào hát hay để riêng từ lồng treo trên trần nhà cầu, những chim hát còn non thì cho đem lồng treo chung-quanh hành-lang để tập nghe mà bắt chước. Lần-lượt ông Lâm-Quang chấm những con chim lành nghề cho đem vào giữa vòng quan khách ngồi. Khi các con chim ấy hát thì tinh phi sức thỏa-thích ngổa-nguê rồi, ông Lâm-Quang bèn sai trẻ đem lồng chim của ông ra. Ông treo lồng trên cao giữa nhà; các chim kia chưa biết gì vẫn liu-liu với nhau. Thoạt con bạch-yến của ông Lâm-Quang cất tiếng chào. Ban đầu chỉ nghe một tiếng trong-trẻo và lớn, át cả tiếng các chim khác. Kế đầu tiếng vàng như thác đổ, khi dồn-dập cất bổng lên cao như sấm reo trên đỉnh, thoạt đổi giọng trầm như gió tự trũng sâu, thoạt vọt lên cao thật cao như nước dồn chơn đá-dặng Liu-liu êm-ái, khoan-nhật đồng-đều, ngọc khuê sáo thổi không bì. Khi chim ông Lâm-Quang dứt hát, là một tiếng êm-lặng khắp trong ngoài: các chim khác tự mắc cỡ vì biết sức mình kém xa nên im hơi lặng tiếng đã đành, tội nghiệp các chủ chim, thua buồn cũng biếng nói và quên khen. Cặp chim của ông Lâm-Quang, quên nói con thứ nhì, lúc hát còn điêu-luyện hơn nữa, cặp chim này quả là hiếm có.

Tích xưa, nuôi chim anh-vô, thấy ghi trong truyện Thuyết-Đường: Vương-thế-Sung được người mướn đi bắt con chim khôn sầy lồng, — chim không bắt được mà Thế-Sung lỡ tay sát non, gây ra án mạng, cũng đương làm giặc, làm phản-vương xưng hùng xưng bá tung-hoành mấy năm, cũng là một chuyện lạ.

Sẵn trốn cũng nên kể luôn năm xưa đọc sách, — nay cũng không nhớ rõ trong bộ nào hòng dẫn chứng, — có nhắc chuyện một anh chàng lái buôn đi thương-mại phương xa, chẳng may gặp cảnh trái mùa cao bán hạ, không bao lâu vốn-liếng gần cạn, buồn lòng thả ra chợ dạo chơi. Anh thấy bán một lồng chim, — độ trên trăm con cun-cút, — anh bỏ tiền ra mua, định sau này bán lẻ lấy lời chi-dụng đỡ. Đem chim về chỗ ngụ thì trời tối, cũng chưa kịp đếm, một đêm sáng ngày ra xem thì thấy dư trăm con xác chết nằm dưới đáy lồng ngổn-ngang, trừ phi một con độc nhưt, mổ dờ mắt lạnh, đứng trên nhánh cây giữa lồng, nghiêm-nhiên như một tướng-soái thẳng trận. Anh lái có ý định giết nốt con chim còn lại cho đã nu-giận, nhưng rồi suy-nghĩ hay đây là con linh-diệu nên chưa nở xuống tay. Đó là may cho anh, vận cùn đã mãn, nên khiến anh giữ con chim lại. Quả nhiên về sau, anh đem chim dâng cho quốc-vương xứ ấy, ông này có tánh thích chơi chim, ông bày trò cho chim đá lộn, thì tuyệt nhiên trong xứ không chim nào địch thủ. Nhờ đó anh lái buôn gầy dựng cơ-nghiệp không mấy hồi.

o o

Một chuyện khác nữa kể rằng có một người nuôi chim hát ca dạy đủ thứ tiếng nói, đi đâu cũng không rời con chim khôn. Một bữa qua xứ lạ, đem chim theo, lỡ đường hụt tiền ăn, người chủ lấy làm buồn. Con chim vùng nói: « Sao không bán tôi đi? Bán tôi thì chẳng lo chi tiền ăn ».

Người nuôi chim. — Tao không nở bán mày.

Chim nói. — Không can chi. Chủ lấy tiền rồi phải đi cho chóng, qua phía Tây khỏi thành hai mươi dặm chỗ cây đại-thọ thì đợi tôi.

Người nuôi chim nghe lọt tai, đem chim vào thành, và đi và nói chuyện với chim, ai nấy thấy lạ bu theo coi. Xảy có người trong Nội gặp làm vậy chạy về tâu vua, Vua liền đòi chủ chim hỏi mà mua.

Chủ chim tâu rằng. — Kể tiền-nhơn nuôi chim mấy tay mền chơn, đi ở không lia nhau, dầu túng cũng không đành bán.

Vua hỏi chim muốn ở lại đây với trẫm hay muốn theo chủ?

Chim trả lời: « muốn ở ».

Vua mừng. Chim lại nói: « Như mua thì trả mười đồng thôi chờ đừng trả nhiều ».

Vua nghe chim nói làm vậy càng vui lòng hơn nữa, hối cấp đủ mười đồng. Chủ chim làm bộ giận dữ, lấy tiền quày quả ra đi. Vua nói chuyện chơi,

chim trinh thưa bặt-thiếp, vua dạy đem thịt cho nó ăn, chim ăn no lại đòi tắm. Vua sai lấy chậu vàng múc nước, mở cửa lồng cho nó ra tắm. Chim tắm xong bay lên mái điện đứng rìa lồng, nói chuyện với vua ráo-rè. Khò lồng chim sẽ cánh nhảy nhót rồi nói: «Tôi đi nhé!» Chưa kịp ngó nó đã bay đi mất, vua cũng nội-thị ngừa mặt thương tiếc, hỏi đi kiếm thì chủ đi phương nào chim bay về đâu không ai biết được. Sau có người còn gặp chim và chủ đưa nhau dạo chơi một phương xa.

Thèm một tích nữa gọi «Chim trả thù» rút trong truyện giải buồn của ông Huỳnh-Tịnh Cửa:

«Chùa Thiên-Tàn có chim sẻ làm ổ trên «thu-kĩ» (chỗ hai mái nhà giao lại) (về sau nói trại đi, trong Nam quen gọi «cái khu dĩ»). Trên ván bưng có một con rắn lớn, mỗi khi chim vừa đậu lồng ra ràn thì bò ra nuốt hết, chim mẹ buồn kêu ít ngày rồi bay đi mất. Ai dè nó còn trở lại, — và năm thứ ba, thấy nó làm ổ như trước. Con nó vừa lớn lên, nó liền bay đi, ba bữa mới về vào ổ kêu con ra cho ăn. Rắn bò ra, động ổ sẻ con thất kinh kêu la thảm-thiết, chim mẹ bay bổng lên mây xanh. Một hồi nghe có tiếng ào-ào, trời đất tối tăm, ai nấy đều sợ hãi, ra coi thì thấy một con đại-bàn-diều, cánh sẽ che khuất mặt trời, ở đâu trên không ùn-ùn đáp xuống, đánh một vút, rắn kia đã đứt đầu, phá ổ rắn tan nát rồi chộp cánh bay đi, hai con sẻ bay theo như tiễn đưa. Thật là kỳ-dị.

o°o

Một tích nữa thuộc về chim hồng. — Xưa kia có người đánh bẫy dăng một con chim hồng, chim trống bay theo về tận nhà, bay lên đáp xuống kêu la tối ngày rồi mới bay đi. Sáng ngày người đánh bẫy dậy sớm đi ra ngoài thì thấy con chim trống bay tới rồi và kêu và bay theo đậu một bên chơn, người ấy liền chụp mà bắt nó luôn. Chẳng dè con chim ngheen cổ mửa ra một thoi vàng. Người đánh bẫy hội ý bèn thả con chim mái, cả hai bay quần trên cao giây lát thì bay mất. Rõ là chim mà còn biết đem vàng chuộc vợ.

o°o

Sau rốt là một chuyện giai-thoại chứng rằng người mình đối với khoa-học rất là dễ-dãi.

Chuyện kể lại rằng thuở xưa trời đất biến sanh thú-vật cũng chưa lay chi làm đủ, hoặc có con thiếu chơn, hoặc có con thiếu cánh. Nên sau có ba ông tiên giáng xuống trần nơi sơn-lâm đặng cứu vớt những loài tàn-tật.

Truyền rao hẹn trong ba ngày những con nào thiếu chơn thiếu cánh thì hãy đến cho tiên làm phép.

Khi ấy có một con vịt có một chơn những mảng lo kiếm ăn không hay, qua ngày thứ tư, mới chạy đến lạy ba ông tiên. Tiên nói: «Mày tới trễ. Bây giờ chẳng còn giống gì mà trông thể cái chơn thiếu

của mày. • Vịt cố năn-nỉ lạy-lục... Ba ông tiên cảm lòng không đậu, bèn bẻ một cái cẳng ghé mà làm phép rồi thắp chơn cho con vịt, dặn rằng: «Nếu sao có về, đứng ngủ gì đều phải cho cần thận, phải co cẳng lên, chớ đừng có đập những vật ô-uế, cẳng mà trở nên vô dụng, thì chúng ta cũng không biết lấy chi mà đền!»

Con vịt từ-tạ ra về, dọc đường gặp một bầy chim nào chà-chiện, ốc-cau, đồ-nách, đều là chim tàn-tật, không có chơn mà đi. Vịt mách sao không lên kip chỗ sơn-lâm xin tiên trông chơn cho. Mấy con chim này nghe nói mừng khắp-khởi, lật-đật bay tới chỗ khẩn cầu ráo nước miếng. Ba tiên nói: «Chúng ta có dặn phải tỵ trong ba ngày, nay đã quá hạn kỳ, vật-liệu đã hết, biết lấy chi mà trông cho mày?» Nhưng chim nó lạy lục năn-nỉ thiết-yếu quá, ba tiên tội nghiệp, bèn nhờ một mớ chơn-nhang làm phép vãi ra mà nói: «Đó chúng bay lấy thứ này cầm làm chơn mà đi». Chim kêu nài viện cớ sợ cộng chơn-nhang nhỏ quá e nửa chừng gãy đi biết lấy chi mà chấp. Ba tiên nói: «Coi vậy chớ không sao! Không can chi mà phòng sợ! Cần-thận hơn thì khi đậu xuống, chúng bay hãy nhúng-núng ba cái thăm chừng, như có gãy thì lên đây ông thay cho thứ khác».

Từ thuở ấy, chà-chiện, ốc-cau, đồ-nách mỗi lần đáp xuống là, nhúng-núng thử cặp giò; còn chim vịt khi ngủ thì co lên một cẳng.

THI-CA

### TIẾNG ĐỘNG ĐÊM TRƯỞIỊCH (TẠI NGÕ HÈM SÀI-GÒN)

Pháo nổ tứ tung, xác ngập hè,  
Giáo- thừa vang-dậy, tờ nằm nghe.  
Ròn cười khanh-khách, người qua ngõ,  
Hoảng sợ cuống-cuống, chuột lách khe.  
Gió lộng vi-vu còn dậm-dật,  
Đài (1) kêu inh ỏi lại ỏi-te,  
Chuông rung đồn-đã, Tân-xuân hê,  
Thìn-thít đàn con sắp ngày khê.

VŨ-TRANG

(1) Chỉ Đài Phát-Thanh.

刊 月 化 文 贈 敬 春 新

刊	版	從	尋	歷	歲	華
鐘	鳴	燭	紹	善	心	多
文	風	日	上	光	城	野
化	雨	春	來	遍	海	河
開	放	民	權	高	品	祿
維	持	人	本	固	邦	家
東	西	哲	理	餘	師	在
供	給	共	同	教	育	科

DỊCH-AM

TÂN - XUÂN KÍNH - TẶNG  
VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

San bản xám tâm lịch tuế-hoa,  
Chung minh chúc chiếu thiện-tâm đa.  
Văn-phong nhật thượng quang thành-dã,  
Hóa-vũ xuân lai biển hải-hà.  
Khai-phóng dân-quyền cao phẩm cách,  
Duy-trì nhân-bản cổ bang-gia.  
Đông Tây triết-lý dư sư tại,  
Cung-cấp cộng-đồng giáo-dục khoa.

QUẢNG-XUÂN

DỊCH-NGHĨA

NGÀY XUÂN KÍNH - TẶNG  
VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN

Rọi đức rung chuông mấy tuế-hoa,  
Nguyệt-san tô-diềm nước non nhà.  
Văn-phong ngày tiến thông thành-dã,  
Hóa-vũ xuân rơi khắp hải-hà.  
Mở rộng dân-quyền, nâng phẩm-cách,  
Giữ bền nhân-bản, ững bang-gia.  
Phò bày triết-học Âu cùng Á,  
Giáo-dục khuôn vàng mở rộng xa.

VĂN-LAM dịch

KHẢO-LUẬN VỀ TRUYỆN CỔ VIỆT-NAM

TRUYỆN CỔ VIỆT-NAM

Giáo-sư PHẠM-VĂN-DIỀU

I. — Khái-luận.

Nền văn-học truyền-khẩu nước ta gồm hai bộ-phận : một bộ-phận đã thành-hình, có hình-thức, tức là tục-ngữ, ca dao, và một bộ-phận chưa xác-thành, không có bản văn nhất-định, tức là kho truyện cổ.

Truyện cổ, nôm na thường gọi là chuyện đời xưa, vốn xuất-hiện, lưu-truyền lâu đời giữa đám dân-gian. Nhưng vẫn có nhiều truyện phát-sinh, bắt nguồn từ những bộ óc thức-giả của xã-hội mà ra. Truyện cổ phổ-thông rất sâu rộng, thường có từ cổ xưa, rồi đời đời lưu-truyền, và không còn biết ai là tác-giả. Điều nên trớ trêu là truyện cổ nặng về phần nội-dung, phần tinh-thần, chứ không vụ ở phần văn-chương, phần hình-thức. Vì thế, qua truyện cổ, người nghiên-cứu, kẻ học cang dễ thấy cái đặc-tính về tâm-hồn, về tinh-thần của đại-chúng, của dân-tộc.

Truyện cổ là một kho-tàng của tiền-nhân để lại, gồm có những câu-chuyện, hoặc liên-quan với nguồn gốc dân-tộc, với những nhân-vật lịch-sử, những tiên-thánh, hoặc liên-quan với những phong-tục, tín-ngưỡng, các hiện-tượng thiên-nhiên, hay các thắng-tích, hoặc ẩn-ngụ một quan-niệm về triết-lý, một quan-niệm về luân-lý. Thường, các truyện cổ vẫn bao-hàm rất nhiều ý-vị nghệ-thuật. Trải bao nhiều thời đại, truyện cổ nghiêm-nhiên được tồn tại, được mọi người yêu thích : tất-nhiên truyện cổ là một giá-trị chắc chắn của một sự chọn lọc tự-nhiên và lâu đời.

Tùy theo nội-dung, mà truyện cổ còn có thể có nhiều tên gọi khác nhau. Có những truyện nhiệm tính-cách hoàn-toàn hoang-đường, giông-giải, khoe-khoang về nguồn-gốc lịch-sử cao-đẹp, vẻ-vang của riêng dân-tộc mình, như truyện con Rồng cháu Tiên của ta xưa chẳng hạn, thì gọi là thần-thoại, truyền-thuyết. Những truyện cổ vốn có gốc gác trong sự thực, trong lịch-sử, nhưng cốt truyện, sự tích đã do sự thần-tiên-hóa của óc tưởng-tượng, của tín-ngưỡng, theo-dệt, tô-diềm thêm, nên nặng tính cách thần bí, như truyện Phù-Đông thiên-vương, truyện Từ-Thức chẳng hạn, thì gọi là truyện truyền-kỳ. Còn những câu truyện vốn bịa đặt theo óc tưởng-tượng, tình-tiết được tổ-chức thành lớp lan kỳ-thứ, có khí vị

hồn-nhiên, giản-dị, phảng phất ít nhiều tính cách huyền-ào, siêu trần, và trong câu truyện lại ngụ ý giảng-dạy, như truyện "Ăn quả trả vàng" thì tức là truyện cổ tích. Còn có những truyện cổ-tích mà các nhân-vật là loài-vật mang linh-hồn người, tức như ngụ ngôn bằng văn xuôi, lại gọi là truyện cổ tích loài vật.

Truyện cổ, có lẽ phát-tích từ khi con người quần-cư thành thị-tộc, thành xã-hội, là một lối giải-thoát của loài người ra khỏi những chật-chội của cuộc thế, để tìm đến một thế-giới thượng-dâng, mà con người được nâng lên như một giá-trị quyết-định, mà những gò bó, trở-ngại đều được san-phẳng. Do-lai tính cách phổ-biến, nhân bản của truyện cổ một phần là ở đây. Trong kho truyện cổ một nước, có nhiều truyện vốn từ phương xa du-nhập rất cổ xưa, và dưới ảnh-hưởng của hoàn-cảnh mới, cốt truyện đã bị thay đổi sâu xa, mang một dáng-dấp riêng của phong-thổ bản xứ. Sự truyền bá du-nhập truyện cổ thường do nhiều cách: hoặc do hành-thương đem theo cùng hàng-hóa của họ những câu chuyện xưa cổ ở nước họ, hoặc đã lượm được theo dọc đường, nhưng thường là do các xê-dịch, các cuộc chiến-chinh, rộng lớn ở thời cổ, do con đường truyền-giáo, xê-dịch của những tôn-giáo, các nhà tu-sĩ, nhà sư đem lại. Ta không lấy làm lạ rằng có nhiều câu truyện cổ của những nước xa cách nhau, lại giống nhau. Truyện cổ Việt-nam trừ ngoại những truyện riêng của đất nước này: như truyện Sơn-Tinh Thủy-Tinh (ngụ-ý tả cảnh lụt lội hằng năm, và sự sinh-hoạt khổ nhọc cổ-thời ở vùng châu-thỏ Bắc-Việt) tất nhiên, vẫn có nhiều truyện gốc tự ngoại-lai: là Âu và Ấn-độ nhất là Ấn-độ, được các nhà sư mang sang, mà bóng dáng của Phật-giáo thật là rõ-rệt. Như truyện «Con Tấm, con Cám» mà ai cũng biết, vốn gốc ngoại-lai mang nặng ảnh-hưởng của Ấn-độ. Nguyên truyện này gốc ở Ấn-độ, lan truyền khắp miền Đông-Dương: Cao-mên, Chiêm-thành. Giáo-sư Paul Demiéville, khảo về truyện Tấm Cám cho biết là truyện đã do người mình mượn ở Chiêm, vì các sách Tàu không thấy có truyện này (Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient, quyển XXI, trang 277 và 281). Song kinh-qua hoàn-cảnh mới, truyện đã nhuốm hẳn màu sắc Việt-Nam, và các nhân-vật hoàn-toàn đã khoác ngữ-điệu Việt-Nam, cái màu sắc ngữ-điệu biểu-tả đặc-tính của một dân-tộc, và lối cảm-ngiht riêng của mình. Còn những truyện như truyện Dạ-soa trong Lĩnh nam trích quái (thế-kỷ XIV) (Xem Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient, quyển XXI, trang 277) và truyện chúa Ôn trong truyện-kỳ mạn-lục (thế-kỷ XVI) cũng mượn ở truyện Rāmāyana nguyên của Ấn-độ truyền sang Chiêm, rồi ta chép lại của Chiêm. Truyện này không thấy ở sách Tàu.

Trong kho truyện cổ của ta, loại truyện truyền-kỳ và truyện cổ-tích là phần rất phát đạt, xuất sắc hơn cả.

Công việc sưu-tầm và viết truyện cổ ta thời xưa khởi-thủy rất chậm trễ! Ta nên nhớ là Ấn-độ có bộ Panchatantra tối-cổ, được dịch từ chữ Phạn ra chữ Pehlvi do lệnh vua Chorès (thế-kỷ VI) Ảnh-hưởng của bộ truyện cổ này rất rộng lớn: truyện được dịch ra tiếng cổ Ba-tư, tiếng Syria; tiếng Ả-rập, (thế-kỷ VIII), tiếng Hébreu (thế-kỷ XII), tiếng Latin (thế-kỷ XIII), và lan truyền hầu khắp các nước Âu-châu. Ở nước ta đến hậu bán thế-kỷ thứ XIII, thời Trần, sử-quan Lê-Văn-Hưu soạn bộ Đại-Việt sử-ký, nhưng chỉ chép từ đời Triệu Vũ-đế (207 tr. Tây-lịch) trở đi; bộ này sớm thất truyền. Quyển An-nam chí-lược của Lê-tác đời Trần Nhân-tông (1279-1293), viết tại Trung-quốc khoảng đầu thế-kỷ XIV, không hề ghi chú về các đời Hùng-Vương. Sách Việt-sử lược thế-kỷ XIV của một tác-giả vô-danh, chỉ nói về đời Hùng vồn vẹn vài dòng. Nhưng trong đời Trần lại thấy xuất-hiện hai tập sách chủ-yếu sưu-tập, biên-soạn các truyện cổ, các truyện truyền-kỳ Việt-nam là: Việt-diện u-linh tập 越南幽靈集 của Lý-Tế-Xuyên 李濟川 (?) (1329), và Lĩnh-nam trích-quái 嶺南摭怪 của Trần Thế-Pháp (?). Sách Lĩnh-nam trích-quái về sau đến đời Hồng Đức nhà Lê lại được Vũ Quỳnh 武瑄 và Kiều Phú 喬富 san nhuận và đề tựa. Ở thế-kỷ XV, đời hậu Lê, sử-thần Ngô-Si-Liên trong quyển I, phần Ngoại-ký bộ Đại-Việt sử-ký toàn thư, do ông phụng-mệnh vua Lê Thánh-tông soạn ra, mới thấy lần đầu tiên trong một bộ chính-sử có chép về nguồn-gốc xa nhiệm tính-cách thần-thoại là họ Hồng Bàng, và nhà Thục, căn-cứ theo các dã sử và văn truyện ký như Việt-diện u-linh tập, Lĩnh-nam trích-quái v.v.. Đầu thế-kỷ XVI, vào hồi suy-loạn của triều Hậu Lê, nhà xử-sĩ Nguyễn-Dữ, lại gom góp các truyền thuyết linh-kỳ từ thừa Lý Trần đến thời bấy giờ và viết ra sách Truyền-kỳ mạn-lục 傳奇漫錄. Đời Hậu Lê lại có một số nhà nho bổ-túc tập Việt-diện u-linh tập đời Trần thành ra bản Tân đính. Thời Lê Trung-Hưng thì có tập công-dự tiếp-ký của Vũ Phương-Đề, tập Tục truyện-kỳ (1) của Đoàn-Thị-Điêm. Cùng loại các truyện này, còn có những bộ như: Truyền văn Tân lục, Văn Kỳ lục của Nguyễn Diên-Trai người Nghệ-an, Khoa-bảng tiêu Kỳ của Phan Huy Ôn, Việt-nam thế chí của Hồ tôn-Thốc, Sơn cư tạo thuật của Bùi Huy Bích, kiến văn lục của Trinh hiệu Lan-tiểu ngư giả. Lại còn bộ Tân truyện Kỳ lục của Phạm Quý Thích người cuối Lê đã dùng lối ngụ-ngôn, mượn chuyện loài vật mà tả chuyện người đời. Đời Nguyễn, có sách Công hạ Ký văn của Trương Quốc Dụng, Bản quốc dị văn lục. Đáng lưu ý là vào năm thứ 7 triều Thiệu-Trị (1847).. có ấn-hành một bộ sách nhan đề là Hội chân biên (2) của tác giả ký biệt-hiệu là Thanh-Hòa-Tử. Ấy là một quyển sổ ghi chép sự tích các bậc tiên-thánh hiền-

(1) Sách này hiện tồn-trữ tại Học-viện Viễn-dông Bắc-cổ Hà-nội.

(2) Hoặc Truyền-kỳ tân-phá.

linh, riêng của Việt-nam. Về khoảng đời Đổng-Khánh lại có bộ **Vân-nang** tiểu-sử của Phạm đình Dục cũng là một bộ truyện truyền kỳ. Sau này, trong lớp các văn-gia hiện-đại, công việc sao-lục, sưu-tập, biên-soạn hoặc phỏng-tác về truyện cổ, vẫn được tiếp-tục, như Phan-Kế-Bính làm sách **Nam-hải dị-nhân** liệt truyện, Nguyễn Văn-Ngọc viết bộ truyện cổ nước Nam...

Đại-khái các truyện cổ phần lớn đều tỏ ra một không khí siêu thực đều thuộc một hình thức thần kỳ đặc biệt. Cũng như ca dao, các truyện cổ, có thể xem như những bài thơ không vần, trong đó, mộng và thực, cõi tục và cõi tiên chen lẫn nhau, hư hư, thực thực, nó là cái khí vị siêu nhân làm thỏa mãn óc tưởng-tượng, phiêu-lưu, thỏa-mãn được mỹ-cảm, có hiệu-lực hấp-dẫn quyến-rũ người nghe, người đọc trong những tình-tiết thơ mộng ly-kỳ.

Truyện cổ xưa đã diễn-ajch, tâm-lý tư-tưởng của quảng-đại quần-chúng, của dân-tộc, nên chủ-đề truyện cổ chính là tượng-trưng cho cả khuynh-hướng đại-chúng, dân-tộc. Diễn-xuất những nguyện-vọng và cảm-tình sâu-xa của con người; truyện-cổ thật đã tước bỏ cái thực-tại của hồng-trần chua-cay. Con người bình-thường khốn-đốn, trong truyện cổ, trở thành cao đẹp, đầy quyền uy. Có con gái xấu-xí, góc-nghếch trở vợ giữa cảnh đời, trong truyện cổ, sẽ trở nên bà hoàng-hậu chốn gác tía, lầu ngà. Con người nhỏ bé quả đã sáng-tạo những cao đẹp để làm êm nguôi những buồn tim và cảnh yếu-hèn của mình.

## II. — Phân-loại truyện cổ. —

Căn-sứ theo nội-dung những truyện cổ, có thể phân thành những loại như sau :

1) — Những truyện thần-thoại, truyền-thuyết có liên-quan đến nguồn-gốc xa của dân-tộc; những truyện cổ liên-quan đến những nhân-vật lịch-sử, những thắng tích :

Thí-dụ :

- Truyền-thuyết " Con Rồng cháu Tiên "
- Truyền-thuyết Nô thần
- Truyện Phù-đồng thiên-vương
- Truyện vua Đinh Tiên-Hoàng cưới rồng
- Truyện thần núi Tân-Viên

2) — Những truyện truyền-kỳ :

Thí-dụ :

- Truyện Chử đống-tử của Tiên-Dung
- Truyện Từ-thứ và Giáng-Hương
- Truyện Tô-Uyên và Hà Giáng-Kiều
- Truyện Phạm-Viên, vị chân-nhân của dãy núi Hồng-linh.

3) — Những truyện liên quan đến những hiện-tượng thiên-nhiên, những truyện cổ loài-vật, những truyện-cổ giáng-giải về thế-giới cảm-thú :

Thí-dụ :

- Truyện Sơn-tinh và Thủy-tinh
- Truyện con công và con quạ
- Truyện con chèo bẻo.

4) — Những truyện liên-quan đến phong-tục :

Thí-dụ :

- Sự tích bánh dày, bánh chưng
- Truyện Trầu-cau
- Tích quả dưa hấu

5) — Những truyện ần-ngụ một quan-niệm luân-lý, hoặc triết-lý :

- Truyện ăn quả trả vàng
- Truyện hai anh em và con chó đá
- Truyện Tấm, Cám
- Truyện Lưu-Bình và Dương-Lễ
- Truyện gậy thần sách ước

6) — Những truyện phúng-thế, hài-dâm (1)

- Truyện thăng cuội
- Truyện vũ là mưa
- Truyện ba anh đốt làm thơ.

(1) Về loại này, ta có thể kể cả những truyền-thuyết dân-gian đã kể chung-quanh nhân vật Cống-Quyên về đời Hậu-Lê khoảng hạ-bán thế kỷ XVIII.

### III. — Chứng dẫn vài truyện cổ phở-thông —

Những công-trình văn-học được truyền-tụng nhiều nhất trong dân-gian thường lại là những công-trình phản chiếu rõ tâm quan-trọng, dân-tộc-tính hơn cả. Sau đây chúng dẫn một vài truyện cổ phở-thông.

#### 1) — Truyện nỏ thần.—

Ngày xưa, Vua An-Dương-Vương lúc xây thành Cồ-loa thường bị các giống yêu-quái quấy rối, phải lập đàn cầu khẩn, nên có thần kim-quy hiện lên giúp đỡ, và truyền cho móng chân làm lẫy nỏ, để giữ-gìn thành-trì xã-tắc. Thuở ấy, Triệu-Đà tiến quân đánh nước ta, song bị đại-bại vì vua An-Dương-Vương có chiếc nỏ thần. Triệu-Đà bèn thiết kế xin hòa thân, cho con trai là Trọng-Thủy sang lấy nàng My-Châu, con gái vua An-Dương-Vương, để do thám tình-hình nước Âu-Lạc.

Từ khi Trọng-Thủy sang Âu-lạc kết duyên cùng nàng My-Châu, nhân giữa lúc tình vợ chồng ân ái đương độ nồng-nàn, chàng bèn dò la hỏi vợ câu chuyện chiến-thắng những năm xưa. Tình thực, My-Châu đem chuyện nỏ thần tỏ bày cùng chồng, và mang cho chồng xem chiếc nỏ thần kia. Cơ-hội tốt đã đến. Trọng-Thủy dụng-tâm đánh cắp cái lẫy nỏ. Làm xong nhiệm-vụ ấy chàng bèn mượn cơ xin về thăm cha, để tường-trình sự việc. Khi lâm-biệt, Trọng-Thủy tỏ tình quyến luyến, và ái-ngại chuyện cơ trời đầu bề : những lúc đao-binh bắt ngờ, vợ chồng nước non đôi ngả sẽ biết lấy gì đề-dò biết tìm nhau. Nàng buồn-rầu dặn dò rằng nếu vạn nhất gặp cơn lâm-nạn bốn-đào, nàng có chiếc áo lông ngỗng, và sẽ dùng lông ngỗng mà rắc đưa đường. Thế rồi, sau khi Trọng-Thủy về nước, ít lâu, thì Triệu-Đà tiến quân sang đánh Âu-lạc, vây thành Cồ-loa. Vua An-Dương vương dinh-ninh tin ở chiếc nỏ thần của mình, không lo phòng ngự gì cả, đến khi thế giặc vây kíp quá, mới đem nỏ ra ngự địch, thì mới hay rằng bị mất cắp chiếc lẫy nỏ thần kia. Hốt hoảng, nhà vua chỉ kịp xốc người con gái yêu lên sau lưng ngựa và ngồi ngựa phi về phương nam bốn-tàu. Dọc đường, My-Châu vẫn âm-thầm gieo lông ngỗng như lời hẹn ngày xưa. Đến chân núi Mộ-dạ trên bề Nam-hải, càng nghe tiếng giặc đuổi theo như sát gần đến nơi, nhà vua bèn khấn thần kim-quy xin phù-hộ. Thần lại hiện lên, cho biết giặc vốn ngồi sau lưng ngài, nhà vua như chợt hiểu ý, cả giận, tuốt gươm chém người con gái yêu, rồi nhảy xuống sông tự-vẫn. Trọng-Thủy thúc quân đuổi theo My-Châu, theo vết lông ngỗng ; đến nơi, thì nàng đã thành ra người thiên-cò máu đào tuôn ra lênh-lánh. Chàng khôn xiết khóc thương, đoạn đem xác vợ về mai táng ở Cồ-loa. Mất người yêu,

từ đó, Trọng-Thủy dầm ra lang-thang, sàu-hặn trong cảnh cũ vắng bóng người xưa ; và một ngày kia chàng buồn gieo-minh chết ở giếng Cồ-loa. Nay ở Cồ-loa trước đền vua An-Dương vương, giếng ấy vẫn còn, nước trong lặn chiếu bóng trời xanh, trầm-ngâm thế-cuộc tang thương. Về My-Châu, thì tương-truyền rằng nàng vốn vì mối tình thực mà oan thác, máu chảy ra hòa với sóng bề ; những con trai ăn phải máu ấy sau sinh ra ngọc trai quý giá. Mà lạ thay, Ngọc-trai ở bề Nam-hải mang về rửa ở nước giếng Loa-thành, thì trong sáng rực-rỡ vô ngần.

Chung quanh tình-sử Trọng-Thủy và My-Châu, nhà thơ Dương-Lâm (1851-1920) đời Nguyễn, đã cảm-tác trong đôi nghìn thu sau.

#### Vịnh thành Cồ-loa

*Thành ốc srong mở cỏ mọc rêu,  
Bề tây trắng lặn, sóng đương trào.  
Hòa thân trót đã làm hai chữ,  
Ân-oán gây nên đủ mọi điều.  
Qui-trảo dẫu rằng cơ tạo-hóa,  
Nga mao sóng cũng nặng tình đeo.  
Ai ơi, thời-thế xem cho kỹ,  
Thành-tin bao nhiêu, đối bấy nhiêu.*

Nổi sau Dương-Lâm ta còn thấy nhà thơ non Tân, sông Đà bàng-khuông về câu chuyện tình-sử cổ-xưa kia trong một bài ca-khúc tuyệt-tác :

#### My-Châu, Trọng-Thủy (Văn-thê)

*Một đôi kẻ Việt người Tân,  
Nửa phần ân-ái, nửa phần oán thương.  
Vuốt rùa chàng đi mây,  
Lông ngỗng thiếp đưa đường.  
Thề nguyện phu phụ,  
Lòng nhi nữ.  
Việc quân-vương,  
Duyên nợ tình kia dở dở dang.  
Nệm gấm vô cầu,*

Trăm năm giọt lệ.  
Ngọc trai nước giếng  
Ngân thu khói nhang.

(Khởi tình con, Quyền thứ nhất)

## 2) -- Truyện Chữ Đổng-Tử. --

Xưa, vua Hùng-vương (1) thứ ba có nàng My-nương (2) đẹp tuyệt-trần, tên là Tiên-Dung, nàng tuổi vừa đôi tám, song lại không muốn lấy chồng, mà chỉ thích du-ng ngoạn sông núi, vua cha rất nuông chiều. Ấy là vào một ngày xuân, khi thuyền buồm chơi trên dòng Phú-lương (3) đến bến Chử-xá (4), thì Tiên-Dung ra lệnh dừng, thuyền thường xem phong cảnh. Nguyên làng Chử-xá có gia-đình cha con Chử Cù-Vân (5) rất nghèo, vì nhà bị hỏa tai, chỉ còn có một cái khổ độc-nhất mà thôi. Nhưng nhà này vốn có tiếng là từ hiếu Chử Cù-Vân với con là Chử Đổng-Tử đành sống trong cảnh khánh-khiet ấy, hai cha con chỉ dùng chung một cái khổ thay đổi nhau, ai xuất ngoại thì mang. Rồi, Chử Cù-Vân mang bệnh nặng, trước khi lâm biệt, dặn dò con cứ chôn trần, để lưu khổ lại cho con. Nhưng Chử Đổng-Tử vốn hiếu hạnh lại đem khổ liệm cho cha, và từ đó, ngày ngày ra bến sông ngậm mình xuống nước, đón xin thuyền buôn qua lại, hoặc bắt tôm cá để kiếm ăn. Rồi đến cái ngày mùa xuân ấy bỗng dưng thấy thuyền bè của My-nương Tiên-dung rập-rình, cờ xí rợp trời, kèn trống vang lừng, tiến dừng ngang bến sông, Chử Đổng-Tử kinh-sợ vội nấu mình trong bụi lau ở ven sông, phủ cát vùi kín thân. Gặp bấy giờ Tiên-Dung sai vẫy màn quanh bụi lau để tắm, nước dội cát lăn hồi trời để lộ ra thân thể chàng Chử Đổng-Tử. Tiên-Dung rất đổi kinh-ngạc, kêu hỏi đầu đuôi sự tình, Đổng-Tử liền thành-thật bày tỏ. Nàng vốn nghĩ rằng : ắt có duyên trời tác-hợp, nên cùng Đổng-Tử tỏ lời kết giao chồng vợ. Ngay đêm hôm đó đèn thắp sáng sông, yến-tiệc linh-đình, đề mừng đôi vợ chồng mới. Tin đồn về đến triều-đình, vua cha cả giận ; My-nương sợ hãi không dám trở về, và đành cùng chồng ở lại miền Chử-xá buôn bán làm ăn. Về sau, lại

(1) Có người gọi là Lạc-vương

(2) Là công-chúa bấy giờ

(3) Tức là sông Nhị-hà

(4) Nay thuộc huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh.

(5) Sách Lĩnh-nam trích-quái, của Học-viện Đông-phương Bác-cô thì chép là Chử Chu-Nghệ.

có một người lái buôn đến gọi ý việc ra bề buôn bán sẽ được nhiều lời, My-nương bèn sửa soạn cho chồng đi theo người lái buôn này. Đến giữa bề thuyền buôn cập bến dưới chân một trái núi cao xanh tên là Quỳnh-lăng (1). Lòng vì mến cảnh lạ, Đổng-Tử lần bước dâng cao, bỗng đến một chiếc am mây, gặp một nhà sư danh-hiệu Phật-Quang. Thấy Đổng-Tử là người có tiên-phong đạo cốt, nhà sư bèn truyền đạo, dạy phép cho. Một năm qua, đến ngày về, Phật-Quang ban cho Đổng-Tử một chiếc gậy, và một cái nón mà bảo rằng linh-thông ở cả đây.

Đổng-Tử về gặp My-nương, giác-ngộ vợ về lẽ đạo, rồi cả hai đều lên đường vân-du học đạo, từ bỏ tất cả của cải, ham muốn về cuộc đời phù-hư. Trong một chuyến viễn-du, có ngày kia, trời đã tối mà chưa gặp chốn xóm làng, nhà cửa khả-đi tạm nghỉ-ngơi, Đổng-Tử bèn dựng gậy bên đường, che nón lên trên, đến canh ba bỗng dưng hiện-thành một kinh-khuyết lâu đài, đủ văn-vô bá quan, có quân lính châu chực canh-gác rất nghiêm-chỉnh

Vua cha hay biết được tin ấy, nghi là con gái đã sinh lòng phản-ngịch, bèn sai quân đi đánh, đến đóng đồn ngay ở bãi Tỳ-nhiên (2) cách ngôi thành thần-kỳ một con sông lớn. Vì quân triều đến đây thì trời đã tối, không thể sang sông. Các quan chung quanh My-Nương xin ra cầm binh chống cự, nhưng nàng không cho vì nàng vốn tin kính mệnh trời, và vốn có tấm lòng từ hiếu với cha. Đến nửa đêm hôm ấy, bỗng thổi con gió lớn, cây cối đổ gãy, cát bụi tung trời trong khoảnh-khắc tất cả ngôi thành kinh-kỳ cùng với lâu-đài, quan quân, cứ dần vụt bay lên thượng-thiên cao thăm. Sáng hôm sau chỉ còn thấy có bãi cát với đăm lớn, dân cư quanh vùng bèn lập đền thờ, và tục truyền gọi bãi cát còn là bãi Tỳ-nhiên, và đặt tên đăm là đăm Nhất-dạ.

Về sau, đến thế-kỷ thứ VI, nhân đăm ấy địa-thể sâu rộng, lau-lách lầy lội, khó đi lại. Triệu-quang-Phục đóng quân ở đây, chống cự với tướng nhà Lương là Trần-bá-Tiên. Sau nhân Trung-Quốc có loạn, Trần-bá-Tiên được gọi về Tàu, tỳ-tướng là Dương-Sàn ở lại tiếp tục bao vây. Triệu-quang-Phục bèn lập đàn cầu-đáo thần-linh giúp sức, chợt thấy một vị thần-tiên cưỡi rồng hiện xuống, xưng là Chử-đổng-Tử, và nhờ một móng chân-rồng ban cho, mà dặn bảo hãy cắm móng rồng vào đỉnh mũ, thì khi lâm trận, tức khắc giặc phải tan. Từ đó, Triệu-quang-Phục hầu được nhiều thắng-lợi liên-tiếp, sau chém

(1) Sách Lĩnh-nam trích-quái của Học-viện Đông-phương Bác-cô chép là núi Tắc-vi.

(2) Bấy giờ thuộc phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-Yên.

được tướng Dương-Sàn, buộc quân binh nhà Lương phải lui. Đến khi nghe tin chúa cũ là Lý-nam-Đế mất, Triệu-quang-Phục bèn tự xưng là Triệu-Việt-Vương, xây thành ở núi Vũ-Ninh, và truy phong Chủ-đồng-Tử làm Phúc-thần. Những làng dọc theo ven sông các huyện Đông-An, Kim-động đều có đền thờ, hằng năm về mùa thu mở hội đua bơi, là hội lớn của vùng.

Về Chủ-đồng-Tử, thơ vịnh sử đời Hồng-Đức (1) có bài :

### CHỦ ĐỒNG-TỬ

Hiện-thảo giòng nhà thấu bích-thiên,  
Đánh hay phúc-thiện mây tự-nhiên.  
Mây thu nhem nhuộm luyện gan sắt,  
Một phút giàu sang kết bạn tiên.  
Triệu Việt nạn xong (2) nên nghiệp cả,  
Ưu-trai mộng tỏ (2), phí lòng nguyên.  
Anh-linh miếu giỏi lừng hương-khói,  
Còn nước, còn non, tiếng hầy còn.

Lão phái ở Việt-Nam vẫn tôn Chủ Đổng-Tử là Đạo-tổ — tức là ông Tổ của Đạo. Hiện nay, trung-tâm thờ-tự Chủ Đổng-Tử là làng Đa-hòa, tổng Mễ-sơ, phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên.

(xem tiếp theo cùng ở số này)

(1) Theo Hồng-đức quốc-âm thi-tập, bản sao của Học-viện Đông-phương Bác-cổ.

(2) Triệu-việt-Vương dẹp xong nạn-ách cho nước.

(3) Báo mộng cho Nguyễn-Trãi biết đường tìm minh-chúa.

### NHÀ NGHÈO DÁN CÂU ĐỔI TẾT

(của NGUYỄN-CÔNG-TRÚ)

Tiền-bạc của trời chung, trống-trải thế mới, lọt vành khuyên  
sáo ;

Công-danh đường đất rộng, kèn cựa chi cho bận chỉ tang-bồng.

H.V. sưu tầm

### MẤY VẦN THƠ TẾT

ĐOÀN-THÊM

Mấy Tết vừa qua có thiếu chi ?  
Rượu xuân thù-tạc rót trăm ly.  
Trà hoa tranh pháo mừng năm mới,  
Phẳng-phất bóng-khuáng... vẫn thiếu gì...?

Quanh-quẩn bao ngày chẳng nghĩ ra,  
Thiếu cây nêu lướt bóng tre gà ?  
Thiếu cành mai mốc, bờ sông Nhuệ ?  
Thiếu nhị đào tơ xóm Ngoc-Hà ?

Quà Tết bà con khởi thức cho :  
Cho dưa dấm trái, rượu dấm vô.  
Đố ai cho được mua phồn nhi,  
Đố trời hèn thơ sắp cạn khô ?

Trước mắt không nhìn, khéo viễn-vông,  
Trời Nam tươi sáng, phượng vàng bóng.  
Trông hoa rức-rỡ màu non nước,  
Cất bút ghénh-xuân nhẹ tắc lòng.



# TRUYỆN THÚY-KIỀU

VỚI NGƯỜI NGOẠI-QUỐC

(Tiếp theo V.H.N.S. số 36)

VŨ-ĐỨC-TRINH

## PHẦN THỨ HAI

### SÁU ĐIỂM BÊN TRONG

Chúng tôi sẽ lần lượt chứng minh sau đây rằng *Truyện Thúy-Kiều* hay về nhiều phương diện, đáng cho chúng ta đưa giới thiệu với người ngoại quốc, nhất là người Âu Mỹ; đồng thời, sẽ yên bức màn huyền diệu cho họ xem những cảnh lạ lùng, đầy vẻ hấp dẫn của nguồn văn hóa đời dào, xưa cũ bên Phương Đông.

Về phương diện trình bày, chúng tôi sẽ chọn một ví dụ làm điển hình trong mỗi điểm.

#### ĐIỂM I

### Truyện Thúy-Kiều hay về phương diện Văn chương

Về hình thức cũng như về nội dung, *Truyện Thúy-Kiều* đáng cho người đời sau lấy làm thước ngọc, khuôn vàng. Bao nhiêu bút pháp thần tình của thi hào Nguyễn-Du đều là những tiêu chuẩn cho các nhà văn, thơ nhìn tới.

Bắt đầu tả thuật hai người con gái sinh đôi của ông Vương-lương-Tùng, thi hào Nguyễn-Du viết câu mở đầu:

« Mai cốt cách, tuyết tinh thần. » (C. 17)

Cốt cách Thúy-Kiều như mai, nghĩa là: Thân hình nàng uốn éo, đẹp đẽ, và thon thon, uyển chuyển như cây mai hoặc như ngành của nó. Bởi vì, lúc trồng mai làm cảnh, người ta không để cho nó mọc thẳng cách thiên nhiên, nhưng họ uốn nó theo cách nhân tạo và theo khúc tuyến mỹ.

Sắc đẹp nàng Kiều thuộc về quý phái, vì, theo quan niệm người Hoa-Việt mai là tượng trưng bậc quý phái, cũng như lan tượng trưng bậc vương giả, cúc là tượng trưng đẳng ăn dật, và trúc là tượng trưng đẳng quân tử.

Mai là quốc hoa của nước Tàu cũng như trúc là tiêu biểu của nước Việt.

Tinh thần Thúy-Vân như tuyết, nghĩa là: Trí óc nàng thanh tịnh, đơn sơ. Theo nghĩa bóng, mặt của Thúy-Vân trắng mịn mơn như tuyết, và phần chiếu đức tính thuần lương của tấm linh hồn ngày thơ, trong sạch.

Ông Lu-mai-Pha, đời nhà Nam Tống (1127-1280) có đề hai bài thơ vịnh mai tuyết rất hay:

- a) Mai tuyết tranh xuân, vị không hừng.  
Tao nhân các bút, phí bình chương;  
Mai tu tốn tuyết tam phân bạch,  
Tuyết khước thâu mai nhất đoạn hương.

梅雪爭春未肯降,  
騷人攔筆費評章。  
梅需遜雪三分白,  
雪却輸梅一段香。

Xin dịch:

Mai tuyết tranh xuân, chưa chịu hàng;  
Người thơ gác bút, tốn bình chương.  
Mai cần nhường tuyết ba phần trắng,  
Tuyết lại thua mai một đoạn hương.

o°o

- b) Hữu mai vô tuyết, bất tinh thần;  
Hữu tuyết vô thi, tục liễu nhân.  
Nhật mộ thi thành, thiên hựu tuyết.  
Dữ mai tinh tác, thập phân xuân.

有梅無雪不精神,  
有雪無詩俗了人。  
日暮詩成天又雪,  
與梅并作十分春。

Xin dịch:

Có mai không tuyết, chẳng tinh thần;  
Có tuyết không thơ, đã tục trần.

Ngày xế, xong thơ, trời lại tuyết,  
Vội mai cùng tạo mười phần xuân.

Trong cả hai bài thơ chữ mai và chữ tuyết nổi bật hẳn lên như hai điểm trắng phau giữa ngàn lá xanh rì. Thi hào Nguyễn-Du ví Thúy-Kiều như mai, Thúy-Vân như tuyết. Kiều so sánh này quả thật là lý thú trong văn chương.

## ĐIỀM II

### Truyện Thúy-Kiều hay về phương diện Nghệ thuật

Tại sao có nhiều người xem *Truyện Thúy-Kiều* từ nhỏ đến lớn, từ lớn đến già, mà vẫn thỏa thích, mê say? Phải chăng nghệ thuật hành văn khéo léo đã lôi cuốn họ? Hết mọi bức tranh nhân tạo và thiên nhiên đều được ngọn bút thần của thi hào Nguyễn-Du miêu tả như một họa sĩ có thiên tài.

Lúc tả cảnh thiên nhiên đẹp đẽ như mới mọc chị em - nàng Kiều đi bộ để thưởng xuân, thi hào Nguyễn-Du vẽ phớt mấy nét:

«Cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa». (C. 42)

Đây là về thứ hai của một câu thơ cổ: «*Lê chi sở điểm hoa*» (梨花點點花).

Hoa lê trắng hơn mọi thứ hoa; nó trắng như tuyết.

Câu phong dao Việt-Nam hát rằng:

«Chơi hoa chó biết màu hoa:

«Hoa lê thì trắng, hoa cà thì xanh.

«Người thanh, tiếng nói cũng thanh;

«Chuồn kêu, sẽ đánh bèn thành, cũng kêu».

Đây là dịp để chúng ta nhận xét nghệ thuật dùng điển cố của thi hào Nguyễn-Du rất điêu luyện, tài tình:

Theo âm lịch Trung-Hoa, một năm có 24 tiết, mỗi tiết có độ 15 ngày. Từ đầu tiết Tiều Hàn (vào mồng 6 tháng giêng dương lịch), khi mặt trời ở cung con Đê, tức là *Tác Ngạc*, cho đến cuối tiết Cốc Vũ (vào mồng 6 tháng 5

dương lịch), khi mặt trời ở cung con Bò, tức là *Xích Phấn Nhục*, thì có 8 tiết hay là 120 ngày. Cứ mỗi 5 ngày lại 1 lần gió trở chiều nhẹ nhẹ và 1 thứ hoa hé nụ, để tượng trưng cho việc đổi hướng ấy. Trong khoảng thời gian này có 24 thứ hoa, 3 thứ hé nụ trong một tiết. Vậy, tiết Tiều Hàn có hoa mai, hoa sơn trà, hoa thủy tiên; tiết Đại Hàn có hoa thủy hương, hoa lan, hoa sơn phàn; tiết Lập Xuân có hoa hồi xuân, hoa anh đào, hoa lệ xuân; tiết Vũ Thủy có hoa thài, hoa hạnh, hoa lý; tiết Kinh Trập có hoa đào, hoa đường lệ, hoa tường vi; tiết Xuân Phân có hoa hải đường, hoa lê, hoa mộc lan; tiết Thanh Minh có hoa đồng, hoa mạch, hoa liễu, tiết Cốc Vũ có hoa mẫu đơn, hoa đỗ mi, hoa đồng.

Hoa lê đứng vào số 17. Nó hé nụ hóm 26 tháng 3 dương lịch, nghĩa là vào khoảng trước thượng tuần tháng 3 âm lịch. Tuy nó bắt đầu hé nụ giữa tiết Xuân Phân, nhưng mãi sang tiết Thanh Minh, mới nở tươi, đẹp đẽ.

Như vậy, chưa cần nói rõ tháng 3, thi hào Nguyễn-Du chỉ mới nói hoa lê điểm trắng trên cành, người ta cũng đủ hiểu

Thi hào Bạch-cư-Dị đời nhà Đường (618-907) dùng sắc hoa lê mà vẽ ảnh tuyết xuống rất đẹp màu:

Hốt nhiên nhất dạ xuân phong lại,

Thiên thụ vạn thụ lê hoa khai.

忽然一夜春風來，

千樹萬樹梨花開。

Xin-dịch:

Một đêm bỗng chốc gió xuân về,

Nghìn vạn cây bừng nở đóa lê.

Tuyết rụng mà ông bảo rằng lê nở. Đây là vì màu lê trắng nõn, trắng tinh như màu tuyết.

## ĐIỀM III

### Truyện Thúy-Kiều hay về phương diện Triết-lý

Triết lý Hoa-Việt vẫn ngợi khen sức huyền diệu của Hóa-Công khéo sắp đặt đời sống phi thường, và than trách Hóa Nhi để cho xảy ra nhiều nỗi lao đao, oan uổng.

Qua *Truyện Thúy-Kiều*, người Âu Mỹ sẽ nhận thấy những quan niệm chưa quen về vũ trụ cũng như về nhân sinh, và riêng về bậc anh hùng, hào kiệt, với giai nhân, tài tử.

Thi hào Nguyễn-Du dùng hai tiếng « khéo ghét » khi nói về Tài, còn khi nói về Sắc, ông lại dùng hai tiếng « đánh ghen, » để dẫn độc giả ông vào mục Triết lý :

« *Trời Xanh quen thói má hồng đánh ghen.* »

Muốn tỏ thêm vấn đề Triết lý cho thêm phần văn hoa, thi hào Nguyễn-Du xử dụng hai phép của khoa Tu từ, đó là phép hoán dụ, trong khi lấy hai tiếng « *Trời Xanh* » để chỉ Thần Minh, phép chuyển nghĩa, trong khi lấy hai tiếng « *má hồng* » để chỉ giai nhân.

*Trời Xanh*, cũng như *Xanh*, hoặc *Xanh Xanh*, hoặc *Cao Xanh*, hoặc *Khuôn Xanh*, hoặc *Ông Xanh*, đều chỉ ngôi Tào Hóa, Hóa Công, Hóa Nhi, Thượng Đế, Hoàng Thiên.

*Má hồng* chỉ người con gái có má màu hoa đào, một thứ hoa tượng trưng sắc đẹp của mùa xuân, nhưng thường bị mưa gió giập vùi.

Chiếu theo khoa Vũ trụ khai tịch luận hay Sáng thế luận của người Phương Đông, thời có ba nguyên tố của lực lượng kiến thiết vũ trụ là *Thiên*, *Địa*, *Nhân*, gọi bằng *Tam Tài giả*. *Thiên* chỉ Đấng thiêng liêng cao chót vót, thống trị hoàn cầu ; *Địa* chỉ nền tảng khoáng vật mà đời sống của thực vật với động vật được giao phó cho ; *Nhân* chỉ con người, đứng giữa trời đất, phải đảm đương những công việc xây dựng thế giới, song đồng thời phải suy phục quyền điều khiển và ảnh hưởng *Trời Đất*, để làm tròn sứ mệnh theo hai lực lượng kia, vì tính cách tổ chức vũ trụ rất chặt chẽ. Trong ba lực lượng thì *Người ở* bậc bét và yếu hơn cả, yếu cách riêng đối với *Trời*, lực lượng thứ nhất và mạnh nhất. Cho nên họ thường kêu *Trời*, và thỉnh thoảng kêu *Đất*, xin cứu họ trong tình thế nguy hiểm và trong hoàn cảnh nghiêm trọng : ở dịp khác, họ kêu *Trời* và đôi phen kêu *Đất*, để than trách về những nỗi cơ khổ và tai nạn mà họ nghĩ mình không đáng vướng phải.

*Trời Xanh* đánh ghen với *má hồng*, tức là *trời* để cho những người phải yếu đuối, làm khổ mỹ nhân ; những người này khó chịu vì sắc đẹp và duyên dáng của mỹ nhân lướt thắng họ, nên họ quấy quất nàng bằng cách gièm pha, vu khống, để họa chớ có giảm thanh thế mỹ nhân đi chút nào.

*Trời Xanh* đánh ghen với *má hồng*, tức là *Trời* để cho những người phải khỏe yếu sắc mong chiếm lấy mỹ nhân làm của tư hữu, gây phiền nhiễu cho ý trung nhân, hoặc vị hôn phu, hoặc đức lang quân của nàng, và, bằng cách gièm tiếp, họ quấy rầy nàng mãi không thôi.

Đầu chính những kẻ đổ ky và hiếu sắc kia đánh ghen với người đẹp, nhưng *Trời* (và *Đất*) lại mang tiếng mở cuộc cạnh tranh, vì, do một lực lượng huyền bí, có những điều ngăn trở và những nỗi khó lòng mọc lên chơm chồm trong não đường mỹ nhân. Theo đấy, người có sắc bị *Trời đánh ghen* cũng như kẻ có tài bị *Mệnh khéo ghét*. Lại gi, *Kiều* phải than :

« *Nghĩ đời mà ngán cho đời :*

« *Tài tình chi lắm, cho trời đất ghen !* » (C. c. 2153-2154)

Tuy thế, những điều ngăn trở và những nỗi khó lòng giúp kẻ có tài cũng như người có sắc được vang danh. Họ càng chịu khổ, khi càng nổi tiếng, và những giông sử của họ càng rạn vỡ. Đến như những kẻ có tài, những người có sắc sống cuộc đời bình thản, không sóng gió, thời chỉ là những cá nhân tầm thường ; và đời họ sẽ không được ghi chép trong lịch sử. Không gặp cơn thử thách gay go, kẻ có tài không thể trở ra những ngọc thạch, người có sắc không được nổi tiếng là vị anh thư. Thi sĩ Pierre Corneille (1606-1684), trong vở bi kịch *Le Cid*, quả quyết rằng : « *À vaincre sans péril, on triomphe sans gloire* » (Không nguy hiểm mà chiến thắng, thì người ta khải hoàn không vinh dự). Nếu không gặp tai biến, gian lao, thời một mỹ nhân dù có sắc nước, hương trời, cũng không thành nhân vật lịch sử xuất chúng.

Thế mới hay : cũng như *Mệnh* để dành niềm *ghét* cho *Tài*, thì *Trời* để dành niềm *ghen* cho *Sắc*. Tào Hóa sinh dựng các vĩ nhân, để dạy những kẻ tầm thường, và lưu lại trong các trang sử những công cuộc phi thường.

#### ĐIỀM IV

### Truyện Thúy-Kiều hay về phương diện Tôn giáo

Truyện *Kiều* chịu ảnh hưởng ba tôn giáo : đạo Phật, đạo Lão, và đạo Khổng. Vì khuôn khổ bài có hạn, chúng tôi chỉ xin trình bày một ví dụ điển hình của đạo Lão.

Đạo Lão chủ trương nhiều quan niệm khá sâu về máy huyền vi của Tào Hóa sắp đặt đối với con người. Từ lúc là chiếc bào thai, và bao

lâu còn giữ sinh lực, con người, trừ xác thịt ra, lại có hồn phách. Khi luồng sinh lực mất đi, thời hồn phách lìa khỏi xác thịt.

Thúy-Kiều đã tin theo ý tưởng đạo Lão, khi Vương-Quan thức năng về và nhủ không nên trùng trình ở mồ Đạm-Tiên, kéo tới.

« *Kiều rằng : Những đấng tài hoa,*

« *Thác, là thể phách, còn, là tinh anh.* » (C.c. 115-116)

Câu thơ này lột tinh thần câu nói : « *Sinh nhi vi anh, tử nhi vi linh* » (生而為英, 死而為靈) của ông Âu-Dương Tu đời nhà Bắc Tống (960-1126).

*Thê phách* là những nguyên tố tế nhị chảy khắp mọi phần trong xác người ta, và cần thiết cho đời sống cảm giác với những hoạt động thân thể.

Trong con người thê phách được cấu tạo bởi việc rút lui hơi thở đầu của thiên nhiên hay là Trời, và thoát ra từ nguyên tố tế nhị của thái cực với khí âm. Đây là một phần còn thô sơ, chưa được thanh tao hoàn toàn ; nên phải nhờ xác mới sống đầy đủ.

Mỗi người có bảy phách là : thi cầu, phục thi, tước âm, thôn tặc, phi độc, trừ uest, xú phệ. Những phách này thuộc về âm ; các nguyên tố của chúng thì đục. Chúng được phú bẩm vào thân thể hồng sinh phần cảm giác và tri giác.

Sau khi xác kẻ tầm thường chết, thời phách lìa khỏi thân, co lại, rút hẹp vào, rồi chia lìa ra, để trở về những thành phần nguyên thủy, và chìm sâu trong lòng đất, ở đây nó sẽ lạc lõng, vẩn vơ, chiều theo luồng khí. Trái lại, khi sinh mệnh của vị thánh nhân hay đấng anh hùng chấm dứt, thì phách họ lìa khỏi thân, nhưng vẫn kết hợp với tinh anh tức là hồn, thành một khối, và tồn tại ở không trung. Vì thuộc bình sinh, những nhân vật ấy có bản tính phi thường với nhiều đặc điểm cao quý nên thê phách họ không bị tản mát, lang thang. Thê phách ấy giãn ra, nở nang thêm, và lấy một hình thức mà quan cảm người sống xem thấy được. Nó lướt nhẹ giữa trời và đất, mong tìm những kẻ muốn cho nó hiện ra. Nó hóa thiêng, nghĩa là hành động theo quan cảm và ý muốn của những con cháu hiếu thảo hay những người khác có thịnh tình hẳn hoi, nhất là có lòng thanh khiết và chân thành, ước ao chiếu hồn để cung kính.

*Tinh anh* hoặc hồn là những nguyên tố không vật chất được cấu tạo bởi sự bành trướng hơi thở đầu của thiên nhiên hay là Trời, và phát sinh từ thái cực với khí dương. Trong con người tinh anh là phần khiết tịnh, thanh cao, hoàn toàn, không phải tùy thuộc xác mới sống đầy đủ.

Mỗi người có ba tinh anh hoặc hồn là : thai quang, sáng linh, u tinh. Những tinh anh hoặc hồn này thuộc về dương ; các nguyên tố của chúng thì trong. Chúng được phú bẩm vào thân thể hồng sinh phần linh động cho tìm và ý tưởng cho óc.

Sau khi xác kẻ tầm thường chết, thời tinh anh hoặc hồn lìa khỏi thân, và sống ở không trung một mình. Trái lại, khi sinh mệnh của bậc thánh nhân hay đấng anh hùng chấm dứt, thì tinh anh hoặc hồn của họ lìa khỏi thân, song vẫn kết hợp với phách thành một khối, và có những đặc tính như đã nói ở trên. Ngoài ra, nó thường nhờn nhờn trong thái không của vũ trụ. Nếu nhận được sự mệnh của Trời, thì nó bay đến những tinh cầu khác một cách dễ dàng, nhanh chóng, mà vẫn không bị ảnh hưởng thời gian hoặc không gian.

(Còn tiếp)

#### THI-CA

#### TẾT MIỀN NAM

*Tết nhất chi mà nắng chẳng mưa ?  
Trời Nam cảnh Tết vẫn nên thơ !  
Đưa bầy đồ thắm thay câu đối,  
Mai nở vàng hoe lẫn sắc cờ.  
Phố nhỏ cây thưa, điều bướm lượn,  
Lầu cao gió lộng, én thoi đưa.  
Tạch dùng xem trẻ vung tràng pháo,  
Ai khách yêu xuân dám hứng-hò ?*

Đông-Xuân  
NGUYỄN-GIA-TRỤ

# TRUYỆN CỔ VIỆT-NAM

(Tiếp theo trang 1438)

Giáo-sư PHẠM-VĂN-DIÊU

## 3.— Truyện trâu cau.

Đời vua Hùng-vương thứ tư...

Hồi ấy, có một viên quan lang họ Cao sinh được hai người con trai giống nhau như đúc, tên là Tân và Lang. Đến năm lên mười bảy, mười tám tuổi, thì cha mẹ qua đời, hai anh em dọn ở nơi khác, và theo thụ giáo một người đạo-sĩ họ Luru. Người đạo-sĩ ấy có một người ái-nữ đẹp tuyệt-vời, đã đến tuần cặp kê, là nàng Luru Xuân-Phù. Sau, nàng Luru định tâm muốn kết duyên với người anh, song vì hai anh em dung mạo tầm-vóc giống nhau quá, khó lòng phân biệt cho được. Nàng bèn nảy ra một kế: một hôm nàng bưng cơm dọn hai chàng xơi với một đôi đũa, thì thấy người em kính nhường đũa cho người anh. Nàng bèn xin cha được kết hôn với người anh tức là Tân, và được như nguyện. Nhưng từ khi người anh lấy vợ, tình máu mủ ruột thịt ngày một nhạt phai. Người em buồn lòng và một ngày kia, bỏ nhà mà đi. Đường cùng lối tận: đành dừng chân bên một dòng sông sâu, người em phiền-muộn mà chết, rồi hóa thành phiến đá chơ vơ bên bờ sông. Vắng bóng em, người anh hối hận khôn xiết nhớ thương, lại bỏ nhà đi tìm em. Đường cùng lối tận: vẫn bên dòng sông ấy, người anh ngồi bên phiến đá, phiền muộn rồi chết hóa thành một cây cau cao vót cạnh phiến đá, in bóng bên dòng nước sông. Người vợ; vắng bóng chồng lâu ngày rồi cũng bỏ nhà ra đi tìm chồng. Đường cùng, lối tận: lại bên dòng sông ấy, nàng bèn dừng chân nghỉ bên phiến đá, rồi ôm gốc cây mà than khóc đến chết, hóa ra cây trâu không, leo quấn quít quanh cây cau, từ mùa xanh tốt.

Người đạo-sĩ họ Luru biết được đầu đuôi câu chuyện, cảm-dộng vì những mối tình thâm, lập đền thờ ngay ở đấy.

Một ngày kia, nhà vua du-ngoạn, đi ngang qua, thấy cảnh lạ, lại nghe biết sự-tích ba người, bèn sai bô cau thành miếng, rồi thử cặp

một miếng với lá trâu mà nhai, đoạn nhỏ nước trên hòn đá thì bỗng nhiên hóa thành sắc máu đỏ thắm..

Nhà vua bèn truyền thiên-hạ lấy giống trâu cau đem trồng, dùng để ăn với với đá, vị tuy có cay nồng song lại đượm mùi thơm. Và từ đấy, nước ta có tục ăn trâu, mà trong các việc lễ-nghi, tế-tự bao giờ cũng dùng trâu cau.

## 4)— Truyện Luru-Bình và Dương-Lễ.

Tục truyền về đời Hậu-Lê có hai người học trò tên gọi là: Luru-Bình và Dương-Lễ kết bạn thâm-giao với nhau, Luru-Bình vốn người giàu có, còn Dương-Lễ thì nghèo-nàn; Luru-Bình bèn đưa bạn về nhà nuôi ăn học, cùng chung đèn sách, tình trạng đặc giữa hai bên thật là hiếm có trên đời. Nhưng Luru-Bình, nhân vì cậy mình có gia-tài to lớn thường chênh-mãng việc học trong khi Dương-Lễ hiểu biết thân-phận khốn-khở càng cố công đèn ngày dài mài kính-sứ.

Đến kỳ thi, Dương-Lễ đỗ đạt được bổ dụng đi làm quan, còn Luru-Bình hỏng thi, buồn bã, lại càng đâm ra chơi bời, chẳng bao lâu mà cơ-nghiệp tiêu sạch. Chàng bỗng nhớ tới người bạn ngày xưa là Dương-Lễ, bấy giờ, đang sống trong cảnh vinh-hoa, phú-quí, bèn tìm đến cậy nhờ. Luru-Bình lòng những tưởng người bạn xưa sẽ đôn đả tiếp đón và có dịp trả đền ân-nghĩa cũ, nào hay bạn đã không buồn tiếp, mà còn sai gia-nhân nói năng vô-lễ, và dọn chàng xơi mâm-cơm hầm với cá thiu đau lòng Luru-Bình cất bước ra đi. Trên đường về, túi hồ, chân ngàn, chàng tình cờ gặp một nàng thiếu-nữ tươi như hoa, tên là Châu-Long nói năng ngọt-ngào phong-nhã, xin theo giúp đỡ nuôi chàng học tập qua cơn khó, và hẹn ngày đỗ đạt thành danh sẽ làm lễ hợp cấn, cùng nhau xum vầy. Luru-Bình khôn xiết vui mừng, và, từ đấy nức chí học hành Thế rồi, thời-gian thấm-thoát trôi qua chẳng mấy chốc là đã đến kỳ-thi, chàng đậu Trạng Nhưng, lạ lùng thay, ngày vinh-quí bá tử, Luru-Bình trở về đến nhà, thì không còn thấy Châu-Long đâu nữa, phòng không bật tiếng thoi đưa, canh củi lặng-lẽ hững-hờ. Buồn bã, Luru-Bình tìm đến thử viếng chơi Dương-Lễ. Trong cuộc gặp gỡ, Luru-Bình không sao dấu được nỗi ngao ngàn, ru phiền đang dày xé tâm can, chàng bất giác thổ lộ câu chuyện người đàn bà tiết-liệt nọ đã nuôi chàng ăn học, hẹn cùng chàng kết tóc sau ngày công thành danh toại, nhưng bỗng dưng đã biến mất từ trước ngày vinh-quy.

Dương-Lễ lắng thính, nghe rõ sự tình. càng cảm nghĩa **Tết-tháo** của người vợ lẽ; và đề mừng bạn cũ thành danh, bèn gọi nàng **Châu-Long** ra chào. Lư-Bình bâng-khuàng như vừa ra khỏi một giấc mộng dài, mới biết Dương-Lễ bấy nay đã ngấm sai vợ theo giúp mình ăn học. Từ đó tình bằng hữu lại càng thắm-thiết hơn xưa, và, nghĩa chồng vợ lại càng thêm keo sơn, bền chặt.

Truyện Lư-Bình và Dương Lễ rất phổ-thông ở nước ta. Đã có những nhà văn vô danh mượn hẳn cốt truyện phiến điển trong nhiều thể văn và cho hành-thế, như : Lư-Bình Dương Lễ truyện, Tây-dương liệt-phụ, Lư-Bình phú, Lư-Bình trò (1).

#### IV.— Ý-nghĩa truyện cổ.

Truyện cổ vốn chứa đựng cảm nghĩ của thời cổ, tinh cách của xã-hội, và phản-chiếu rõ tinh-thần Việt-nam xưa. Truyện cổ nào cốt truyện cũng khêu gọi quyến rũ, nhờ ở phần kỳ lạ, cái màu sắc thần quái đặc biệt. Nhưng, những bậc tiên thánh ở chốn non Bồng, nước Nhực, những quý-quái yêu ma vẫn mang hình-ảnh của con người Sự kỳ-lạ, sự thần-kỳ chẳng qua chỉ là một cái cố điển xuất sự thật của lòng người, hoặc khêu dậy những hình bóng của xã-hội. Hiểu như vậy, truyện cổ sẽ tiện-dụng để khám phá những di-tích xã-hội xưa, và tâm-lý, luân-lý, tín-ngưỡng của dân-tộc, trong những thời quá khứ.

##### 1.— Hình-ảnh rơi-rớt của xã-hội xưa.

Chung quanh nguồn gốc xa của dân-tộc, có lắm thần thoại, truyền-thuyết đánh dấu những ngày sống đời nguyên-thủy : như truyền-thuyết Lạc - long quân, truyền - thuyết Hùng vương 18 đời làm phụ - đạo, truyền thuyết nở thân... Người nghiên - cứu sử học đi tìm sự-thực lịch - sử không thể cầu ở những truyền - thuyết này, mà chút gốc rễ sự thực đã vì tưởng - tượng của dân - chúng thêu dệt, lý tưởng hóa, thần tiên-hóa nên bị phủ lấp mất đi. Họ chẳng ta cũng có thể ước đoán rằng dưới bấy nhiêu tinh-tiết đầy thi vị thần-kỳ, là hình-ảnh một xã-hội phong-kiến xa-xôi mà cư dân còn nhọc nhằn với nghề nông lao khổ, hằng

(1) Trong hát chèo cổ, về đầu năm, người ta thường bắt hát tích Lư Bình Dương Lễ vì tích đề-cao tiết tháo của Châu-Long nuôi bạn chồng, và có tính-cách khuyến học nhất là trong tích không có cảnh nào sát-phạt, rất hay cho người đi xem bói đầu năm.

năm lặn-lội vỡ đất ở miền châu thổ sông Hồng-hà, mà cứ đến mùa hè nước lũ lại lôi cuốn mất hết cả công lao, mùa màng (sự tranh chấp giữa Sơn-tinh và Thủy-tinh). Nhưng đó lại là hình-ảnh của một xã-hội, mà nghề chài lưới, săn bắn đương còn thịnh hành (Truyền thuyết Lạc Long-quân, truyền thuyết nở thân), và về phương-diện tín-ngưỡng đã từng biết chế-độ tổ-tem và thuyết linh-hồn bất-tử.

Ngoài ra, phần lớn các truyện cổ là bức tranh linh-hoạt của xã-hội nông-nghiệp, dưới chế-độ quân-chủ, quan liêu ngày xưa. Từ nhà vua sang giàu quyền-uy ghê-gớm đến các ông quan mũ cao áo rộng, mọi người đều kính sợ, từ các thầy đồ gàn hoặc lấu-cá, các thư-sinh bạch-diện, đến những cô thiếu-nữ đài-các đẹp đẽ, đến những cô gái quê khôn ngoan, lém-lỉnh, từ hạng chức việc hương thôn ngộ-nghĩnh, buồn cười, đến bác nông-phu u-lý, quái-quắc, tất cả đều đóng vai trong các truyện cổ linh-hoạt, mang những nét đặc-biệt của xã-hội cổ truyền.

##### 2.— Những tín-ngưỡng và nề-nếp luân-lý

Người Việt-nam xưa hằng quan-niệm sự linh-ứng của trời, hoặc những đấng tiên phật, thần thánh thiêng-liêng có con mắt nhìn thấu cõi dương trần, dễ can-thiệp việc người, và thường phạt rất công minh (Truyện Hồn Trương-Ba ra hàng thịt, truyện Tấm Cám). Có khi họ tin rằng có những người trần nhờ làm điều thiện và hợp lẽ đạo mà trở nên bất tử (như Chử Đồng-Tử và Tiên-Dung); và lại còn có những vị thần-tiên xuống viếng cổ trần trong chốc lát như Bối Liễn (cuộc gặp gỡ ngoạn khắc của Lê Thanh-tông với Bối Liễn), như Thượng-hội Song-tiên (cuộc gặp gỡ của Lê Hiến-tông với Song-tiên), hay dan-diu với khách tục bằng một cuộc tình duyên (như Giáng-Hương với Từ Thức, như Hà Giáng-kieu với Tú Uyên). Ngoài ra, họ còn có những tín-ngưỡng tạp-nhập: Truyện ông thần cây đa, Truyện con ma cây đề, truyện ông Ba mươi (ông cọp). Đối với sự việc trên đời, thì lại tin về số (Truyện chum vàng bắt được, Truyện vua Thế tổ và ông lão nuôi ong, truyện gió tốc, gió rung, truyện chó đá đỏ máu), và thuyết luân hồi của nhà Phật (Truyện thăng Bịp Cốc, truyện lộc trời hơn lộc nước, truyện Tấm Cám).

Thường các truyện cổ diễn-ả sự tranh chấp giữa thiện và ác, mà bao giờ lẽ thiện cũng thắng; người bạc ác sẽ bị trừng phạt, người lành sẽ gặp sự lành, chủ-y là khuyến răn sự từ-thiện, sự tu-nhân tích-đức.

Truyện người ăn mía và người chủ làm vườn, truyện hai anh em và con chó đá. Truyện ăn quả trả vàng, Truyện Tấm-Cám). Tình bằng hữu, nghĩa vợ chồng cũng hằng được biểu-dương: Niềm chí tình của Dương-Lễ đã dụng mưu khích bạn, ngầm sai vợ lẽ đi theo nuôi bạn, đành hi-sinh cả nghĩa khâm-trù đề-đề-cao tình bằng-hữu; cái tiết-tháo của nàng Châu-Long mấy năm nuôi bạn, mà vẫn giữ được thân bằng-tuyệt, vì chồng mà chu toàn được nghĩa bè bạn, vì bạn mà giúp lập nên công danh (Truyện Lưu-Bình và Dương-Lễ). Nền luân-lý trong truyện cổ là một nền luân-lý đầy sức quyến rũ, trong đó, đức hiếu-hạnh, lòng tiết-trình được biểu-dương, đức bác-ái, từ-bi, lễ nhân-nghĩa trung-trực được ca ngợi.

Nhìn chung, truyện cổ thuần-nhiên đã bắt nguồn thần-hưng trong ba dòng tư-tưởng: Nho, Thích, Đạo. Hệ-thống Nho từng đem lại cái khí vị dung-thứ, khoáng-đạt, chính-trực của người quân-tử, hệ-thống Thích đã nhuộm cho văn-chương truyện-cổ màu-sắc tình-yêu tề-độ của đức Phật hải-hà; và hệ-thống Lão-Trang thì đem vào nội-dung những câu chuyện cổ cái bài thơ bất diệt của thiên-nhiên và vũ-trụ trong một niềm sùng bái siêu-thoát và lãng-mạn.

(Còn tiếp)

THI-CA PHỤ-NỮ

**XUÂN ĐÃ VỀ**

*Nàng xuân đi đã về rồi,  
 Áo hoa bay-bướm giữa trời xuân-quang.  
 Gần xa sức-nước mùi nhang,  
 Muôn hồng ngàn lía, với nàng say sưa...  
 Ngắm bây giờ, với bao giờ,  
 Vẫn còn nguyên nét ngây thơ những ngày...  
 Nàng về vạn-vật vui lây,  
 Mai cười trong khóm, oanh bày cuộc ca.  
 Đào tươi hồng thắm mặn-mà,  
 Lan chào, cúc múa, vườn ta rộn ràng...*

MAI-OANH nữ-sĩ  
 (Chín năm lỵ-loạn)

**TẾT TRONG THI-CA VIỆT-NAM**

THÀNH-TƯỜNG-HUY

Mỗi lần hoa đào thắm, bóng mai vàng sắp nở, người ta lại liên-tưởng tới Tết và Xuân. Tết đến, Xuân về, đã mang lại cho chúng ta và vạn-vật bao sự đổi thay, thay đổi. Ai cũng hy-vọng năm mới sẽ sáng sủa, và hạnh-phúc hơn năm cũ, bao điều sâu tư, bao nỗi thất vọng, vất vả như tan theo khói pháo đi về quá khứ. Tất cả như sống lại, như đua nhau mới mẻ trong tiết Xuân, ai cũng lo sắm sửa đề đón mừng năm mới. Bóng đào thắm, hoa mai vàng rực rỡ đem lại cho mọi gia đình một niềm hy vọng chứa chan!

Tết đến, Xuân về, chúng ta lại nghĩ tới cái thú chơi tao-nhã, thanh-cao đó là cái thú văn-chương. Nói đến văn-chương về Xuân và Tết, tức là chúng ta nghĩ tới tập-juán cổ-truyền, sắc-thái của dân-tộc về Tết và Xuân, đó là tục khai-bút, cầu đổi đỏ, thi ca chúc Tết, mừng Xuân trong kho tàng văn-hóa Việt-Nam.

Nếu quả thật, vật-chất ảnh hưởng đến tinh thần, thì thi ca ít ra cũng đã phản ảnh trực tiếp đời sống của các thi sĩ nói riêng và tình-trạng dân tộc nói chung. Thực vậy, biết bao cảnh-tượng khác nhau đã hiện hiện ra trong ngày Tết, do đó đã nảy ra lòng hy vọng, sự ước ao của mọi người được may mắn hơn trong năm mới.

Ở đây nhân dịp Xuân về, Tết đến, chúng tôi xin ghi lại những áng thi văn đặc sắc về Tết và Xuân trong kho-tàng văn-hóa nước nhà, để chúng ta cùng nhau thưởng-thức, ca ngâm. Chúng tôi sẽ lần lượt kể ra ở dưới đây: những câu đối Tết, thơ chúc tết và mừng xuân.

**I.— NHỮNG CÂU ĐỐI TẾT:**

Lối chơi này, nay tuy không còn thịnh-hành lắm, nhưng nói tới tết, dù sao chẳng nữa chúng ta cũng không thể quên được những câu đối tết của các thi-sĩ Việt-Nam, còn lưu lại với chúng ta.

Khi nữ-sĩ Hồ-Xuân-Hương sắp lấy anh tòng Cốc, thấy nhà nào cũng dán câu đối tết, Xuân-Hương cũng viết một đôi câu đối dán ở cửa như sau:

« Tới ba mươi, khép cánh kiềm khôn, ních chắt lại, kéo  
ma vương đưa quỷ tới,  
Sáng mồng một, lẳng then tạo hóa, mở toang ra, cho  
thiếu nữ rước xuân vào ».

Cũng như nữ thi-sĩ trên, các ông Trần-Kế-Xương, Nguyễn-công-Trứ,  
Tân-Đà đều làm câu đối tết mừng xuân :

Thi-sĩ Nguyễn-công-Trứ :

« Đuột giò ngất một cây nêu, túi bĩa ba mươi ri cũng tể,  
Vang đất đùng ba tiếng pháo, rạng ngày mừng một rixa  
là xuân ».

và :

« Mua pháo đốt chơi, để anh em nghe có tiếng,  
Giật nêu đóng lại, cho làng nước biết không siêu ».

hoặc câu đối tết vịnh cho anh mù :

« Tới ba mươi nghe pháo giao thừa : ờ ờ tết,  
Rạng mồng một, vấp nêu nguyên-dân : à à Xuân ».

hay của một kẻ mắc nợ :

« Chiều ba mươi nợ hỏi tit mù, co căng đập thẳng bần  
ra cửa,  
Sáng mồng một rượu say túy-lúy, gơ tay bồng ống phúc  
vào nhà ».

hoặc :

« Chiều ba mươi công nợ rối canh tân, ước những mười  
năm đồn lại một,  
Sớm mồng một rượu chè tràn quý tị, trông cho ba bữa hóa  
ra mười »...

Thi-sĩ Trần-Kế-Xương, đã nói lên cái tình đời bạc bẽo bằng đôi câu  
đối sau :

« Thiê-hạ xúc rồi còn đốt pháo,  
Nhân-tình trắng thế lại bôi vôi ».

hay :

« Nhập thế cực bất khả vô văn tự,  
Chẳng hay ho cũng nghĩ một vài bài.  
Hưởng chi mình đã đỗ Tú-tài,  
Ngày tết đến cũng phải một vài câu đối.

Đối rằng :

Cùng nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài,  
Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt.

Viết vào giấy dán ngay lên cột,  
Hỏi mẹ mày rằng đốt hay hay?  
Rằng hay thì thật là hay,  
Chẳng hay sao lại đỗ ngay Tú-tài,  
Xưa nay em vẫn chịu Ngài.

Thi-sĩ Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu, làm đôi câu đối tết cho mấy cô đào  
ở Hải phòng :

« Ai để mãi ra xuân, xuân ấy đi, xuân khác về, năm nay  
năm ngoài xuân hơn, kém?  
Nhà lại sắp có khách, khách quen vào, khách lạ đến, năm  
ngoài năm nay khách vắng, đông? ».

Chúng ta, sẽ thưởng thức câu đối tết sau đây, hay nói đúng hơn : Khâu  
khí của một thi-sĩ, mà Thiêm-Mai đã kê :

« Chiều ba mươi chôn chặt cây nêu, tiết trung-trực đâm sâu  
vào địa-phủ,  
Sáng mồng một nổ đùng cái pháo, tiếng anh hùng bốc  
thăng tới thiên cung ».

## II. — NHỮNG BÀI THƠ VỀ TẾT :

Chúc tết là một lệ thông-thường của chúng ta từ xưa, cho nên ngày trước  
vào khoảng nửa đêm ba mươi tết, trẻ con nhà nghèo đi thành từng bọn đến cửa  
các nhà xin tiền. Đứa đi đầu cầm một cái ống đựng tiền đã xin được lắc lên  
thành tiếng "súc súc" rồi vừa lắc chúng vừa hát bài này :



### Súc sắc súc sê

Nhà nào, nhà này, còn đèn còn lửa,  
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào.  
Bước lên giường cao, thấy đôi rồng ấp,  
Bước xuống giường thấp, thấy đôi rồng châu.  
Bước ra đằng sau, thấy nhà ngôi lợp,  
Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm.  
Ông sống một trăm thêm năm tuổi lễ,  
Vợ ông sinh đẻ những con tốt lành,  
Những con như tranh những con như rổi.

(Ca-dao)

Trương-truyền rằng, Nguyễn-hữu-Chính khi đến mừng tuổi thầy học, nhân có đốt pháo, ông có làm bài thơ như sau :

#### Cái xác pháo (1)

Xác không, vốn những cây tay người,  
Bao nả công trình, tạch cái thối !  
Kêu lằm lại càng tan tác lằm,  
Thế nào cũng một tiếng mà thối.

Có bản lại chép :

#### Tràng pháo

Giấy xanh, giấy trắng ở tay người,  
Khôn khéo làm sao buộc cũng rời.  
Kêu lằm lại càng xơ xác lằm,  
Cũng mang một tiếng ở trên đời.

Khi nghe xong bài thơ đó, ông thầy nói : anh này sau sự nghiệp to lắm, nhưng làm loạn thiên-hạ rồi không được bền lâu. Quả nhiên, về sau Nguyễn-hữu

(1) Lai-lịch bài thơ như vậy, còn chính bài thơ thì không biết ra sao. Hai bài trên tương tự như nhau. Chỉ có câu thứ 2 của mỗi bài là khác nhau. Câu 2 bài « cái xác pháo » chỉ một cái pháo, vì : « Bao nả công-trình tạch cái thối ». Câu 2 bài « tràng pháo » chỉ một bánh pháo, vì : « khôn khéo làm sao buộc cũng rời ». Nhưng tựu trung, cả 2 bài chỉ có mục đích : nêu ra công-trình làm một cái pháo hay bánh pháo mà công-trình ấy chỉ trong giây lát đã tan-tành cả, sau những tiếng « tạch » hay « tạch tạch »...

Chính làm đến chức Bằng Quận-Công, tung hoành Nam, Bắc, sự nghiệp lừng lẫy, nhưng rốt cuộc bị Nguyễn-Huệ giết chết.

o°o

Chúng tôi xin kể ra đây, một bài thơ của thi-sĩ sông Đà núi Tần : Nguyễn-Khắc-Hiếu, thi-sĩ Tân-Đà qua những lời thơ đã vạch rõ được tâm trạng của hầu hết các giới nhân dịp gần Tết, đó là bài :

#### Gần Tết tiền năm cũ

Tháng một qua rồi tháng chạp đến,  
Năm tàn . . . . . nay gần hết.  
Ngoài đường tấp nập chợ đi đông,  
Quang cảnh trông ra lại gần Tết.

o°o

Ông Công ngựa cả đã lên trời,  
Hạ giới cùng nhau tết đến nơi.  
Kể có tha hồ vui về tết,  
Nhà nghèo tết đến cũng lói-thối.

o°o

Tết nhất từ xưa đã biết bao,  
Vui xuân năm ấy giống năm nào,  
Cỗ bàn, bánh pháo mừng thêm tuổi,  
Một bước đời lên một bước cao.

o°o

Gần Tết bao nhiêu cảnh khác nhau,  
Người vui sắm sửa kẻ lo sầu,  
Phong-lưu thiên-hạ nghe chừng ít  
Lọ tết trần-gian chẳng thiếu đâu.

o°o

Quanh năm luống những tưng cùng lo,  
Tết nhất thêm ra cũng lằm trò.  
Lễ nghĩa muốn thối, thối chẳng dirt,  
Nợ nần vay trả khất quanh co.

o°o

Độp cái năm tàn chóng hết thời,  
Đề chi đeo đuổi bận lòng ai.  
Còn năm luống những lo không rứt,  
Lo mãi quanh năm chán cả đời.

°°

Gần Tết bao nhiêu rít bấy nhiêu,  
Cái lo đâu đến đủ trăm chiều.  
Mong sao chóng hết năm tàn đó,  
Đề mấy ngày chi lãng-đãng theo.

°°

Tiền năm ta có mấy vắn thơ,  
Năm hết cho người cũng hết lo.  
Sắp sửa canh nêu Xuân đón Chúa,  
Thử xem năm mới có ra trò.

Tân-Đà

Xin ghi thêm mấy bài thơ về Tết, bài thơ của thi-sĩ Trần Kế-Xương, cùng ít bài của các thi-sĩ khác.

### Lại chúc Tết

Bắt chước ai, ta chúc mấy lời.  
Chúc cho khắp hết cả trong đời.  
Vua quan sĩ thử người muôn nước,  
Sao được cho ra cái giống người.

Ngày Tết, người ta chỉ chúc nhau cái sự giàu-sang, thật là ích kỷ, hèn mọn cả Thi-sĩ Trần-kế-Xương rộng rãi hơn ai, đã chúc cho toàn thể nhân-loại. Đặc biệt hơn nữa ông chúc cho con người ta ăn ở, cư xử trên dưới sao cho ra cái giống người. Phải chăng, đối với ông, người ta vẫn không ăn ở cho ra cái giống người, có lẽ giống vật dè lẫn nhau, giết hại lẫn nhau.

### Tết Táo Quân

Cuối tuần tháng chạp sớm hăm ba,  
Ông táo đây năm trở lại nhà.  
Bới chuyện nhân-gian từ xóm bếp,  
Táng công thiên-đế về con ma.

Nhật trình nhờ bước vài con chếp,  
Tuế bổng đưa chân một cách gà.  
Năm bảy ngày đường đi lại lại,  
Lên trời chừng cũng chẳng bao xa ?

(Vô-danh)

Táo quân tức là vua bếp, hay táo thần cũng vậy, vị thần coi sóc bếp nước. Sự tích, tên gọi của Táo quân thì nhiều lắm, nhưng đại-khái như sau: vợ chồng nhà nghèo, sau vợ bỏ đi lấy chồng khác, lúc gặp nhau, kể vì tình, người vì nghĩa cùng nhảy cả vào đống lửa chết cháy mà thành thần. Nên có câu:

« Thế gian một vợ một chồng,  
Nào như vua bếp hai ông một bà »

Hàng năm cứ đến ngày 23 tháng 12 âm lịch thì cúng táo quân về trời, báo cáo sự việc thiện ác của gia chủ. Cúng táo quân phải có mấy con cá chép, gọi là ngựa ông Táo để ông Táo cưỡi mà lên châu trời. Người ta cúng 3 cỗ mũ, 1 cỗ bà, 2 cỗ ông và khăn: « Đông trừ tư mệnh, Táo phủ thần quân ».

Đến đây, sau khi đã thưởng-lâm ít nhiều tác phẩm của thi sĩ Trần-kế-Xương, thì ca trong ca dao, và tác giả vô-danh về Tết, chúng ta sẽ lần lượt thưởng thức thi ca của các thi sĩ khác về Tết.

Chúng ta, sẽ đọc đến bài thơ Tết của thi-sĩ Nguyễn-công-Trứ một thi-sĩ khác hẳn với nhiều thi-sĩ, vì cụ có một nhân-sinh-quan rất vững chãi, còn oanh-liệt đến ngày nay về sự nghiệp « dinh-diên ».

### Thơ Tết (1)

Tết nhất anh ni (2) ai nói nghèo,  
Nghèo mà lịch sự đổ ai theo.  
Bánh chưng chất chặt chừng ba chiếc,  
Rượu thuốc ngâm đầy độ nửa siêu.  
Trừ tịch kêu vang bà tiếng pháo.

- (1) Bài này có người nói của ông Nguyễn-hữu-Độ là cháu cụ.  
(2) Anh ni là anh này.

Nguyên-tiêu cao ngắt một gang nêu,  
Ai xuân anh cũng chơi xuân với.  
Chung đỉnh ơn vua ngày tháng nhiều.

Nguyễn-công-Trứ

Tết đến. Xuân về, chúng tôi thiền nghĩ có bốn phận thấp nên hương lòng đề tường kính công ơn các bậc tiền bối, những chiến-sĩ đã hy sinh cả một đời cho đất nước, nên không quên kể ra dưới đây, một nhà cách-mạng chân-chính lão thành và cũng là một nhà thi-sĩ. Đó là cụ Phan-bội-Châu. Cụ đã dùng thơ đề tả nỗi niềm, tâm-sự của các giới, dưới thời Pháp-thuộc. Những bài thơ Tết đó, đến nay còn truyền-tụng. Cụ còn đề lại 6 bài thơ Tết, nào Tết Cầm-lao, Tết Thọ-thuyền, tết thầy tu, Tết nhà văn, Tết nhà giàu, Tết công-thương.

Dưới đây, chúng tôi xin lược kê các bài thơ đó đề quý vị thưởng thức :

### Tết Cầm-lao

Nghĩ tới anh em phải choáng đầu,  
Tết ai nào phải tết mình đâu ?  
Kiếm cơm, năm suốt mười hai tháng,  
Bán sức, ngày vừa ít chục xu.  
Con đói vì khổ hai vú sữa,  
Thân còn thêm cực mấy phen đau  
Tết hoàì, tết hỷ vui chi tá ?  
Pháo lạng giêng kêu tằm điếc mù.

Phan-bội-Châu

### Tết Thọ-thuyền

Biết bao máy móc cướp trọn nghề ?  
Tết lấy gì đây, sợ tết về.  
Tiền bạc bòn trong mười ngón ép,  
Tháng ngày qua trọn một đời thuê.  
Mua vui nhưng tởm ma trêu chọc,  
Bán đại còn e nợ bôn bề.  
Cặm cùi lo co xong mấy bữa,  
Tết gì cực quá, hỡi xanh tẻ ?

Phan-bội-Châu

### Tết nhà văn

Tết mới đi qua, tết lại về,  
Nghe người nói tết, khiến mình ghê,  
Bếp không pháo láo ngoài sân nở  
Bụng trống thơ điên trước cửa đề.  
Say giọng chén chè mua thú mượn,  
Nhồi mồm đầu óc bán bài thuê.  
Tết như thế hử ? Âu đường tết,  
Bốn bề năm châu nợ bôn bề.

Phan-bội-Châu

### Tết thầy tu

Rằng tết thời vui chẳng mấy ai !  
Duy mình vui tết nhất trên đời.  
Hương hoa vô số người mê cúng,  
Chè sắn tha hồ Phật sống xơi.  
Sướng tội là không xâu thuê tới,  
Giờ thừa lại có khiếu (ò chơi.  
Rày nghe hội Phật càng lan khắp.  
Cứ việc Nam-mô tụng niệm hoài.

Phan-bội-Châu

### Tết nhà giàu

Than trách thầy ai trẻ với già,  
Ta vui cái thú sống riêng ta,  
Xe hơi chen chúc, dưng đầy ngõ,  
Áo gấm rạ vô, rộn cả nhà,  
Tiếng chúc, tiếng mừng, xen tiếng pháo,  
Câu cười, câu tán, lẫn câu xa,  
Tết như thế mãi, vui đâu hết,  
Sống biển mây rừng chán ngõ xa.

Phan-bội-Châu

### Tết công-thương

Lạnh-quanh ngày tháng sống qua thi,  
Còn tất tiền mua cái tết « si ».

Bạc nợ nhà băng đòi riết tới,  
Vốn nhà phố xá bán không đi,  
Giàu sang mình thấy vui xuân mới,  
Túng bản thêm cho thặng nhuận lý,  
Thối lại tết cùng ba chén rượu,  
Còn trời, còn đất, mặc chi chi.

Phan-bội-Châu

Thế là chúng ta đã dạo chơi khá lâu trong vườn thi ca Việt-Nam nhân dịp tết đến, Xuân về.

Thực vậy, Tết đến, đã đem lại cho chúng ta lòng nhớ quê-hương một cách tha thiết, bồi ngùi, nhưng tin tưởng vào dĩ vãng, hiện tại và tương-lai của dân tộc, đất nước rồi đây sẽ thống nhất trong hòa-bình và tự-do, để toàn dân Việt-Nam chúng ta tại khắp mọi nơi trên đất nước sẽ vui hưởng một cảnh Tết thanh bình của một dân-tộc đã có mấy nghìn năm lịch-sử.

Ngày đó, chúng ta lại sẽ thấy cái cảnh sinh-hoạt thực là nức-nhiệt tung-bùng từ thành-thị tới thôn quê.

Cảnh đó, dưới ngòi bút linh hoạt, thi-sĩ Đoàn-văn-Cừ đã nói lên như sau, về "đi chợ tết" tại thôn quê :

*Dải mây trắng đổ dần trên đỉnh núi,  
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh.  
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,  
Người các ấp tung-bùng ra chợ tết.*

Đoàn-văn-Cừ

Thực là, cảnh đẹp hòa hợp với lòng người nô nức đón mừng Xuân mới tại khắp nơi nơi.

Hưởng tết Cộng-Hoà, vui xuân đầm ấm tại miền Nam, chúng ta không khỏi ngậm-ngùi, nghĩ tới đồng bào miền Bắc hiện nay, mà ước mong sao ngày thống-nhất nước nhà không còn xa nữa.

## CHUNG HƯƠNG XUÂN DÂN-TỘC

# TẾT CỦA ĐỒNG-BÀO THƯƠNG TẠI VIỆT-NAM

(THÁI, THỒ, MƯỜNG, MÁN, MÈO v.v..)

MAI-SON

Nguyễn-Quỳnh-Ngọc

*Xuân về khắp chốn, chẳng riêng đâu...*

Xuân đã về đây, đem lại sự trở trung cho các sắc dân tại Việt-Nam ở miền xuôi cũng như ở miền Thượng, tại sơn-cước Bắc-phần cũng như ở cao-nguyên Trung-phần. Hương xuân ấm-áp như tràn khắp lòng người. Vây nhân dịp đầu năm, chung nén hương lòng, ta thử nhìn về hương Bắc, liên tưởng đến những đồng-bào Thượng hồn nhiên và chất-phác, hiện nay ở nơi rừng thẳm non xanh, ăn tết và thưởng xuân như thế nào. Dù còn ở bản-địa, vẫn sinh sống tại chỗ, dù phải ly-hương xa nơi đất cũ, họ quên sao được những tục-lệ kỳ thú nhuộm đủ màu sắc địa-phương, nhưng tựu trung vẫn hàm một ý-nghĩa duy-nhất của tết dân Việt-Nam.

## TẾT CỦA ĐỒNG-BÀO THÁI

Đồng-bào Thái sống chuyên về nông-nghiệp, ăn rất nhiều thứ Tết và lễ đủ thứ Thần. Họ lo âu nhất vào hồi đầu mùa cấy cấy, vì thế nên tế lễ liên-miên để tỏ sự sùng kính đối với Trời Đất, Mưa gió, Núi sông, Lúa v. v..

Đến cuối mùa Đông, vào hạ tuần tháng mười âm-lịch, họ ăn uống no say, bày ra hội hè rất náo nhiệt linh-dinh. Sau «Tết soong sip» (Tết cơm mới), họ còn ăn «Tết kim-tiên» (ăn tiền), «Tết ông sao» (tết ông táo) «Nen bươn tiên» (tức là tết Nguyễn-Đán).

«Tết kim tiên» mở vào đầu tháng chạp, cúng tế trời đất tổ-tiên phù-hộ cho họ được bình-an thịnh-vượng.

«Tết ông sao» cúng vào ngày 23 tháng chạp như ta. Lễ vật của họ chỉ có một con gà, một đĩa xôi, một chai rượu một ít vàng giấy và hoa quả đem vác cúng trong bếp, sau đó lại phải ra núi tìm mấy hòn đá mới đem về bắc lại bếp (không khác gì đồng-bào miền xuôi ở một vài nơi có lệ thay ông đầu rau (vua bếp mới).

Sau Tết đó, tiếp ngay việc sửa soạn ăn tết «Nên bươn tiên» (Tết Nguyên-Đán). Họ ăn Tết này rất trọng-thể. Mổ rất nhiều trâu, bò lợn để lễ tổ-tiên rồi ăn uống.

Gần giao-thừa, có nhiều nơi các phụ-lão gắp vài mảnh than hồng đem nhúng nước, rồi đem cán để lát nữa khi giao-thừa đã qua, đem sánh với than năm mới, coi bên nào nặng hơn. Nếu than năm mới nặng hơn thì năm đó sẽ có nhiều sự may mắn đưa lại.

Đúng giao-thừa, một hồi trống rung và tràng pháo nổ vang ở nhà viên tri-trâu báo-hiệu một năm cũ đã qua, một năm mới đến. Mọi nhà thường vác ống tre ra suối lấy «nước năm mới» về cúng tổ-tiên.

Suốt ngày mừng một tết đồng-bào Thái kiêng không một ai ra đường cả. Gia-dình nhà nào cũng họp mặt đông đủ trong nhà để ăn tết. Có nhà còn ăn chay cho sạch lòng và sạch ý, luôn luôn với sự tưởng-niệm: «Ăn chay được hưởng phúc lành».

Sáng ngày mừng hai dân chúng kéo nhau lũ-lượ đến chúc tết «Quần mươn» (Cai-Tông Thái), sau mới đến chúc họ hàng. Các thiếu-nữ ăn mặc lộng lẫy, dắt nhau xuống suối, rửa chân tay mặt mũi cho sạch để lấy may. Các cuộc vui chơi (như ăn uống, nhảy múa, thổi «khèn», hát sường, v. v. tiếp-tục liên-miên cho đến ngày 6 tháng giêng là ngày mở hội «tung còn» (tung cầu) do hai phe nam nữ trong thôn dự cuộc.

Hôm đó, dân làng tụ họp trên một khoảng đất rộng, đặt ban thờ cúng trời đất, có «pin mo-mươn» (thầy mo) (1) đọc kinh chú. Sau đến lượt «quần mươn» (cai tông) đứng giữa đám đông, bần chỉ hiên mấy phát súng, hay đốt một tràng pháo, miệng lầm bầm cầu khẩn trời đất quý thần phù hộ cho dân được bình an thịnh vượng. Rút tiếng súng hoặc tiếng pháo, dân chúng mới ùa nhau tới, cố tranh xé lấy một miếng áo của «quần mươn» đem về đính vào áo trẻ mới để để lấy khước và trừ ma quỷ. Lễ dĩ nhiên «quần mươn» phải thay mặc áo mới để chủ-toạ lễ «tung cầu»

Trên một bãi cỏ rộng ở gần nơi hành-lễ đã chôn sẵn một cây tre, trên có treo một vòng tròn đồng kính độ 60 phân tây, dán giấy xanh đỏ cho kín mặt, quả cầu thường giống như một trái banh nhỏ do một ít vải cuộn tròn, khâu lại rất chắc, ngoài đủ màu xanh đỏ sặc-sỡ.

Đầu tiên «quần mươn» khẩn trời đất, xong ném lên ngọn cây tre có vòng tròn dán giấy (như đã nói trên). Rồi đến lượt trai gái chia ra hai phe, bên nọ tung cho bên kia, ai ném trúng được vòng tròn giấy sẽ được tặng thưởng. Bên trai bao giờ cũng tung trước, còn bên gái nhất. Cậu nào mà

(1) Tức như thầy cúng, thầy bùa của ta.

tung cầu lên mà sang bên kia có nào nhất, tức nghĩa là có ấy đã bằng lòng chọn cậu đó làm ý trung-nhân. Hội xong, hai bên sẽ mời nhau về nhà chơi, rồi ít lâu sau sẽ nhờ mối lái làm lễ ăn hỏi.

Nam nữ thanh niên Thái tung búng đi dự hội «tung cầu» vì cho là một dịp duy-nhất, đây hứa hẹn để thương-niên kén chọn bạn trăm năm.

Đồng-bào Thái ăn xong tết này, còn kéo dài cuộc vui chơi thường xuân cho tới rằm tháng giêng mới thôi.

## TẾT CỦA ĐỒNG-BÀO THỎ

Đồng bào Thỏ ăn tết thường xuân còn nhiều hơn người Thái, nhưng cũng có nhiều phong-tục giống nhau, vì họ cũng thuộc giòng Thái thuở xưa (1).

Song le, họ có một phong-tục hơi khác thường là cứ đến ngày 29 tháng chạp, dân làng mổ rất nhiều trâu bò, làm thịt sạch sẽ, rồi thái thịt ra xâu từng xâu dài treo trên gác bếp. Họ phải làm như vậy, vì nếu ăn không hết, còn để dành được lâu. Thực thể, thịt này nhờ có khói ở bếp đun bốc lên bắt vào thịt, làm cho vàng khè và khô quắt lại. Khi nào muốn ăn, họ lấy xuống rửa nước sôi, cạo sạch, cho vào luộc hay nướng, rồi ăn có vẻ ngon anh lắm.

Trong mấy ngày Tết, khi bạn đến ăn cỗ nhà đồng-bào Thỏ và ngồi chung quanh mâm cỗ để sắp sửa ăn uống, thường lệ chủ-nhân sẽ để cạnh bạn và tất cả các người khác mỗi người một tàu lá dong hay miếng lá chuối. Lúc ăn, mỗi khi bạn gắp một miếng thịt vào bát, bạn lại gắp theo một miếng bỏ vào tàu lá. Đối với tất cả món ăn khác, khi bạn gắp bạn cũng làm như thế, chỉ trừ có nước canh không đồ được thì thôi. Bạn ăn xong, chủ-nhân sẽ tự tay gói món ăn lại để bạn mang về cho người nhà. Thế là bạn đã có dịp vừa được ăn, được nói, lại được gói mang về. Suốt cả vùng cao nguyên miền Bắc, nơi nào có đồng-bào Thỏ là ở đó có tục ăn cỗ lấy phần như trên.

Tết đến, đồng-bào Thái cũng mở hội múa hát, và trong tháng giêng cũng tổ-chức những cuộc chơi tập đoàn rất hào hứng như người Thái,

(1) Thái là một giòng Bách-Việt xưa ở vùng Giang-Tây. Khi bị người Trung-Hoa đánh đuổi, họ phải chạy xuống phía Nam, dọc theo triều sông Cửu-Long, Hồng-Hà và Tây-Giang.

Bạn này theo triều sông Hồng-Hà rồi định-cư tại miền thượng-du Bắc-Việt, lập ra giòng Thái ngày nay và dân Thỏ miền Hồng-Hà và Lô-Giang. Nhưng đồng-bào Thái lại chia ra làm 2 giòng khác nhau là Thỏ đen và Thái trắng. Thái đen di-cư đến Bắc-phần trước; nên phong-tục theo Việt-Nam nhiều, còn Thái trắng vì ở Văn-Nam, mãi sau mới di-cư sang đất Việt, nên phong-tục có phần giống Trung-Hoa nhiều hơn.

tức là mở hội « tung còn » (tung cầu). Trai gái cũng mượn dịp này để kén chọn ý-trung-nhân.

Họ còn có một lối chơi khác nữa cũng kỳ thú, gọi là « Hội đầu pháo ». Hội này tổ chức ở vùng Lạng-Sơn Cao-băng (Bắc-Phần), vui vẻ nhất ở chỗ cướp được đầu pháo. Sau khi pháo nổ, người nào bắt được đầu pháo sẽ được thưởng. Ngoài sự lãnh thưởng, họ còn tin rằng bắt được đầu pháo vào buổi đầu xuân, ắt được may mắn phát-tài quanh năm.

Quả pháo họ làm to bằng bắp tay dài hai gang, chung quanh quấn vải, đồ. Sau khi làm lễ tế thần, ông chủ tế trịnh-trọng châm lửa vào ngòi Pháo lúc ấy đặt lên bàn, giữa bãi đất trống.

Một tiếng nổ vang lên như tiếng súng đại-bác. Đầu pháo bị bắn tung lên trời và văng đi thật xa. Những người đứng xem chung quanh đều đổ dồn mắt lại hướng theo về phía đầu pháo văng đi xa rồi đua nhau chạy đi nhất trước tiên. Đầu pháo chỉ có một mà tranh nhau lượm có đến trăm ngàn người, nên cuộc chơi náo nhiệt vô cùng.

Trong hội đầu pháo, vui vẻ nhất và buồn cười nhất là họ đánh lừa lẫn nhau. Tiếng pháo chính vừa nổ, đồng thời những tràng pháo con buộc bên cạnh cũng nổ vang lên, khơi bốc mịt mù, làm cho nhiều người inh tai cay mắt, ngờ-ngác không nhận được đầu pháo văng đi hướng nào. Vì thế, có kẻ tai quái hồ to chỉ bậy về một hướng rồi chạy đại về mọi người khác nhẹ dạ chạy theo. Hoặc giả, có anh trông thấy đầu pháo văng về hướng Đông thì cố ý đánh lừa chỉ sai về hướng khác. Mọi người chạy số về hướng đó, còn chính anh ta lại chạy về hướng Đông. Đến khi nhận thấy anh ta chạy về hướng Đông, mọi người lật-đật quay gót lại chạy theo anh ta về hướng này. Cứ thế, kẻ chạy ngược, người chạy xuôi, trông thấy tiu ta tiu tit như trò múa rối, Rồi đến khi một người nào may bắt được đầu pháo, chừa chắc đã giữ được nôi, vì người khác đua nhau xô tới ðe ra mà cướp lấy. Nếu không khỏe tay cứng chân, quả cầu sẽ lọt vào tay kẻ khác. Trông họ tranh nhau quả cầu lúc này chẳng khác đàn gà tranh nhau miếng mồi,

Cuộc chơi ấy rất vui nhộn, thực ra không phải là một tục-lệ có từ xưa của đồng-bào Thổ mà chính là bắt chước (vào khoảng một trăm năm) một cổ tục của Trung-Hoa.

Tục truyền rằng đời vua Cao-Tôn nhà Thanh (niên hiệu Càn Long thứ 24), nhà vua đem quân đi chinh phục nước Hồi-Hồi. Quốc vương nước này chết trong đám loạn quân. Thấy vợ vua Hồi-Hồi là nàng Hương-Phi có nhan sắc mỹ-miền, vua Cao-Tôn liền cho bắt về cung.

o

Đau thương về cảnh nước mất nhà tan, đến cả tấm thân ngàn vàng cũng không giữ trọn được tiết-trinh, Hương Phi ủ dột suốt ngày ít

khí cười nói. Muốn yên ủi và làm đẹp lòng người yêu, vua Cao Tôn bèn truyền cho 5000 người đàn, đủ cả trẻ già trai gái, đều ăn vận theo y phục người Hồi Hồi Rồi nhà vua truyền cho quân sĩ mở hội đốt pháo hoa trước lầu vàng. Vua Cao Tôn đặt cuộc vui này theo phong tục nước Hồi Hồi, cốt để cho Hương Phi coi, may ra quên giảm được cảnh tha hương. Nào ngờ cuộc vui đó như tái diễn thời oanh liệt của Hồi quốc năm xưa Hương Phi càng thấy náo lòng, rồi nàng liền gieo mình từ trên lầu xuống sân, giữa đám vui mà tự vẫn. Vua Cao Tôn, cảm tiếc nhớ thương vô cùng vì vậy, mỗi năm nhà vua lại cho mở hội đốt pháo để khuây bớt nỗi nhớ thương người quốc sắc hạc mệnh.

Dân gian gần xa cũng bắt chước bày ra trò chơi này vào dịp đầu xuân, và dần dà tục ấy lan tràn đi khắp mọi nơi.

Năm 1856, đời vua Tự-Đức thứ 9, dư đảng Thái-Bình thiên-quốc bị Lý-hồng-Chương đánh bại phải chạy lánh sang Việt-Nam, rồi xin nhập tịch dân Việt. Mỗi năm xuân tới, họ nhớ tục cũ lại bày trò đốt pháo hoa. Đồng bào Thổ ở gần nơi họ thấy vui nhộn hay hay, nên bắt chước cuộc chơi ấy và lâu ngày thành một tập-tục.

Ngoại « hội đầu pháo », đồng-bào Thổ, nhất ở vùng Bắc-Kạn (Bắc-phần), còn tổ-chức lễ « lũng tùng » (lễ động thổ).

Lễ này thường cử hành vào tháng giêng Lễ đó rất quan-trọng. nên dân làng có vẻ tập-nập lắm. Người ta đua nhau làm cỗ bàn, bánh trái, Gỏi là cỗ, chứ thực ra chỉ có lợn luộc và mấy bát canh sáo; còn bánh thì làm bằng bột gạo lóc. Gạo lóc giã nhỏ, nặn thành những hoa lá, có nhuộm màu và nhiều thứ bánh nhân đậu xanh.

Hôm mở hội « lũng tùng », người ta đem cỗ bàn bánh trái bày la-liệt ngoài ruộng. Giữa ruộng cắm một cây mai cao vút, ngọn uốn tròn lại như cái vòng và dán giấy trắng. Giữa vòng có một điếm đồ tròn tức là hồng-tâm. Sau khi lễ thành-hoàng, ông tiên-chỉ cầm cái thường sấu một miếng đất ở giữa ruộng.

Rồi trai gái thi nhau ném quả « còn » (cầu) vào cái vòng dán giấy và cố nhắm trúng hồng-tâm mà ném cho thủng giấy. Nếu vòng ðe quá cao, không ai ném tới cho thủng giấy được thì sau cùng họ phải dùng súng hỏa mai bắn cho rách giấy. Họ tin rằng năm nào bắn không rách giấy, thì ở vùng đó sẽ mất mùa, làm ăn sẽ vất vả khó khăn.

Ném rách được vòng giấy, người ta bèn hạ cỗ, đặt trên mặt đất rồi xúm nhau lại ăn rất vui vẻ. Ai đến dự lễ đều ngồi ăn cỗ, và những người lạ đến xem cũng được mời ăn. Nếu từ chối, họ không bằng lòng. Vì cho thế làm là sai cuộc vui đầu năm và làm rống cho họ.

Cơm rượu xong, trai gái bày ra trò « tung còn » (tung cầu) như trên đã nói.

Trong một số sau, xin nói tới cuộc ăn tết và thường xuân của đồng-bào Mường, Mán, Mèo, Mọi, v.v...

NHỚ LẠI ĐỜI ANH-DŨNG CỦA

TÀ-QUÂN LÊ-VĂN-DUYẾT (1763-1832)

HUNG-VIỆT

Tại Nam-phần, cứ mỗi lần xuân về, ngay từ lúc giao-thừa và liên-tiếp trong ba ngày tết, đồng-bào Việt-Nam (và cả Hoa-Kiều nữa) lũ-lược rủ nhau « đi lễ Lăng Ông » tại châu-thành Gia-Định, đông như chày hội. Thiên-nam tín-nữ đem hương hoa dâng lên anh-linh đức Tà-quân Lê-văn-Duyệt, vừa để cầu phúc, vừa để tỏ lòng sùng-bái và tri-ân một đấng anh-hùng dân-tộc.

Đề tường-niệm một bậc tướng-linh trí-dũng kiêm-toàn, một vị cai-trị đại-tài, một nhà ngoại-giao khôn khéo, biết nhìn xa nghĩ rộng, suốt đời tận-tụy với nhân-dân, chúng tôi xin nhắc, dưới đây vài điểm chính về thân-thể và sự-nghiệp của đức Tà-Quân, quả là một vĩ-nhân đã từng nuôi chí cả từ buổi thanh-xuân, đã từng góp một phần xây dựng lớn trong việc thống-nhất giang-sơn và đã tạo-thành một cuộc đời vô cùng oanh-liệt trong lịch-sử Việt-Nam.

1. — BIẾT LẬP-CHÍ LÀM TRAI

Tà-quân Lê-văn-Duyệt sinh năm Quý-vị (1763) tại làng Hòa-Khánh, gần vùng Tà-Lọt, tỉnh Định-Tường (nay là Mỹ-Tho). Theo gia-phả, ông tổ năm đời là Lê-văn-Lương sống giữa hồi Trịnh Nguyễn phân-tranh, trước còn ở tổ-quán tại xã Tà-Lỗ, huyện Yên-Lạc, nay thuộc tỉnh Vinh-Yên (Bắc-phần) (1) sau thiên-cư đến xã Bồ-Đề, huyện Mộ-Đức, tỉnh Quảng-Ngãi (Trung-phần). Đến đời tổ-phụ là Lê-văn-Hiếu và thân-phụ là Lê-văn-Toại mới rời xã Bồ-Đề, di-cư vào Nam-phần, ở làng Hòa-Khánh (Mỹ-Tho).

Lê-văn-Duyệt có 4 anh em trai mà ông là anh trưởng.

Khi ông lên 8 tuổi, tổ-phụ mắc bệnh thời-khí và từ-trần.

(1) Theo tài-liệu khảo-cứu của nhà văn Tiên-Đàm Nguyễn-tường Phụng.

Thân-phụ ông ở xã Hòa-Khánh ít lâu, bèn bỏ đi nơi khác, mong dễ-dàng mưu-kế sinh-nhai; sau cư-trú ở xã Long-Hưng, tại Rạch Gầm (thuộc tỉnh Mỹ-Tho) và sinh-cơ lập-nghiệp ở đó. Đất lành chim đậu, làm ăn mỗi ngày thêm phát-đạt, thân-phụ ông mới đón thầy đồ về rèn luyện các con học-tập. Riêng ông Duyệt lại không ưa học văn, chênh mảng việc đèn sách, chỉ thiết-tha học võ, và sở-thích nhất là săn-bắn, chơi gà hoặc đi chơi dế dầy. Vì thế, thân-phụ ông thường tỏ vẻ không vui.

Sở-dĩ ông không chuộng văn-chương mà ưa võ-nghệ, có lẽ vì ngay từ bé mắc tật ăn-cung (nghĩa là không có ngọc-hành). Tuy thế, ông rất thông-minh và anh-lợi; vóc người thấp bé, nhưng rất khoẻ mạnh.

Năm 14, 15 tuổi, ông đã thốt ra một câu đầy khí-phách hiên-ngang: « Sinh ở thời loạn, không kéo cờ giống trống làm đại-tướng để lưu-danh thiên-cổ thì không phải là tài trạt. »

Hồi đó, chúa Nguyễn-phúc-Anh (tức vua Gia-Long sau này) lánh nạn quanh-quần ở đất Nam-kỳ, vì đương bị quân Tây-Son truy-nã ráo-riết. Sau khi quân của Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Lữ rút về Qui-nhơn, Nguyễn-Anh lại tụ-tập những cựu-thần khởi-bình từ Long-xuyên tiến lên Sađéc và hội-binh với Đồ-thành Nhân đánh đuổi quân Tây-Son, lấy lại thành Gia-Định (1877). Sau khi bình-xong đất Gia-Định, Nguyễn-Anh theo lời yêu-cầu của các tướng, bèn xưng vương-hiệu (1780). Khi đã chính-vị, Nguyễn-Vương bèn tuyên con gái Tống-phúc Khuông vào cung và mộ nhiều hoạn-quan để phục-dịch trong nội-đình.

Chính vào hồi này, ông Lê-văn-Duyệt đã gặp chúa Nguyễn. Theo sách « Tiểu-sử Quý-tế hội Gia-Định », cuộc gặp gỡ đó rất hào-hứng, xảy ra ở ngay nhà ông. Vốn ông có sắm riêng một bộ ghế ngựa, đặt chính gian giữa, trước có ghế ngồi, trên có trái chiếu hoa và trưng bày khay hộp chỉnh-tề, nhưng ai tới ngồi thì ông không cho; nếu cố cưỡng, ông thẳng tay đánh đuổi. Tình cờ một hôm, Nguyễn-Vương vi-hành cùng 4 vị tùy-tùng tới nhà, giữa lúc ông đi vắng. Nguyễn-Vương ngồi ngay trên bộ ghế ngựa, mặc dù bà mẹ ông Duyệt hết sức can ngăn.

Khi ông Duyệt về, Nguyễn-Vương thấy tướng mạo khôi-vĩ, bèn hỏi:

— Trong lúc thảo-muội như ngày nay, sao ngươi không chịu lo lắng việc đời, mở bỏ unction cái thân-danh cho nát với cỏ cây?

— Trong xứ này, chưa gặp ai lỗi-lạc để cùng lo việc lớn, nên tôi đành nghèo-ngạo vui chơi non nước để chờ thời.

— Nếu anh em ta là người trung-nghĩa quốc-gia, người có chịu theo ta chăng ?

— Được vậy, tôi xin chịu.

— Nội đây người chịu theo ai ?

Ông Duyệt không ngập-ngừng, quỳ xuống nắm chặt tay Nguyễn-Vương mà rằng : « Tôi chịu theo Ngài ! ». Vả lúc bấy giờ, linh-tính đã cho Lê-Văn-Duyệt biết là mình đã gặp được chân-chúa. Năm đó, ông mới 17 tuổi.

Như trên đã nói, vì ông có tài ân-cung, nên Nguyễn-Vương cho làm Thái-Giám trông nội-đình (1780). Ông tạm nhận chức này, có lẽ cho để bước tiến thân về sau. Ít lâu, Nguyễn-Vương nhận thấy ông vô-nghệ cao-tướng, lấy làm đắc-ý, bèn thăng lên chức Cai-cơ được coi hai đội quân thuộc nội.

Trong mấy năm đầu theo Nguyễn-Vương, ông đã nhiều phen vào sinh ra tử, trước sau một lòng trung-nghĩa đối với minh-quân.

Có lần ông sa cơ, bị quân Tây-Sơn bắt được; thấy ông chức nhỏ và còn tuổi trẻ, nên coi thường. Ông thừa-cơ trốn được, lặn-lội ra tận Phú-Quốc để tìm Nguyễn-Vương. Từ đó, Nguyễn-Vương càng tin cậy, giao cho trông nom tất cả mọi việc trong nội-cung.

Năm 1783, Nguyễn-Vương bị quân Tây-sơn đánh thua, lại phải đem cung-quyển chạy ra Phú-Quốc. Lê-văn-Duyệt xin tòng-vong hộ-giá.

Năm 1784, Nguyễn-Vương cùng đường phải chạy sang Vọng-Các và mượn binh Thái-Lan về chinh-phục Gia-Định, song viện-binh Thái-Lan bị Nguyễn-Huệ đại-phá tại Mỹ-Thọ.

Nguyễn-Vương lại phải chạy ra Thồ-Châu (Poulo Panjang), rồi sang năm 1785, sang trú-ân tại Vọng-Các (Thái-Lan). Lần này, Lê-văn-Duyệt vẫn theo hộ-giá.

Vì số quân ta theo Nguyễn-Vương mỗi ngày thêm đông mà lương-thực lại thiếu-thốn, Nguyễn-Vương lo buồn vô cùng. Lê-văn-Duyệt bèn hiến kế xin cho quân vào rừng đốn cây về đục làm thuyền « độc-mộc » bán cho người Thái-Lan (1) để lấy tiền nuôi quân-sĩ; ông lại tâu xin Nguyễn-Vương với sự thoả-

(1) Người Thái-Lan hay dùng thừ thuyền này đi lại trên sông Cửu-Long.

thỏa của vua Thái-Lan, cho tướng-sĩ đi khai-khàn đồn-diên, và đồng-thời đóng chiến-thuyền để chờ cơ-hội về nước.

Trong khoảng ngót hai năm (1785-1787), nung nấu theo Nguyễn-Vương ở Thái-Lan, ông lúc nào cũng tỏ ra hết lòng với chúa, song vẫn chưa gặp cơ-hội tốt để tỏ rõ tài-năng về quân-sự.

Ngay khi Nguyễn-Vương nhận giúp vua Thái-Lan đánh bại quân Diên-Điện (1786), cũng chỉ chọn có Lê-văn-Quân và Nguyễn-văn-Thành đi cầm binh thôi.

## II. - TRỞ TÀI THAO-LƯỢC

Đầu năm 1787, thừa dịp anh em nhà Tây-Sơn bất-hoà, Nguyễn-Vương đem quân về lấy Gia-Định (lần thứ ba) và đến mùa thu năm 1788, hạ được thành Sài-gòn. Nguyễn-Vương chiêu-an trăm họ và trọng-thưởng các tướng-sĩ (như Võ-Tánh, Lê-văn-Quân, Tôn-thất-Hội, Nguyễn-văn-Thành, Tống-viết-Phúc) đã lập được nhiều chiến-công. Duy có Lê-văn-Duyệt vẫn giữ chức cũ (tức Thái-Giám nội-đình), vì chưa có dịp cầm quân.

Một ngày kia, nhân khi nhàn rỗi, thấy bọn hoạn-quan ca-tụng tài thao-lược của Nguyễn-văn-Thành. Tống-Viết-Phúc, ông bèn trả lời :

« Phúc hữu-dũng vô-mưu còn Thành lại mưu thừa-mà dũng thiếu. Dưới con mắt ta, duy chỉ có Tôn-Thất-Hải, dù cả mưu lẫn dũng mới đáng là bậc lương-đạo của triều-đình. Sau này, nếu ta làm tướng, ta quyết không chịu thua ông này ! »

Rồi đang lúc cao-hưng truyện trò, ông vui miệng bàn tới chiến-thuật hành-quân, Nguyễn-Vương chợt đi qua, nghe rõ cuộc đàm-luận, bèn đứng bước hỏi ông Lê-văn-Duyệt :

— Người có thể cầm quân ra trận được không ?

— Thưa Chúa-công, được lắm chứ !

Nguyễn-vương cả mừng, tỏ ý khen ngợi, rồi sau cử ông mộ binh theo về cánh Tà-quân. Lần đầu tiên (1790), ông được theo Chương-tiền-quân Lê-văn-Quân đi đánh tỉnh Bình-thuận (giúp-giới tỉnh Biên-Hòa); đến tháng 7 năm 1792, ông lại cùng mấy danh-tướng là Võ-Tính, Nguyễn-văn-Thành, Tôn-thất-Hội và Nguyễn-hoàng-Đức đánh bại quân Tây-Sơn, chiếm hẳn được tỉnh Bình-Thuận, đánh phá mấy đồn trọng-yếu phòng-vệ bên Thị-Nại, và tiến vây thành Qui-nhon



(Kinh-dô của Tây-Son). Nhờ chiến-công năm đó, ông được thăng Thuộc-nội Vệ-Úy, thuộc đội Thần-Sách.

Năm Kỷ-Mùi (1799), Nguyễn-Vương sửa soạn một cuộc chinh-phạt đại-quy-mô, cử ông giữ chức Chương-Γà-Quân (1), cùng Tống-Viết-Phúc đem quân án-ngủ ở Bình - Đề (2) cốt ngăn quân Γày-Son ở Quảng-Nam vào tiếp-viện Qui-nhơn. Khi có tin mấy vạn quân Tây-Son kéo về đánh, ông và Tống-viết-Phúc cùng tàu dề yên lòng chúa Nguyễn: « *Có hai thần ở đây, Chúa-công cứ vững dạ* ». Ông còn chỉ ngọn núi trước mặt mà nói với sứ-giã của Nguyễn-Vương: « *Đây là nơi hai chúng tôi liêu sống chết với địch* ». Nhờ có lòng dũng-cảm đó, quả nhiên ông đã khắc-phục được thành Qui-nhơn, vì tại trấn-thủ thành này không thấy viện binh đến cứu, lương-thực bị thiếu cạn, đã phải mở cửa hàng (2).

Nguyễn-Vương sau đổi tên thành Qui-nhơn gọi là Bình-Định, giao cho Võ-Tính và Ngô-tòng-Chu ở lại giữ và lui về Gia-Định (tháng 10 năm 1799).

### VÔ-CÔNG OANH-LIỆT CỦA TẢ-QUÂN

Binh-lực của Tây Sơn lúc đó vẫn còn mạnh lắm. Ngay tháng sau, quân Tây-Son đã tới vây hãm thành Bình-Định rất gấp; ngoài ra, còn đem 100 chiến-thuyền đóng giữ cửa Thị-Nại, lấy xích sắt ken chặt thuyền lại như một thành nổi trên mặt bể, mục-dịch ngăn không cho quân chúa Nguyễn tới giải-cứu. Cuộc bao vây kéo dài gần 14 tháng ròng. Đã nhiều lần, chiến-thuyền của chúa Nguyễn cố đánh vào Thị-Nại, nhưng không sao tiến được.

Sau đến tháng giêng năm Tân-Dậu (1801), Nguyễn-Vương định dùng kế hoà-công, nhờ gió Đông-Nam thổi, thiêu-hủy chiến-thuyền Tây-Son. Tống-viết-Phúc xin đảm-nhận việc đó, song chúa Nguyễn tin ở tài thao-lược của Lê-văn-Duyệt, nên giao trọng-trách nguy-hiểm nầy cho ông cùng Võ-di-Nguy. Hai người, khảng-khái nhận nhiệm-vụ.

Vào khoảng đêm 15 rạng ngày 16 tháng giêng năm Tân-Dậu (27-2-1801) Nguyễn-vương ra lệnh tổng-tấn-công. Trung-quân Nguyễn-văn-Trương và Tống-phúc-Lương đem quân tiên-đạo đánh thủy-trại của Tây-Son, còn Lê-văn-Duyệt và Võ-di-Nguy đem thủy-quân đánh cửa Thị-Nại. Hai bên hỗn-chiến kịch-liệt và

(1) Đồng-thời Nguyễn-Vương phong cho Nguyễn-văn-Trương làm Chương-Trung-quân (chức cao nhất), Nguyễn-hoàng-Đức làm Chương-Hữu-quân, Nguyễn-văn-Thành làm Chương-Tiền-quân và Võ-Tính làm Chương-Hậu-quân.

(2) Giáp-giới tỉnh Quảng-Nghĩa và Bình-Định.

lúc đầu đều thiệt-hại rất nhiều. Quân-sĩ của Nguyễn-Vương xem có vẻ nao-núng, vì quân Tây-Son, sâu có đồn ở cửa bến, lợi-ihệ cả công lẫn thủ. Chương-Thủy Võ-di-Nguy đương cầm quân bị trúng đạn, đầu lăn xuống bể chết (1), nhưng Lê-văn-Duyệt vẫn liêu minh quyết-chiến. Thấy tướng-sĩ tử-thương nhiều quá, chúa Nguyễn bèn hạ-lệnh cho tạm lui binh. Tuy vậy, ông Duyệt vẫn hô đội quân Thần-sách tiến đánh và đồng-thời cho người về tàu cùng chúa Nguyễn: « *Phải gắng sức cho tới thành-công, vì cơ-nghiệp nhà Nguyễn thành-bại cũng ở trận này* ».

Hăng-hái, ông càng thúc-giục tiến quân sát tới chiến-thuyền của địch, dùng kế hoà-công mà đốt; nhờ lúc bấy giờ lại thuận chiều gió, lửa cháy rực trời, bao nhiêu thủy-trại của Tây-Son đều bị thiêu rụi cùng với thủy-thủ. Trời về chiều, cuộc giao-chiến mới kết-liệu. Quân địch bị tổn-hại vô-cùng và có tới hơn 5 vạn quân tử-trận hay bị thương, chưa kể ngót 2 ngàn thuyền vận-tài, 6.000 đại-bác đủ cỡ, và không biết bao nhiêu là võ-khí, quân-nhu, vàng-bạc, đã làm mỗi vừa cho thần lửa, vừa cho thần nước. (1)

Nguyễn-Vương vui mừng khôn xiết tả, và cũng không tiếc lời khen ngợi ông:

• *Trận này không kém gì trận Xích-Bích đời Tam-quốc và Tả-quân là Chu-Du của ta đó* ».

Sử chép cho trận này là một « vô-công đệ-nhất » của nhà Nguyễn từ khi giao-tranh với Tây-Son, và cũng là « vô-công oanh-liệt nhất » của Lê-văn-Duyệt. Đến nay, lần giờ trang lịch-sử đẫm máu này, lòng còn rạo-rực bằng khuâng nhớ tới mấy vần thơ cảm-vịnh như sau:

*Dậy tiếng anh-hùng trận hỏa-công,  
Tả-Quân chiến-thắng mở đường thông...  
Nguyễn-triều cơ-nghiệp nên công lớn,  
Vì sẵn Chu-Du vận mới hồng !..*

Hoài-Quang

(1) Võ-di-Nguy mất ngày 16 tháng giêng năm Tân-Dậu (28-2-1801), sau, hài-cốt được mang về an-tàng tại Tân-Định (Saigon) và được truy-tặng tước Bình-Giang quận-công.

(1) Sự tổn-hiệt của Nguyễn-Vương cũng khá lớn hơn (4.000 quân tử-trận) nên sau khi đất nước yên-đn, hàng năm cứ đến ngày 16 tháng giêng âm-lịch, ông Lê-văn-Duyệt sai bày lễ cúng tế các tướng-sĩ trận-vong, rồi tự mình đốt hương cúng vái và khóc-lóc rất thảm-thiết bi-ai.

Sau trận toàn thắng của chúa Nguyễn tại Thị-Nại, thế-lực hùng-hậu của Tây-Son bắt đầu nõng. Tuy vậy, quân Tây-Son vẫn quyết vây hãm thành Qui-Nhon. Hậu-quân Võ-Tánh và quân-sĩ thiếu lương-thực đang bị nguy-khốn. Nguyễn-Vương muốn giải vây thành này, rồi mới tiến-binh ra đánh thành Phú-Xuân (Huế). Lê-văn-Duyệt bèn tâu : « Việc dùng binh cần phải thiên-tốc, mưu-kế cần phải quyết-định. Nếu cứ đóng binh mãi ở đây, tướng-sĩ không lập được công-trạng gì. Lúc này, chúa-công vừa đại-phá binh-thuyền địch, thế quân ta dương mạnh như nước thủy-triều đang dâng, nên thừa-thế tiến thẳng quân ra đánh Phú-Xuân. Khi Phú-Xuân đã vào tay ta, địch-quân ở Qui-Nhon không đánh mà tan, thành Qui-Nhon không cần giải vây cũng phải vỡ ngay. Đó là cách đánh cờ thí xe vậy ! »

Nguyễn-Vương mới quã-quyết thống-xuất đại-quân ra đánh Phú-Xuân, và lưu Tiền-quân Nguyễn-văn-Thành ở lại Qui-Nhon để chống-cự với 2 danh-tướng của Tây-Son (1). Quả-nhiên, thành Phú-Xuân (Huế) đã khắc-phục được vào ngày 3 tháng 5 năm Tân-Dậu (13 6-1801). Chính Lê-văn-Duyệt vẫn cầm đầu toàn-quân Thần-sách rất tinh-nhuệ của ông, và xung-phong đồ bộ khi tới cửa sông Hương ; đến khi đánh các pháo-đại ở giốc sông này, ông lại bắt sống được phò-mã Nguyễn-văn-Trị (1), Đại-đô-đốc Phan-văn-Sách và khá nhiều tướng-sĩ Tây-Son ; đồng-thời lại mở đường cho đại-quân của Nguyễn-Vương vào Phú-Xuân một cách dễ-dàng.

Lấy xong đất Phú-Xuân, Nguyễn-Vương chưa dám nghỉ đến việc chiếm Thanh-Nghệ, Bắc-Hà mà vẫn lo giải vây cho Võ-Tính ở Bình-Định cùng sáu-ngũ không cho Trần-quang-Diệu đem đại-binh ở Qui-nhon ra tiếp-ứng với Tây-Son ở Trần-quang-Toàn (con vua Quang-Trung) bấy giờ đóng ở Nghệ-An.

Vì thế, Lê-văn-Duyệt được chúa Nguyễn ủy cho đem quân vào Quảng-Nam, vừa đề binh-trị miền này, vừa chặn đường không cho quân Trần-quang-Diệu liên-lạc với quân Trần-quang-Toàn. Ông đã làm trọn vẹn nhiệm-vụ và đánh tan đạo quân cứu-viện (5000 người) của Tây-Son.

Đồng-thời, Nguyễn-văn-Trương được chúa Nguyễn sai đem quân đi đánh Quảng-Nam ; còn Tống-viết-Phúc được cử một đạo khinh-binh tinh-nhuệ đi giải-cứ cho Võ-Tính, vẫn bị vây hãm tại Bình-Định. Phúc còn đang đi, chợt

(1) Hai danh-tướng Tây-Son là Thái-Phó Trần-quang-Diệu và Đại-Đô-Đốc Võ-vân-Dũng.

(2) Phò-Mã Tây-Son Nguyễn-văn-Trị lấy con gái vua Quang-Trung (tức chị gái Trần-quang-Toàn).

nghe tin Hậu-quân Võ-Tính, vì lương-tận thế cùng, đã tử-tiết. Hay tin, Nguyễn-Vương than khóc và thương tiếc vô-cùng.

Lập tức, chúa Nguyễn lại ủy Lê-văn-Duyệt (đã bình-định xong tỉnh Quảng-Nam) cùng Lê-Chất và Tống-Viết-Phúc đem gấp quân thẳng tới Qui-nhon, giúp tức Tiền-quân Nguyễn-văn-Thành đề quyết-chiến với 2 danh-tướng Tây-Son (là Diệu và Dũng)

Nửa đường, tới sông Trà-Khúc, tỉnh Quảng-Nghĩa, Tống-viết-Phúc, khi giao-tranh với quân Tây-Son, bị tử-thương. Duyệt và Chất vội đem quân cứu-viện, phá tan được quân địch, bắt sống được 2 tướng Tây-Son và thu-phục được 3 ngàn quân hàng.



Đức Tả-quân LÊ-VĂN-DUYỆT  
(1763-1832)

Duyệt và Chất còn đại-thắng một trận nữa ở Thanh-Hào (Bình-Định), bắt sống được binh-tướng, khi-giới và voi ngựa rất nhiều. Nghe tin báo-tiếp, chúa Nguyễn cả mừng, ban thưởng cho binh-lính 1000 lượng bạc và phong Lê-văn-Duyệt làm Quận-Công.

Nghe tin quân chúa Nguyễn thắng luôn mấy trận, Diệu và Dũng giữ thành Bình-Định kinh-hãi vô-cùng. Lúc này, quân-sĩ chúa Nguyễn do

Duyệt, Chất và Thành điều-khiên đã bắt đầu chia nhau vây hãm thành Bình-Định, khí-thế rất hăng. Tháng ba năm Nhâm-Tuất (1802), cuộc vây hãm thành này càng chặt-chế. Diệu và Dũng, lương cạn sức cùng, phải bỏ thành mà chạy, hơn 3000 quân của Diệu xin đầu hàng.

Thu-phục xong thành Bình-Định (1), Thành được lưu ở lại trấn-thủ, còn Duyệt và Chất được triệu về Phú-Xuân (Huế).

Mặt Nam nay đã tạm yên, chúa Nguyễn mới tính việc chiếm Bắc-Hà, để thu phục giang-sơn về một mối. Trước khi bắc-tiến, Nguyễn-Vương lên ngôi Hoàng-Đế vào ngày mùng 2 tháng 5 năm Nhâm-Tuất (2-6-1802), lấy niên-hiệu là Gia-Long, phong Lê-văn-Duyệt làm :

« Khâm sai Chương Tả-quân-dinh,

Bình-Tây Tướng-quân, tước Quận-công ».

Sau đó, vua Gia-Long ngự-giá đi dẹp Bắc-Hà, sai Trung-quân Nguyễn-văn-Trương chỉ-huy thủy-binh, Tả-quân Lê-văn-Duyệt (có Lê-Chất phụ-tá) thống-xuất bộ-binh, hai mặt cùng tiến.

Bấy giờ, binh-thế của Tây-Sơn đã suy tàn, nên việc chinh-phục Bắc-Hà tương-đối dễ dàng nhanh chóng hơn cuộc thu-phục miền Nam. Lần-lượt, Tả-quân chiếm Đồng-Hới, Nghệ-An, Thanh-Hóa, bắt được 2 danh-tướng Tây-Sơn Diệu và Dũng, và trước sau vào khoảng một tháng trời, đã tới chiếm-cứ Thăng-Long. Ít lâu, lại bắt được vua Tây-Sơn là Nguyễn-quang-Toản (con vua Quang-Trung), đem giải về Phú-Xuân để vua Gia-Long trị-tội.

o°o

Tóm lại, những thắng-lợi lớn nhất của chúa Nguyễn, mở đường cho cuộc thống-nhất Trung Nam Bắc như : đại-phá thủy-quân ở Thị-Nại, thu-phục Phú-Xuân, khắc-phục Bình-định, chinh-phục Bắc-Hà đều là công-trạng của quân Lê-văn-Duyệt ; xem ra ít có bậc khai-công công-thần nào sánh kịp (trừ Tiều-quân Nguyễn-văn-Thành).

Đó là chưa kể công việc bình-định các đám giặc-giã khá lợi-hại nổi lên, sau cuộc thống-nhất giang-sơn, ở miền Thanh-Nghệ và ở Gia-Định-thành (tức Nam-phố ngày nay). Và đó cũng chưa kể tài tổ-chức chính-trị, hành-chính và kinh-tế

(1) Lần này là lần thứ 4 và là lần sau cùng.

của ông đã khiến cho dân-chúng miền Nam, sống điều-linh trong hai chục năm khói lửa, được hưởng cảnh an-ninh hoà-lạc. Và đó cũng chưa kể tài ngoại-giao của ông đã làm rạng thanh-cảnh nước nhà đối với lân-bang, ngoại-quốc, khiến cho nước Cao-miêu phải thần-phục, nước Thái-Lan phải nễ-vị, nước Pháp vẫn sản cảm-tình đăm-thắm.

Vì thế, vua Minh-Mệnh, dù có ác-cảm riêng đối với ông, vẫn phải trọng-đãi quý-nể và năm 1827, đã phải khen ông vừa có trí-dùng, vừa có ân-uy, *đăng là vị đại-thần bang-gia ý-trọng* và đáng thay mặt nhà vua ở Nam-phương mà *liện-nghị hành-sự*. Và khi ông từ-trần vào đêm 30 tháng 7 năm Nhâm-Thìn (1832), nhà vua cũng tỏ lòng thương tiếc và truy-tặng ông chức Thái-Bảo, lại nạp hàng năm và 3000 quan tiền để lập một đàn-tế lớn. Hiện nay, để ghi công-baniếp khai-quốc của ông, Nguyễn-triều có cho lập đền thờ ông ở làng Bình-Hoà, tỉnh Gia-Định, và hàng năm, cứ đến ngày giỗ hoặc ngày tết nguyên-đán (như trên đã nói), nhân-dân nô-nức gần xa chen chân nhau đến làm lễ chiêm-bái một vị anh-hùng cái-thể, lúc sinh-thời nổi tiếng là một danh-tướng kiêm đủ nhân trí-dùng, ân-uy và độ-lượng, lúc qui-hóa lại nổi tiếng là một chính-thần rất hiền-linh; dù sống đủ thết, lúc nào cũng chăm lo tới việc hộ-quốc an-dân.

Đề kết-luận bài này, tôi xin tạm mượn một đôi liên thơ do một vị túc-nho nào đã cung-tiến và một bài thơ do bạn H. Quang-cung-vịnh như sau :

Quần thánh thần trung, Thị-Nại phong-công duy đệ nhất ;  
Đạo linh nhân kiệt, Rạch-Gầm (1) phát-tích định vô song.

tạm-dịch là :

Vua thánh tối trung, Thị-Nại ghi công ầu có một ;  
Đất thiêng người giỏi, Rạch-Gầm nổi tiếng hẳn không hai.

Thơ cung-vịnh

Đức Tả-quân Lê-văn-Duyệt  
Oanh-liệt ai bằng đức Tả-Quân,  
Nguyễn-triều khai-quốc bậc công-thần.  
Cầm quân giúp chúa giữ thao-lược,  
Mở nước yên nhà đủ tri-nhân.  
Khiếp vía Man-Di tuân mệnh thánh,  
Cầu hòa Miên Thái sợ oai thần.  
Trời Nam dân nhờ xây lăng miếu,  
Ấn-đức ngàn thu vẫn thắm-nhuần.

Hoài-Quang

(1) Thuộc xã Long-Hung (tỉnh Mỹ-t họ).

## XEM HÒA CHỢ TẾT

ĐOÀN-THÊM

Thấy thiên-hạ đua chen sắm sửa, cũng vui bước theo chân,  
hội-nghênh-xuân, thú vị hay không, cảnh đồng-lạc xem hoa chợ Tết.

Đâu có được trăm hồng ngàn tia như trong câu sáo-ngữ  
lời-thời. Nhưng cũng xanh đỏ tím vàng, vui mắt kính chưa già đã  
quáng, chỉ quen màu giấy trắng mực đen.

Cụm hồng bạch ngả phôi cánh lụa, mặc mười ngón búp  
mãng năng nhắc: người hay hoa, ai đẹp hơn ai?

Bà bóng tiên chừng sáu chục xuân xanh: hồng, hoàng, bích  
tả bay gió lướt... Màu áo sắc hoa, tập tầm vông, bên nào kém, bên  
nào hơn?

Thơ thần mấy chàng Kim buổi mới, lơ mơ về mặt James  
Dean, sáng mắt cười khi thấp thoáng những Kiều, Vân: 'im người  
hay tìm hoa?

Nhớ lại hai chục năm về trước, nào những ai xem cúc Ngọc-  
Hà? Quả muôn năm và khắp bốn phương trời, xuân đến, vẫn chuyện  
cờ bông đào Thôi-Hộ. Vui vì cảnh thanh tân thơ mộng: nhưng cảm  
thấy vậy, nhân hay tâm, chẳng biết cái chi gì?

Nghĩ làm chi, tiếp tục xem hoa...

Nụ anh-đào lác đác mấy cành khô, chưa chớm nở chắc còn  
mong đợi gió; mai ánh tuyết tự phương trời nào lại, tiếc chẳng đưa  
về một chút đông-phong?

o°o

Khó tính quá, xem hoa giả vậy. Vía hè trước mặt la liệt bao

# Thi ca

## MAI VÀNG

Trời Nam cây cỏ quý,

Thanh lịch nhất mai vàng.

Với trúc lâu làm bạn, (1)

Khác lan không ở hàng.

Nắng xuân phô một sắc,

Hoa tết trước muôn hương. (2)

At thích, at không thích.

Sơn-hà lẵng diêm-trang!

1958

ĐÔNG-XUYỀN  
Nguyễn-Gia-Trụ

(1) "Tùng trúc mai, tuế hàn tam-hữu". (Cây thông, cây trúc, cây mai là 3 bạn trong mùa tết). Vì ba loài cây ấy chịu được rét, nên người xưa ví với người có tiết-tháo.

(2) Trăm hoa nở về mùa xuân (từ từ ngày lập-xuân), hoa mai thường nở trước nhất.

hàng sặc sỡ : cũng cầm chướng, hồng nhung, glaiuol Dalat hay tulipe Hòa-Lan, sen quân-tử nhĩ vàng bông trắng...

**N**gâm giấy lát khá khen người thợ mã : giấy lụa chọi bông tươi ; quây gánh buôn xuân không sợ ế ? đua với người cũng còn chưa chắc, lại ra tay tranh cạnh Hóa-Công.

**K**hách tao-nhân tay ôm bông quốc-sắc, mời trăm lần, đầu lác, bước chân qua.

**C**hơi có người, dép cao-xu với áo bà-ba, chọn mấy cặm : son-trà hay vụn-thọ ? Chỉ cũng được, miễn thêm tươi cho lòng an ủi, dè lâu tranh khỏi tủi với lâu cao. Xanh đỏ tím vàng là đẹp, thiệt hay giả miễn trông như thiệt, đóc ví tiền mua chút mừng xuân.

**A** ra vậy ! Thục, cao giá, thì hãy mua bán mộng, đẹp hay không có ích cho đời. Chốn nhân-gian muốn về sắc tài, quý ở chỗ giúp người quên khổ não.

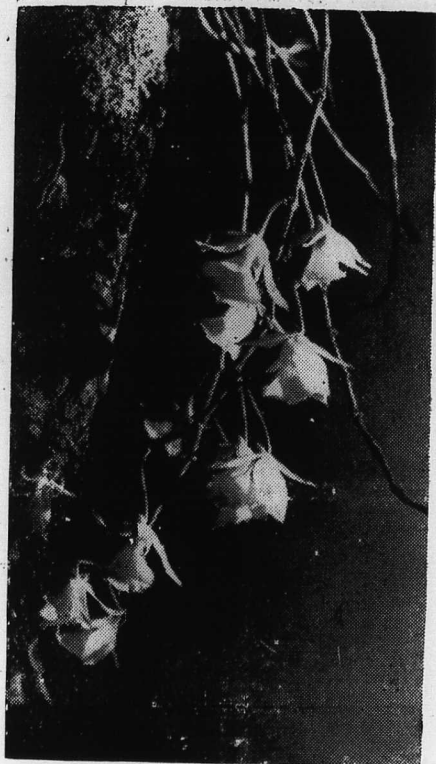
**M**ộng chẳng nữa, vẫn công-trình sáng tạo. Đóa đại-hồng tuy rực rỡ ánh công-hầu, cỡi phong-trần thấp thoáng bóng cầu, nhờ nghệ-thuật mới bền màu cao quý.

**B**ởi lưu luyện mới mong cho trường-cửu, sắc muôn phương mượn giấy lụa kết thành hoa. Chẳng đẹp non sông thì cũng vui nhà, cũng nổi vẻ tam-đà và ngũ-phúc...

### MONG XUÂN

— Xuân là cả một nguồn vui vô-tận,  
Của loài người và khắp cả non sông.  
Trời Xuân lên rú áng mây hồng,  
Cho hoa cỏ tung-bùng khoe sắc thắm.

— Ai mong mỗi những ngày xuân hùng-tráng,  
Đem vinh-quang chiến-thắng lại cho đời.  
Hương xuân kia thơm ngát cả đất trời,  
Nhựa xuân tươi mẫm non tươi đẹp mãi.



HOA PHONG-LAN



HOA THUỘC - DƯỢC

— Xuân hằng-hải vượt qua dòng Bến Hải,  
Đem giang-san thống-nhất lại một nhà.  
Vui cùng Xuân mà dết gấm thêu hoa,  
Cho rạng-rỡ những ngày xuân dân-tộc.

— Ai mong mỗi những ngày xuân hạnh-phúc,  
Là ngày xuân toàn-thắng của đấu-tranh.  
Xuân về đây-gieo khúc nhạc thanh-bình,  
Như đàn chim say đùa trong nắng mới.  
Tung cánh hồng cả ngời buổi bình-minh.

— Xuân về trải ánh quang-vinh,  
Ngọn cờ độc-lập tung-hoành tự-do.  
Nhà lan-sức-nức hương thơ,  
Đồng quê sức nức hương mùa lúa xanh.

HỒNG-THIÊN nữ-si

### NHÌN TRÉ

(Thơ mới)

Con nít lon-ton chạy,  
Tóc dài buống phát-phơ.  
Sức non vừa tỉnh giấc,  
Trên mặt đầy ngây thơ.

Hại chân còn ngây dại,  
Chấp-chững bước theo nhau.  
Tiếng cười như ngọc trái,  
Hạnh-phúc gieo trước sau.

Lòng mẹ nở hoa xuân,  
Nhìn theo và ôm-ấp.  
Trong đôi mắt ái-ấn,  
Và trái tim dòn-dập,

Thoảng nghĩ qua huyền-ảo,  
Cha lặng mặt nghiêm trang,  
Ngồi kia đang gió bão,  
Sấm sét trời xa vang

XUÂN-VIỆT  
(Tập « Sơ tư »)

## GIAO THỪA

VŨ ĐỨC-TRINH

*Phút rung tim: phút giao thừa!  
Thời gian năm cũ thoát vữa qua đi,  
Hỏi ai, ai đã làm gì?  
Lập công, tích đức đáng ghi thiên tào?*

*Giao thừa! trầm tỏa khói hương,  
Pháo vui nổ bắn trên đường, trong sân.  
Hương thơm đức tính tỏa dần,  
Hu danh vang tiếng một lần mà thôi.*

*Giao thừa! lời chúc tuổi ran:  
Chúc nhau phú quý, Khang an, Thọ trường.  
Trời nghe, Trời hỏi, đo lường:  
Vây còn phúc đức, thì nhường cho ai?*

*Giao thừa là lúc xuân sang;  
Hai năm cũ mới vội vàng tiếp nhau.  
Thời giờ như ngựa thoáng mau,  
Nhủ ai đừng phí, kéo đau lòng Trời.*

## TO PASS AND TO RECEIVE (1)

By VŨ ĐỨC-TRINH

*The minute of making the heart throb is the minute of passing and receiving.  
The time of the last year just passed away in a flash.  
It questioned someone what he already did:  
Did he earn merits, heap virtues worthy of being noted in the celestial hall?*

*To pass and to receive! The signalers spreads incensed smoke;  
The joyful firecrackers crackle on the roads, in the yards.  
The perfume of good qualities spreads by degrees,  
Vainglory echoes only once.*

*To pass and to receive! The wishing words of (new) year (2) resound:  
They wish to one another to be rich, to be in peace, to live long.  
Heaven hears, Heaven questions, measuring and pondering:  
Thus, as to bliss and virtue, whom are they ceded to?*

*To pass and to receive is the moment when the spring fares:  
The two years, old and new, entertain each other in haste.  
Time, like a horse, runs rapidly,  
Counsels someone not to waste it, lest he afflicts the heart of Heaven.*

(1) The instant in which the preceding year ends and the following year starts.

(2) (New) year: In Vietnamese, literally, «(new) age».

## CHÀO XUÂN KỶ-HỢI (1959)

(Theo điệu Nam-Bình)

Gió xuân càng gọi xuân xanh, cánh càng xinh, chó lùi heo  
tới, đường rộng thênh thênh. Sơn hà thêm nặng cho tình, Hội tháng-  
bình, ai ai ơi, nói Việt quyết giành.

Chung cùng nhau gánh, giống tiền rồng, chung cùng nhau gánh,  
vai trĩu cương thường. Hội ai đây, ai đã ven nghĩa đá vàng, hy-  
sinh gọi tấm trung-can, đến ơn nước, thân-danh không màng.

Ngành lai ngày vắn-lời, xuân đỏ này tuy lặng. Hẹn cùng ai,  
nhận đường tương-lai, rặng đời trai, công-lao chỉ nãi.

Sa-Minh TẠ-THỨC-KHAI

(Trích tập « Suối lòng-khuya »)

## MỪNG NĂM HỘI

(Cả bài câu nào cũng có tên con giống)

Ấc vàng, thỏ bạc, chạy nhanh veo,  
Xuân mới, nói HỒNG cũng mới theo.  
Năm Hội khởi cần tranh về lợn,  
Nhà nông vẫn thịnh cảnh nuôi heo.  
Sửa sang cơ-xứ không hạng chuột,  
Gìn giữ thuần-phong hết ô mèo.  
Năm « khuyến » đến đây đã chấm dứt,  
Lên voi xuống ngựa, tiếng cười reo!

TẾ-XUYÊN

(Tủ-tài Hán-học)

## NGÀY XUÂN

đề ảnh của mình

Ta như nguyệt in vảnh đầy nước,  
Mình như hoa phở trước đài gương.  
Mặt đầy mặt đó đờ thường.

Lòng đầy lòng đó đã tường hay chưa?

Khéo một lửa duyên ra từ trước,

Ghi trăm năm chút ước về sau.

Ta dù nắng dãi mưa dầu,

Minh nên giữ mãi lấy màu xuân xanh.

HUYỀN-MẠC đạo-nhân

## CHÚC XUÂN KỶ-HỢI

Kỷ-Hội mừng Xuân chúc mấy dòng,  
Chúc trời, chúc đất, chúc non sông.  
Chúc trời nguyên giữ màu xanh biếc,  
Chúc đất không pha sắc đỏ hồng.  
Chúc giải Hoành-Sơn muốn tuổi thọ,  
Chúc sông Bến-Hải một dòng trong.  
Chúc dân Hồng-Lạc mau mau tiến,  
Chẳng hổ con tiên với cháu rồng.

ĐẠM-NGUYỄN

## XUÂN CHIẾN-THẮNG

### QUANG-TRUNG ĐẠI-PHÁ QUÂN THANH

ĐẠM-QUANG

— Vàng sát-khí ù-ù theo gió,  
Đại-quân Thanh rầm-rộ tiến sang.  
« Phò Lê khởi-phục giang-san ».  
Giả danh nhân-nghĩa, quyết đường xâm lăng.

— Vượt biên-giới, san bằng quan ải,  
Vào Bắc-Hà như bãi đất không.  
Hành-doanh đóng giữa Thăng-Long,  
Sơn-Nam tiền tuyến, Hà-Đông đại-đồn.

— Yên vị-trí, há còn lo ngại,  
Lọ giao binh mới bại Tây-Sơn.  
Vua Lê hẳn kết cầm hòn,  
Ráp đem xã-mục ta ơn thiên-triều!



— Tôn Sĩ Nghị như điều gặp gió,  
Quân đội Thanh tỏ rõ tham-tàn.  
Lương-dân riêng chịu lầm-than,  
Bông dưng nước mắt, nhà tan, thảm tình !

— Ngô Văn Sở lui binh, báo biến,  
Giật tình-hình, cầu viện Phú Xuân.  
Tàn đóng lại nơi phong trần :  
Bắc Bình tức-tức diêm quân lên đường.

— Lê tức-vì, bỏ vương, xưng Đế,  
Vua Quang Trung khi thế oai phong ;  
Tuốt gươm mở cuộc tranh-hùng,  
Nguyễn đem thân-thế phó cùng giang san.

— Lệnh động-binh đồn vàng bốn cõi,  
Mười vạn quân tập hội dưới cờ.  
Chinh-tề hàng ngũ, quân cơ,  
Trở gươm mặt Bắc, một giờ tiến lên.

— Qua Tam-Điệp, dấn liền thế trận :  
Cử lực quân úp quận Sơn-Nam ;  
Thủy-binh sông Vị chặn ngang,  
Rút đường quân địch rút sang Long-thành.

— Trận đột-kích chuyển nhanh như chớp,  
Chiến-tuyến Thanh lớp lớp vỡ tan.  
Tiền quân địch đã đầu hàng,  
Trung-quân, hậu-tập mơ-màng nào hay.

— Cuộc thử lửa báo ngày toàn thắng,  
Thủy, bộ cùng tiến thẳng Hà-Đông.  
Ba quân hùng-khí nức lòng,  
Máu sôi trong ngực, kiếm lồng trên tay.

— Đường trăm dặm, ba ngày thoát vượt,  
Chi thôn-ngư nhẹ bước anh hùng ;  
Hạ-Hồi vây bọc trùng-trùng,  
Thành người, lũy giáo trăm vòng dựng nên.

— Vua Quang Trung ngự trên chiến-tượng.  
Thét tiếng đồng, khiến tướng, điều binh ;  
Đông, Tây, Nam, Bắc tung hoành,  
Rõ thần « Chiến-Thắng » hiện hình thị uy.

— Trăm ngàn quân nhất tề công phá,  
Làn sóng người tràn cả núi sông ;  
Mở luồng bão thép đùng-đùng,  
Caoon phăng tướng mạnh, binh hùng Đại-Thanh.

— Đồn, đài nọ tan tành khắp mặt,  
Hàng, ngũ kia đổ rạp đời nơi.  
Ngồn ngang máu sôi, thây đổi,  
Binh Thanh chủ-lực vui nơi cát lăm !

— Uy Thiên-quốc, xac Sầm Nghi Đống !  
Lực Thanh-triều, còn Đống Đa kia !  
Hạ-hồi tuyệt vọng vua Lê,  
Càn-Long óm-hận, ầu vì dã-tâm !

— Binh toàn thắng âm âm rudi bước,  
Chuyển trùng vây về trước Thăng Long ;  
Tung làn khói lửa mịt-mùng,  
Định kỳ liễu-kết, diệt-vong quân thù.

— Binh ngoài thành vừa hô : « Tiến kích ! »  
Khấp trong thành, hàng địch tan hoang ;  
Quang Trung uy-thế sấm vang,  
Giữa trời gieo mối kính-hoàng như không.

— Tôn Sĩ-Nghị hãi-hùng lâu thoát.  
Chiêu Thống đành ngo-ngác theo sau.  
Tán quân bỏ giáo, hàng đầu,  
Vang trời kêu khóc, ngựa cầu thiên ân . . .

— Thăng-Long thành mừng quân đất nước,  
Ngọn quốc-kỳ bay trước kỳ-đài.  
Non sông hơn-hở vui trời,  
Thoát quân cường-bạo, thoát loài xâm-lãng

— Vàng nhật tỏ mông năm xuân thủ,  
Giữa trời Nam soi rõ chiến công,  
Ghi trang quốc-sử oai hùng,  
Định ngôi chinh-thống Quang-Trung từ giờ.

## ĐẦU XUÂN TỰ-VĂN

Bạn hỏi : Đầu năm, tờ xuông ? lên ?  
 Thưa : Tùy quan-niệm xuông cùng lên.  
 Lánh non, xuôi bề, là mong xuông,  
 Ngược bề, tìm non, hẳn ước lên.  
 So sánh « lợi-danh », ừ : tờ xuông,  
 Luận bàn « duyên-phước », ấy : mình lên.  
 Kia : vừng nhật-nguyệt còn lên xuông,  
 Bộ tờ chỉ mà chẳng xuông lên !

TRÁC-NGỌC

## AI GHÉT TẾT ?

Xuân về, biết bao người mong Tết, mừng Tết hay nhớ Tết khi ngày Tết đã qua. Song cũng có một số người sợ Tết và ghét Tết, như một thi gia nào đây :

Thiên-hạ sao ưa Tết,  
 Hẳn vì mặc áo đẹp ?  
 Tờ đây bảo Tết phiền  
 Ghét !

Tiểu-pha thực tốn tiền,  
 Chè chén cứ liên-miên.  
 Hết Tết đăm lo nợ  
 Đilen !

Kiến xác như vờ rớt.  
 Còn ngồng đốt pháo mãi.  
 Pháo kếu : Tiền hơi tiền !  
 Đại !

H.V.



LÃO - TỬ

## ĐẠO-ĐỨC-KINH

QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

(Tiếp theo V. H. N. S. số 35)

NGHIÊM TOÀN dịch thuật

HẠ - THIÊN

XXXIX

發	恐	其	王	盈	得	以	昔	
神	裂	致	得	萬	一	清	之	
無	地	之	一	物	以	地	得	三
以	無	天	以	得	靈	得	一	十
靈	以	無	為	一	谷	一	者	九
將	穿	以	天	以	得	以	天	章
恐	將	清	下	生	一	拿	得	
聚	恐	將	頁	侯	以	神	一	

球	兼	為	寡	是	為	將	滅	甚	各
如	典	本	不	以	本	恐	侯	物	無
玉	無	邪	殺	侯	高	蹶	王	無	淵
珞	與	非	此	王	以	故	無	以	真
珞	不	乎	非	自	下	責	以	生	將
如	欲	故	以	謂	為	以	責	將	恐
石	球	致	賤	孤	基	賤	高	恐	滿

## DỊCH ÂM

### TAM THẬP CỬU CHƯƠNG

Tích chi đắc nhất dã, thiên đắc nhất dĩ thanh, địa đắc nhất dĩ ninh, thần đắc nhất dĩ linh, cốc đắc nhất dĩ doanh, vạn vật đắc nhất dĩ sinh, hầu vương đắc nhất dĩ vi thiên hạ trính, kỳ chi chi. Thiên vô dĩ thanh tương khùng liệt, địa vô dĩ ninh tương khùng phát, thần vô dĩ linh tương khùng hiết, cốc vô dĩ doanh tương khùng kiệt, vạn vật vô dĩ sinh tương khùng diệt, Hầu vương vô dĩ quý cao tương khùng quyết. Cố quý dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ; thị dĩ Hầu Vương tự vị cô quả bất cốc; thử phi dĩ tiện vi bản da? Phi hồ! Cỗ chí số dư vô dư (3); bất dục lục lục như ngọc, lạc lạc như thạch.

## DỊCH NGHĨA

### CHƯƠNG BA-MƯƠI CHÍN

Xưa, được Một là :

Trời được Một mới trong, đất được Một mới yên, thần được Một mới thiêng, hàng được Một mới đầy, muôn vật được Một mới sinh ra, Vương Hầu được Một mới khiến thiên hạ ngay. định, (đều do được Một) mà tới đấy. (1)

1— Ý nói: đều lấy « sự được Một » mà tới được : « Trong, Yên, Thiêng, Đầy, Sinh ra, Ngay, định » vậy.— Xin xem phần chú giải ở dưới.  
2— Hoặc cũng có thể dịch là : « sợ sẽ nghiêng đổ, đổ, nát ».— Xin xem phần chú giải —

Trời không lấy (Một đê) trong, sợ sẽ toác, vỡ ;  
Đất không lấy (Một đê) yên, sợ sẽ phát tiết, chấn động ; (2)  
Thần không lấy (Một đê) thiêng, sợ sẽ tiêu tan ;  
Hàng không lấy (Một đê) đầy, sợ sẽ khô kiệt ; Muôn loài không lấy (Một đê) sinh ra, sợ sẽ tuyệt hết ; Hầu Vương không lấy (Một đê) sang cao, sợ sẽ ngã đổ.  
Mi vậy sang lấy hèn làm gốc, cao lấy thấp làm nền ; cho nên bậc Hầu Vương tự xưng mình là Trọ-trọi, Ít đức, Không-lãnh, đầy không phải là lấy hèn làm gốc ru ? không phải vậy ru ? cho nên suy cùng số, xe là không xe (3). Không muốn như ngọc đẹp, hiếm, được quý ; như đá xấu, nhiều, bị khinh.

## CHÚ GIẢI

Chữ và câu khác nhau tùy theo các bản :  
Hầu Vương đắc nhất dĩ vi thiên hạ trính 侯王得一以為天下正 : Bản Hà thượng công chép là : « ... dĩ vi thiên hạ chính... 以為天下正 ».  
Kỳ chi chi 其致之 : Bản Phó Dịch chép là : « Kỳ chi chi nhất dã 其致之一也 ». Mã-Tự-Luân nói đó là lời chú xưa, chép lẫn lộn vào với kinh văn.  
Hầu Vương vô dĩ quý cao tương khùng quyết 侯王無以貴高將恐蹶 : Bản Phó Dịch chép : « Hầu Vương vô dĩ vi trính nhi quý cao tương khùng quyết 侯王無以為貞而貴高將恐蹶 ». Phạm-Ứng-Nguyên nói : « Bản xưa chép : Hầu Vương vô dĩ vi trính tương khùng quyết 侯王無以為貞將恐蹶 ». Lưu-Sư-Bồi nói : « Nên đổi là Hầu Vương vô dĩ trính tương khùng quyết 侯王無以貞將恐蹶 — chữ Trính 貞 chép lầm ra chữ Quý 貴. Người sau nhân thế thêm vào chữ Cao 高 ».  
Thử phi dĩ tiện vi bản da 此非以賤為本邪? : Bản Phó Dịch chép

3a— Hoặc cũng có thể đọc là chỉ số và dịch là : « cho nên tới xe mà đếm, xe không là xe » (theo Từ-hải).  
3b— Hoặc cũng có bản chép là : « Dự vô dự 譽無譽 » và như vậy phải dịch là : « Tiếng tốt là không có tiếng tốt. — Xin xem phần chú giải

là: «*Thê Kỳ dĩ tiện vi bản da* 此其以幾為本邪? » Tả-sách (trong Chiến-quốc-sách) cũng dẫn câu này giống như Phó Dịch.

*Chi số dư vô dư* 致數與無與: La-Chấn-Ngọc nói: «Hai chữ *dư* 數 ất đôi làm hai chữ *dự* 參. Mã-tự-Luân nói: «Chữ số 數 chép thừa. Như vậy chữ còn: «*Chi dự vô dự* 致參無參» và chữ chi 致 đời xưa dùng thông với chữ chi 至.

*Bất lục lục như ngọc, lục lục như thạch* 不似珠珠如玉落落如石: Hai chữ *lục lục* 珠珠, bản Phó Dịch chép là *lục lục* 碌碌. Hai chữ *lục lục* 落落, bản Hà-thượng công chép là *lục lục* 落落.

- Tích 昔** : 1) Xưa, thời trước.  
: 2) Mối, trước; ban đầu (theo Vương Bật).
- Nhất 一** : 1) Số một.  
: 2) Tên riêng của Đạo.

Trong Đạo-Đức-Kinh, chữ **Nhất 一** có ba nghĩa: a) *Thân mình* (gồm linh hồn và thể chất), như trong câu: «*Tái doanh phách bảo nhất* 載營魄抱一» ở chương X. — b) *Thất-cực*, như trong câu: «*Đạo sinh nhất* 道生一» ở chương XLII. (Đạo là Vô-cực, sinh ra **Nhất** là Thái-cực). — c) *Đạo*, như trong câu: «*Thị chi bất kiến, danh viết dĩ; thính chi bất vấn, danh viết hý; bác chi bất đắc, danh viết vi; thủ tam dã bất khả chi cật, cổ hốn nhi vi nhất* 視之不見名曰夷; 聽之不聞名曰希; 搏之不得名曰微; 此三者不可致語故混而為一», ở chương XIV.

Ở đây chữ **Nhất 一** dùng để trở Đạo.

*Tích chi đắc nhất dã*

*Tích* là ban đầu; *Nhất* là đầu của số và là cùng cực của vật. Muốn vật đều từ *Một* mà mới có, cho nên lấy *Một* làm chủ (4); vật nào cũng đều do từ được *Một* mà thành. Khi đã thành bên bờ cái *Một* mà ở cái thành; ở cái thành là mất *Một* nghĩa là mất gốc sơ sinh, cho nên đều «*toác vỡ, chấn động*» rõ rồi, tiêu tan, khô kiệt, tuyệt hết, ngã đổ» (theo Vương Bật).

Nói: «*Tích chi đắc nhất = Xưa, được Một*» là suy cùng đến ban

4— Tỷ dụ: sinh-dộng-vật do *Một* tế bào đầu tiên sinh sôi nảy nở, nhân mãi lên, phân hóa ra mà thành.

đầu, đến nguồn gốc vũ-trụ vậy. Ban đầu chỉ có Thái-cực; Đạo dụng ở *Một*, không làm mà không cái gì là không làm đầy đủ, ấy là sức Thiên điển tự nhiên.

Trời đất muôn vật sinh ra bởi một «*Lê đầu*» gọi là Đạo, là *Một* tuyệt đối, vĩnh viễn hằng tồn, vốn có từ trước khi trời đất muôn vật chưa sinh, mà trời đất muôn vật cũng chỉ có thể sinh thành khi được *Một* nghĩa là được Đạo.

**Ninh 寧** : Yên

**Cốc 谷** : 1) Lũng suối; hai bên núi, giữa có lối nước chảy,  
: 2) Hang; núi có chỗ thủng hòm vào.

**Doanh 盈** : 1) Cái đồ đựng đầy.  
: 2) Đầy đủ.

**Hữu 侯 (5)** : 1) Tước thứ hai trong năm tước.  
: 2) Vua một xứ.

**Vương 王 (6)** : Vua

**Trình 貞** : 1) Ngay ngắn.

: 2) *Định*; yên hàn không bị lay động. Theo bản của Hà-thượng công, chữ *Trình 貞* này chép là chữ *Chính 正*. Cát nghĩa chữ *Chính 正*, Vương-Niệm-Tôn nói: «Trong Nhị Nhã, *Chính 正* là *Trưởng 長*, bậc người đứng đầu. Trong Quảng Nhã, *Chính 正* là *Quân 君*, Vua.. Trong Lễ-thị Xuân-thu, Thiên Quân-thủ có câu: «*Khả dĩ vi thiên hạ chính* 可以為天下正». *Chính 正* nghĩa là *Chủ 主*, nghĩa là Vua cũng như trong kinh Thư, Thiên Hồng-phạm» có câu «*Vi thiên hạ vương* 為天下王» vậy. Bản Vương Bật mượn chữ *Trình 貞* thay chữ *Chính 正* (Theo Cao Hanh: *Lão tử chính hồ*).

*Thiên đắc nhất dĩ thanh, địa đắc nhất dĩ ninh, thần đắc nhất dĩ linh, cốc đắc nhất dĩ doanh, vạn vật đắc nhất dĩ sinh, Hữu Vương đắc nhất dĩ vi thiên hạ trinh.*

5—6,— Xin xem lại nghĩa hai chữ này ở phần chú giải chương XXXII

Như trên đã nói, đây là sức thiên diễn tự nhiên. Theo quan niệm xưa, từ thừa trời đất bắt đầu, trời do bởi Đạo, lấy khí trong, nhẹ mà nổi lên trên; đất, do bởi Đạo, lấy chất đục, nặng, chìm xuống dưới mà yên, định. Trời đất đã mở, cuộc diễn tiến kế tiếp, âm dương phối hợp khơi người cho cuộc sống, rồi một đợt lại một đợt, các loài thực vật, động vật, sau rồi loài người mới lần lần xuất hiện. Riêng loài người cũng tiến dần từ trạng thái cộng đồng nguyên thủy qua bộ lạc, thị-tộc... đến quốc-gia có chính-phủ với Vương Hậu...

Ở chương VI, thiên trên, « *cốc thần* » là một danh từ di liên. Ở chương này, *cốc* và *thần* cũng như « *thiên* » và « *địa* » đối lập song song; *thần* thuộc trời, *cốc* thuộc đất dùng để trở hai khí Âm Dương khi tranh đấu, lúc điều hòa, gây dựng ra muôn loài trong vũ trụ (phỏng theo Trần Trụ).

Một đày trở Đạo. Do Đạo là Nguyên-lý đầu tiên, vạn vật mới có thể phát sinh nảy nở. Nhưng người ta chỉ thấy vật mà quên Đạo. Họ biết trời trong, đất yên, thần thiêng, hang đầy, vật sinh, Vương, Hậu làm khuôn mẫu khiến thiên hạ ngay, định, song họ không biết rằng các đức ấy đều bởi Đạo mà ra. Thực vậy, đức rộng lớn của trời đất, cao sang của Vương Hậu vốn nhờ được một, được Đạo tác thành. Nhưng Một, Đạo là gì? ở đâu? « Ta nhìn mà không thấy, nắm bắt mà không được... ». Đạo quả huyền diệu vô cùng, như chương XIV, thiên trên, đã từng mô tả.

**Chi 致** : 1— Suy đến cùng, như trong câu: « *Chi tri tại cách vật* 致知在格物: muốn có sự hiểu biết suy đến cùng thực là chu đáo, ắt phải nghiên cứu hết thảy các vật hữu hình hay vô hình trong vũ trụ này. »  
2— Hết, cùng.  
3— Tới, đến (nghĩa như chữ *trụ* 止 là đến — theo Từ-hải —)  
4— Cùng nghĩa với chữ *chí* 至 là: đến, là: rất, cùng cực.

### Kỳ chí chi.

Theo Vương Bật: Hết thảy trời, đất, thần, hang, muôn vật, Vương Hậu đạt tới những đức: trong, yên, thiêng, đầy, sinh ra, định, ngay, đều do bởi được Một nghĩa là được Đạo.

Nhưng theo Cao Hanh thì chữ *chí* 致 ở đây có nghĩa như chữ

*thời* 時 = suy ra, diễn dịch ra, tìm gó ra đến cùng mới, hết lẽ, như ở trong câu « *Thử tam dã bất khả chi cật* 此三者不可致詰 = ba cái ấy không thể suy tìm vấn hỏi đến cùng. » (7). Và ba chữ « *kỳ chí chi* 其致之 » không phải dùng để kết thúc câu trên: « *Tích chi đắc nhất... dĩ vi thiên hạ trình.* » mà trái lại, dùng để mở đầu cho câu dưới: « *kỳ chí chi, thiên vô dĩ thanh... tương khủng quyết.* »

Như vậy chúng ta phải hiểu là: « Nếu suy ra đến cùng mà nói thì: Trời không lấy (Một đề) trong, sự sẽ toác vỡ; đất không lấy (Một đề) yên... vân vân ».

**Liệt 列** : 1— Cắt vải, lựa để may quần áo.

2— Tan vỡ, tàn phá.

3— Chia, liã tan.

**Phát 發** : 1— Nói tên bản ra.

2— Chối dậy, nổi lên.

3— Tiết ra.

4— Đọc là phế 廢.

\* Xưa chữ *phát* 發 dùng thông với chữ *phế* 廢. Chữ *phế* có nghĩa là đốn đọa 頹墮 = rơi đổ; cũng như nói *khuyh bĩ* 頹圯 = nghiêng đổ, đổ nát; hoặc *băng bĩ* 崩圯 = lở sạt, đổ nát. (Theo Lưu-Sư-Bồ)

**Hiết 歇** : 1— Thôi, nghỉ.

2— Nói khí thoát ra, tiết ra.

3— Hết.

**Kiệt 竭** : Hết; ở đây có nghĩa là: « khô cạn sạch cả, không còn gì ».

**Diệt 滅** : 1— Hết dứt, dứt hẳn.

2— Mất, tan mất.

**Quý 貴** : 1— Sang, trái lại với hèn.

2— Nói ở ngôi tôn, được người ta vì nể, kính sợ.

3— Được coi trọng, coi là có giá trị.

7— Xin xem lại Chương XIV, thiên trên.

Cao 高

1 — Ở bực trên, trái lại với thấp.

2 — Nói được tôn trọng, kính nể.

Quyết 决

1 — Nghiêng đổ.

2 — Bẻ gãy; thất bại.

3 — Thuyết-văn thích nghĩa là *trường* 决 = 决.

4 — Quảng-nhĩ thích-hỗ cắt nghĩa là *Một* 决 = 决, hồng, đồ nát.

*Thiên vô dĩ thanh, tương khùng liệt, địa vô dĩ nhĩ, tương khùng phát, thần vô dĩ linh, tương khùng hiết, cốc vô dĩ doanh, nrong khùng kiết, vạn vật vô dĩ sinh, tương khùng diệt, Hậu Vương vô dĩ quý cao, tương khùng quyết.*

Đạo là gốc, "Trong" là đức, là công phu có hiệu quả của trời. Câu "Thiên vô dĩ thanh . . ." này phải hiểu là trời cần giữ lấy *Một*, lấy *Gốc*, lấy *Đạo* để nắm vững đức "trong", chứ không phải dùng đức trong để trong, tại sao? vì giữ *Một* ắt đức trong có thể bảo toàn; trái lại, nếu đem dùng đức trong để lấy trong, sự sẽ chia lìa, tan vỡ.

Suy ra cho đến Hậu Vương cũng vậy, cần giữ *Đạo* để nắm vững *Cao Sang* mọi mong bền vững; nếu đem dùng đức *Cao sang* để lấy *Cao sang*, sự sẽ nghiêng đổ; cho nên ta chớ có buông bỏ căn bản của hết thảy mọi công trình thành tựu. Kìa hãy xem trời, đất, thần, hang, muôn vật. Vương Hậu đều không nệ dùng tới công phu đã có hiệu quả, dùng đến c *Gốc Đạo* sẽ mất liền ngay. (8) (Phỏng theo *Vương Bất*)

Ta cũng có thể hiểu một cách giản dị hơn rằng đây là những phần dễ bỏ tức cho câu trên; trời không được *Một*, được *Đạo* để trong, ắt không thể trong; đã không thể trong, sự sẽ toác vỡ; đất không được *Một*, được *Đạo* để yên, ắt không thể yên; đã không thể yên, sự sẽ chấn động, nghiêng đổ; thần không được *Một*, được *Đạo* thể thiêng, ắt không thể thiêng;

8— Tỷ dụ như một ông Vua mở nước cứu dân, được dân chúng tôn lên và theo về, tuy đã có công vì sự nghiệp hoàn thành nhưng lại càng phải giữ gốc, nghĩa là phải hòa mình vào với dân, "lo trước cái lo của dân, vui sau cái vui của dân", chứ nếu đem ngay hiệu quả việc mình làm tức là ngôi Vua kia ra mà dùng và sống đời sống Vương Hậu, ắt sẽ tự hãm mình vào con đường suy vong, lạng lạng.

đã không thể thiêng sự sẽ tiêu tan; hang không được *Một*, được *Đạo* để đầy, ắt không thể đầy; đã không thể đầy, sự sẽ kiệt khô; muôn loài không được *Một*, được *Đạo* để sinh thành, ắt không thể sinh thành; không thể sinh thành, sự sẽ tuyệt hết; *Hậu Vương* không được *Một*, được *Đạo* để làm khuôn mẫu khiến thiên hạ ngay, định, ắt không thể khiến thiên hạ ngay, định; không thể khiến thiên hạ ngay, định, sự sẽ nghiêng đổ, suy vong.

Trở lên trên, nói rộng về trời, đất, thần, hang, muôn loài, . . . đều là dùng tỷ dụ để chứng minh công dụng, hiệu quả của *Đạo* và nhắc nhở sự giữ *Một*, giữ gốc là cần; nhưng thực ra mục đích của chương này cốt nói Hậu Vương, như ta sẽ thấy rõ ràng khi đọc xuống mấy câu văn tiếp theo ở dưới.

Tiên 颠

1) — Hên, trái lại với sang.

2) — Khinh rẻ.

Cơ 基

1 — Móng, nền; phần bên dưới để cho vật gì có thể xây dựng, đứng vững được ở trên.

Có 有

1 — Mồ côi cha.

2 — Trơ trọi có một mình.

3 — Tiếng nhún mình của bậc Hậu Vương tự xưng — Kinh Lễ, thiên Ngọc-Tào rằng: "Phàm tự gọi mình, vua nước nhỏ xưng: Có . . ."

Quá 寡

1 — Ít

2 — Nhiều tuổi, chưa có chồng. (Số khi ít tuổi, chưa chồng cũng gọi là quá).

3 — Goá chồng.

4 — Goá vợ.

5 — Vua chư-hầu nhún mình tự xưng là *quả nhân* 寡人 (do mấy chữ "quả đức chi nhân 寡德之人" = người ít đức" nói tắt). Một người nói chuyện với người nước khác về Vua mình cũng nói: "quả quân 寡君" = ông vua ít đức" để tỏ ý khiêm nhường.

Bả 葆 敎

: Không lành; lời của bậc Vương Hậu nhún mình tự xưng.

Nhị-Nhã thích-hổ rình : « Cốc nghĩa là lành ; vì cốc (lúa, lúa nếp, lúa tẻ) vốn là vật nuôi sống người ». Bậc Vương Hầu tự nói : « không được như lúa, loài thực vật lành, nuôi sống nhân dân », cốt để tỏ ra mình khiêm tốn.

Cố quý dĩ tiên vi bản, cao dĩ hạ vi cơ ; thị dĩ Hầu Vương tự vị cơ, quả bất cốc. Thử phi dĩ tiên vi bản da? phi hồ?

« Trong, yên, thiêng, đầy, sinh thành, sang, cao » đều là công bằng, hình hiện ra ngoài, là « Con » của Đạo. Cái trong không đủ để trong riêng tự nó, cái đầy không đủ để đầy riêng tự nó... cũng như cái cao quý tự nó không đủ để cao quý, nó là « con », đâu phải có « Mẹ » thì hình của nó mới giữ được toàn (9). Vì vậy, trong chưa hẳn đã sang, đầy chưa hẳn đã nhiều ; sang hay nhiều đều do Đạo, do « Mẹ » sinh ra, nhưng Đạo lại không bao giờ coi cái « hình » là đáng trọng.

Cho nên sang phải lấy hèn làm gốc, cao phải lấy thấp làm nền tảng ; bậc Vương Hầu xưng Cô, xưng Quả, xưng Bất cốc chính để tỏ mình không có gì cao sang hết thảy ; cái cao sang ấy vốn xây dựng trên nền tảng hèn, thấp là quần chúng, lễ dân.

Thực vậy, Hầu Vương chẳng qua cũng là người, nhiều khi xuất hân ở chỗ hân vi ; xưa, Lưu Bang là anh đình trưởng, Chu-Nguyên-Chương là một thầy tăng, Đinh-Tiên-Hoàng một kẻ mục đồng, Lý-Công-Uân con nuôi nhà sư Lý-Khánh-Vân, Trần Cảnh cháu nội một chàng đánh cá, Lê-Lợi một bác dân cấy, Nguyễn-Huệ một tay « anh chị »

Khi gặp vận, dân chúng theo về, họ trở nên Hầu Vương, Hoàng-đế ! nhưng khi vận bĩ, dân chúng lìa bỏ, Hầu-Vương, Hoàng-đế muốn làm sát phu cũng không được nữa, như Tùy-Dạng-Đế dưới lưỡi đao của Vũ-vân-Hóa-cập, Doan-Nam-Vương trong cũi của tuần Trang.

(9) — Tỷ dụ như về cao sang của bậc Vương Hầu là hình hiện ra ngoài, do dân chúng trùm khoác vào cho ; nếu ta xóa bỏ dân chúng là Gốc, là Mẹ của cái sang ấy đi, và bậc Vương Hầu bị thất thế sa cơ như nhà quý-tộc hay ông Hoàng trong bài thơ ngụ-ngôn của La Fontaine (bài số mười lăm, quyền thứ mười) hoặc sống trợ trợ như An-Tiêm ở chốn đảo hoang, thử hỏi Vương Hầu còn có là Vương Hầu và còn có thể Cao Sang được với hoa cỏ chim muông, sóng biển mây ngàn, non xanh nước bạc ?

Chỉ số 致数 : 1) Suy tới số cuối cùng ; suy cùng cho tới đơn vị.  
2) Hoặc cũng có thể đọc là : chỉ số và có nghĩa là : tới mà đếm (theo Từ-hải)

Dư 興 : 1) Cái xe chờ đỗ.  
2) Cái kiệu khiêng bằng đòn.  
3) Số đông

Dự 譽 : 1) Khen, khen những cái hay, cái tốt.  
2) Tiếng khen.

Lục Lục 碌碌 : Nói về ngọc đẹp.

Lạc lạc 落落 : Nói về ngọc xấu.

Trong Hậu-Hán-thư, truyện Phùng Diển, có câu : «... lục lục như ngọc, lạc lạc như thạch 碌碌如玉落落如石», lời chú rằng : «về ngọc lục lục, được người ta quý trọng ; hình dáng đá lạc lạc bị người ta khinh rẻ », đủ rõ mấy chữ ấy nói về ngọc đẹp, dáng đá xấu và ngụ ý khen chê (Theo Từ-hải và Cao Hanh)

Lại trong bản Hà-thượng công, lời chú rằng : lục lục 碌碌 là để nói : có ít, lạc lạc 落落 là để nói : có nhiều. Ngọc ít, hiếm, nên được quý trọng nung nịu ; đá nhiều nên bị khinh thường rẻ rúng.

Cố chỉ số dư đồ dư ; bất dục lục lục như ngọc, lạc lạc như thạch.

Một cái xe gồm có : thùng xe, càng xe, trục xe, bánh xe, nan hoa... hợp lại mà thành ; « xe » chỉ là danh từ chung trở một hợp thể gồm nhiều bộ phận riêng ; nếu ta phân tích, điếm rời từng thứ một : này nan hoa, này bánh, này trục, này càng, này thùng... rồi ta trừ bỏ dần đi, xe ấy không còn, và ta thấy danh từ xe kia áp dụng vào bất cứ một bộ phận nào cũng không phù hợp.

Quốc dân cũng vậy, là số đông nhiều cá nhân tụ lại, rồi mới có Hầu, Vương, Hoàng-đế ở trên hết cả. Nếu đem đếm từng đầu người một, rồi loại trừ hết cả một quốc dân đi cho đến người sau rốt, hỏi Hầu, Vương, Hoàng-đế, còn nữa hay không.

Những nghi về, dấu hiệu vật chất làm rạn vỡ về vang hay những lời khen đúng về phẩm, diện tinh cũng không thoát khỏi công lệ này ; nếu ta phân tích từng vật hay từng chi tiết mà gạt bỏ sang một bên, hoặc ta suy luận tới cùng thì cái ta gọi là vĩnh cửu hay lời khen kia ắt không thể nào tồn tại được.

Ta hãy dẹp bỏ: khai-hoàn-môn, cờ, biêu-ngũ, người đi đón, giàn nhạc thời quốc thiều, đội quân danh dự đứng nghiêm bằng súng, đoàn tùy tùng hộ vệ... cho đến cả huy chương, phù hiệu, lễ phục cũng bỏ đi cho hết... thử hỏi một Ông Đại-tướng thắng trận có gì khác với mọi công dân?

Ta dẹp bỏ luôn cả cờ lụa, thê tre, bia đá, bằng vàng, thiêu huy Yên-dài, Lân-các, Kim-tự-tháp, Chư-hiền-lăng, xóa bỏ các câu thơ, văn hoặc 'sáo', hoặc » thực » từng ca ngợi tài đức, công nghiệp các bậc vĩ nhân, hiền thánh, liệt nữ, anh hùng... tiếng khen, — nếu quả thực có việc đáng khen! (10) ắt sẽ chìm vào lãng quên, quá khứ.

Cho nên bậc chân-nhân không muốn như ngọc đẹp, hiếm, quý, mà chỉ muốn dấu mình vào đám đá, sỏi... Hoặc cũng có thể hiểu là: người được Đạo không muốn thiên hạ quý trọng như ngọc đẹp song cũng không muốn thiên hạ khinh bỉ như đá xấu, vì đã được Đạo thì hỏi rằng người đời làm thế nào còn có thể tôn lên hay hạ xuống mà bảo rằng quý trọng hay rẻ khinh?

## ĐẠI Ý KIÊM TỔNG BÌNH

Chương này khởi đầu nói Trời Đất muốn vật không thể lìa bỏ Đạo vì lìa bỏ Đạo ắt không thể tồn tại sinh thành. Bậc Hậu Vương cai trị thiên-hạ cũng không thể xa Đạo trong một phút giây; xa Đạo lập tức chính quyền nghiêng đổ.

Đạo vốn vô hình vô ảnh, không âm thanh, mùi vị, thích « ở chỗ mọi người đều ghét » (11), nên bậc Hậu Vương làm khuôn phép mẫu mực cho dân chúng ắt phải lấy dưới làm trên, lấy hiền làm gốc, mà tự xưng là Trơ, trọi, ít-đức, Không-lành. Lại phải luôn luôn giữ gìn Đạo-thê mà làm để thực hiện lối « Trĩ vô vi », ngoài khiến cho thiên-hạ không đâu là không hưởng phúc thanh bình, mà trong, riêng tự bản thân, không mặc tiếng chê khen, đặt tới chỗ không còn có lời ca ngợi nẻo vương bận vào mình, mới mong phù hợp hòa đồng cùng Đạo-thê không âm thanh, mùi vị. (Phóng theo Trương Mịch).

10— Vì đáng khen hay không cũng chỉ là tương đối — Chưa kể việc đời: xưa phải nay trái, xưa trái nay phải, chỗ này trái, chỗ kia phải, chỗ này phải, chỗ kia trái, nói hẳn ngay đến nhiều người, nhiều việc, dầu cho đáng khen thực đi chăng nữa, suy cho cùng lý, chẳng qua cũng chỉ là những người làm những việc hợp tình, hợp nghĩa, hợp nhân, hợp đạo mà thôi!

(11) — Xin xem lại chương VIII

## ĐỒ SỨ ĐỜI TỔNG

BỮU-CẨM

Đời Tống (960—1276) là thời toàn-thịnh của kỹ-nghệ đồ sứ, vì trong đời này, nghệ-thuật chế-tạo từ-khí (1) của Trung-quốc đã tiến đến một trình-độ khá cao, làm cho các nước Âu-châu phải chú ý.

Về phương-diện sắc-thải, đồ sứ đời Tống có các màu: trắng, xám tro, tía thâm, hồng tươi, xanh lục và xám đậm.

Về phương-diện trang-sức thì có *hoạch hoa* 劃花 (hình chìm, dùng dao mà khắc), *từ hoa* 繡花 (dùng kim mà khâu), *ấn hoa* 印花 (khắc hoa bằng gỗ rồi in lên trên nước men), *chùy hoa* 堆花 (dùng dùi nhọn mà tạc thành), *đổ hoa* 堆花 (hình nổi, lấy bút chấm vào thuốc màu rồi tô lên thành hoa-văn), *khảm hoa* 嵌花 (khắc hoa riêng rồi khảm vào), *dụ lý hồng* 釉裏紅 (dưới nước men mỏng, có những hoa-văn màu hồng), *dụ lý thanh* 釉裏青 (dưới nước men, có những hoa-văn màu xanh); *lưỡng diện thối* 兩面彩 (mặt trong và mặt ngoài đồ sứ đều có vẽ hoa-văn giống nhau). v.v...

Những lối trang-sức trên đây đã làm cho từ-khí đời Tống có cái tính-chất đặc-biệt. Mặc dầu các lối ấy đều xuất sắc cả, song người Trung-hoa đã đề cao lối *dụ lý thanh* và cho rằng đó là một sự phát-minh lớn-lao của giới kỹ-nghệ từ-khí đời Tống: người ta dùng thứ thuốc màu của xứ Sumatra, do người Á-nập đem tới bán, gọi là *tô-nê* 蘇泥, cùng với thứ thuốc màu của đảo Penang

(1) Từ khí 光器: đồ sứ. Có người bảo rằng: «Đồ sứ là những vật do các sứ-bộ Việt-nam sang Trung-quốc mang về». Thuyết này xét ra không hợp lý, vì những vật do các sứ-thần nước ta ngày xưa mang từ Trung-quốc về không phải chỉ bằng sành mà thôi, còn có những vật khác như sách vở, thuốc men, v.v.. Cơ sao ta không thể gọi chung các vật ấy là đồ sứ? Theo sự nhận xét của tôi thì chữ từ 光 là gốc của chữ sứ. Cách phát-âm chữ từ 光 của người Trung-hoa, nhất là người Quảng-đông, rất gần với chữ sứ của ta. Như vậy, nghĩa là khi đọc chữ từ 光, chúng ta đã nhạy theo âm Tàu, nhưng không đúng hẳn, nên biến thành chữ sứ.



gọi là *bột-thanh* 勃青 và của Ấn-độ gọi là *phật-đầu-thanh* 佛頭青, là về hoa-vân lên mặt từ-khí, rồi kéo thêm một lớp men mỏng bên ngoài.

Tuy vậy, đồ sứ đời Tống đều niên-hiệu Đại-quan 大觀 (1107-1110) và Chính-hòa 政和 (1111-1117) mới có thể gọi là đã đạt đến tuyệt-đỉnh (1). Những bát, đĩa, bình hoa, đồ trà chế-tạo trong thời-kỳ này có một nước men rất mỏng, thai-cốt cũng rất thanh, lấy tay gõ vào có tiếng trong như tiếng khánh ngọc.

Vì kỹ-nghệ từ-khí đời Tống tinh-tiến như vậy, nên các lò làm đồ sứ của chính-phủ và của tư-nhân mọc lên như nấm. Trong số ấy, có các lò này là nổi tiếng: Định-diêu 定窯, Nhữ-diêu 汝窯, Quan-diêu 官窯, Kha-diêu 哥窯, Đệ-diêu 弟窯, Quán-diêu 均窯, Cảnh-đức-diêu 景德窯.

**Định-diêu** có hai: một lò tại Định-châu 定州 thuộc tỉnh Hà-nam 河南, gọi là Bắc-định 北定; một lò tại Cảnh-đức-trấn 景德鎮 thuộc tỉnh Giang-tây 江西, gọi là Nam-định 南定. Những đồ sứ do Định-diêu sản-xuất, có loại trắng nước men trắng và nổi lên từng chấm như ngón lệ (lệ ngân 淚痕) là quý nhất; nước men ấy bằng chất bạch-phạ-lê, giống như phấn, cho nên còn có tên là phấn-định 粉定 hoặc bạch-định 白定. Còn loại có chất hơi thô và màu vàng thì rất kém, tục gọi là thổ-định 土定; loại màu tím, gọi là tử-định 紫定; loại màu đen, gọi là hắc-định 黑定. Xuất-phẩm của hai lò thường có vẽ hoa, nhưng xét kỹ thì những đồ sứ của lò Nam-định có vẽ hoa nhiều hơn. Những hoa-vân trang-sức các từ-khí của Định-diêu cũng không ngoài mấy kiểu này: hoa mẫu đơn, con phượng múa, con rồng khoan, một cặp cá, v.v., phần nhiều phỏng theo cách trang-sức trên những tấm kính bằng đồng thời xưa, thật là điển-nhã và mỹ-lệ. Các sản-phẩm của Định-diêu cũng có màu hồng, nhưng trong các sách khảo về từ-khí Trung-quốc ít nói đến điều này, duy trong bài thơ *Thi viện tiên-trã* 試院煎茶 của Tô Đông-phá 蘇東坡 có câu: «Định-châu hoa từ trác hồng ngọc: 定州花瓷珠紅玉» (Đồ sứ đẹp-đẽ của Định-châu như ngọc màu hồng) và trong sách *Lịch đại từ-khí* 歷代瓷器譜 có chép: «Định từ phân hồng bạch nhị chủng: 定瓷分紅白二種» (Đồ sứ của Định-diêu chia làm hai loại màu hồng và màu trắng).

**Nhữ-diêu**, cũng gọi là Thanh-khí-diêu 青窯, được kiến-lập tại Nhữ-châu 汝州, thuộc tỉnh Hà-nam 河南. Xuất-phẩm của lò này có hai loại dày và mỏng khác nhau. Nước men trên những đồ sứ của Nhữ-diêu thường là màu

(1) Loại dụ lý thanh cũng xuất-hiện vào khoảng Đại-quan và Chính-hòa, hai niên-hiệu của Tống Huy-tông 宋徽宗 (1101-1125).

xanh nhạt (dạ thanh 淡青), gần giống với màu nước men trên các từ-khí của Sài-diêu 蔡窯 (1) đời Ngũ-dại. Cũng có loại trắng men màu xanh hạt đậu (đậu thanh 豆青) và màu xanh của con tôm sống (hà thanh 蝦青). Từ-khí của Nhữ-diêu khi chưa trắng men gọi là «xương đồng» (đồng cốt 銅骨), bởi vì nó được làm bằng một thứ đất có lẫn-lộn ít nhiều chất sắt, cho nên thai-cốt bày ra một màu đỏ nhạt pha vàng trông tựa gan dê. Các tay thợ đồ sứ thường chọn những sản-phẩm của Nhữ-diêu theo hai điểm này: dưới đáy có dấu hoa mè (chì-ma hoa 芝麻花) và trên mình có chỗ trắng men chưa khắp hiện ra màu gan dê (dương can 羊肝).

**Quan-diêu** do Tống Huy-tông dựng lên tại Biện-kinh 汴京 (nay là phủ Khai-phong 開封 tỉnh Hà-nam 河南) vào khoảng niên-hiệu Đại-quan và Chính-hòa. Đồ sứ của lò này, thai-cốt cũng như nước men đều rất mỏng, và gồm có các màu: nguyệt-bạch, phấn-hồng, phấn-thanh, lục, v... đương-thời cho màu nguyệt-bạch là quý hơn hết, kể theo đó là màu phấn-thanh; nhưng đời sau lại cho màu phấn-thanh quý nhất, thứ hai là màu nguyệt-bạch, còn các màu khác đều kém thua hai màu ấy. Ngoài việc sản-xuất những vật cần dùng hằng ngày, Quan-diêu còn chế-tạo những từ-khí phỏng theo các đồng-khí thời xưa như đỉnh, di, lư, bát-đồng, v.v., đều thuộc về giai-phàm. Đến khi nhà Tống bị người Kim xâm-lược, phải thiên đô đến Lâm-an 臨安 (thuộc tỉnh Chiết-giang 浙江), kiến-lập nhà Nam-Tống 南宋 (1127-1276), việc chế-tạo đồ sứ để cho Tống-đế dùng vẫn được tiếp-tục: Thiệu Thành-Chương 邵成章 lập một lò làm đồ sứ tại Tu-nội-tý 修內司, ở chân núi Phượng-hoàng 鳳凰山, thuộc Hàng-châu 杭州 (Chiết-giang). Lò này cũng lấy tên Quan-diêu, lại có tên Tu-nội-tý-diêu 修內司窯 hoặc gọi tắt là Nội-diêu 內窯; còn lò cũ ở Biện-kinh thì gọi là Cựu-quan-diêu. Nội-diêu đã thừa-hưởng được những phương-pháp chế-tạo của Cựu-quan-diêu, cho nên những sản-phẩm của lò mới này còn lẫn hơn những từ-khí của lò cũ. Nước men trên các đồ sứ của Nội-diêu lấy màu phấn-thanh làm cốt-yếu. Thứ đất dùng để nắn đồ sứ tại lò này có màu hơi đỏ tựa màu đồng

(1) Sài Vinh 蔡榮 (tức Chu Thế-tông 周世宗) đời Hậu-Chu 後周 (951-960) dựng lò làm đồ sứ tại Trịnh-châu 鄭州, thuộc tỉnh Hà-nam 河南, gọi là Sài-diêu (lò của họ Sài). Khi người phụ trách lò này hỏi nhà vua muốn chọn màu gì cho các từ-khí sắp chế-tạo, Chu Thế-tông liền phê: «Vũ quá thiên thanh vân phá xứ, giá ban nhan-sắc tổ tương-lai: 雨過天青雲破處, 造觀顏色做將來». Ấy là ý muốn nói: «Nước men của các đồ sứ sắp chế-tạo sẽ là màu xanh da trời sau cơn mưa». Bởi vậy, đời sau gọi các từ khí màu xanh da trời là màu «vũ quá thiên thanh».

Vì thế, xuất-phẩm của Nội-diêu có loại dưới chân hiện ra màu sắt (thiết sắc 鐵色), trên miệng có ăn màu tía (vì lớp men rất mỏng không che lấp được màu đất đỏ của thai-cốt). Do đó, người ta đã căn-cứ vào câu «miệng tía chân sắt» (từ khẩu thiết túc 紫口鐵足) để chọn những từ-khí của Nội-diêu và biến-biệt thật hay giả. Lại có loại trong lúc đang nung tại lò, vì toan-hóa tác-dụng, nổi vân lên rất đẹp; có khi những vân ấy hiện thành hình con bướm chẳng hạn, hoặc biến ra một màu khác với màu men cũ. Như vậy gọi là «diêu-biến» 窯變.

**Kha-diêu** do Chương Sinh-Nhất 章生一 lập ra tại Long-tuyền 龍泉 (thuộc phủ Xứ-châu 處州 tỉnh Chiết-giang 浙江). Lò này nguyên tên là Lưu-diêu-diêu 流田窯, nhưng sau người ta gọi là Kha-diêu để phân-biệt với Đệ-diêu, lò của người em Chương Sinh-Nhất (1). Kha-diêu có thứ đất rất mịn-màng, nước men thì lấy màu xanh làm chủ-yếu, song vẫn có các màu tía nhạt và vàng tươi. Lò này nổi tiếng vì chế-tạo được những loại từ-khí có vân đẹp. Nhưng sự thật, những đồ sứ có vân vị tất đã biểu-lộ được một nghệ-thuật tinh-vi. Các tay chơi sành đồ cổ lại xem những sản-phẩm của Kha-diêu có một nước men thuần-túy không nổi vân mới thật đáng quý.

**Đệ-diêu** do Chương Sinh-Nhị 章生二, em của Chương Sinh-Nhất, dựng lên gần Kha-diêu, Lò này còn có tên là Long-tuyền-diêu 龍泉窯, lại cũng gọi là Chương-diêu 章窯. Đồ sứ do Đệ-diêu sản-xuất thật là thanh-nhã, thai-cốt rất mỏng, nước men láng mịn có hai màu phân-thanh và thủy-thanh, không nổi vân, trông như bích-ngọc. Người đời Đường gọi những từ-khí màu xanh biếc là «đồ ngọc giả» (giả ngọc-khí 假玉器), nay ta có thể gọi những sản-phẩm của Đệ-diêu là «đồ ngọc thật» (chấn ngọc-khí 真玉器) cũng không phải là quá đáng.

**Quân-diêu** do nhà Tống kiến-lập tại Quân-châu 均州 (Hà-nam 河南). Lò này có cái đặc-diêm là chế-tạo đồ sứ rất nhiều màu, nào màu hồng tía của hoa tương-vi, màu đỏ tươi của hoa hải-đường, màu tím nhạt của hoa ca, màu gan lừ màu phôi ngựa, màu tím đậm, màu của hạt gạo chưa chín, màu xanh da trời, màu đỏ của hoa yên-chi, màu đỏ của chu-sa, màu xanh biếc của lông chim vet, v.v... Đó là chưa kể màu đen và các màu «diêu-biến». Tương truyền những sản-phẩm của Quân-diêu có nước men màu yên-chi là quý nhất, kể đến là màu xanh biếc và màu đen. Nước men của lò này khá dày, và dưới sắc men hồng có ăn những đường gân trông rất đẹp. Đồ sứ của Quân-diêu có loại chậu hoa là nổi tiếng hơn hết.

(1) Kha 哥 : anh; đệ 弟 : em. Kha-diêu và Đệ-diêu là hai lò chế-tạo đồ sứ của tư-nhân được nổi tiếng về đời Tống.

**Cảnh-đức-diêu** tại Cảnh-đức-trấn 景德鎮 (1), thuộc tỉnh Giang-tây 江西. Lò này được nổi tiếng từ khi Tống Chân-tống 宋真宗 (998-1022) ra lệnh cho các đào-công ở đó chế-tạo những đồ sứ hảo hạng để vua dùng. Loại sản-phẩm này tuyệt đẹp, dưới đây có bốn chữ «Cảnh-đức niên chế» 景德年製. Các lò khác đều bắt-chước phương-pháp chế-tạo của lò này. Vì thế, mọi người đều cho rằng đồ sứ của Cảnh-đức-diêu là đáng quý. Những xuất-phẩm của lò này đã được chú ý ra bán ở nước ngoài với một giá rất cao. Đặc-diêm của Cảnh-đức-diêu là dùng một thứ đất sét trắng nhuyễn để chế-tạo từ-khí, cho nên thai-cốt mỏng và trong ngoài đều láng-lảy, mịn-màng.

Ngoài những lò lớn và có tiếng trên đây, còn rất nhiều lò nhỏ khác thỉnh-thoảng cũng sản-xuất được một vài loại từ-khí tinh-xảo như : Từ-châu-diêu 磁州窯, Cát-châu-diêu 吉州窯, Tương-hồ-diêu 湘湖窯, Kiến-diêu 建窯, Đường-áp-diêu 唐邑窯, Đặng-châu-diêu 鄧州窯, Diệu-châu-diêu 耀州窯, Du-hàng-diêu 餘杭窯, Lệ-thủy-diêu 麗水窯, Tiều-diêu 蕭窯, Hoắc-châu-diêu 滑州窯, Tương-diêu 象窯, Du-thứ-diêu 榆次窯, Bình-dương-diêu 平陽窯, Túc-châu-diêu 宿州窯, Tứ-châu-diêu 泗州窯, Hà-bắc-diêu 河北窯, Bình-dịnh-diêu 平定窯, Quảng-diêu 廣窯, Bác-son-diêu 博山窯, v.v...

Tóm lại, đồ sứ đời Tống với hình-dáng tinh-mỹ, sắc-thái biến-hóa, sản-lượng dồi-dào, đã đánh dấu một thời-kỳ cực-thịnh của kỹ-nghệ từ-khí ở Trung-quốc.

### Sách tham-khảo

- 1) 古窯器攷 (Cổ diêu khí khảo) 梁同書著 (Lương Đồng-Thư trứ)
- 2) 考槃餘事 (Khảo-bàn dư sự) 屠隆著 (Đồ Long trứ)
- 3) 長物志 (Trường vật chí) 文震亨著 (Văn Chấn-Hanh trứ)
- 4) 景德鎮陶錄 (Cảnh-đức-trấn đào lục) 藍浦著 (Lam-Phổ trứ)
- 5) 欽定齊說堯 (Ấm-lưu-trai thuyết từ) 許之衡著 (Hứa Chi-Hanh trứ)
- 6) 瓶花譜 (Bình hoa phở) 張謙德撰 (Trương Khiêm-Đức soạn)
- 7) 江西陶器沿革 (Giang-tây đào-từ duyên-cách) 江西建設廳編印 (Giang-tây kiến-thiết-sảnh biên ấn)
- 8) 陶說 (Đào thuyết) 朱琰著 (Chu Diễm trứ)
- 9) 支那青瓷及其外國關係 (Chi-na thanh từ cập kỳ ngoại-quốc quan-hệ) 橫河民輔著 (Hoành-hà Dân-phụ trứ)
- 10) 陶器錄 (Đào khí lục) 俞樾著 (Thương-khieu Đẳng-trị-lang trứ)

(1) Trấn này nguyên tên là Xương nam trấn 昌南鎮, ở đó vốn đã có lò chế tạo đồ gốm và đồ sành từ đời Hán, Đường, nhưng các xuất phẩm trong thời ấy chưa được tinh xảo. Mãi đến niên hiệu Cảnh-đức 景德 (1004-1007) đời Tống Chân-tống, lò này mới sản xuất được những từ-khí đẹp nổi tiếng, và tên trấn cũng được thay đổi bắt đầu từ đó.

# LUẬT QUÂN - ĐẲNG

(LA PARITÉ)

VÀ HAI NHÀ BÁC - HỌC TRUNG-HOA  
CHEN NIN YANG, TSUNG DAO LEE

Tác-giả TUONG-MAI-HUYỀN

## Vinh-quang không kể tuổi...

Hồi cuối tháng giêng năm 1958, một tin làm chấn động thế giới : Hai nhà bác học Trung Hoa Chen Nin Yang và Tsung Dao Lee, sau khi được giải thưởng quốc tế Albert Einstein 1957 đã giật luôn giải thưởng Nobel 1957 về vật lý học.

Đây là lần đầu tiên các nhà bác học Trung Hoa được giải thưởng quốc tế cao quý nhất này.

Đặc biệt hơn cả là tuổi hai người cộng lại còn ít hơn tuổi của nhiều vị kỳ tài hàng năm được phát giải thưởng Nobel : Lee mới 32 tuổi và Yang 34 tuổi.

Hai người bắt đầu vào ban đại học trong thời kỳ chiến tranh, họ đã sang Hoa-Kỳ tiếp tục học thêm, và hiện nay cả hai đều được liệt vào hàng vật lý gia nổi tiếng nhất thế giới. Hai người từng được chọn đi dự cuộc họp thường niên về vật lý học, tụ tập hàng 300 vật lý học gia toàn thế giới tại đại học đường Rochester (Nữu Ước).

Bác sĩ Yang là giáo sư chính thức của viện Đại Học Princeton một trong những trung tâm nghiên cứu nổi tiếng nhất của Hoa Kỳ về nguyên tử.

Còn bác sĩ Lee là một trong những giảng-sư trẻ tuổi nhất của đại học đường Columbia.

Cả hai vốn là bạn tâm giao từ hồi 1940, lúc cả hai còn theo học tại đại học đường Trung Hoa ở Côn Minh.

Đến 1946 họ lại tái ngộ tại đại học đường Chicago. Lúc này bác sĩ Yang đã được chính phủ Hoa Kỳ cấp học bổng và đang học tập dưới sự

chỉ dẫn của hai nhà bác học nguyên tử danh tiếng : Edouard Teller và Enrico Fermi. Bác sĩ Lee đến Chicago sau bạn 1 năm.

Từ buổi ấy, hai người không ngừng cộng tác tìm tòi. Sau kỳ đại hội về vật lý nguyên tử học tại Rochester lần thứ 6, hai người đã bắt đầu nghi ngờ một định luật từng được khoa học công nhận từ đầu thế kỷ này, và vốn được coi là giường cột của khoa vật lý : đó là định luật Bảo-Tồn Quân-Đẳng (conservation de la parité).

## Định-nghĩa về « Quân-Đẳng »

Trước hết, ta không nên có cái hi vọng theo vết chân các nhà bác học để tìm ra luật quân đẳng, vì sẽ lạc trong một rừng toán âm u khó thấy lối ra.

Nếu có được một khái niệm về định luật kỳ dị này và hiểu được tại sao hai nhà bác học trẻ tuổi kia đã thành công, thiết tưởng ta cũng nên lấy làm mãn nguyện.

Nếu ta đem một quyền tự vị ra tra xem thì sẽ thấy « quân đẳng » nghĩa là đồng đều, cân nhau, bằng nhau, giống hệt nhau. Định nghĩa này hiển nhiên không rơi được một tia sáng nào trên cái định luật nói trên.

Hiểu theo suy luận của nhà triết học Leibnitz thì : khi nào hai vật, hoặc hai trạng thái, giống hệt nhau đến nỗi không có cách gì phân biệt được, thì hai vật hay trạng thái ấy phải là một. Ta nói là suy luận, vì thực ra Leibnitz chỉ có khối óc của ông là đặc dụng hơn cả để tìm ra kết luận ấy chứ đâu đã có những máy móc tân kỳ như ngày nay để khám phá ?

Cái lý luận đơn giản và « dĩ nhiên » ấy của Leibnitz là căn bản để khoa học định ra luật quân đẳng vậy.

Dựa vào thực tế, khoa học đã từng cho một thí dụ : Nếu ta có hai bàn tay trái và phải, giống hệt nhau (Tất nhiên đã là hai bàn tay thì thế nào cũng có chỗ dị đồng, nhưng trong một thí dụ xin cho dùng chữ « nếu »). Vậy nếu chúng giống hệt nhau thì khi ta nhìn thấy một bàn tay trái tất không thể nào phân biệt được đây là một bàn tay trái thực hay chỉ là một chiếc hình cực rõ của một bàn tay phải phản chiếu trong gương. Căn cứ vào định nghĩa quân đẳng của Leibnitz thì đây tức là một trường hợp quân đẳng vậy.

Định nghĩa quân đẳng đã xây dựng trên cứ đằm « bất khả phân biệt »

vậy ta hãy xét thử ta đã làm cách nào để phân biệt được sự vật.

### Phân biệt về vị trí

Ta hãy gác sang một bên những đặc điểm để phân biệt như màu sắc, âm thanh v.v. mà xưa nay đã bao lần người ta đã chỉ trích giác quan ta làm lạc, để xét về những cứ điểm đã từng được coi là vững chắc, trong đó có vị trí của sự vật.

Nếu ta nói: Ngày hôm . . . tại đường X . . . một chiếc xe lớn đi từ phía bắc xuống phía nam đã đụng phải một chiếc xe nhỏ đậu tại lề đường bên phải. Ta làm sao hiểu nổi nếu không biết được đường X . . . vị trí nó ra sao, từ phía bắc đến phía nam là từ đâu nào đến đâu nào của con đường, và cái lề bên phải của chiếc xe gây ra tai nạn là lề nào của con đường?

Như vậy vị trí không thể ấn định, nếu ta không có những chiếc mốc để đánh dấu.

Đối với vạn vật trong vũ trụ, ta có biết bao nhiêu là mốc, nhưng còn về giá trị của những chiếc mốc ấy thì xin mạn phép các bạn tôi kể lại câu truyện cổ dưới đây:

Xưa kia có anh nổi tiếng là Ngốc. Một hôm đi câu, lỡ dến đê rơi túi tiền xuống sông. Anh ta "sáng ý" đánh dấu ngay . . . chỗ mạn thuyền đã đánh rơi tiền, rồi chèo miết về nhà gọi thợ, bảo họ cứ thẳng chỗ mạn thuyền đánh dấu lặn xuống mà mò . . .

Trong bao nhiêu lâu chúng ta cũng không hơn gì anh chàng ấy. Ta coi nhà cửa, đất cát sông núi, rộng ra hơn nữa là mặt trời mặt trăng và các tinh tú là những cái mốc tưởng như chắc chắn, biết đâu chúng còn đổi dời lệ gặp bội con thuyền trên mặt nước!

Trái đất xoay tròn trên trục của nó, mỗi vòng hết 24 tiếng đồng hồ, vị trí tại xích đạo nó có một tốc độ siêu thanh: chúng ta mỗi giây lao đi 465 mét tức là hơn 1.500 cây số mỗi giờ. Trái đất lại đi vòng quanh mặt trời, mỗi giờ tới mười vạn tám nghìn cây số, một tốc độ kinh khủng. Cả nó, cả mặt trời, cả cái thái dương hệ này lại đều cùng chuyển dịch trong chòm sao (galaxie) nhanh tới bảy vạn hai nghìn cây số mỗi giờ. Đến chòm sao này đâu đã đứng yên. Nó cũng chuyển đi trong giải ngân-hà (voie

lactée) nhanh bảy mươi chín vạn hai nghìn cây số mỗi giờ nữa. Chính giả ngân hà này cũng lại có một tốc độ trong không gian tới năm mươi bảy vạn sáu ngàn cây số một giờ . . .

Tính như thế thì tuy bạn vẫn ngồi yên trước bàn ung dung đọc bài này, nhưng tự này, mới đọc được chưa đầy ba trang báo, bạn đã đi xa khỏi chỗ ngồi lúc bắt đầu đọc có tới bao nhiêu vạn cây số rồi!

Đã vậy, biết đâu cái vũ trụ mà dụng cụ thiên văn khám phá nổi này lại chẳng chỉ là một phần của một cái vũ trụ lớn hơn, nó chuyển động với những tốc độ còn ghê gớm hơn nữa?

Xưa kia Newton đã sáng suốt hơn người đương thời khi ông không tin ở những cái mốc ấy, mà cố gắng tìm một cái gì chính xác hơn làm mốc trong cái vũ trụ bao la này. Nhưng chính cái cố gắng của ông chứng tỏ ông còn lầm lẫn vì thực ra trong vũ trụ có cái gì bất di bất dịch đâu? Nếu có được cái mốc lý tưởng ấy thì đã có được một sự so sánh tuyệt đối cho ta một tốc độ tuyệt đối của sự vật, trong một không gian tuyệt đối rồi.

Thực ra, Einstein đã chứng tỏ rằng ta chỉ có thể biết được cái tốc độ tương đối giữa sự vật, mà không bao giờ biết được cái tốc độ tuyệt đối cả. Và lại, tốc độ tuyệt đối là gì? Trong khi không gian trong đó nó xê dịch cũng sẽ không còn nữa, nếu mọi sự vật đều biến mất hết! Thực thế, quan niệm về không gian chỉ phát sinh do sự đối chiếu vị trí của các vật, chẳng khác gì quan niệm về thời gian chỉ phát sinh do sự liên tiếp phát hiện của các biến cố vậy.

Với Newton, quan niệm của ta rõ rệt vững chắc và gọn ghẽ bao nhiêu thì cái sự thực do Einstein hé ra cho ta thấy nó huyền ảo và linh động bấy nhiêu. Hiện nay không gian, thời gian, phương hướng đã từ địa vị thực tại khách quan tụt xuống hàng thực tại chủ quan không khác gì những cảm giác về màu sắc, âm thanh v.v. . . Chúng hợp thành một toàn thể bất khả phân tán, lệ thuộc vào nhau rất chặt chẽ, biến chuyển theo những định luật rất rõ rệt.

Nói một cách khác ta phải từ bỏ cái ảo vọng ấn định vị trí cho ba tung hoành tuyến về thời gian, không gian và phương hướng trong một cái thế giới tuyệt đối theo kiểu Newton vậy.

Tính chất chủ quan về phương hướng thực đã quá rõ rệt, nên tưởng chỉ cần nhắc qua một chút cũng đủ: Phía trên của bạn hiện nay lại là phía dưới của

kẻ ở đối chích diêm (antipode). Nếu bạn cũng như tôi ở vùng xích đạo thì chỉ trong có nửa ngày đêm phía trên của bạn sẽ là phía dưới rồi. Cùng một phút mặt trời mà sáng bạn gọi đây là phương đông, chiều tối đã gọi đây là phương tây.

Đến ngay trị giá của không và thời gian cũng biến chuyển không chừng tùy theo kẻ quan sát ở trong hay ở ngoài hệ thống chuyển dịch.

Nói tóm lại, tất cả những cứ diêm và giá trị ta tưởng là chắc chắn nhất, là khách quan nhất, cũng đều trở nên mung lung, không chuẩn đích và hoàn toàn chủ quan.

Nếu gạt bỏ cái bản ngã của ta đi, nếu ta không cho rằng cái gì ngược với thói quen, với quan niệm, với thành kiến của ta đều là trái là nghịch cả thì ta sẽ giống thiên nhiên, vì thiên nhiên cũng không có cảm tình, không có dục vọng, không có tâm vốc, không có cả phương hướng hay diêm ưu-đãi (direction ou position privilégiée). Nhưng một khi ta giống thiên nhiên như vậy, sẽ rất lúng túng nếu cứ phải phân biệt.

### Đi đến luật quân-đẳng...

Trong một bữa ăn, thường khi ta thấy có người quen dùng tay trái.

Đó là một sự rất thường xảy ra, nhưng nó sẽ không thường nữa nếu (xin phép các bạn tôi lại dùng đến chữ nếu), ta được một bác sĩ cho biết là cơ thể của ông khách ấy cấu tạo hoàn toàn ngược chiều: tim, lá lách, dạ dày đều nằm bên phải, còn gan lại nằm ở phía bên trái v.v. . Với một cơ thể ngược chiều như vậy ông, khách của ta có thể cái là ông đã không dùng tay trái, vì cái mà ta gọi là tay trái ấy thực ra lại là tay phải của riêng, thân thể ông ta!

Nếu có kẻ lập dị đưa ra lý thuyết dưới đây thì bạn sẽ kết luận làm sao?

• Ở ngoài và trong một tấm gương, ta thấy hai thế giới, *giống hệt* nhau nhưng không phải là một. Hai thế giới ấy đều cũng đủ cả người vật như nhau, nhưng tất cả sự vật ở thế giới nọ đều đối xứng symétrique) với người vật ở thế giới kia.

• Biết đâu trong hàng bao nhiêu triệu thế giới khác tản mát trong vũ trụ bao la kia lại chẳng có được một thế giới kỳ lạ mà tất cả đều giống hệt thế giới ta đang sống đây, nhưng tất cả đều đối xứng với chúng ta?

• Khi ấy, giữa ta với ông khách của thế giới ấy, ai là người thuận, ai là người nghịch đối với các luật lệ của thiên nhiên?

Nếu thiên nhiên cũng như chúng ta, đều có những cứ diêm chủ quan thì dễ dàng biết bao. Hễ cái gì thuận với thiên nhiên thì là thuận, cái gì ngược với thiên nhiên thì là nghịch.

Nhưng như trên đã nói, thiên nhiên hoàn toàn khách quan không thể phân biệt nổi vì thiếu cứ diêm để so sánh, do đó tất cả định luật của thiên nhiên đều hợp với ta cũng như hợp với ông khách kia nữa. Nói một cách khác: Thiên nhiên cũng không thể phân biệt nổi bàn tay phải với bàn tay trái vậy.

o°

Đến đây chúng ta đã ngẫu nhiên đi đến cùng một kết luận với định luật quân-đẳng của khoa học, được kinh nghiệm công nhận hàng nửa thế kỷ nay. Khoa học đã quan niệm rằng không gian có một tính chất đối xứng và cân bằng (une qualité symétrique équilibrée), khiến cho mọi vật đều có thể có một "hình ảnh phản-chiếu" (image réfléchie), và thiên nhiên áp dụng mọi định luật của mình cho vật lẫn hình ấy một cách đồng đều.

Ta lấy một thí dụ rất dễ hiểu: Một thanh nam châm hai đầu bắc và nam đều có giá trị như nhau. Ta không thể quan niệm được rằng đầu bắc hút mạnh hơn đầu nam hay đầu nam hút mạnh hơn đầu bắc, vì bắc hay nam chỉ là một sự phân biệt chủ quan căn cứ vào từ trường của trái đất.

Một thí dụ khác: dòng điện đi từ cực âm sang cực dương, nhưng ta không thể quan niệm được tác dụng của dòng điện lại mạnh hơn cả ở cực âm hay là cực dương. Tuy rằng dòng điện có một chiều đi (direction) vì điện tử phải ở cực âm trước rồi mới sang đến cực dương sau. Nhưng cái *chiều* đó thực ra chỉ có giá trị đối với ta, vì sự tiếp diễn của các sự kiện chỉ có giá trị « trước, sau » đối với riêng ta mà thôi, còn đối với thiên nhiên thì cái tính cách « trước, sau » trở nên vô nghĩa: thời gian vốn là một thực tại chủ quan không thuộc vào hệ thống các cứ diêm của thiên nhiên. Vậy đối với thiên nhiên có thể điện tử được coi là từ cực âm sang cực dương nhưng cũng có thể coi là nó từ cực dương sang cực âm tùy theo « dòng thời gian » được coi trôi đi theo quan niệm của ta hay là ngược lại.

Luật quân-đẳng như thế không những đối với khoa học mà ngay đối với sự suy luận giản dị của ta cũng đã là một sự dĩ nhiên. Nhưng hãy coi chừng, sự dĩ nhiên thường lại là những cạm bẫy nguy hiểm cho kẻ đi tìm chân lý.

Một thí dụ dưới đây sẽ cho ta thấy một lợi khí mới mẻ ngày thêm thông dụng và hiện nay đang chiếm giữ ngôi độc tôn trong công cuộc xét nghiệm sự vật: đó là Toán Học.

### Newton và Einstein...

Xưa kia, để chứng minh sự hiện diện của một không gian tuyệt đối, Newton đã làm cuộc thí nghiệm sau đây:

Ông ta lấy một bình nước, làm cho quay tròn. Ly tâm lực liền phát hiện và dồn nước ra xung quanh bình.

Theo ông kết luận thì ly tâm lực là một thực trạng mà ta có thể nhận thấy từ khi xuất hiện đến khi biến mất. Sự xuất hiện ly tâm lực bao giờ cũng đi kèm với sự chuyển động quay tròn của sự vật. Như vậy hẳn ta thấy có ly tâm lực tức là ta có thể quả quyết rằng vật đó đang quay tròn. Nếu ta nói rằng ly tâm lực phát hiện do sự xoay tròn tương đối giữa vật ta khảo sát và toàn thể vũ trụ thì không khỏi nguy hiểm, vì nếu bây giờ ta cứ để cho vật đó đứng nguyên mà cả vũ trụ tự nhiên quay tròn xung quanh, thì ly tâm lực sẽ không phát hiện trong vật ta khảo sát, mà trái lại, chính tất cả mọi vật khác trong vũ trụ sẽ bị một ly tâm lực ghê gớm chi phối.

Như vậy, ta có thể coi ly tâm lực là lợi khí khảo sát *tuyệt đối* để biết sự xoay tròn của sự vật. Một khi sự xoay tròn ấy không còn tính cách tương đối so với vũ trụ chung quanh thì tất nhiên đó là sự xoay tròn tuyệt đối so với một không gian tuyệt đối vậy.

Lý luận này thực là vững chắc và hiển nhiên.

Nhưng Einstein đã chứng minh rằng sự hiển nhiên chưa hẳn đã là chân lý.

Thực vậy, Einstein đã căn cứ vào một sự kiện không biết bao nhiêu lần đã được chứng minh, đó là tốc độ bất biến của ánh sáng. Mặc dầu vật phát ra ánh sáng đứng yên hay là chuyển động đối với quan sát viên, mà lập nên lý thuyết tương đối luận. Ông đã hoàn toàn giao phó cho toán học cái nhiệm vụ tìm ra chân lý mà không để xen vào đó một chút luận lý nào dựa trên thành kiến cũ. Nhờ đấy ông đã khám phá ra sự lầm lẫn của Newton.

Quả thế, chỉ có lý luận của Newton cho ta biết là ly tâm lực có tính cách độc lập đối với vũ trụ xung quanh, chứ thực ra nào ai để có được ly tâm lực ở

một vật đứng yên so với vũ trụ xoay quanh bình nước để cho ta kết luận rằng ly tâm lực không phát hiện trong bình nước.

Không những chỉ có Einstein, mà tất cả các nhà bác học khác cũng đều mỗi ngày một đưa thêm vào toán học để bám sát lấy cái cơ cấu huyền vi của sự vật mà xét nghiệm.

Nhất là tự khi nhân loại bước vào địa hạt nguyên tử thì họ đã lạc vào một thế giới bí mật và cực kỳ tế vi, không thể nào trực tiếp nhận xét được bằng giác quan. Những chiếc máy tinh xảo nhất của nhân loại ngày nay cũng chỉ cho thấy được những vật xê dịch của các vi phân tử, những ảnh hưởng của chúng đối với điện trường, từ trường v.v. mà thôi. Tóm lại, con người ngày nay chẳng khác kẻ mù, chỉ nhờ máy móc tinh xảo mà nhận được những dấu hiệu yếu ớt vọng từ cái thế giới bí mật ấy mà phỏng đoán ra sự thật ở bên trong.

Sở dĩ toán học trở nên đặc lực là vì nó chỉ biết căn cứ trên một số định luật, mà không hề có một cứ điểm chủ quan nào hết. Chính nó một lần nữa lại đã đưa hai nhà bác học Yang và Lee đến cái kết quả kỳ diệu là lật đổ cái định luật quân đẳng trên kia một khi bước vào thế giới tế vi.

Nếu Einstein đã được đặc tính của ánh sáng đưa về con đường chân lý, thì Yang và Lee cũng đã vì sự kỳ dị của các vi phân tử méson mà khám phá ra sự bất lực của định luật quân đẳng trong thế giới tế vi.

### Vi phân tử méson là gì?

Người ta biết đến méson tự khi thí nghiệm các vũ trụ tuyến. Giáo sư Piccard dùng những chiếc « phòng i-ông hóa » (chambre d'ionisation) xét nghiệm thì thấy trong không khí có rất nhiều phóng xạ tuyến mà càng lên cao nó càng mạnh hơn, và ở hai cực trái đất lại mạnh hơn là ở xích đạo. Người ta nghĩ rằng sở dĩ nó có nhiều ở hai cực trái đất là vì từ trường của trái đất dồn chúng đến đó, và như thế thì chúng phải là những cực vi phân tử có điện tính.

Không biết chúng là gì, người ta mệnh danh cho là « vũ trụ tuyến » (Rayon cosmique).

Người ta lại dùng những máy đếm Geiger (compteur Geiger) và phòng hơi nước Wilson (Chambre de Wilson) đưa lên trên cao, để xét nghiệm

thì thấy một điều lạ: những vũ trụ tuyến ở dưới thấp khác hẳn với vũ trụ tuyến ở trên cao. Trong khi những tia nghiệm được ở dưới thấp cực kỳ mãnh liệt, nó có thể đi xuyên qua 1 mét chì dày hay 1.000 mét nước thì trái lại những tia ở trên thượng tầng khí quyển lại rất yếu hèn, vào khí quyển là bị hút mất, vì thế chỉ thấy được nó ở nơi rất cao mà thôi.

Hiện nay, sau bao công phu xét nghiệm, người ta cho rằng có lẽ trong vũ trụ có vô vàn những vi phân tử, có một năng lượng rất lớn, tự những nơi xa xăm mù mịt nào trong vũ trụ phóng tới địa cầu. Chúng và phải các nhân của nguyên tử khí quyển, làm cho nhân ấy vỡ tan ra và những mảnh vỡ là những loại vi phân tử mới, có một khối lượng giữa một dương tử và một điện tử. Chính những mảnh này có một sức thâm nhập vào vật chất cực kỳ mãnh liệt mà ta đã nói đến trên. Những mảnh đó lại tự nhiên tan vỡ, để biến thành một điện tử âm hoặc dương và một vi phân tử nữa, có một điện tính trung hòa, (và có lẽ chẳng có được khối lượng) mà người ta đặt tên cho là "neutrino". Hạt điện tử mới thành thường bị khí quyển cản chậm lại và nó biến thành một quang tử (photon).

Nhưng cái làm người ta lưu ý đặc biệt đó là những vi phân tử kỳ lạ và cực kỳ mãnh liệt do vũ trụ tuyến đập vỡ nhân nguyên tử của không khí mà tạo nên. Người ta đặt tên cho chúng là « méson ».

Những hạt méson này làm cho các nhà bác học điện đầu vì chúng mạnh quá. Những tia quang tuyến X đã là mạnh, tới nỗi đi suốt qua được cơ thể ta, mà cũng chỉ có một năng lượng 124.000 điện tử-vôn (électron volt) là cùng, thế mà những hạt méson còn có được một năng lượng có tới hàng chục tỷ điện-tử-vôn.

Nếu ta hiểu rằng một điện-tử-vôn tức là số năng lượng mà một điện tử có được dưới một điện thế một vôn. (nó cho điện tử này một tốc độ 595 cây số mỗi giây), thì đủ rõ cái năng lượng hàng chục tỷ điện-tử-vôn của méson ghê gớm đến bực nào.

Chính vì thế mà cho đến tận nay, người ta cũng vẫn chưa hiểu rõ được nó.

Muốn tìm ra khối lượng của vi phân tử bí mật ấy, nhà vật lý học cừ khôi Louis Leprince-Ringuet đã phải huy động tới chiếc điện tử thiết (electro aimant) khổng lồ của phòng thí nghiệm Bellevue, nặng tới 120 tấn,

và có một sức hút tới 130 tấn. Tuy vậy, từ trường ấy cũng chỉ làm cho méson chệch đi chừng 1/10 ly mét thôi, trên một quãng đường dài tới nửa mét. Dù thế, cái đường cong yếu ớt ấy cũng đủ cho các nhà bác học tính ra khối lượng của méson bằng khoảng chừng 215 lần khối lượng của điện tử.

Một đặc điểm nữa của méson là đời sống của chúng cực kỳ ngắn ngủi, chẳng hạn loại méson PI chỉ sống được có 1/100.000.000 của một giây thôi. Vì thế chúng càng khó xét nghiệm. May mà cũng có khi nó có điện tính âm, khi ấy nó bị nhân nguyên tử hút vào, và nó làm cho nhân ấy vỡ tan thành vi cái năng lực ghê gớm của nó, hoặc giả tự nó lại tan vỡ để tạo ra những hạt méson thường tức là méson MU, một loại sống dai hơn (2 ; 2 phần triệu của một giây), với một khối lượng gấp 215 lần điện tử, và một năng lượng đã suy giảm, nhưng cũng còn lên tới 4 triệu điện-tử-vôn.

Xem như thế, những hạt méson là một loại vi phân tử cực kỳ khó khảo sát: Nó quá mạnh nên ít bị ảnh hưởng của các năng lực nhân tạo nó lại xuất hiện trong khoảng thời gian quá ngắn để người ta xét nghiệm.

Nay lại thêm một nỗi khó khăn mới: Có nhiều loại méson quá, nhất là tự 10 năm trở về đây, đến nỗi các nhà bác học không còn đồng ý được với nhau về danh tính của chúng nữa! Sau cùng họ đành mệnh danh chung cho những hạt méson ấy là những « vi phân tử kỳ lạ » mà thôi. Họ cũng chẳng hiểu nổi méson là gì: đây có phải là những mảnh vỡ của nhân nguyên tử không, hay chính là những vật mới do sự va chạm cấu tạo thành?

Trong khi các nhà bác học còn phân vân về cái dấu hỏi làm nhiều người mất ăn mất ngủ ấy thì hạt méson K lại đặt ra một vấn đề mới làm họ không hiểu nổi nữa, vì nó trái hẳn với những quan niệm mà họ quen coi là vững như bàn thạch.

### Những khẩu súng... hòa-bình

Muốn hiểu rõ về méson, người ta không mẫn nguyện với vũ trụ tuyến và các nhân nguyên tử phóng xạ nữa, người ta tìm cách chế tạo những khẩu súng cực kỳ mãnh liệt để bắn những viên đạn tí hon là các vi phân tử đi. Đó là những chiếc Bévatron ở Berkeley (Cựu kim sơn) mạnh tới 6 tỷ điện-tử-vôn, Cosmotron của Phòng Thí Nghiệm Quốc Gia ở Brookhaven mạnh 3 tỷ điện-tử-vôn, nơi này đang sửa soạn hoàn thành vào năm 1960 một chiếc khác tới 25 tỷ điện-tử-vôn. Trong khi ấy thì Nga Sô mới làm xong chiếc Synchrotron 10 tỷ điện-tử-vôn đã rắp ranh làm ngay một chiếc khác 50 tỷ điện-tử-vôn. Trong cuộc thi đua này, các đại học đường

Mỹ liên này sáng kiến tạo ra hai chiếc, mỗi chiếc chỉ có 15 tỷ điện-từ-vôn thôi, nhưng một khi dùng cả hai chiếc phóng các vi phân tử vào nhau thì sự va chạm ấy có thể tương đương với một năng lượng 500 tỷ điện-từ-vôn.

Những khâu « súng » này không dùng để giết tróc ai, nó chỉ cốt phóng những viên đạn tí hon là điện tử, dương tử, vào những cái đích gồm hàng triệu hàng tỷ nguyên tử của vật chất mà thôi.

Chính những chiếc Cosmotron và Bévatron đã tạo ra, trong những cuộc va chạm kinh khủng của thế giới tế vi ấy, một loại méson K. Loại này có một điều kỳ dị là khi chúng tan vỡ có khi tạo nên 2, có khi lại tạo nên 3 hạt méson PI. Tại sao có sự sai biệt ấy ? Bí mật.

Không biết tính sao, người ta đành gọi những hạt méson K phát sinh được 3 méson PI là « tau » và gọi là « theta » khi nó chỉ phát sinh được có 2.

Theo luật quân đẳng thì hai loại méson « tau » và « theta » chỉ có thể là một, vì chúng đồng khối lượng, đồng điện tích và cùng có một đời sống dài bằng nhau. Như vậy thì tại sao chúng lại có được hai lối tan vỡ khác nhau ?

Nhiều nhà bác học cho rằng: có lẽ tại vì những hạt méson K đối với ta chưa được quen thuộc cho lắm, và lại cũng có khi vì máy móc đo tính nhầm chẵn, nên mới có sự kỳ dị ấy.

Nhưng cũng có kẻ khác kết luận phăng là chỉ vì luật quân đẳng không còn giá trị gì đối với cái thế giới tế vi của méson nữa. Kết luận xuống như vậy không đủ cần phải cất nghĩa và chứng minh bằng những cuộc thí nghiệm nữa.

Hai nhà bác học Yang và Lee đã có can đảm tìm cách cất nghĩa, và hai ông đã hội ý nhau trong mùa hè năm 1956, để vài tháng sau làm nên một bản thuyết trình về vấn đề « Luật quân đẳng có còn vững trong những ảnh hưởng qua lại quá yếu ớt chăng ? ».

Đây là một tài liệu rất quý báu, một sự suy luận cực kỳ tinh tế và kỹ diệu bằng toán học, và tác giả của nó đề nghị xin thử làm một cuộc thí nghiệm để chứng thực rằng trong cái thế giới của những ảnh hưởng qua lại yếu ớt, như thế giới của méson, luật quân đẳng không còn áp dụng được nữa.

Dùng những méson « tau » và « theta » hẳn là không được rồi vì đời sống của chúng ngắn ngủi quá, người ta liền dùng những phân tử beta của nhân chất

cobalt 60 phóng xạ, nó cũng thuộc vào loại « ảnh hưởng qua lại yếu ớt » như méson. Các bạn hẳn lấy làm ngạc nhiên vì tự nhiên xuất hiện phân tử beta, nhưng xin nói ngay rằng: đó chỉ là những điện tử (electron) do nhân các chất phóng xạ bắn ra mà thôi. Chúng có những tốc độ rất sai biệt, có khi chúng bắn đi nhanh không kém ánh sáng: 300.000 cây số mỗi giây.

### Cuộc thí nghiệm lịch-sử.

Thường trong vật chất các nhân nguyên tử nằm không theo một hướng nào, nên các vi phân tử beta do nhân chất phóng xạ phát ra từ phía đều rất đồng-đều.

Nay hai bác học gia Yang và Lee đề nghị tìm cách làm cho các nhân ấy đều hướng về cùng một phía, xem các vi phân tử beta có được phóng ra một cách đồng đều ở hai cực không. Nếu ra đồng đều thì tức là luật quân đẳng vẫn đúng, vì không có một cực nào được ưu đãi hết và thiên nhiên đã không phân biệt được cực bắc với cực nam của nhân. Trái lại, nếu có một cực được ưu đãi, tức là phóng được nhiều điện tử hơn cực kia, thì tức là thiên nhiên đã phân biệt nổi hai cực bắc và nam trong thế giới tế vi và luật quân đẳng không còn đứng nữa vậy.

Một số thí nghiệm viên giàu kinh nghiệm được vời đến, và bà Giáo Sư Chien-Shiung Wu ở Columbia, hiện được coi là đệ nhất nữ khoa học gia của hoàn cầu, sẽ đứng ra điều khiển cuộc thí nghiệm.

Hướng các nhân nguyên tử không phải chuyện dễ, vì phải loại sự rung động do sức nóng gây ra cho nguyên tử, rồi lại phải gây ra một từ trường đủ mạnh để cho các nhân-chính chúng cũng là những miếng nam châm cực kỳ nhỏ bé xoay chiều và hướng theo từ trường ấy, (tức là các cực cùng tên đều sẽ quay về cùng một hướng).

Người ta đã chuẩn bị, thử thách trong 6 tháng trường để đi đến kết quả là dùng những giòng heli-um lỏng làm nguội chất cobalt xuống tới 273,1 độ centigrade, tức là gần đến độ lạnh tuyệt đối của sự vật. Một từ trường rất mạnh đã bắt nhân cobalt phải phải xếp hàng trong 15 phút đồng hồ. Trong 15 phút ấy, các máy đếm Geiger đã ghi được một sự kỳ lạ, đúng như ước định của Yang và Lee: một đầu nhận được nhiều điện tử, và một đầu ít hơn. Thế là sự quân đẳng trong vũ trụ đã mất, và luật quân đẳng đã không còn đứng với cái thế giới tế vi này nữa!



## Thử bằng méson

Kết quả trên kia chưa đủ làm cho các nhà bác học hài lòng, vì còn chưa dùng hẳn những vi phân tử méson để thí nghiệm.

Chỉ vài tuần lễ, sau khi cuộc thí nghiệm của nữ giáo sư Wu thánh trụ, bác sĩ Lederman đã lại làm một cuộc thí nghiệm khác với chính các méson MU.

Chiếc cyclotron 385 triệu điện-tử-vôn của đại học đường Columbia đã tạo ra những hạt méson PI. Như ta đã biết, những méson PI này liền tan vỡ để biến thành méson MU. Đến lượt các méson MU này tự máy cyclotron phóng ra gặp một miếng các bon xung quanh quần giấy điện, liền lại tan vỡ để tạo ra một điện tử và hai « neutrino ». Theo luật quán đặng thì những hạt điện tử do nó phóng ra như vậy phải nhiều bằng nhau ở hai cực của méson (vì hạt méson vừa phóng đi vừa xoay tròn trên một trục, chẳng khác viên đạn súng trận). Nhưng sự thực đã khác hẳn: một đầu nhiều điện tử gấp đôi đầu kia.

Đến khi bác sĩ Lederman phóng một luồng điện vào quần giấy quần quanh các-bon thì từ trường của giòng điện bắt các hạt Méson phải quay ngược đầu lại khi nhập vào miếng các bon. Các chiếc máy của bác sĩ Lederman cũng liền nhận thấy một sự thay đổi tương tự trong sự phân phối điện tử: đầu có nhiều nay thành ít, và đầu ít bỗng trở nên nhiều.

Thế là đã rõ rệt. Những vi phân tử méson không còn có thể coi giống như viên đạn tròn không phân biệt đầu đuôi mà trái lại ta phải coi chúng như những viên đạn súng trận, với hai đầu có những tác dụng khác nhau.

Nói một cách khác: trong thế giới tế vi luật quán đặng đã không còn đúng nữa. và ít ra ở đây: Thiên-nhiên đã có hướng ưu-đãi, đã phân-biệt được hai cực của vi-phân tử, tức là đã phân-biệt nổi bàn tay phải với bàn tay trái vậy.

## ĐỌC TẬP THƠ « TỪ-THỨC » CỦA ĐOÀN-THIỆM (1)

TÂN-VIỆT-ĐIỀU

Sắp bước vào Xuân Kỷ-Hợi thì chợt nhớ đến bài thơ « Xuân dạ yên đào lý viên » hay là « yên tịch đêm xuân trong vườn đào lý » của Lý-Thái-Bạch:

Phù thiên địa giả, vạn vật chi nghịch lộ,  
Quang âm giả, bách đại chi quá khách:  
Nhĩ phù sinh nhược mộng,  
Vi hoan kỳ hà!

(Trời đất là quán nghỉ ngơi cho muôn vật,  
Ngày đêm là hành khách cho muôn đời,  
Hỡi ai đi! có mấy chốc vui cười?  
Đời sống chỉ là giấc chiêm-bao phẳng-phát!)

— Bản dịch của Liên-hồ nữ-sĩ —

Bài thơ trên kia bao-hàm cả một hệ-thống triết-lý về Vũ-trụ-quan và Nhân-sinh-quan. Theo Lý-Bạch thì cuộc đời chẳng qua là một giấc mộng, cho nên vị thi-bá-sử một của Trung-quốc cũng có nhân nhủ thêm rằng:

Xử thế nhược đại mộng:  
Hà vi lao kỳ sinh?

(Cuộc đời giấc mộng lớn:  
Lao khổ để làm gì?)

Quan-niệm của Lý-thái-Bạch về Nhân-sinh sang bên Việt-Nam ta đã có người diễn-tả rất tài-tình: người ấy là Nguyễn-Công-Trứ:

Ôi nhân-sinh là thế ấy,  
Như bóng đèn, như mây nổi,  
Như gió thổi, như chiêm bao!

(1) Lý-ưng bài phê-bình này in vào phần « Văn-Hóa Việt-Nam », song vi-lý do kỹ-thuật, nên phải in vào phần « Văn-Hóa Thế-Giới ».

Trong khi mãi suy-nghĩ về những quan-niệm nhân-sinh của các bậc thi-nhân hiền-triết siêu-quán của Á-Châu, thì một dịp may mắn đã mang đến cho chúng tôi tập thơ trường thiên về « Từ Thức » hay là « Kẻ tìm đường » của thi-sĩ Đoàn Thêm. Thật là một sự kỳ-phùng đã giúp cho tôi hiểu thêm về quan-niệm nhân-sinh sau khi đọc hết tập thơ của thi-sĩ họ Đoàn. Từ-Thức ngày xưa đã phải hai lần ra đi khỏi xã-hội loài người là vì thiếu tri-âm tri-kỹ. Nhưng ngày nay thì Từ-Thức đã trở về với, chúng ta, có lẽ vì Từ-quán đã tìm ra tri-âm tri-kỹ ? người ấy không ai xa lạ hơn thi-sĩ Đoàn Thêm. Và như thế từ nay Từ-Thức sẽ khỏi phải thác-mắc lo âu về nỗi :

Mọc sâu tiên lộ vô tri-kỹ :

Thiên hạ hà nhân bất thức quân !

Cao-Thích (Biệt đồng đại)

(Chớ lo đường trước không tri-kỹ :

Thiên hạ hiểu anh chẳng thiếu người !)

Nói đến Từ-Thức, chẳng mấy ai không nghĩ tới truyện của Cụ Nguyễn-Dữ đã thuật lại trong Truyền-Kỳ Mạn-Lục. Song truyện này chẳng phải là một truyện cổ tích để giải trí, còn có tánh cách hấp dẫn và làm thành đề-tài cho nhiều tác-phẩm khác.

Trước khi nói đến tập thơ của Đoàn-Thêm, thiết nghĩ nên nhắc lại câu chuyện Từ-Thức dưới ngời bút thủy hoạt của Cụ Nguyễn-Dữ, một văn-gia nổi tiếng dưới thời Văn-Lê Sơ-Mạc (cuối thế kỷ XV, — đầu thế kỷ XVI).

• Từ-Thức, quê ở Hồn-Châu (Thanh-Hóa), đỗ Âm-Sinh, đời Thuận-Tông nhà Trần, được bổ làm Tri-huyện Tiên-Du ở Bắc-Ninh. Gần huyện có ngôi chùa lớn, có một cây mầu đơn hoa nở về mùa Xuân, khách bốn phương đến xem hoa đồng lắm, nên gọi là hội xem hoa.

Tháng 2 năm Bính-Tí (1396) hôm mở hội, có một thiếu nữ trạc độ 15, 16 xuân xanh, nhan sắc tuyệt mỹ, tới chùa xem hoa, vô ý đánh gãy một cành mầu đơn. Từ-Thức đi qua trông thấy, vội áo cầm-bao chuộc tội cho nên được tha.

Vốn tính thích uống rượu, ngâm thơ, nên xao lãng công việc, thường bị khiển-trách. Từ-Thức côi áo từ quan, làm nhà ở huyện Tống-Sơn, du lãm những nơi có khe, động trong huyện. Mỗi khi du ngoạn, có một tiểu đồng theo hầu. Nơi nào thích ý thì ngồi chơi, gảy đàn, làm thơ ngâm vịnh.

Một hôm dậy sớm, trông ra cửa Thần-phủ cách đó vài chục dặm, thấy phong cảnh hữu-tình, bơi thuyền tới nơi, thấy có núi cao, đẹp, bèn đề thơ :

Đầu cảnh thấp thoáng bóng kim ô.

Hea động vui mừng đón khách vô.

Cạnh suối nào là người hái thuốc.

Quanh nguồn chỉ có gã bơi đò.

Xênh xang ghé mát cần ba khúc.

Đùng đùng thuyền câu rượu một vô.

Uơm hỏi Võ-Lăng chàng đánh cá.

Làng Đào đầu đó cách chùng mô ?

Đề xong, nhìn ngắm phong cảnh, thấy trong vườn núi có một cái hang, liền bước vào, đi được vài bước, cửa hang bỗng nhiên đóng sập lại, thì ra Từ-Thức đã lạc vào động tiên. Nơi đây, Từ-Thức đã gặp người con gái xem hoa đã đánh gãy cành mầu đơn độ nọ, đó là nàng Giáng-Hương. Từ-Thức kết duyên với Giáng-Hương, ở lại đây được 1 năm rồi trở về nhà, mới nghĩ ý với Giáng-Hương xin về trần thăm họ hàng xong sẽ lại lên.

Khi trở về cõi-hương. Từ-Thức xưng tên họ mình, hỏi thăm các cụ già, thì có một người nói : « Cụ tổ 3 đời nhà tôi cũng tên ấy, sa vào hang núi đã hơn 60 năm rồi, nay là năm thứ 5 niên hiệu Diên-Ninh (1458) ».

Từ-Thức buồn rầu, muốn trở lại động tiên, song mở thư của Giáng-Hương đã trao khi ly biệt ra xem, thì có câu : « Trong máy kết bạn loan-hoàng, duyên xưa đã hết, trên bề tìm người tiên tử, hội khác khôn cầu ».

Về sau, Từ-Thức mặc áo khinh cừ, đội cái nón nhỏ, về núi Hoàng-Sơn, huyện Nông Cống (Thanh-Hóa), không biết là lên tiên hay là đi đâu mất.

Trên kia là sơ lược câu chuyện Từ-Thức theo Truyền-kỳ Mạn-Lục của Cụ Nguyễn-Dữ. Còn theo thi-sĩ Đoàn-Thêm, người của thế kỷ XX đã nói chí Nguyễn-Dữ và đã có lần nói gót Từ-thức nếu không phải trong thực-tế thì ít nhất cũng trong lý-tưởng, truyện Từ-Thức có đôi phần khác biệt và có lẽ gần chúng ta hơn.

Theo thi-sĩ Đoàn-Thêm thì Từ-Thức sinh-trưởng trong một gia-đình trung-lưu, phụ-thân là người ốm mộng vinh-hoa phú-quý, nhưng không được toại-nguyện nên rất mong ước cho con hiền đạt : một sự thường thấy ở xứ ta.

Từ-Thức thông-minh, song tính-tình phóng-khoảng thích tiêu-diêu, chán công-danh.

*Dòng thi lễ chí giang-hồ,*

*Lánh đường khoa bảng, ghét trò cán đai,*

Nhưng sau vì hoàn-cảnh, đành phải ứng-thí và xuất-chính. Tính văn ưa ngao-du, nhân này hội văn cảnh chùa, gặp cô gái đánh gậy hoa bị bắt vạ; Thức cỡi áo cừu ra chuộc giúp.

Đương thời Trần-mạt, việc nước nhiều-nhưng, quan trên tham-những, Thức gặp sự bất-công, và lại bình-sinh không ưa hoạn-lộ, nên viện cớ thụ-tang thân-mẫu mà treo ấn từ quan, để theo gót Đào-Tiềm mà qui-hồi cố-lý.

Nhưng họ hàng lạnh-nhạt, cha mẹ lại mất rồi, vợ con không có. Thức chán nản bỏ ra Đông-đô tìm đời sống yên vui; nhưng lại gặp sự trái ý, bỏ về núi, nương nấu giữa xóm làng sơn-cước, hy-vọng rằng người rừng xanh núi đỏ thì hồn-nhiên thành thích, nhưng được ít lâu lại thấy cảnh buồn và bỏ đi hái thuốc, mưu việc trường-sinh.

« *Hương-thôn, thành-thị, lâm-tuyền,*  
*Sống đâu cũng chẳng phi nguyên Trang-sinh.* »

Đi lang-thang hết thâm-son, cùng-cốc, rồi một hôm chèo thuyền ngấm bề, gặp bão, dạt vào đảo vắng: « Bồng-Lai Ở đó Thức gặp Tây-Vương-Mẫu, và người con gái đánh gậy hoa ngày trước, tên gọi Giáng-Hương. Thức được kết duyên với Giáng-Hương, và sống cuộc đời thanh-tiên cực-lạc.

Hai người yêu nhau, song tính tình không hợp, hay có chuyện bất-hòa. Thức quen biết các tiên khác, những vị trước kia là người, nhưng đã thành tiên, thì thấy họ vẫn chưa dứt lòng trần.

« *Lên tiên vẫn thấy tiên còn tục* »

Rồi Thức gặp cảnh chiến-tranh, thấy phép lạ chỉ đề tàn phá, Nhân lực chán nản, gặp Hồ-Công cho và<sup>o</sup> xem bầu Hồ-Thiên, Thức nhận thấy cuộc tiến-hóa của nhân-loại từ thừa khai thiên lập địa, và thấy được ý-nghĩa nhân-sinh, cũng như sự cần-thiết giúp đỡ nhân-loại.

Nên mặc dầu đau khổ, Thức quyết bỏ cõi tiên mà về trần.

Về tới nơi thì nhà Hồ đã mất, quan Minh đã bị đánh đuổi, nhà Lê đã sáng nghiệp. Thức tuy buồn vì nhớ tiếc Giáng-Hương, cũng cố hòa mình vào công cuộc xây dựng đất nước và giúp đỡ đồng-bào để theo đà tiến-hóa mà Thức đã nhận thấy ở Bồng-Lai. Rút cuộc, và sau bao phen bỏ quê hương lang thang tìm kiếm, Thức lại về chốn cũ: chân-lý ở đó, lạc-hòa ở đó:

*Đông-Hải buông chèo quế,*

*Hoàng giang đợi bóng nga.*

*Muôn năm vui cảnh cũ,*

*Trương tại với sơn hà.*

Tóm lại, Từ-Thức theo bạn Đoàn-Thêm là ai?

Là một người trong giới trí-thức Việt-Nam, chịu ảnh-hưởng của ba tư-tưởng đã được song song phát-triển trên đất nước này, qua bao triều-dại, hoặc đúng hơn là đã hỗn-hợp để hun-đúc thành một tâm-hồn đặc-biệt: Lão-Giáo, Phật-giáo, Nho-giáo. Mỗi ảnh-hưởng đó, tùy theo thời-gian hay niên-tuế của cá-nhân mà thay đổi, lấn áp lẫn nhau. Lúc trẻ tuổi, ít chịu kỷ-cương, muốn được tự-do phóng-khoảng: ảnh-hưởng Lão-Trang; lúc nghĩ tới khổ não trăm luân, ngã về sự siêu-thoát của Phật; lúc đứng tuổi, hoặc trong những trường-hợp xúc-động đặc-biệt, lại thấy tam-cương ngũ thường là cần thiết; khi bị thất vọng vì thế-sự, lại có ý thoai ăn trở về với thiên-nhiên, nghĩa là lại hướng về Lão-Trang; nhưng rút cuộc, Nho-giáo vẫn thắng, để lôi cuốn trở lại với gia-đình, tổ quốc, nhân-loại, song chỉ thắng với trợ-lực của tư-tưởng tiến hóa phương Tây.

Từ-Thức, lúc thiếu thời, cũng là hạng lãng-mạn, nghềnh-ngang, cưỡng ai mọi hình thức cương-tòa của gia, hương, xã-hội; nhưng cũng biết phục thiện, và vẫn thương yêu cha mẹ. Cha buồn mà mất, mẹ già phải báo hiếu, nên buộc mình đi thi, làm quan; và cũng liêm-chính thanh cần; nhưng gặp sự ngang-trái, sĩ-khí bùng-bùng, trả lại ấn-kiêm để về vườn cũ. Rồi sự giàu sang phú-quí nơi phần-hoa cũng không quyến-rũ nổi để trở về hoạn-lộ; tin tưởng ở một đời sống cao-thanh chỉ có ở trên tiên. Thức đã cố công tìm kiếm: khi được thấy rồi, lại thấy không hợp với thiện-bản của con người, với cương-thường của hạ-giới, nên lại bỏ về mà sống đời thanh-khiết nhưng hữu-ích.

Từ-Thức là một kẻ đi tìm chân-lý. Chân-lý đó không thấy ở quanh mình, không thấy trong kinh sử, nên ôm bụng hoài nghi với bao nhiêu thắc mắc trong hiu quạnh :

« Đi tìm sinh-thú một mình,  
« Ngàn trùng chỉ thấy lộ-trình vắng tanh ».

Thức ra đi, mỗi tình mỗi cảnh là một dịp cho Thức suy nghĩ để tìm ý nghĩa sự sống, mãi tới khi vào bầu hồ-thiên, mới trông thấy rõ cứu-cánh nhân-sinh, tiến-hóa từ vật-chất đến tinh-thần, vượt mọi trở lực và qua bao đau khổ, để đi tới toàn-thiện, toàn-mỹ.

Tóm lại, từ một truyện hoang-dường thần-thoại, bạn Đoàn-Thêm đã đi tới một ý-niệm mới mẻ về cuộc đời, nhất là về vai trò của người trí-thức trong quốc-gia và nhân-loại.

Hóa-công sinh bậc đại-thành,  
Biết tròn nghĩa cả, biết dành phận chung.  
Thủ thường mới đạt cùng thông,  
Yên ngôi chánh-vị, thuận giọng nhân-sinh.  
Trang dã-sử, khúc tâm-tình,  
Nhìn đường trăm ngã, liệu mình về đâu ?

Trang dã-sử và khúc tâm-tình đó, tác-giả với một nghệ-thuật điêu luyện đã diễn-tả trong hơn 2000 câu thơ đủ các thể, từ lục bát, ngũ ngôn, qua song thất lục bát, tới các điệu thơ mới, v.v... Chắc rằng chẳng bao lâu nữa, tác-phẩm đó sẽ được ra đời để góp phần vào công-cuộc xây dựng văn-hóa.

### CÂU ĐỐI XUÂN TỨC CẢNH.

Ông Từ-Long-Lê-Đại, một nhà chí-sĩ cách mệnh, gặp lúc xuân về, các báo Tết đua nhau xuất-bản, có tức cảnh làm câu đối như sau :

Xuân đời nay cũng như xuân đời xưa, vẫn trời vẫn đất,  
vẫn cây cỏ núi sông, cảnh vật đổi dời, vui tẻ đều do lòng cảm-tưởng ;

Báo năm nay hẳn khác báo năm ngoài, nào Á nào Âu, nào Mỹ, Nga, Anh, Pháp, cuộc đời biến-chuyển, được thua còn ở mắt bàng-quan.

H.V. sưu tầm

### BÔNG XUÂN QUẢ

TAM-CHI

— Xuân xưa đất mát trời thơm nhẹ,  
Mưa ngọt trắng trong gió dịu hiền.  
Mỗi ngát yêu-đương lòng mở hé,  
Đời tươi-sáng quá, cảnh thần-tiên.

— Giờ đây gió thổi lạc ngàn mây,  
Vàng vổ xuân sang điểm nét gầy.  
Hoa hết hồng tươi, trắng bên-lên,  
Đời cười chanh ớt, nổi riêng tây.

— Mây chi đứng lặng trời xuân thâm,  
Trắng loạn chờ mong gió phụ-phàng.  
Tình-nghĩa đem cân đồng bạc trắng,  
Ái-ân mai-mĩa chuyện son vàng !

— Cay đắng cộng thêm với bất-bình,  
Tâm tư gói kín nụ cười khinh.  
Đèn chong không sáng hồn cô-mộng,  
Chợt tỉnh thôi rồi nhạt tuổi xanh !

— Nhạt nẻo đường hoa, nhạt tuổi xanh,  
Ước mơ cho lắm khổ thân mình.  
Thương : phai nôi thắm, sầu : hoen mắt,  
Ngày mới xuân về, lạc lối oanh.

— Không ngủ thời ngồi đếm khắc canh,  
Và nhìn bóng lá động rơng-rinh.  
Còn hơn nằm đợi ngạn phương gió,  
Tuồng gió sương « yêu » chỉ một mình !

— Xuân về bờ-ngõ ý xuân xanh,  
Gối lạnh chân đơn man-mác tình.  
« Con bướm nhà ai về bờ-ngõ,  
Tìm xuân lạc lối, cánh bay nhạnh ».

## PHÁT-TRIỂN VÀ CẢI-THIỆN GIÁO-DỤC HỌC-ĐƯỜNG

Tác-giả PEDRO T. ORATA  
Dịch-giả: THIÊN-PHƯỚC

Trên thế-giới hiện nay có 860 triệu trẻ-con và thiếu-niên đến tuổi đi học (từ 5 đến 19 tuổi), Cứ mỗi 100 thiếu-niên thì có 30 người theo đuổi bậc tiểu-học, 7 người bậc trung-học hoặc đại-học, còn 63 người kia không hề biết nhà-trường là gì. Cứ mỗi 100 học-sinh hoặc sinh-viên thì có 79 trẻ bậc tiểu-học, và chúng sẽ không theo đuổi xa hơn nữa, 18 học-sinh trung-học và chỉ có ba sinh-viên đại-học thôi. Chúng ta còn biết có một số lớn giáo-viên học-lực chỉ xấp-xì học-trò của họ, và rất nhiều phụ-huynh học-sinh quá nghèo-khổ nên không có thể cho con cái họ những phương-tiện cần lợi dụng những điều chúng đã thu-thập ở nhà trường; lắm khi vì họ quá dốt-nát nên không hề nghĩ đến việc đó: người ta hoài công dạy con trẻ đánh răng mỗi ngày, nếu ở nhà chúng không có bàn chải chà răng...

Hiện còn nhiều trường học đang thiếu dụng cụ và cả lớp học cần-thiết nữa. Biết bao nhiêu giáo-viên, nhất là ở những vùng thôn-quê, phải đứng dạy những lớp gồm đủ hạng học-sinh từ sáu đến mười bốn tuổi. Chương-trình lại quá nặng, học-sinh rời khỏi ghế nhà trường, chúng quên những điều đã thu-thập, rồi không bao lâu thì thành mù chữ trở lại.

### Phương-tiện hoạt-động

Nhu-cầu trọng-yếu trong phạm-vi giáo-dục là gì? Có hai vấn-đề chính là: phát-triển các phương-tiện giáo-dục và cải-thiện chương-trình. Điều thứ nhất giải-quyết vấn-đề đầu-nhân đa-số học-sinh và giữ chúng ở lại nhà trường cho đến khi chúng có một trình-độ giáo-lục vững chắc. Điều thứ hai có khuynh hướng nâng cao mực sống của thanh-thiếu-niên bằng cách kết hợp học-đang với gia-đình và cộng-đồng. Nói cách khác, một đàng là phải có tiền để cat trường và trang-bị lớp học, trả lương cho giáo-viên và mua sắm dụng cụ và một

(1) Tài-liệu do Trung-Tâm Thông-Tin của Lộ Các-đức UNESCO cấp - Article fourni par le Centre d'Informacion de l'Organisation de l'éducation (UNESCO).

đàng là phải thực-hành sáng-kiến cần-thiết để biến đổi nhà trường thành nơi thụ-hút học-sinh và cha mẹ của chúng. Thực ra, đó là hai vấn-đề liên-thuộc: phương-tiện tài-chính có dồi-dào thì mới phát-triển và cải-thiện giáo-dục được, và giáo-dục có kiến-hiệu thì mới tăng-gia nhu-cầu và tài-sản của dân-chúng được.

Mặc dù người ta cho là vô lý, nhưng sự thực, ở những vùng tài-nguyên phong phú, khí-hậu thuận-tiện cho việc sản-xuất thực-phẩm và nâng cao mực sống thì phương-tiện giáo-dục thường hay thiếu sót, trái lại ở những vùng nghèo khổ, khí-hậu ác-nghiệt, đất-dai khô-khan, nói tóm lại, ở những vùng mà dân-chúng phải chiến-đấu với thiên-nhiên để dành lấy miếng ăn thì đời sống tân-tiến lại phát-triển mạnh-mẽ. Điều đó chứng tỏ rằng muốn cho dân chúng khai-thác tài-nguyên của họ thường bị bỏ hoang và tiến đến một mực sống cao hơn, cần nhất là họ phải biết những nhu-cầu của họ và có một nền giáo-dục học-đường và chuyên-nghiệp vững chắc.

### Phần đóng góp của Unesco

Từ khi mới thành-lập, Unesco đã hiểu rõ các vấn-đề giáo-dục trên thế-giới, nên Unesco thảo ra nhiều phương-tiện giúp đỡ các dân-tộc, nhất là ở những vùng kém mở-mang, để họ lưu tâm đến những nhu-cầu của họ trong phạm-vi giáo-dục, tìm cách cung-ứng những nhu-cầu đó và coi nhà trường như là một yếu-tố chính trong đời sống của mỗi người trên thế-giới tân-tiến ngày nay.

Trước hết, Unesco đã cố-gắng đề cao các sự trao-đổi tin-tức về mọi vấn-đề giáo-dục hầu giúp các nước chậm tiến lợi dụng được những kinh-nghiệm của các nước khác đã tiến-bộ trên phương-diện này. Với mục-đích đó, Unesco đã tổ-chức các cuộc trao-đổi ấn-phẩm, các buổi diễn-thuyết và hội-đàm, đặc-phái chuyên-viên đến những vùng kém mở-mang; Unesco đã chú-trọng tổ-chức nhiều khóa tập-sự ở ngoại-quốc cho các thanh-niên theo học những môn cần-thiết mà trong nước họ không có dạy.

Không thể nào kể hết tất cả các công - tác đã thực-hiện được trong vòng mười năm nay. Tuy nhiên, ở đây chúng ta cũng nên dẫn-chứng cái hoạt-động nâng-đỡ sự giáo-dục miễn-phí và cưỡng-bách nhằm các mục-đích sau này:

— Nói rộng thời-gian học-tập cưỡng-bách hầu cho mỗi người có một căn-bản giáo-dục đầy-dủ hơn;

— Giúp mọi người, không phân-biệt hoàn-cảnh xã-hội và kinh-tế, càng có nhiều phương-thế học-hội như nhau;

— Cải-thiện các chương-trình học-tập và các phương-pháp giáo-dục; và sau hết, góp phần giải-quyết nạn thiếu thầy và hoàn-bị việc huấn-luyện họ.

Chiến-dịch đó được tung ra nhờ ở cuộc tổ-chức hội-ngại các nhà mô-phạm trong những vùng mà vấn-đề giáo-dục được coi là khẩn-cấp, thiết-lập tại Bombay cho các nước thuộc vùng Thái-bình-dương và miền Nam Á-Châu, tại Le Caire cho các quốc-gia Á-Rập và tại Lima cho Nam-Mỹ.

Các tin-tức và kinh-nghiệm trao-đổi trong mấy kỳ hội đó đã đưa ra ánh-sáng, một cách đột ngột, các nhu-cầu về nhà-trường, trang-cụ, sách-học, và chương-trình cải-tiến giáo-viên về phẩm-cũng như về lượng. Unesco đã cố gắng giải-quyết mấy nhu-cầu kể trên bằng cách gọi chuyên-viên đến các nước có đề-đơn thỉnh-nguyện và ưng-thuận trả phần nửa tôn-phí về mấy công-tác ấy. Tính đến ngày 30.4.1958, đã có 230 chuyên-viên của Unesco hoạt-động tại 48 nước và 26 chuyên-viên đã hoàn-thành sứ-mạng trong năm. Ngoài ra, 186 học-bổng được ghi vào chương-ngân-sách hiện-tại về giáo-dục của Tổ-chức Unesco.

Trong năm 1956, Unesco có thiết-lập một Ủy-Ban Tư-Vấn Quốc-Tế về chương-trình học-đường gồm mười chuyên-viên thuộc mười nước có nền văn-hóa khác hẳn nhau. Ủy-Ban này có nhiệm-vụ khuyến-khích và nâng-đỡ các quốc-gia hội-viên duyệt lại chương-trình học-vấn của mình. Ủy-Ban nhóm họp thường-viên trong khoảng hai tuần-lễ và ấn-hành những báo-cáo về công-kuộc nghiên-cứu so-sánh các hệ-thống giáo-dục hiện-hành ở mỗi nước. Trong địa-hạt này thì có cuộc hội-dâm tại Genève dành cho Âu-châu, tại Karachi dành cho miền Đông và Nam Á-châu và tại Lima dành cho Nam-Mỹ. Cuộc hội-đàm gần đây hơn hết đã được tổ-chức tại Sèvres và đã là cơ-hội cho các nhà mô-phạm người Âu cùng nghiên-cứu với nhau các vấn-đề giáo-huấn trung-học.

Người ta không những chuyên-chú cải-thiện các chương-trình học-tập tổng-quát mà còn đặc-biệt đề ý đến vấn-đề các trường sư-phạm. Người ta cố-gắng nhất là huấn-luyện cho giáo-viên tương-lai ở hương-thôn có đủ khả-năng điều-khiển những hoạt-động xã-hội giữa các tráng-niên và liên-kết các công-việc nhà trường với mọi vấn-đề của cộng-đồng. Ở đây, chúng ta hãy dẫn-chứng cái dự-án đào-tạo giáo-viên do Chính-Phủ Thái-Lan thực-hiện tại Ubol từ tháng bảy năm 1956 với sự cộng-tác của Unesco. Mấy công-việc ấy đã được một phái-đoàn giáo-chức quốc-tế đảm-nhiệm cùng với nhân-viên của trường sư-phạm địa-phương. Họ điều-khiển 240 sinh-viên (mà gần phân nửa là phụ-nữ thanh-niên) đã học xong Ban trung-học.

Đề tập cho quen với các vấn-đề hương-thôn, các khóa-sinh ở Ubol thường đi đến những trường làng ở vùng lân-cận; họ điều-tra, dự-bị các phương-tiện để giải-quyết các vấn-đề mà họ tìm thấy ở đó và giúp-đỡ các thầy dạy trong phạm-vi vệ-sinh, y-tế công-cộng, sản-xuất thực-phẩm, công-dân giáo-dục, v.v...

Sự phát-triển gần đây hơn hết là việc cải-tổ giáo-dục nhằm mục-dịch giúp-đỡ nhiều quốc-gia duyệt lại toàn-thê hệ-thống huấn-luyện của họ, chớ không phải như từ trước tới nay chỉ sửa-đổi lẻ-tẻ những chương-trình khi thì thuộc bậc tiểu-học, khi thì thuộc bậc trung-học, khi khác lại thuộc chương-trình huấn-luyện giáo-viên. Một cuộc hội-dâm về cải-tiến giáo-dục đã được tổ-chức tại Ấn-độ vào tháng chín năm 1958; các đại-diện của 23 quốc-gia đã đến đó nghiên-cứu cách-thức cải-tổ giáo-dục trong nhiều nước trên thế-giới và rút kinh-nghiệm cần-thiết để lợi-dụng cho xứ-sở mình.

### Dự-án quan-trọng của Nam-Mỹ.

Nhiều kỹ-thuật cũ đã được phát-triển và nhiều kỹ-thuật mới được thảo ra nhờ bởi những dự-án nói trên mà chúng tôi không thể kể hết ra đây. Tất cả các kỹ-thuật đó hiện đang góp công vào chiến-dịch đại-quy-mô thực-hành tại Nam-Mỹ trong khuôn-không dự-án quan-trọng của Unesco với mục-dịch nói-rộng tiểu-học giáo-dục trên lục-địa này.

Đây là nỗ-lực đầu-tiên vĩ-dại về sự đào-tạo sư-phạm để phát-triển nền giáo-dục tiểu-học cho tất cả mọi người trong một thời-gian nhất-định và trong một vùng rõ-rệt. Người ta hy-vọng trong khoảng mười năm, các quốc-gia ở Nam-mỹ sẽ thực-hiện nhiều kế-hoạch đúng phương-pháp để phát-triển giáo-dục sơ-cấp; các chương-trình sẽ được duyệt lại, sự huấn-luyện và tu-nghiệp giáo-chức sẽ được bảo-đảm mỹ-mãn ở khắp nơi và tình-trạng kinh-tế và xã-hội của nhân-viên giáo-giới sẽ được cải-tiến.

Vào năm 1959-60, số trường sư-phạm sẽ tăng lên và các khóa tu-nghiệp sẽ nói rộng phạm-vi để hoàn-tất việc huấn-luyện giáo-viên. Người ta sẽ thiết-lập một ban chuyên-viên để kế-hoạch-hóa và quản-trị giáo-dục. Unesco sẽ góp sức điều-khiển « Trung-Tâm Liên-Mỹ » về giáo-dục hương-thôn vừa mới được cải-tổ gần đây. Người ta sẽ thực-hiện nhiều cuộc sưu-tầm và khám-thành nhiều công-trình then-chốt để giải-quyết vấn-đề đào-tạo giáo-viên, cung-ứng nhu-cầu cho học-sinh và cho cộng-đồng v.v.. Người ta sẽ chú-trọng nâng cao trình-độ của các cán-bộ giáo-dục bằng cách cấp-phát nhiều học-bổng. Các hoạt-động có trả lương nhân danh chương-trình viện-trợ kỹ-

thuật về mặt giáo-dục tiểu-học và các hoạt-dộng trong khuôn-khò dự-án quan-trọng của Nam-Mỹ sẽ được nhập chung một cách mật-thiết. Unesco sẽ giúp các Chính-quyền phối-hợp việc xử-dụng các tài-nguyên đã dành sẵn cho họ, theo cách thuận-tiện để dự-án có thể tiến đến mục-tiêu nhanh-chóng.

### Tiến-bộ và triển-vọng.

Thật khó ước-lượng được đích-xác những kết-quả đã thâu-hoạch trong vòng mấy năm nay, từ khi Unesco thành-lập đến giờ. Tuy nhiên, chúng ta có thể ghi nhận các biến chuyển về mọi mặt của vấn-đề giáo-dục. Và đây là một triệu-chứng trong nhiều triệu-chứng khác : ngân-sách và giáo-dục mỗi năm mỗi tăng, tuy chậm rãi nhưng chắc-chắn. Người ta còn nhận thấy giáo-dục tiến-triển dần-dần đến chỗ tự-trị và phổ biến học-vấn miễn-phi và cưỡng-bách. Trong nhiều xứ, hạn thời-gian học-tập đã được nới rộng rồi. Phần-nửa số quốc-gia hội-viên do tài-liệu minh-chứng, đã thực-hiện việc cải-tổ chương-trình trong những năm sau này và nhiều quốc-gia khác đang chuẩn-bị duyệt lại chương-trình trung-học của họ. Nạn khan thầy dạy bậc tiểu-học đã thoát khỏi thời-kỳ gay-cấn nhất mặc dù tình-trạng thiếu giáo-sư ban trung-học vẫn còn đe-dọa nặng-nề.

### NGÀY TẾT ĐỀ CHUÔNG LỌN

Có một anh đi đạo, có ý nhạo-báng nhà nho, nên định xược chơi. Một hôm gần Tết, anh ta đến xin cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ đối câu đối dán chuông lộn. Cụ mỉm cười và cũng nhận lời, làm cho ngay câu đối như sau :

Trông trông tràng tràng, tràng trông trường;  
Tràng tràng trường trường, trường tràng tràng.

Trường là lớn, tràng là dài. Vốn lộn nuôi chỉ biết ăn no ngủ kỹ, chóng lớn chóng dài, song Cụ Yên-Đồ còn có ngụ-ý mắng anh xin câu đối là đồ ngu như lộn.

### XUÂN-TỬ

Yên thảo như bích ty,  
Tần tang để lục chi.  
Đương quân hoài qui nhật,  
Thị thiệp đoan trường thì.  
Xuân phong bất tương thức,  
Hà sự nhập la vi ?

LÝ-BẠCH

DỊCH-NGHĨA :

### Ý XUÂN

Đất Yên cỏ dẹt tơ xanh,  
Xứ Tần dâu biếc nảy cành sum-sê.  
Đương khi chàng tưởng ngày về,  
Là khi lòng thiệp nã-nễ xót đau.  
Gió xuân vốn chẳng quen nhau,  
Cớ sao lên thẳng vào sau lá màn ?

BỬU-CẦM

(Trích trong tập « Dịch thơ Trung-quốc » sẽ xuất-bản)

### VÔ-ĐỀ

Tương kiến thì nan, biệt diệc nan,  
Đông phong vô lực bách hoa tàn.  
Xuân tâm đảo tử ti phượng tận,  
Lạc cụ thành hồi lệ thủy can  
Hiệu kính dẫn sầu vân mãn cải,  
Giã ngâm ưng giác nguyệt quang hàn.  
Bồng lai thử khứ vô đả lộ,  
Thanh điều ân cận vị thám khan.

LÝ-THƯƠNG-ÂN

DỊCH-NGHĨA

### VÔ-ĐỀ

Khó khi hợp lại, khó tan ra,  
Gió kém xuân tàn mọi thức hóa.  
Tới thác con tìm tơ hết nhả,  
Thành than ngọn sáp lẽ ngưng sa.  
Sớm soi kính nân chòm râu bạc,  
Đến mãi ngâm khuấy bóng nguyệt nhòa.  
Đày tới Bồng-lai bao độ nhỉ ?  
Chim xanh mi hãy thám giùm ta.

TÔ-NAM dịch



## MỘT NĂM VĂN-NGHỆ

TẠI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
(NĂM 1958)

### THÁNG GIÊNG (1)

- 31-1— Hội Ái-Hữu ký-giá Việt-Nam quyết-dịnh đặt giải-thưởng về « Phóng sự điều tra » nhất 20.000đ, nhì 10.000đ.
- 7-1— Giáo-sư Arthur Jr Naftalin chuyên về khoa chính trị của trường đại-học Minysota, diễn-thuyết tại Viện Quốc-gia Hành-Chánh về « Vấn-đề cải tiến phương-pháp quản-trị nhân-viên ».
- 8-1— Khánh-thành phòng triển-lãm họa phẩm đông phương của Họa-sĩ Trung-Hoa Huỳnh-Khuru tại Phòng Thông Tin Đô-thành, đường Tự-Do, Saigon
- Các tham-vụ báo-chí các sứ-quán Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Nhật, Trung-

(1) Tài-liệu này phần lớn rút ở cuốn « Niên-lịch Văn-chương năm Kỷ-Hợi 1959 » do Văn-đoàn Tinh-Việt xuất-bản.

Hoa Quốc-gia nói chuyện về hệ-thống thông-tin ở các nước tân tiến tại trụ sở Việt-Nam Thông-tin-Xã, 116 Hồng-Hập-Tự Saigon.

- 13-1— Công-chúa Thái-Lan Marsi Paribatra diễn-thuyết tại Trung-Tâm Văn-hóa Pháp, số 2 đường Thống-Nhất Saigon về « Cuộc tiếp-xúc giữa Thái-Lan và Tây-phương ».
- 15-1— Hội Ái-Hữu Ký-giá Việt-Nam tổ-chức tại trụ-sở Hội một tiệc trà chào mừng ký-giá Ấn-độ Yver của báo « Hindoustan Times ».
- Những vũ-diệu Hoa-kỳ và vũ-diệu cô-điệu Âu-châu được trình-diễn tại trụ-sở Hội Việt-Mỹ, số 55 đường Mạc-đĩnh-Chi Saigon dưới sự dẫn giảng của ông Rickey Holden chuyên viên dẫn giảng các vũ-diệu tại các đài vô-tuyến truyền-thạ và truyền-hình ở Hoa-kỳ, Gia-nã-Đại và Cuba.
- 16-1— Trường sinh-ngữ Việt-Nam bắt đầu giảng dạy sinh-ngữ Tây-Ban-Nha.
- Giáo-sư Dufeil, thuộc trường Văn-khoa Đại-học Saigon, bắt đầu một loạt những cuộc diễn-thuyết về « Xã-hội và Văn-minh Pháp » tại Trung-tâm Văn-hóa Pháp.
- 17-1— Bà Poirson, giáo-sư thạc-sĩ Trường Cao-Đẳng Sư-Phạm Saigon diễn-thuyết tại giảng đường của trường, số 211, đường Cộng-Hòa về « Thuyết nhân-bản và kỹ-thuật ».
- Khai-mạc phòng triển-lãm tranh ảnh của nữ họa-sĩ Elizabeth H Sheldon tại trụ-sở Pháp-Văn Đông-Minh Hội số 22 Gia-Long Saigon.
- 18-1— Khánh-thành triển-lãm tranh vẽ Đông-phương của nữ họa-sĩ Hà-Tứ-Hoa tại phòng Thông-Tin Đô-Thành số 165 đường Tự-Do.
- Khánh-thành trụ-sở mới của Tổng-Hội Sinh-viên Việt-Nam tại đường Pasteur Saigon.
- 23-1— Hội-đồng Giám-khảo cuộc thi văn-chương toàn quốc 1957 nhóm họp tại trụ-sở Văn-hóa-vụ Bộ Thông-Tin để bắt đầu việc chấm thi các tác phẩm.
- 29-1— Ông Nguyễn-dăng-Thực, giáo-sư Văn-khoa Đại-học, diễn-thuyết tại rạp Thống-nhất về « Văn-đề nghiên-cứu liên-lạc văn-hóa Á-Châu ».

### THÁNG HAI

- 1-2— Khánh-thành triển-lãm họa-phẩm của Họa-sĩ Quách-Phước tại trụ-sở Văn-Hóa-Vụ Bộ Thông-Tin và Thanh-niên số 15 đường Lê-Lợi, Saigon.
- 5-2— Giáo-sư Longchambon, chủ-tịch hội-đồng nghiên-cứu khoa-học Pháp diễn



thuyết tại Trung-Tâm Văn-Học Pháp, số 2 đường Thống-Nhất về «Khoa sinh-vật-học và loài người».

6-2— Kỹ-sư Nguyễn Đước diễn-thuyết tại trụ-sở Hiệp-Hội các kỹ-sư và kỹ-thuật-gia Việt-Nam ở đường Hồng-Bàng Cholon về : « Quan-niệm giáo-dục kỹ-thuật ở Việt-Nam và vai trò của kỹ-sư và kỹ-thuật-gia Việt-Nam ».

— Hội Cờ-học tỉnh Đà-Nẵng chính thức thành-lập và bầu ban trị-lý.

9-2 — Hội nghiên-cứu Đông-Dương nhóm đại hội đồng thường niên tại Viện Bảo-Tàng Việt-Nam bầu ban quản-trị mới.

11-2 — Ông André Getina diễn thuyết tại giảng đường trường Cao-dẳng sư-phạm về : « Khảo cứu về cờ học Trung-hoa ».

11-2 — Danh ca William Warfield tới Saigon.

15-2 — Khánh-thành triển-lãm « Nguyên-tử-năng phụng-sự hòa-bình » tại phòng Thông-Tin Đô-Thành do Bộ Thông-Tin Việt-Nam và Sở Thông-Tin Hoa-Kỳ tổ chức.

— Đoàn ca vũ Nhật « Đông-Bửu » tới Saigon.

16-2 — 25 đại-diện hội các nhà xuất-bản và bình-luận Hoa-kỳ tới Saigon trong cuộc du-lich vòng quanh thế-giới.

### THÁNG BA

5-3 — Khánh thành triển lãm họa phẩm của họa sĩ Jean Toulouse tại Câu-lạc-bộ Thê Thao Saigon.

— Nữ nhạc-sĩ vĩ-cầm Pháp Brigitte de Beauford trình-diễn tại trường Quốc gia Âm-nhạc, Saigon.

— Phái-bộ văn-nghệ Đại-Hàn Dân-quốc tới Saigon.

— Phủ Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa tặng hội nghiên-cứu Liên-lạc Văn-hóa Ấn-Độ 25 cuốn sách về lịch-sử và Văn-hóa Việt-Nam.

6-3 — Ông Thái-văn-Kiểm, Phụ-tá Giám-Đốc Nha Văn-hóa Bộ Quốc-gia Giáo-dục diễn-thuyết tại Trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon về « Ảnh-hưởng Chiêm-Thành trong nền Văn-hóa Việt-Nam ».

15-3 — Khánh-thành triển-lãm họa phẩm của Họa-sĩ Duy-Thanh tại trụ-sở Pháp Văn Đông-Minh Hội 22, Gia-Long Saigon.

— Bà Ruth M. Boynton diễn-thuyết tại trụ-sở Hội Việt-Mỹ 55 đường Mạc-đĩnh-Chi về « Lịch-sử nghệ thuật Hoa-Kỳ thời thuộc địa tới ngày nay ».

20-3 — Ông Clergerie, giáo sư Thạc-sĩ trường Đại-học Văn-khoa Saigon diễn-thuyết tại Trung-Tâm Văn Hóa Pháp về : « Khoa-học và ý tưởng thiên-nhiên của nhân-loại ».

— Ông Lê-Thành-Minh-Châu, cử nhân văn chương Anh-ngữ Đại-học đường Cambridge diễn thuyết tại giảng đường Viện-Đại-Học Huế về « Những công cuộc cải thiện xã-hội ở Anh-quốc ».

26-3 — Học-sinh trường Marie Curie trình diễn các vũ-diệu cô-diễn ở rạp Thanh Bình.

27-3 — Ông Clergerie giáo-sư Thạc-sĩ trường Văn-khoa Đại-Học Saigon diễn-thuyết tại Trung-Tâm văn-hóa Pháp về, « Những mối tương-quan giữa các nền văn-minh ».

### THÁNG TƯ

5-4 — Khánh-thành triển-lãm họa-phẩm của Họa-sĩ Nguyễn-văn-Quế tại Phòng Thông-tin Đô-Thành.

6-4 — Các học-sinh trường Trung-học Rousseau, Marie Curie ở Saigon và Yersin Dalat trình diễn ca-nhạc kịch tại Dalat.

— Các nhạc-sĩ Hoa-kiều ở Cholon tổ-chức đêm văn-nghệ ở trụ-sở Hội Thái-Bình-Dương Tự-Do nhân dịp kỷ-niệm năm thứ 47 « ngày âm-nhạc Trung-Quốc ».

7-4 — Bác-sĩ Trần-văn-Bàng, Giám-đốc bệnh-viện Chợ-Quán diễn-thuyết tại rạp Thống-Nhất về vấn-đề « Y-Tế phụng-sự hòa-bình ».

11-4 — Ông Franz Heru, biên-tập-viên của tạp-chí Rheinischen Merkur ở Tây Đức diễn-thuyết tại trường Huấn-Luyện cán bộ Thông-Tin số 26, Trần-nhân-Lớn Saigon về « Vấn-đề Cộng-sản tại Đức ».

12-4 — Đoàn ca-vũ nhạc cổ-điền Việt-Nam của Sở Du-lich Huế trình-diễn lần đầu tiên trước công chúng thủ-đô tại rạp Thống-Nhất.

15-4 — Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục thiết-lập một sở Tu-thư, Dịch-thuật và Ấn-Loạt các loại sách giáo-dục, khoa-học và văn-hóa.

- Ông J. Getchell, tùy viên văn hóa sứ quán Hoa-kỳ tại Saigon thuyết trình tại trụ-sở hội Việt-Mỹ số 55, đường Mạc-dĩnh-Chi Saigon về « nhạc jazz Hoa-kỳ, một giai đoạn chuyển tiếp trong địa hạt âm-nhạc » mở đầu cho tuần-lễ nhạc Jazz của Hoa-kỳ tại Việt-Nam.
- 16-4 — Khánh-thành triển-lãm họa-phẩm của các họa-sĩ Lê-thị-Quang, Tôn-nữ-Thương-Khanh, Đào-sĩ-Chu, Ngọc-Dung, Vi-Ý, Thái-Tuấn và Duy-Thanh tại phòng Thông-Tin Đô-Thành.
- 17-4 — Linh-Mục Crass giáo-sư triết-học trường Đại-Học Saigon diễn-thuyết tại Viện Đại-Học Huế về « Chủ-Nghĩa Nhân-vị qua tác-phẩm Hồn bướm mơ tiên của Khái-Hưng ».
- 20-4 — Đoàn văn-nghệ quốc-tế Vô-trang tinh-thần trình-diễn lần thứ nhất tại rạp Thống-Nhất Saigon vở kịch « nó không ở đó ».
- 21-4 — Ông Michel Marie Dufeil, giáo-sư thực-sĩ trường Đại-Học Văn-khoa Saigon diễn-thuyết tại trụ sở Pháp Văn Đổng Minh Hội, số 22 đường Gia-Long về đề tài « Phải chăng có nạn nhân-mãn trên trái đất không ».
- Đoàn Văn-nghệ Quốc-tế vô-trang tinh-thần trình-diễn lần thứ hai tại rạp Thống-Nhất về « Những tin xác thực ».
- 22-4 — Khánh thành triển-lãm họa-phẩm của các họa-sĩ Đình-Trọng và Huy-Trương tại trụ-sở Pháp Văn Đổng Minh Hội.
- 7-4 — Hội nghiên-cứu Đông-Dương tổ-chức cuộc đi thăm những cổ-tích ở vùng Lái-thiên,
- 30-4 — Ông Lê đình Kế diễn thuyết tại trường Cao đẳng Sư phạm về : « Những kỳ thi cử ngày xưa qua các triều đại ».

### THÁNG NĂM

- 1 — 5 — Ông Nguyễn Khánh Vân, Tổng-Thư-ký lực lượng thợ thuyền ở Việt Nam diễn thuyết tại rạp Thống nhất về « các Nghiệp đoàn ở Việt Nam và tại các nước tiền tiến thế giới. »
- 5-5 — Khánh thành triển lãm họa phẩm của nữ họa sĩ Hồng-Hà Liên tại Phòng Thông Tin Đô Thành.
- Trung Tá Không quân Nguyễn Xuân Vinh diễn thuyết tại căn cứ không quân Tân Sơn Nhất về : « Một vài hàm số tình cảm trong truyện Kiều. »

- 5 — Ông Vương Hồng Sên, quản thủ Thư viện Quốc gia, diễn thuyết tại trường Cao đẳng sư phạm về « Dân ca niêu nôi ».
- 8-5 — Tinh Việt Văn Đoàn mở cuộc tiếp tân tại Hoa Viên trường Trung học Taber để giới thiệu 6 văn phẩm mới xuất bản và công bố thể lệ hai giải thưởng văn chương « Lecomte du Nouy » và « Trương Vĩnh Ký ».
- 12-5 — Khai mạc « chương trình 15 ngày chiếu phim ngắn » tại Trung-tâm Văn-Hóa Pháp do Tòa Đại-Sứ Pháp ở Việt-Nam tổ chức.
- Sứ quán Úc tại Saigon tặng Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa một pho sách mười cuốn về sự tham gia của Úc trong trận đại-chiến thứ hai.
- 13-5 — Ông Trần-chánh-Thành, Bộ-Trưởng Thông-Tin và Thanh Niên diễn-thuyết tại Tòa Đô-chính Saigon về vấn đề « Bao giờ Thống nhất đất nước? »
- 14-5 — Linh-Mục Cras, Giáo-sư trường Văn-khoa Đại-học Saigon diễn thuyết tại trường Cao-đẳng Sư-phạm về « các nhân-vật trong thi-thăm Kim-Vân Kiều của Nguyễn-Du ».
- 16-5 — Ông Bùi-quang-Tung, Hội viên trường Viễn-Đông Bác cổ diễn-thuyết tại trường Quốc-gia Âm-nhạc, về « Tình hình Việt-Nam từ 1858 đến 1884 ».
- 20-5 — Khánh thành triển-lãm Mỹ-thuật Hiện-dại của Phi luật-Tân tại phòng Thông Tin Đô-Thành Saigon.
- 21-5 — Hội phụ-nữ toàn quốc Việt-Nam tổ-chức đêm văn-nghệ tại rạp Thống Nhất.
- 22-5 — Nghiệp-doàn sản-xuất Điện-Ảnh Việt-Nam nhóm họp tại phim trường An-Pha, 232/2 đường Hiền-Vương để tìm phương thức hoạt động.
- 24-5 — Bộ-Quốc-gia Giáo-dục quyết-định mở lớp Giáo-khoa hội-họa tại trường Quốc-gia Cao-đẳng Mỹ-thuật Saigon.
- 28-4 — Khai-mạc Đại-Hội Thông-tin toàn-quốc.
- 29-5 — Ông Nguyễn văn-kiết, Giáo-sư trường Đại-Học Văn-khoa diễn-thuyết tại viện Quốc-gia Âm-nhạc về « Thi-sĩ miền Nam ».
- 31-5 — Đại-Hội Thông-Tin toàn quốc tổ-chức Đêm Văn Nghệ tại rạp Thống Nhất.

### THÁNG SÁU

- 6-6 — Đại-Hội quan thế tổ-chức đêm văn-nghệ tại rạp Thống-Nhất.

12-6 — Khai-mạc triển-lãm tranh Nhi-Đông Việt-Nam tại Phòng Thông-Tin Đê-thành.

15-6 — Đại-Đức Thích-Lan Tiranagama Ratanasara Thera diễn-thuyết tại hội Nghiên-cứu Thần-học Việt-Nam, số 420 Võ-di-Nguy Phú-Nhuận về « tình-hình Phật-Giáo tại các nước Đông-Nam-Á ».

— Mặt trận Bảo vệ tự-do Văn-hóa thành lập và phát-hành bản tuyên ngôn chống lại vụ đàn áp văn-ngệ ở miền Bắc.

16-6 — Đại-Đức Tiranagama Ratanasara Thera chủ-tịch hội nghiên cứu Phật-Giáo ở Tích-Lan diễn-thuyết tại Kỳ-viên-tự đường Phan-đình-Phùng về « Giáo-lý Đạo Phật »

— Ông Thái-văn-kiểm, phó Giám-đốc Nha Văn-hóa Bộ Quốc-gia Giáo-dục diễn-thuyết tại trụ sở Pháp Văn Đồng Minh Hội về « Địa danh và các phong-tục ở Nam-Phần ».

19-6 — Ông phạm-trung-Côn trong hội cổ-học Đà-nẵng diễn-thuyết tại sở Tổng đoàn thanh-niên Cách Mạng Quốc-Gia Đà-Nẵng về « Phong-hóa Việt-Nam qua ca dao và dân ca miền Bắc ».

24-6 — Linh-mục Trần-mục-Địch, giáo-sư tại Trung-tâm huấn-luyện nhân-vị Vĩnh long diễn-thuyết tại rạp Thống Nhất về « Hòa-nhân và nhân-vị ».

— Khánh-thành triển-lãm các tranh sơn dầu của họa-sĩ Phạm-huy-Tương ở Phòng Thông-tin Đê-thành.

26-6 — Hội phụ-nữ Quốc-tế tổ-chức tại rạp Thống-Nhất đêm văn nghệ và trình-bày y-phục Việt-Nam, Ấn-Độ, Trung-Hoa.

30-6 — Tinh Phan-Rang (Ninh-thuận) tổ-chức tuần lễ Văn-hóa (từ 30-6 đến 5-7-58) với nhiều cuộc diễn-thuyết về tinh-thần và xã-hội Việt-Nam.

### THÁNG BẢY

1-7 — Ban Văn-hóa Sứ Quán Hoa-kỳ tại Saigon tổ-chức một cuộc hội-lập văn-ngệ để giới-thiệu cuốn phim « Viễn-du trong cổ-nhạc Việt-Nam » của Jerry Lewis.

5-7 — Khánh-thành triển-lãm ảnh mỹ-thuật và trao giải thưởng danh lam thắng cảnh Việt-Nam tại Phòng Thông-Tin Đê-Thành.

11-7 — Ông Trương-bửu-Lập, Giám-đốc Viện khâm cổ diễn-thuyết tại Trường

Quốc-Gia Âm-Nhạc, đường Nguyễn-Du về : « Sứ và Người ».

14-7 — Pháp-sư Diên-Bồi diễn-thuyết tại giảng-dường Viện Đại-học Huế, số 3 đường Lê-Lợi về « Chân-lý của Phật-Giáo ».

15-7 — Bác-sỹ Phan-huy-Quát diễn-thuyết tại rạp Thống-Nhất về các vấn-đề liên-quan đến nền Giáo-dục Quốc-gia.

— Khánh-thành triển-lãm tranh sơn mài của họa-sĩ Nguyễn-Thành-Lê ở Saigon.

17-7 — Ông Huỳnh-hữu-Nghĩa, Bộ-Trưởng Bộ Lao-Động diễn-thuyết tại phòng Khánh-tiết tòa Đê-Chính về : « Vì sao chúng ta phải trở về với đạo-lý ».

20-7 — Các ký-giả báo Hoa-ngữ ở Chợ-lớn nhóm họp tại trụ-sở Tổng Liên-đoàn Lao-công Việt-Nam ở 14 Lê-văn-Duyệt để thành lập nghiệp-đoàn.

— Ông Nguyễn-dăng-Thục, giáo-sư Văn-khoa Đại-học Saigon diễn-thuyết tại trường Quốc-gia Âm nhạc, về « Thái-độ trí-thức trước vụ án Văn-học miền Bắc ».

22-7 — Khai-mạc hội-nghì Giáo-dục toàn quốc tại trường Quốc-gia Âm-nhạc để cải-tổ chương-trình.

24-7 — Lễ trao 18.000 cuốn sách của Thanh-Thương-Hội Pháp tặng các học-sinh Việt-Nam cử hành tại hãng Messageries Maritimes Khánh-Hội.

25-7 — Khánh-thành triển-lãm họa-phẩm của họa-sĩ Trần-đình-Thụy tại trụ-sở Pháp-Văn Đồng Minh Hội 22, Gia-Long Saigon.

27-7 — Pháp-sư Diên-Bồi diễn-thuyết tại trụ-sở Hội Nghiên-cứu Liên-lạc Văn hóa Á-châu về « Phật-giáo và Văn-hóa Á-châu ».

### THÁNG TÁM

8-8 — Linh-mục Bửu-Dương diễn-thuyết tại Trung-tâm Huấn-luyện Nhân-vị ở Vĩnh-Long về « Nhân-phẩm và giá-trị của Phụ-nữ, Nhân-vị đối với Xã hội, gia-đình và Tê-đốc ».

9-8 — Đại-Đức Thích-Huyền-Vi trong hội tăng-già Kam Phán diễn-thuyết tại Hội-quán chùa Hòa-Khánh, Gia-định về « Tinh-thần cứu khổ của Đạo Phật ».

- 10-8 — Ông Nguyễn-văn-An, trong mặt trận Bảo-vệ Tự-do Văn-hóa diễn thuyết tại trường Quốc gia Âm-nhạc Saigon về 'nguyên nhân cuộc nổi dậy đấu tranh của giới trí-thức miền Bắc'.
- 13-8 — Bộ Giáo-Dục ra Nghị định mở kỳ thi lấy bằng năng lực cho các giáo-sư Âm-nhạc.
- 14-8 — Khánh-thành thư-viện của trường Đại-Học Đa-lat.
- Ông Phạm-việt-Truyền, chủ-nhiệm nhất-báo « Tự-Do » diễn-thuyết tại rạp Thống-Nhất về 'Vấn-đề nghiên-cứu Liên-Lạc Văn-hóa Á-châu với ý-thức-hệ dân-tộc'.
- 17-7 — Ông Hoàng-Phí, chủ-tịch Ái-Hữu ký-giả Việt-Nam diễn-thuyết tại trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon về « Lịch-trình và phương-pháp đấu-tranh của giới trí-thức miền Bắc ».
- 22-8 — Khánh thành triển lãm tranh ảnh và thắng cảnh và cổ tích Ấn độ tại phòng Thông Tin Đô Thành.
- 24-8 — Nữ ký giả Lam Phương diễn thuyết tại trường Quốc gia Âm nhạc về « Tâm trạng giới trí thức miền Bắc ».
- 27-8 — Linh mục Vũ-đức-Trình diễn thuyết về truyện Kiều tại trụ sở Hội Việt Mỹ đường Mạc đĩnh Chi Saigon.
- 29-8 — Khánh thành triển lãm sơn dầu của họa sĩ Phạm kim Khai tại trụ sở hội Việt-Nam nghiên-cứu Liên-lạc Văn-hóa Á-Châu.
- 29-8 — Khánh thành triển lãm họa phẩm của họa sĩ Nguyễn văn Phương tại trụ sở nhóm Bát-Việt.
- 3-8 — Khánh thành triển lãm lụa phẩm của họa sĩ Nguyễn hữu Bôn tại phòng Thông Tin Đô Thành,

### THÁNG CHÍN

- 1-9 — Khánh thành triển lãm họa phẩm của các Họa sĩ Nguyễn-văn-Nguyên và Nguyễn-văn Ba tại phòng đọc sách của Pháp Văn Đồng Minh Hội đường Gia-Long Saigon.
- 3-9 — Bác sĩ Bùi kiện Tín diễn thuyết tại rạp Thống Nhất về 'Sự cần thiết hợp lý hóa thức ăn uống tại Việt-Nam'.

- 4-9 — Linh-mục Gagnon diễn thuyết tại Dalat về ' Văn-hóa, văn-minh và văn-hiến ».
- 7-9 — Ông Trần-kính-Hóa, sứ giả Trung-Quốc, diễn thuyết tại trụ sở Hội Việt Nam nghiên-cứu liên-lạc văn-hóa Á-châu về « Họ Mạc tại Hà-Tiên với Chúa Nguyễn ».
- 16-9 — Ông David Hitchcock, Giám đốc sở Thông Tin Hoa-Kỳ ở Trung phần diễn thuyết tại Huế về « thân thế và sự nghiệp văn chương của thi hào Robert Frost ».
- 20-9 — Khai mạc triển lãm hội họa Mỹ với đề tài « Những sắc thái chính của nền hội họa Mỹ trong thế kỷ thứ XX » do sở Thông tin Hoa Kỳ ở Việt Nam tổ chức tại Phòng thông tin Đô-thành Saigon.
- 22-9 — Ông Không-đức-Thành, giòng dõi Đức Không phu Tử tới Saigon theo lời mời của Hội Không-Học Việt-Nam.
- 25-9 — Lễ tuyên bố kết quả và trao giải thưởng về cuộc thi văn chương toàn quốc 1957 tại dinh Độc-Lập dưới quyền chủ tọa của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa.
- 26-9 — Linh mục Vũ-đức-Trình diễn thuyết tại trụ sở Hội Việt-Mỹ đường Mạc-đĩnh-Chi Saigon về Kim-Vân-Kiều.
- Ông Không-Đức-Thành diễn thuyết tại tòa Đô chính Saigon về « Học thuyết luân lý và chủ trương chánh trị của Đức Không-Tử ».
- 27-9 — Chính phủ Trung Hoa Dân quốc tặng viện khảo-cổ của Bộ Quốc gia giáo dục Việt-Nam một bộ « Nhị Thập Ngũ Sử ».
- 28-9 — Lễ kỷ-niệm Đức Không Phu Tử cử hành tại Phòng Khánh Tiết tòa Đô Chính Saigon cũng như các tỉnh.
- 29-9 — Khánh thành trụ sở Ủy ban Quốc gia Việt-Nam trong tổ chức Tương trợ Quốc tế Đại học.
- Viện đại học Việt-Nam thành lập ủy ban quốc gia tương trợ đại học quốc tế.

### THÁNG MƯỜI

- 1-10 — Ông Landré, giáo sư Đại học Sorbonne diễn thuyết về vấn đề giảng dạy sinh ngữ tại Trung tâm Văn hóa Pháp.

— Hội Văn-hóa Bình-dân Việt Nam tổ chức và khai giảng 15 lớp bách khoa cho Hoa kiều và người Việt ở Chợ-lớn.

4.10 — Ông Không-Đức-Thành diễn thuyết tại trường văn khoa đại học về « quan niệm của Đức-Không-Tử về vấn đề Giáo-dục ».

10-10 — Cơ-quan hợp-tác cứu-trợ quốc-tế tặng hội cựu chiến sĩ Việt-Nam gần 1.000 cuốn sách thuộc các loại văn-chương khoa-học mỹ-thuật . . .  
— Khánh-thành triển-lãm tranh màu và tranh lụa của Họa-sĩ Đoàn-Giáp tại trụ-sở Pháp-Văn Đổng-Minh-Hội.

13-10 — Linh-mục Raymond de Jeagher diễn-thuyết trước hội phụ nữ Hoa kỳ về những chiến-lược của Cộng-sản.

14-10 — Ban nhạc Hòa Tấu Việt-Nam thành lập và được giới thiệu lần đầu tiên với các giới trí-thức và Văn-ngệ thủ-dô tại trường Quốc-gia Âm-nhạc.

15-10 — Khánh-thành câu-lạc-bộ Văn-ngệ của Nha Chiến-thanh Tâm-lý Bộ Quốc-Phông.

16-10 — Thi sĩ Vũ-hoàng-Chương diễn-thuyết tại trụ-sở nhóm Bút-Việt đường Phan-Đình-Phùng về « Một giải-thoát của thi-nhân ».

19-10 — Hội Nghiên-cứu Đổng-Dương tổ-chức cuộc thăm đền Ấn-Độ Chettiar thờ thần Siva đường Tôn Thất Thiệp Saigon.

— Ông Bàng-Bá-Lân và ông Nguyễn-Cao-Đàm nói chuyện về nhiếp-ảnh tại trụ-sở hội Văn-hóa Bình-Dân số 7, đường Phan-kế-Bính Saigon.

20-10 — Khánh-thành Triển-lãm tiêu Công-nghệ Việt-Nam tại phòng Thông-Tin Đô Thành.

21-10 — Khánh thành Triển lãm tranh sơn dầu của Họa sĩ Nguyễn hữu Bôn tại nha Đại diện Thông Tin Trung nguyên Trung phần.

22-10 — Ban nhạc Hòa tấu Việt Nam trình diễn lần đầu tiên tại rạp Thống Nhất.

23-10 — Khánh thành triển lãm thành tích 4 năm hoạt động của Chánh phủ.

28.11 — Linh mục Trần-thái-Đĩnh diễn thuyết tại trường Đại học văn khoa về « Thuyết vô ngã và quan niệm nhân vị trong Phật giáo nguyên thủy ».

— Giáo sư Trung Hoa Trường Quảng Đức chuyên về khoa triết học của trường đại học Stanford ở California diễn thuyết tại trường Đại học Giáo khoa về « Triết lý của Mạnh-tử ».

29-10 — Hội Việt-Nam Nghiên-cứu và liên-lạc Văn-hóa Á-châu kỷ niệm đệ nhất chu niên ngày thành lập.

Kịch sĩ Pháp Pierre Viala bình thơ của các thi gia Pháp ở Cầu lạc Bộ Thể thao Huế.

30-10 — Kịch sĩ Pháp Pierre Viala bình thơ Pháp từ La Fontaine đến J. Cocteau — tại Trung tâm Văn hóa Pháp Saigon.

31-10 — Khánh thành triển lãm tranh nổi trên lụa của Họa sĩ Trần quang Huy tại phòng Thông Tin Đô Thành.

## THÁNG MƯỜI MỘT

5-11 — Khánh thành triển lãm sách giáo khoa bằng Anh ngữ tại nhà hàng Continental Saigon do ông D.C. Yeoman đại diện nhà xuất bản « Longmans Green » ở Luân đôn tổ chức.

6-11 — Ông Laclavère, Giám đốc sở Họa đồ của viện Địa Lý Quốc gia Pháp diễn thuyết tại Trung Tâm Văn hóa Pháp về : « Năm Vật lý địa cầu quốc tế ».

— Tổ chức Hợp tác Quốc tế tặng thư viện Quốc gia Việt - Nam Cộng Hòa, 15 bộ sách về chánh-trị, kinh-tế, văn-hóa, xã-hội.

— Viện đại-học Saigon tặng Tổng Thống Lý-Thừa-Vân tước vị Tiến sĩ Luật khoa danh dự tại trường Sư Phạm. Lý Tổng Thống tặng viện Đại học một bộ 6 cuốn tự điển Đại Hàn.

9-11 — Nghiệp-đoàn toán nghệ-sĩ cơ-nhạc và kịch tuồng Việt-Nam thành lập và gia-nhập Tổng-liên-đoàn Lao-động Việt-Nam.

12-11 — Đại-sứ-quán Nhật gửi Ty học-vụ Bình-Định một số trang-ảnh ghi-đồng để tặng học-sinh các trường tiểu-học tỉnh này.

— Khánh-thành triển-lãm họa-phẩm của Họa-sĩ Hoàng-Hữu-Mai tại trụ sở Hội Việt-Nam Nghiên-cứu Văn-Hóa Á-châu.

— Bác-sĩ Brook Emeny, chủ-tịch tổ-chức phát-triển liên-lạc giữa các dân tộc, diễn-thuyết tại trụ-sở hội Việt-Mỹ về « chánh sách đối ngoại của Hoa-Kỳ »

13-11 — Ông Olov Janse, giáo-sư Mỹ-thuật và khảo-cổ tại viện Đại-học Saigon diễn-thuyết tại giảng đường trường đại-học Huế về : « Một vài trạng-thái về nguồn gốc nền văn-minh Việt-Nam »

- 15-11— Hội Văn-hóa Bình-dân kỷ-niệm năm thứ tư ngày thành-lập.
- 17-11— Khánh-thành triển-lãm họa-phẩm của họa-sĩ Phạm-Tông tại trụ-sở Pháp Văn Đổng-minh hội.
- 19-11— Ông John S. Getchell, tùy-viên văn-hóa Sứ-Quán Hoa-Kỳ diễn thuyết tại trụ sở Hội Việt Mỹ về « sự tiến triển và những đặc điểm của những ban nhạc hòa tấu Hoa Kỳ. »
- 24-11— Giáo sư H. Izzo thuộc viện Đại học Huế diễn thuyết tại trường quốc gia Âm nhạc Saigon về : « Những nguyên tắc về nhạc lý ».
- 25-11— Linh-mục Trần-mục-Địch, giáo-sư trung-tâm huấn-luyện Vĩnh-Long diễn thuyết tại tòa Đô-Chính Saigon về, « Hiện tình thế giới cần có cuộc cách-mạng nhân vị ».
- Ông H. Burton tùy viên Văn Hóa Sứ Quán Hoa kỳ tại Việt-Nam diễn thuyết tại trường quốc gia Âm-nhạc đường Nguyễn-du Saigon về « Âm-nhạc Hoa-Kỳ ».
- 27-11— Khánh thành phòng triển lãm tranh sơn mài và tranh dầu của hai họa sĩ Lê Thy và Văn Thịnh tại phòng Thông Tin Đô Thành.
- 29-11— Nhạc sĩ kèn kèn Jack Teagarden trình diễn lần đầu ở Việt-Nam tại rạp Alambra đường Nguyễn-Cu-Trinh Saigon.
- Ông P.J Honey, giáo sư Việt Ngữ tại trường đại học Luân-đôn diễn thuyết tại trường Văn khoa đại học Saigon về « Vài nhận xét về văn phạm Việt Nam »

### THÁNG CHẬP

- 9-12— Linh-mục Charles Gagnon dòng Chúa Cứu-thế nói về : « Triết-lý của Gabriel Marcel » tại đại giảng đường Văn-Khoa đại học Saigon.
- 6-12— Bà Cố-Văn Chính-trị Ngô-dinh-Nhu khánh-thành cuốn triển-lãm bán các sản-phẩm thủ công-nghệ Cộ-nhi-Viện của trường Nữ-Vương Hòa-Bình tại 215 đường Hiền-Vương Saigon.
- 7-12— Hội Việt-Nam nghiên-cứu và liên-lạc Văn-hóa Á-châu tổ chức lễ kỷ-niệm đệ bách chu niên ngày húy nhật của nhà thi-hào Nguyễn-công-Trứ tại phòng Khánh-tiết toà đô-ảnh Saigon.
- Mặt trận Bảo-Vệ Tự-Do Văn-Hóa tổ chức buổi nói chuyện về vụ văn-sĩ Boris Pasternak diễn giả là giáo-sư Hoàng-văn-Chí.

- Hội kỹ giả Việt-Nam đi nghiên-cứu tại Úc-đại-lợi trở về Saigon.
- 8-12— Triển-lãm họa-phẩm của họa-sĩ Lâm-thaah-Nghệ từ Đai-Bắc đến Việt-Nam tại phòng triển-lãm thường-trực ở số 165 đường Tự-Do Saigon.
- Linh-mục Trần-mục-Địch diễn giảng về thuyết duy-linh tại bộ Công-Chánh.
- 10-12— Lễ kỷ-niệm năm thứ 10 ngày Tuyên-ngôn Quốc-tế Nhân-Quyền tổ chức tại trường Quốc-Gia Âm-Nhạc Saigon, dưới quyền chủ-tọa của ông Bộ-trưởng Quốc. Gia Giáo-Dục.
- 12-12— Giáo-sư Olov Janse (Hoa-kỳ) nói về : (Nguồn gốc của nền Văn-hóa Việt-Nam « tại giảng-đường trường Văn-khoa đại-học Saigon.
- Phái-đoàn Việt-Nam dự đại-hội-đồng lần thứ 10 của tổ-chức Văn-Hóa Liên-hiệp-Quốc tại Ba-lê từ 3-11-58 đến 6-12-58 trở về Saigon.
- Buổi họp nghiên-cứu về môn Sư-ký đề tiến đến sự « thông cảm quốc-tế » tại bộ Quốc-Gia Giáo-Dục cho các giáo-sư Sư-ký và Sư-Gia Việt-Nam.
- 15-12— Tuần lễ triển-lãm họa phẩm sơn-mài và mỹ-nghệ phẩm tại trụ sở hội Hồng thập tự Việt-Nam lấy tiền giúp các công việc xã-hội.
- Nghị-luận-hội quốc tế về kỹ-thuật nghiên cứu khoa Xã-hội-học khai-mạc tại trung tâm nghiên-cứu Việt-Nam số 173 đường Hiền-Vương Saigon
- 16-12— Linh-mục Nguyễn-văn-Thích, giáo sư trường Văn-khoa Đại-Học Saigon nói về : « Triết-lý đại học của đức Khổng Tử » tại giảng đường trường Văn khoa Đại học Saigon.
- 18-12— Ông Bộ trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục chủ-tọa lễ khai giảng viện Đại học Huế và lễ trao tặng các giải thưởng của bộ Quốc-Gia Giáo-Dục cho các sinh viên xuất sắc.
- 21-12— Hoàng-thần Dhani-Nivat, chủ-tịch Cơ-một-viện Thái-lan và chủ-tịch hội Văn-hóa Thái-lan, diễn-thuyết tại trường Cao-Đẳng Sư-Phạm Saigon về : « Lịch-sử sự thành lập cùng những hoạt động của hội Văn-Hóa Thái-lan ».
- 22-12— Ông Thái-văn-Kiểm Phụ-tá Giám-đốc nha Văn-hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục thuyết-trình về : « Hiện-tình Văn-hóa Việt-Nam » tại hội-trường phủ Đặc-ủy Công Dân-Vụ, trong khóa nghiên-cứu Tuyên-nghiên-huấn toàn-quốc do Liên-đoàn Công-chức Cách-Mạng Quốc-Gia tổ-chức.

— Bác-sỹ Trần-kim-Tuyến nói chuyện về đề tài : « Góp phần vào vấn-đề học tập » tại trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon.

24-12— Ông Trần-văn-Thuận, Đổng-lý Văn-Phông bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đại diện ông Bộ-trưởng Trần-Hữu-Thế, chủ-tọa lễ phát quà Noel cho 126 nam nữ học-sinh ở trại học-sinh Phú-Thọ, Saigon.

26-12— Kỷ-niệm năm thứ 62 ngày thành lập trường Quốc-học Huế tại Huế.

27-12— Bà Hanna Ludwig, một danh-ca Tây-Đức, có nhạc-sĩ Reinhard Peters đệm dương-cầm, trình bày nhiều bản ca cổ điển Tây-phương tại dinh Độc-lập, được Tổng-thống Việt-Nam Cộng-Hòa tặng quà kỷ-niệm.

28-12— Nữ danh-ca Hanna Ludwig (Tây-Đức) độc-tấu tại trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon.

— Mặt trận bảo-vệ tự-do Văn-hóa nói chuyện về : « Vụ-án Văn-học miền Bắc » tại Đà-lạt.

## GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Văn-Hóa nguyệt-san đã nhận được những sách mới sau đây của tác-giả hoặc của các nơi xuất-bản gửi tặng. Xin trân-trọng cảm-tạ quý-vị và ân-cần giới-thiệu cùng bạn đọc thân mến.

— *Việt-Nam ngày nay* do ông Huỳnh-hữu-Nghĩa, Bộ-Trưởng Lao-Động, trước-tác rất công-phu. Trong cuốn sách này, diễn-dạt theo thể văn vần lục bát, hợp với trình-độ hiểu-biết của giới bình-dân, tác-giả đã cố gắng giúp đồng-bào hiểu qua, trên mọi địa-hạt, các công-kuộc xây-dựng của Chính-Phủ Cộng-Hòa Nhân-Vị dưới sự lãnh-đạo anh-minh của Ngô-Tổng-Thống. Sách dày 152 trang, giá bán 25đ., xuất-bản nhân dịp lễ Quốc-khánh Việt-Nam (26-10-58).

— *Ngôn-ngữ-học Việt-Nam* do ông Nguyễn-bạt-Tụy sáng-tác. Tác-giả đã dày công nghiên-cứu Việt-Ngữ theo phương-pháp mới và đề-nghị nhiều sự cải-cách về tự-đạng đáng được chú-ý. Sách dày 220 trang, do nhà Ngôn-Ngữ (339, đường Phan-dình-Phùng Saigon) xuất-bản, giá bán 45đ.

— *Vì-trùng-học y-khoa* (quyển nhất) do Bác-sĩ Nguyễn-văn-Ái, Giám-đốc Viện Pasteur Saigon biên-soạn. Sách này dày 300 trang được soạn thảo có phương pháp và rất công-phu, giúp ích rất nhiều cho giới sinh viên Việt-Nam và cho các nhà soạn sách và từ-điển về khoa y-học.

— *Ké-nội-thù* do Linh-Mục Raymond J. de Jaeger trước-tác, do Văn-Tư dịch-thuật và nhà Hiện-Tại xuất-bản. Cuốn sách này rất có giá trị trong tủ sách « Chống-Cộng », đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và được giải-thưởng « Sylvio Pellizo ». Tác-giả thuật lại những việc mắt thấy tai nghe sau bức màn sắt (ở Đại-lục Trung-Hoa) trong khi lưu-lạc hơn 20 năm tại đó, và những kinh-nghiệm bản-thân của tác-giả đã nêu rõ được bộ-mặt thực của Cộng-sản : sảo trá, dè-hèn, khát máu. Cuốn sách dịch này được tái-bản lần thứ hai, dày hơn 300 trang với một giá bán bình-dân là 25đ.

— *Tiểu-sử, hành-trạng và thi-ca cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ*, do ông Hoàng-Ỡ-Viên (tú-tài Háo-học) sao-lục và xuất-bản, còn tài-liệu và hình-ảnh do Ông Đạm-Nguyên, (cháu nội Cụ Yên-Đồ) gửi tặng. Sách trình bày trang-nhã và mỹ-thuật. Riêng về phần thi ca, có lược-giải và chú-thích rõ ràng, giúp ích rất nhiều cho bạn học sinh ít thâm-hiểu chữ Hán. Sách dày hơn một trăm trang, có ảnh và thơ đề của Cụ Tam-Nguyên, giá bán 30đ (tại Nam-Việt) và 35đ (tại Trung-Việt). Trong dịp tết Nguyên-Đán, vị nào mua sách này, soạn-giả đều có sách tặng thêm (xin-hỏi các hiệu sách lớn).

— *Việt-sử tân-biên, quyển hai* (phần Trần, Lê thời-dại) do ông Phạm-văn-Sơn biên-soạn. Tác-giả đã dày công sưu-tầm để viết bộ Việt-sử đại-toàn này (gồm có 6 quyển) với một thể-tài mới mẻ, gọn-gàn và dễ hiểu. Hơn nữa, tác-giả đã nhận chận nhiệm-vụ một sử-gia lấy yếu tố « người dân » làm gốc và đã « dân-chủ hóa » lịch-sử Việt-Nam đúng với quan-niệm chân-chính của các sử-gia hiện đại. Sách dày hơn 600 trang, do Nhà Văn-Hữu Á-châu xuất-bản, giá bán đặc-biệt là 100đ.

## CHÀO NAM-PHẦN.

Nam-Phần ! giờ mời thấy đây,  
Mà lòng tưởng nhớ tháng ngày xiết bao !  
Một lần sóng Việt xô vào,  
Vượt Hoành-sơn, đổ sang trào Cửu-Long.  
Giang-san biết mấy anh-hùng,  
Xưa kia phấn-tán, nay chung một nhà.  
Nam-Phần ! ta gửi lòng ta,  
Mừng giòng sông Nhị chan hòa Sông Khung. (1)

XUÂN-VIỆT

(trích tập « So thơ »)

(1) Tức là Sông Cửu-Long.

# 文化月刊



GIÁ BÁN TOÀN-QUỐC:

1 số . . . . . 2

1 năm (10 số) . . . . . 24

Ấn-quán BÌNH-MINH 149, Yên Đờ - SAIGON